

DỰ TRỊ TIỀN
CHỦ ĐẾU ĐÌNH

成吉思汗

THÀNH CÁT TỬ HÂN



Đã vi

THƯ VIỆN EBOOK SÁCH MỚI.NET

Thành Cát Tư Hãn

Nguyễn Trọng Khanh

Nguồn: vnthuquan

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Ebook miễn phí tại : www.SachMoi.net

Mục lục

[Tựa](#)

[Chương I](#)

[Chương II](#)

[Chương III](#)

[Chương IV](#)

[Chương V](#)

[Chương VI](#)

[Chương VII](#)

[Chương VIII](#)

[Chương IX](#)

[Chương X](#)

[Chương XI](#)

[Chương XII](#)

[Chương XIII](#)

[Chương XIV](#)

[Chương XV](#)

[Chương XVI](#)

[Chương XVII](#)

[Chương XVIII](#)

[Chương XIX](#)

[Chương XX](#)

[Chương XXI](#)

[Chương XXII](#)

THÀNH CÁT TƯ HÃN

Suốt bao thế kỉ nay cả thế giới đều coi Thành-Cát-Tư-Hãn như là một đại họa giáng xuống nhân loại. Cuộc đời của ông là một hình ảnh thu gọn lại mười hai thế kỷ mà dân du mục miền đồng cỏ đã tràn ra bốn phương tàn phá các dân tộc định cư có nền văn minh vững chãi. Trước ông không có nhà chinh phục nào gây được uy vũ làm kinh hoàng cả thiên hạ, đến nỗi khi dân Âu Châu nghe đến tên Thành-Cát-Tư-Hãn đều hãi hùng cho là “ngày tận thế đã tới rồi!”. Ông áp dụng triệt để lối khủng bố để cai trị và thẳng tay tàn sát để ngăn ngừa những cuộc quật khởi chống đối. Những gì mà Âu Châu đã lên án Attila và Ấn Độ đã lên án Mihirakonia thật chẳng thấm vào đâu so với những cuộc tàn phá của Thành-Cát-Tư-Hãn ở những nước bại trận như Trung Quốc, Đại Hôi...

Nhưng các sử gia gần đây khi nghiên cứu tỉ mỉ cuộc đời của Thành-Cát-Tư-Hãn đều nhận thấy rằng tính tàn bạo của ông là do hoàn cảnh sống gay go khốc liệt ở miền đồng cỏ hoang mà ra - một thứ tàn bạo của thiên nhiên - khác hẳn với Tamerlan (nhà chinh phục này phải chịu trách nhiệm về hành động của mình vì vốn sinh trưởng trong thế giới văn minh). Trong khuôn khổ lối sống, hoàn cảnh đất đai và chủng tộc của ông, Thành-Cát-Tư-Hãn, dưới con mắt các sử gia, là một nhân vật có tâm hồn bình thản, có lương tri vững chắc, rất mực điều độ, biết nghe lời phải, biết giữ tín nghĩa với bạn bè, thật rộng lượng và giàu tình cảm dù lắm khi rất nghiêm khắc, và ông thật sự có những đức tính căn bản của một nhà lãnh đạo. Dĩ nhiên ta phải hiểu theo nghĩa lãnh đạo các dân tộc du mục, chứ không phải dân định cư. Trong khuôn khổ ấy, ông đã tỏ ra là người được thiên phú cái biệt tài lập trật tự và giới trị dân. Bên cạnh cái tính tàn bạo đến khủng khiếp, người ta thấy ông có một khía cạnh cao thượng, quý phái không thể phủ nhận được. Một trong những nét nổi bật nhất là tính khinh ghét tội độ những kẻ phản bội. Tất cả những kẻ làm tướng rằng phản bội chủ cũ sẽ được tín nhiệm nơi ông đều bị giết phăng đi không chừa người nào. Trái lại sau một trận chiến thắng, ông thường ban thưởng trọng hậu, hoặc chiêu dụng dưới trướng những kẻ tỏ ra kiên trung với chủ trước của họ. Một kẻ yếu một khi đã đặt mình dưới sự che chở của ông, đều được bảo vệ đến cùng và được ông lưu tâm giúp đỡ suốt đời, không có gì làm lay chuyển nổi lời hứa hẹn của ông đã thốt ra.

Về mặt chính trị, Thành-Cát-Tư-Hãn không phải là một nhà lãnh đạo đã đại dột ngỗ anh mặt trước những kinh nghiệm quý báu của các dân tộc văn minh. Trong số những cận thần của ông người ta thấy có nhiều cố vấn ngoại quốc như Tatatonga người Thổ phôn, Mahmoud Yalawatch người Hôi, Chu Thai người Khiết Đan... và nhờ biết nghe lời phải của các cố vấn ấy mà guồng máy cai trị của ông tiến dần đến chỗ biết dùng văn tự, biết lập thuế má và giảm bớt những cuộc đàn áp man rợ.

Về mặt quân sự, người ta đã bình luận rất nhiều về chiến lược, chiến thuật của Thành-Cát-Tư-

Hãn. Có người đã sánh với chiến lược của Frédéric II, hoặc của Nã-Phá-Luân. Và gần đây cố Đại tướng Mac Arthur của Hoa Kỳ đã xác nhận thêm: “Tất cả những nguyên tắc về chiến lược của Thành-Cát-Tur-Hãn ở thời nào cũng là một kho tàng vô cùng quý giá cho các binh gia. Không có binh thư chiến sách nào rõ ràng sáng sủa hơn những trang chiến sử của Thành-Cát-Tur-Hãn”.

Nhưng không phải chỉ vì cuộc đời ngoại hạng của vị chúa Mông Cổ ấy mà chúng tôi cho xuất bản quyển chiến sử này. Lẽ chính yếu là xưa kia dân tộc chúng ta đã từng chịu đựng đại họa Mông Cổ, đã từng tạo một cuộc chiến tranh gay go, khốc liệt để đập tan tham vọng đế quốc của họ, thì ngày nay khi lần dở những trang sử đậm màu son ấy, tưởng chúng ta cần phải biết rõ lực lượng của kẻ xâm lăng hùng mạnh đến mức nào? Dù rằng đến thời HỐT-TẮT-LIỆT, cách tổ chức quân đội và khí thế của Mông Cổ đã sút kém hơn thời Thành-Cát-Tur-Hãn. Biết rõ sức hùng mạnh và tàn bạo của một đế quốc rộng lớn nhất cổ kim, chúng ta mới càng khâm phục tiên nhân hơn và càng hãnh diện về lời nói của một nhà văn Ý hiện đại khi nhận xét về lịch sử đấu tranh của dân ta:

“Dân tộc Việt Nam là dân tộc duy nhất trên thế giới đã chiến thắng quân Mông Cổ”.

Chương I XÃ HỘI MÔNG CỔ VÀO THẾ KỶ XII

Người Mông Cổ chính tông chính là một trong những giống dân du mục ở miền Đông Bắc xứ Ngoại Mông ngày nay, khoảng giữa hai con sông Onon và Kéroulène.

Họ thuộc giống da vàng, có nhiều nét đặc biệt: mặt rộng, mũi xẹp, lưỡng quyền cao, mắt xếch, môi dày, râu cằm thưa, tóc cứng và đen. Vóc người thấp nhưng vạm vỡ, da thâm, hai chân hơi cong. Nhờ sống giữa một cõi đất cần cõi rộng bát ngát, mùa đông lạnh cắt da, mùa hạ nóng thiêu người, họ có sức khỏe và sức chịu đựng bền bỉ, dẻo dai lạ thường.

Theo truyền thuyết thì ngày xưa tổ tiên người Mông Cổ bị giống dân Thổ (Turcs) đánh bại phải lần trốn trong vùng núi Erkéné- Kuoun. Cho đến thế kỉ thứ IX họ mới dám xuống núi sinh sống ở lưu vực sông Sélenga và sông Onon. Từ trưởng lúc bấy giờ là Bật-Tê-Si-Nô (Sói Xám) lấy bà Cô-A Ma-Ran có một trai duy nhất tên Ba-Tát-Si. Từ đó xuống mười ba đời nữa đến Đô-Bun: ông này mất sớm để lại bà vợ là A-Lan-Khoát-Nhã, một hôm nhiễm phải một luồng ánh sáng, thụ thai rồi sinh ra ba người con. Người con út tên là Bu-đăng-Sa, là ông tổ của bộ tộc Bọt-di-Dinh, dòng Ni-Ruôn, nổi tiếng là người giản dị. Ông ta thường chỉ cõng một con lừa ghẻ lở, đuôi còi... Đó là ông tổ tám đời của Thành Cát Tư Hãn.

Đến thế kỉ thứ XII, dân Mông Cổ chia ra nhiều đoàn trại (Oulouss) độc lập, khi thì đánh lẫn nhau, khi thì hợp lại đánh kẻ thù chung là dân Thát Đát. Gia đình của Thành Cát Tư Hãn thuộc tộc Ki-Dát, bộ tộc Bọt-di-Dinh. Từ khi Thành Cát Tư Hãn thống nhất được Mông Cổ, các sử gia thường chia giống dân này ra làm hai dòng, căn cứ ở chỗ họ thuộc dòng Ki-Dát hay dòng khác.

Dòng thứ nhất gọi là dòng Ni Ruôn, thuộc giống Mông Cổ thuần túy, tự hào là con cháu của thần Ánh Sáng.

Dòng thứ hai thuộc giống Durlukin, lai nhiều giống khác. Dòng Niruon gồm có 12 bộ tộc: Taidjigot, Tayitchiout, Taijiout (3 bộ tộc này sống biệt lập ở phía Đông hồ Baikal), Ourou'oud, Mangquoud, Djadjirat, Baroulas, Ba'arin, Dorben (bây giờ gọi là Dorbot), Saldjiout, Quadagin, Katakín.

Dòng Durlukin gồm có 8 bộ tộc: Aroulat, Baya'out, Koroj, Seldu, Ikiras, Kongirat, Ongirat, Koukourat; những bộ tộc này du mục ở phía Đông Nam, dưới chân núi Nam Khingan cạnh xứ Thát Đát. Còn một bộ lạc nữa tên là Djéliar cũng liệt vào giống Mông Cổ, ở vùng hợp lưu sông Khilok và sông Sélenga hoặc sông Onon, mà có sử gia cho là một bộ lạc Thổ qui phục Mông Cổ rồi bị đồng hóa vào thời đại Anh hùng Cai Đô.

Nhưng căn cứ vào cách sinh sống, người ta phân biệt hai thứ bộ lạc: bộ lạc chăn nuôi ở miền đồng cỏ và bộ lạc săn bắn ở miền rừng núi.

Vùng biên cảnh Mông Cổ - Tây Bá Lợi Á, nơi người Mông Cổ phát xuất, có hai miền khác biệt rõ rệt: miền rừng ở phía Bắc và miền đồng cỏ hoang vu ở phía Nam. Có nhà sử học cho rằng: “khởi đầu,

Mông Cổ là dân rừng núi chứ không phải là dân đồng cỏ, căn cứ vào chỗ họ sớm biết dùng loại xe bốn bánh bằng cây (chariot) và chỉ dùng thùng cây chứ không dùng túi da như người Kagâz ở đồng cỏ”.

Những bộ lạc giàu thường được tổ chức chặt chẽ, xã hội chia làm bốn giai cấp:

1. Hạng quý tộc nắm quyền thống trị, gồm có hạng Dũng Sĩ (Bagha tour), Tộc trưởng (Noyan), Hiền nhân (Setchen) và, sau này chịu ảnh hưởng của Trung Quốc, thêm hạng Thân vương. Vai trò của tộc trưởng và dũng sĩ là tìm đồng cỏ chăn nuôi, sai khiến nô lệ, chăn nuôi súc vật cùng là điều khiển việc dựng lều trại. Giai cấp này chỉ huy tất cả những giai cấp sau:

2. Hạng chiến sĩ (Nokud)

3. Hạng thường dân (Arad)

4. Hạng nô lệ (Bogoul)

Hạng sau này gồm những người nô lệ và những bộ lạc bại trận bị bắt đi chăn súc vật hoặc phục vụ cho chiến sĩ.

Trong bộ lạc săn bắn vai trò của giai cấp quý tộc không quan trọng như ở bộ lạc du mục. Ở đây hạng pháp sư (Chaman) chi phối mọi mặt trong đời sống; nói chung trong xã hội Mông Cổ pháp sư đóng vai trò thật quan trọng. Sau này chúng ta sẽ thấy vai trò của pháp sư Cốc Chu trong việc dựng đế quốc của Thành Cát Tư Hãn.

Thật ra, việc phân chia hai thứ bộ lạc (săn bắn, du mục) như trên không có tính cách tuyệt đối. Như dân Taidjiout lại là dân săn bắn ở rừng, còn Thành Cát Tư Hãn lại xuất thân ở bộ lạc du mục. Dân săn bắn thường mang một loại guốc bằng cây hoặc xương, hoạt động suốt cả mùa đông ngay trong tiết đại hàn. Họ tìm loại điều thừ (zibeline) và loại chuột màu tro (petit-gris). Dân du mục cũng đi săn, chuyên dùng cung tên và gậy thông lọng tìm loài sơn dương, loài mang mền. Bọn quý tộc thì luyện chim ưng thả đi bắt các loài khác. Tùy lúc thịnh suy, một bộ lạc có thể bỏ lối sống du mục qua lối sống săn bắn, hoặc ngược lại. Chẳng hạn Thành Cát Tư Hãn lúc thiếu thời, hồi bộ lạc tan rã phải cùng với cha mẹ và em rút vào rừng đi săn bắn sống qua ngày, rồi sau đó mới trở ra gây lại một đàn súc vật.

Những bộ lạc ở rừng nói chung trình độ còn thấp kém, dã man vì họ không hề tiếp xúc với những dân tộc văn minh hơn. Dân du mục tiến bộ hơn nhờ gần gũi với dân Thổ Phồn, dân Khiết Đan, dân Nữ Chân (nước Kim sau này).

CÁI LỀU TRÒN

Đời sống du mục phải bắt buộc lang thang đây đó nhưng có lúc họ cũng dừng chân lại một chỗ khá lâu. Đó là lúc đóng trại. Mỗi đoàn trại gồm có nhiều khóm lều (ayil) dựng trên nền cỏ hoặc trên xe bốn bánh sắp vòng tròn, chừa một sân rộng ở chính giữa. Lều của dân săn bắn thì nhỏ hẹp, nghèo nàn, khác hẳn lều của bọn du mục thường lợp bằng da thú. Đến thế kỉ XIII, lều của hạng Khả Hãn rất rộng rãi, tiện nghi, chứa đầy da thú và thảm đẹp, gần như một thứ dinh thự lưu động. Có hai thứ lều, nhờ đó người ta có thể phân biệt được dễ dàng nhóm Mông Cổ săn bắn và nhóm Mông Cổ du mục.

Ger (còn gọi là Yourte) là thứ lều tròn lợp da thú, sườn bằng cây, gồm những cây chống, cây ngang rất phức tạp, thấy rõ là dân ở miền thừa thãi gỗ.

Maikhan là thứ lều rộng mà thấp, sườn bằng loại gỗ nhẹ, tháo ráp dễ dàng: vách gồm nhiều tấm phen bằng len, mặt trong có chèn thêm một lớp cỏ khô. Nóc lều tựa như cái nón lá lớn úp xuống, giữa đỉnh có một ống khói nhỏ. Trong lều người Mông Cổ lúc nào cũng có một bếp lửa chum phân bò khô và khói thoát ra ở cái ống đó. Thời Thành Cát Tư Hãn, loại lều này thường dựng trên xe bốn bánh rất tiện cho việc vận tải, di chuyển. Khách đến nhà phải ngồi ở tại ngưỡng cửa bên mặt, chủ nhà ngồi trịch bên trong và ngay cửa.

Ngày nay tiên bộ hơn họ đã biết xây nhà bằng đá, nhưng chừng như chưa bỏ được thói quen ở lều, nên nhiều gia đình có nhà rồi mà còn dựng thêm cái lều nguyên vẹn kiểu xưa ngay trước sân.

ĐI SĂN VÀ DU MỤC

Vùng săn bắn tốt nhất của các tay kỵ mã Mông Cổ là đồng cỏ cao, đồi sỏi đá, đồi cát. Ở các nơi này có nhiều con sông hẹp và cạn, nhiều hồ đầm, thu hút tất cả các loại cầm thú chân dài cánh rộng từ những nơi xa xôi đi tìm nước uống: như sếu, thiên nga, hạc là những loài chẳng biết e ngại không gian bao la; chó sói, lừa, ngựa rừng, linh dương đều là những giống chạy cực nhanh và không biết chồn chân, các tay kỵ mã tài ba cũng khó hy vọng đuổi kịp được chúng nó. Đi săn là một nhu cầu tối thiết của người Mông Cổ, một thứ hoạt động say sưa rộn rịp nhất như khi ra chiến trường. Hơn nữa, họ coi như là một lối tập trận hàng ngày và kẻ địch khó truy nã như thế mới thật là hấp dẫn.

Đối với dân du mục, chỗ ở thích hợp hơn hết là những vùng núi thấp có triền thoải thoải phủ cỏ xanh và rừng cây lưa thưa, có ghềnh thác. Qua mùa hạ, họ lánh đồng bằng cháy nắng, lừa thú lên cao lần lần tìm đồng cỏ xanh tươi hơn; đó là mùa "đoàn trại chia ly", như họ nói. Mỗi bộ tộc đi tìm một mục trường riêng cho mình, chiếm cứ ở đó một thời gian. Bầy súc vật là nguồn sống của dân du mục.

Nhưng thường nhật họ chỉ ăn những con thú già, thú chết vì bệnh hoặc rủi ro. Nuôi thú cốt để lấy sữa làm koumiss (sữa chua) pho mát (một thứ pho mát ngâm trong muối cứng như sắt), lấy da, lấy lông làm nỉ. Phân thú là một thứ thông dụng trong việc đun nấu. Loại thú lớn như trâu, bò, trâu yak, lạc đà... dùng cho việc kéo xe, tải đồ.

Mối quan tâm nhất của dân du mục là thức ăn của bầy gia súc. Cái lạnh khốc liệt (-30 độ C) của mùa đông làm cho mọi hoạt động đều đình trệ; họ lừa súc vật đi ẩn trú ở những chỗ ít gió rét nhưng vẫn để chúng ở ngoài trời sống với những thức ăn dự trữ như cỏ khô. Trong một năm, bầy thú di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác từ mười đến mười hai lần. Lâu dần bầy thú mất hết bản năng tự tồn, chỉ còn biết trông cậy vào sự chăm sóc của người du mục.

Đời sống du mục qua bao thế hệ đã gây cho người Mông Cổ một vài ý thức sơ đẳng về cách tổ chức một xã hội định cư như lập một đoàn trại trung ương trên vùng đồng rộng, chung quanh có rừng để có thể đi hái trái, đào củ làm lương thực hoặc đem đổi lấy những thức cần dùng với các bộ lạc khác; hay việc tổ chức một đội quân có đại bản doanh để bảo vệ lãnh thổ.

Qua thế kỷ XII người Mông Cổ lại thoái bộ hơn thế kỷ thứ IX. Thời còn thống trị vùng Orkhon, dân Thổ phồn đã truyền bá thuật trồng tía, nghề nông đã bắt đầu phát triển. Đến lúc bị dân Kirghiz xâm chiếm, khoảng năm 840, dân Mông Cổ lại trở về đời sống du mục. Chế độ Kirghiz đã diệt hẳn nghề nông do bọn tín đồ Ma-ni giáo truyền qua. Ngoài ra một chút ít văn minh tiến bộ khác có ghi trong sử Thổ phồn đến thời Thành Cát Tư Hãn cũng không còn nữa.

CON NGỰA VỚI NGƯỜI MÔNG CỔ

Nhưng con ngựa mới là loài thiết yếu hơn hết trong đời sống du mục. Trên một cỡi đất bao la mà những cánh đồng cỏ thường cách nhau hàng trăm dặm đường, người Mông Cổ chỉ trông cậy vào phương tiện giao thông nhanh hơn hết là ngựa.

Ngựa Mông Cổ thấp, chân to, lông dày, cổ nở, dáng không đẹp bằng ngựa Ả Rập nhưng rất khỏe, sức bền bỉ, lại ăn ít. Họ chú trọng sản xuất ngựa thật nhanh, thật nhiều vì mỗi tác đường đều cần đến ngựa và chỉ có họ mới điều khiển nổi những con ngựa bất kham ấy. Họ phi ngựa như bay không cần cầm cương, hai tay đều rảnh để cầm vũ khí. Ngựa đang phi họ có thể nhảy xuống đất chạy theo, rồi nhảy trở lại lên lưng như trò xiếc: có thể cỡi suốt 15 giờ liền, mỗi ngày đi được 75 cây số. Họ rong ruổi đây đó, hoặc theo bầy súc vật hoặc đuổi thú rừng. Cuộc sống trên lưng ngựa đã gây cho người Mông Cổ một tâm hồn khoáng đạt, tự do; những lúc đi xa thường phải phi ngựa đơn độc và tự bảo vệ lấy sinh

mạng của mình, do đó họ có tinh thần bình đẳng và tinh thần độc lập mạnh mẽ. Ngoài ra, qua bao thế kỷ, việc nuôi ngựa và say mê thích thú nghề kỵ mã đã tạo ra một số người nặng óc tự tôn, trở thành giai cấp quý tộc Mông Cổ.

PHỤ NỮ

Công việc thường xuyên của các thiếu nữ Mông Cổ là dệt len. Hàng ngày họ đổ vào rừng chặt cây "baronetz" về tước vỏ đánh thành sợi rồi dệt thành những tấm len mà họ thường khoe là "mịn như lông con cừu Scythie". Theo phong tục, con gái Mông Cổ phải lấy chồng ở một bộ lạc khác: lẽ sống duy nhất của họ là tận tâm phụng sự chồng, sinh con cái, lo việc bếp núc, lúc rảnh rỗi thì chế tạo những đồ đạc lặt vặt trong nhà, vắt sữa bò, sữa ngựa, làm bơ và pho mát cứng (gurud), đóng giày hoặc may vá quần áo. Người đàn bà Mông Cổ là chủ, nắm hết quyền điều khiển trong gia đình. Trong lúc chồng vắng mặt, họ mua bán mọi thứ theo ý muốn. Ngoài việc nội trợ họ còn đảm nhận việc dạy dỗ con cái và sau mỗi trận đánh thường phải túc trực bên cạnh chồng săn sóc vết thương.

Họ cỡi ngựa, bắn cung cũng thật tài, đôi khi phải tham gia chiến trận: núp sau các chiếc xe tải đồ, dùng cung tên chống lại những đợt xung phong của quân nghịch hoặc đánh xáp lá cà trong những trận ác chiến.

Các bà vợ chính đều cho chồng lấy vợ lẽ không hề ghen, nhưng các bà vợ nhỏ phải ở dưới quyền kiểm soát của họ; họ giữ cả quyền phân phát chiến lợi phẩm của chồng mang về. Nói chung phụ nữ Mông Cổ rất đảm đang, từ việc trong nhà đến việc nặng nhọc bên ngoài. Đôi lại họ được trọng nể và được bảo vệ. Tục ngữ Mông Cổ có câu: "Người ta biết đức tính của đàn ông qua người vợ của họ" và luật Mông Cổ phạt rất nặng những người đánh vợ, xử tử hình những kẻ xâm phạm tiết trinh của một thiếu nữ.

TRẺ CON

Lên ba tuổi chú bé Mông Cổ mới dứt sữa mẹ và bắt đầu góp mặt vào cuộc sinh hoạt tập thể của bọn nhi đồng trong đoàn trại, không phân biệt con của Khả Hãn hay con của nô lệ. Chúng thích bày những trò chơi táo bạo: trò đấu sức hoặc lập trận giả như người lớn, đấm đá nhau đến đổ máu. Lên năm, chúng đã có thể cỡi mình một cách gọn gàng lên lưng con ngựa tơ và từ đó thời giờ ở trên lưng ngựa nhiều hơn ở dưới đất, cho nên khi lớn lên hai ống chân của người Mông Cổ đều cong, thành cái vẻ đặc biệt của dân kỵ mã. Cũng từ khoảng năm tuổi, chúng được nhập bọn với người lớn đi đây đó học tập kinh nghiệm và tự tìm lấy cách sống. Mỗi đứa đều có một cây cung vừa với tầm vóc. Vào rừng chúng có thể hạ những con mồi nhỏ rồi chia thịt đồng đều với nhau giữa bọn chúng. Ngoài việc săn bắn, trẻ con có thể đi hái trái, đào củ làm thức ăn thường nhật. Không như thế, lúc đói chúng sẽ cầu xé nhau để

giành một khúc xương của người lớn ném ra.

TÍN NGƯỠNG

Người Mông Cổ có một ý niệm rất mơ hồ về đấng Tối Cao đã sáng tạo ra thế giới: họ gọi là Trời Xanh. Nhưng không thấy họ hình dung đấng ấy ra sao cả, cũng không bao giờ dựng nhà thờ phượng.

Thành Cát Tư Hãn đã có lần ngạc nhiên về những cuộc hành hương ở La Mecque, phát biểu ý kiến như sau: “Cả vũ trụ đâu cũng là nhà của Đấng Tối Cao, tại sao phải định một chỗ riêng rồi tới đó tỏ lòng tôn kính?”

Lời nói đó thể hiện đúng tâm lý của dân du mục: đối với họ đâu cũng là nhà, đâu cũng như nhau cả. Họ sợ hãi thần Đá, thần Cây, thần Gió Bão, thần trên đỉnh núi cao có mây bao phủ và bọn Ma Quỷ tác quái gây ra chứng đau bụng, gieo các thứ bệnh tật trong bầy súc vật, thần Bạch Hổ và tất cả những đấng vô hình. Nhưng họ không thờ cúng bao giờ, chỉ tỏ ra bằng cử chỉ kính nể, vái lạy hay cầu khẩn.

Đồng cỏ là nơi hiếm cây, hiếm đến nỗi một cây có bóng mát đã trở thành một vật linh thiêng. Cho đến ngày nay, một người Mông Cổ Khalkha hoặc Kirghize khi gặp một cây nào đứng trơ trọi liền xuống ngựa dõ mũi lạy mấy lạy, rồi máng lên cành một mảnh vải, một miếng da trều hoặc một chùm lông bờm ngựa. Vô cớ mà bẻ nhánh hay đốn một cây nào là xúc phạm đến đấng thiêng liêng, làm cho vị thần ở cây đó và thần Thảo Mộc phẫn nộ.

Ngoài ra ngọn núi cao và chòm cây cổ thụ cũng là hai thứ linh thiêng mà dân du mục rất kiêng sợ. Để tỏ lòng tôn kính, mỗi khi đi ngang qua những nơi này, họ dừng lại khăn vái rồi bỏ một hòn đá lên đồng đá lớn do bao người trước đã chồng lên.

VAI TRÒ CỦA KHẢ HÃN

Trong xã hội Mông Cổ, người dân du mục nào cũng hy vọng một cơ hội may mắn làm nổi bật giá trị mình lên để được hưởng nhiều quyền lợi và danh dự, hơn nữa để lên địa vị Khả Hãn (Tù trưởng).

Người nào cũng có thừa lòng can đảm và tự tin nhưng muốn xuất chúng phải có sức khỏe hơn người, phải khôn quỉ, nhiều thủ đoạn, ... và một số đức tính cần thiết. Không có luật lệ nào bắt buộc phải cử một người lên làm Khả Hãn mà chính thực tế đòi hỏi phải có người lãnh đạo. Lãnh trách nhiệm này là thể theo nguyện vọng của toàn dân. Nếu người lãnh đạo chết hoặc tự thấy mình không đảm đương nổi, tức khắc phải có người khác thay thế.

Vai trò của Khã Hãn là nâng cao đời sống của bộ lạc, bao gồm việc chọn đồng cỏ tốt cho súc vật, gìn giữ cho súc vật không bị hao hụt vì rủi ro hoặc bệnh dịch và tổ chức những chuyến săn cho kết quả.

Ông ta phải biết nơi nào có đồng cỏ tốt, nơi nào có nước, phải chọn đúng thời kỳ lúa thú đi hoặc cho nghỉ ngơi, chọn mùa săn bắn. Lại phải biết đoán đúng thời tiết: lúc nào sẽ có hạn, bão cát, cuồng phong ... Chỉ có Khả Hãn có quyền quyết định và chịu mọi trách nhiệm; có thể là lệnh xử tử một kẻ có hành động trái lẽ công bằng hoặc giết một kẻ tình nghi cho mọi người đều thỏa mãn hơn là để sự bất mãn lan tràn trong bộ lạc. Tóm lại, uy tín của Khả Hãn là cái hồn của bộ lạc; hành động của ông ta phải thực tế, uyển chuyển, tùy việc tùy lúc.

Đời sống an bình của bộ lạc rất mong manh, ít khi kéo dài được nửa thế kỉ. Sự bất hòa thường xảy ra: hoặc xung đột đẫm máu với nhau, hoặc chiến tranh với các bộ lạc khác vì những lý do thông thường như việc thù hiềm giữa Khả Hãn, vụ bắt cóc một thiếu nữ, xâm phạm mục trường, hoặc thầy phù thủy bắt lực không trừ được ma quỷ đang bắt một tên lính hoặc nhậu nhẹt say sưa, hoặc chỉ vì lâu ngày không ra trận đâm ra buồn tẻ...

Gặp những trường hợp ấy nếu Khả Hãn bắt lực trong việc giàn xếp, bộ lạc sẽ tan rã.

Có kẻ ra đi vì bị xét xử bất công hoặc không thể đội trời chung với người hàng xóm thù địch. Họ chỉ phục tùng Khả Hãn khi thấy cuộc sống yên ổn, lạc nghiệp. Và một khi đã bất tuân thượng lệnh thì chỉ còn cách ly khai đi gia nhập một bộ lạc khác. Kẻ bất mãn cứ cuốn lều, lừa gia súc của mình đi. Thường khi những kẻ ly khai gặp nhau hợp lại thành một bộ lạc mới, rồi chọn người khỏe và khôn hơn hết cử lên làm Khả Hãn.

Trong đời người Mông Cổ không có quyết định nào quan trọng bằng việc phải ly khai một bộ lạc mà tổ tiên họ đã sống ở đó. Chính đời sống tập thể trong bộ lạc đã ràng buộc dòng dõi họ hàng khỏi bị phân tán, thất lạc. Họ cũng quan niệm giống chúng ta: “Chim có tổ, người có tông”. Muốn khỏi bị khinh là kẻ mất gốc, người du mục phải trưng được gốc gác của mình: con của ai, ở bộ lạc Suối Nước, hoặc bộ lạc Chó Sói, v.v. Gia nhập một bộ lạc khác, hoặc bị bắt làm tù binh đó là kẻ mất gốc.

Lòng lưu luyến mạnh đến nỗi nhiều kẻ đã ly khai gia nhập bộ lạc khác, ít lâu sau phải trốn trở về chịu tội, hoặc xếp qua một bên môi thù riêng. Những kẻ mới gia nhập hoặc bị bắt ở trận mạc hay ở đoàn trại khác đem về đều bị coi là kẻ ngoại tộc, chỉ được cho làm thợ rèn, thợ dệt, đi chăn súc vật...

Thật ra, vai trò của Khả Hãn không phải chỉ có việc tạo nên sự thịnh vượng mà nặng nề hơn hết là bảo vệ an ninh cho bộ lạc. Dù có hàng trăm trại cũng khó chống nổi với kẻ thù đông gấp bội đang thiếu mục trường hoặc chống với dân Thát Đát, dân Thổ Phồn hay dân Trung Quốc. Cho nên Khả Hãn phải tìm hiểu mưu toan của những tù trưởng ở chung quanh, phải biết rõ họ đang suy yếu hay đang có tham vọng bành trướng thế lực ra. Phải lưu ý tới tình hình những bộ lạc xa xôi: họ đang chia rẽ, phân tán hay đoàn kết với nhau. Khả Hãn phải là một viên tướng tài, biết tổ chức quân đội để chống xâm lăng hay đi xâm lăng kẻ khác, phải có đủ mưu lược bẻ gãy một cuộc tấn công bất ngờ của địch, hoặc có khi phải biết dẫn bộ lạc đi trốn tránh kẻ thù có lực lượng hùng hậu hơn.

Chiến tranh xảy ra không phải lúc nào cũng do những mối xung đột lớn lao như tranh hùng tranh bá,

tranh mục trường hoặc tranh thủ dân mà thường chỉ do một sự đụng chạm nhỏ nhất hay sự thiệt hại quyền lợi không đáng kể: một vụ mất ngựa, một thiếu nữ bị bắt cóc về nhà chồng lúc chú rể chưa xong thời hạn làm rể, một mối thù từ đời nào không còn ai biết rõ nguyên nhân nữa. Và theo luật đồng cỏ thì một người làm, toàn bộ lạc phải chịu trách nhiệm. Thế là hàng trăm người trong bộ lạc phải chờ đợi suốt hai, ba mươi năm một cuộc thanh toán, một cuộc báo thù không biết sẽ xảy ra lúc nào.

Gặp trường hợp ấy thì ngày đêm bộ lạc phải sống trong tình trạng báo động. Đón trại phải dàn theo một thế phòng ngự chắc chắn. Phải đặt người canh gác ngày đêm trên ngọn cây, đỉnh núi và phái quân tuần tiễu ra mười dặm quanh đoàn trại. Kỵ binh phải gắn liền trên yên cương, đến nỗi đi một đoạn đường có năm mươi thước cũng phải dùng ngựa, tay không dám buông cung tên ra.

Sau cùng Khả Hãn còn phải có tài ngoại giao, có lăm thủ đoạn khôn khéo: biết lúc nào nên liên kết, lúc xúi giục, chia rẽ, lúc đánh lạc hướng, lúc dục hoãn cầu mưu, v.v.

Chương II DÒNG SÓI XÁM

Thân phụ của Thành-Cát-Tư-Hãn là Dũng sĩ Dã-Tốc-Cai. Theo truyền thuyết thì Bu-đăng Sa có bảy người cháu nội đều bị kẻ thù giết sạch luôn cả vợ con. Dòng Sói Xám của Bột-Tê-Si-Nô đến đây tưởng đã tuyệt diệt, nhưng may thay có một người trong số con của họ trốn thoát được, đó là Cai Đô. Ông này chiến thắng được bộ lạc Djélair, quy tụ được một số đông bộ tộc Mông Cổ sống rải rác ở khắp nơi. Người Mông Cổ cho đó là vị Khả hãn thứ nhất của họ và tôn là anh hùng Cai Đô. Cháu nội của Cai Đô là Ka Buôn nối ngôi Khả hãn, cũng là một tay vũ dũng nhiều phen chiến thắng quân Kim, khiến cho nước Kim nể mặt phải phong chức tước. Tuy nhiên, Mông Cổ vẫn phải giữ lệ triều cống. Có lần Ka Buôn xuống Yên kinh châu vua Kim, được nhà vua mở tiệc khoản đãi; lúc ngà say, Ka Buôn nắm vuốt bộ râu của vị Hoàng đế, chẳng những không bị bắt tội, lúc về xứ còn được nhà vua ban tặng cho nhiều bảo vật (1147). Nhưng sau đó Kim lại liên kết với Thát Đát đánh Mông Cổ. Ka Buôn thắng mấy trận lớn, giết hại quân Kim và Thát Đát rất nhiều, nhưng cuối cùng ông lại bị bắt sống. Dọc đường ông giết được bọn quân áp giải, trốn thoát về Mông Cổ. Sau truyền ngôi lại cho Ka Tuôn. Người con thứ tư Ka Tuôn cũng là một vị anh hùng lừng danh “giọng nói như sét đánh trong núi, tay như gấu, bẻ gãy xương sống một người dễ dàng như bẻ mũi tên. Đêm đông đánh trần nằm bên cạnh đồng lửa, than đỏ văng khắp mình mà ông vẫn ngủ say, đến lúc tỉnh dậy ngỡ là bị kiến cắn...” Em của ông là Ô Kinh và người anh họ là Am-Ba-Cai bị quân Thát Đát bắt đem nạp cho vua Kim. Cả hai người bị quân Kim đóng đinh trên lưng con lừa gỗ, một hình phạt “dành riêng cho bọn Rợ nổi loạn”. Ka Tuôn liền dẫn quân đi đánh phá nước Kim báo thù (1161), lúc đầu thắng nhiều trận vẻ vang. Kim lại liên kết với Thát Đát, quân quá đông “như cát sa mạc”, Ka Tuôn thảm bại phải lần trốn. Đó là vị Khả hãn cuối cùng của thời suy vong.

Dân Thát Đát hưng khởi, lôi cuốn được tất cả những bộ lạc lân cận về qui phục, tên bộ lạc Mông Cổ từ đó chìm trong quên lãng.

Về sau Dũng sĩ Dã-Tốc-Cai, cháu nội của Khả hãn Ka Buôn, được người trong họ cử lên làm Tộc trưởng tộc Kì Dát, ông qui tụ được bốn vạn lều dưới quyền chỉ huy của mình. Ngay lúc đó Kim lại sai sứ giả đến kêu gọi ông liên minh đánh quân Thát Đát, bấy giờ đã trở thành một mối đe dọa. Ông đại thắng, bắt được tù trưởng Thiết mộc Chân và vô số chiến lợi phẩm đem về đoàn trại ở thượng lưu sông Onon. Về tới lều mới hay bà U Luân, vợ ông, vừa mới sinh hạ một đứa bé trai. Theo tục lệ cổ truyền, người Mông Cổ thường lựa cho con một tên có ý nghĩa nhắc nhở một việc quan trọng xảy ra lúc nó mới ra đời, nên Dã tốc Cai đặt cho đứa con đầu lòng của mình cái tên Thiết mộc Chân (theo sử M.C. năm 1155, sử T.H. 1162).

Lúc mới lọt lòng mẹ, đứa bé nằm trong tay một hòn máu giống như hòn hồng thạch nên có vị

pháp sư đoán rằng về sau Thiết mộc Chân sẽ trở nên một chiến tướng lừng danh. Năm chín tuổi, Thiết mộc Chân đã phải theo cha lên đường đi hỏi vợ và theo tục lệ người vợ ấy phải ở một bộ lạc thật xa. Chưa có dịp nào cậu bé được đi xa như vậy. Những chuyến lừa súc vật đi đây đó để tránh mùa đông bất quá chỉ quanh quẩn trong vùng quê cha đất tổ, giữa hai con sông Onon và Kéroulène. Giờ đây cậu vượt qua nhiều thung lũng bao la giữa những dãy núi cao sừng sững phủ một lớp rừng cây sẫm uất. Đây đó những dòng nước chảy xiết, hai bên bờ vô số những con sếu đang đi nghêu ngạ. Trên những cù lao nhỏ thì rợp loài thiên nga, giữa không trung hàng vạn con chim âu xám đang vỗ cánh vun vút. Thật là một dịp tốt cho cậu sử dụng cây cung của mình. Nhưng càng đi xa thì những vùng cây cỏ xanh tươi càng thưa thớt dần, núi đá đen lờm chờm, tảng nào cũng đóng một thứ rêu vàng, rồi tới núi trọc càng ngày càng nhiều. Qua những đường hang gió thổi hun hút gào âm ỉ như tiếng thác đổ liên hồi, họ phi ngựa bên cạnh dãy núi Darchan, một vùng nhấp nhô những đồi đá đen, ngày nay dân chúng còn gọi là “LÒ LUYỆN THÀNH CÁT TƯ HÃN”. Đất càng ngày càng lên cao, cây không có nữa mà toàn loại dây leo hoặc loại cỏ ngắn. Đêm tới họ thường phải dừng lại bên bờ một cái hồ, thả ngựa cho ăn cỏ và săn một vài con thú.

Một chiều, cha con Dã tốc Cai tình cờ gặp Đài xích Sên, Khả hãn bộ lạc Sung Di Rát (Chungirates). Dã tốc Cai cho biết ông đang đi tìm vợ cho Thiết mộc Chân. Nghe qua, Đài xích Sên hớn hờ bảo ông mới vừa nằm mộng thấy một con chim ưng trắng đang cắp một con quạ dưới móng. Hai người đều hiểu đó là điềm trời: hai con chim ấy là biểu tượng trên lá cờ của dân Ki dát, thấy như thế là hai họ sẽ gặp nhau nối lại thân tình. Họ cùng phi ngựa về mục trường của bộ lạc Sung Di Rát. Hết vùng đồng cỏ tới sa mạc Gobi, một vùng cát trắng phau mênh mông vô tận, thỉnh thoảng mới gặp một đồi đá nhỏ, đỏ như nung, còn thì toàn là đồi cát chuyển động như sóng. Gió lồng lộng tung cát vào mặt nóng như châm lửa, đến những con thiên lý mã cũng phải chồn chân. Rồi tới những vùng núi trọc, núi đỏ và cứ xuống thấp dần đến một thung lũng bao la, đồng cỏ xanh rờn. Cũng có rừng cây nhưng thưa thớt, không được sẫm uất như rừng ở bên sông Onon. Đây là đất của bộ lạc Sung Di Rát, một bộ lạc lớn và giàu. Người Trung Quốc gọi dân Ong-gút (Ongoutes) và Sung Di Rát là Thát Đát trắng, đối với Thát Đát đen là tất cả những giống dân khác ở Mông Cổ. Lều của người Sung Di Rát đều bằng len, trang hoàng lộng lẫy; quần áo của họ đều bằng thứ lụa mịn rất quý giá; khí giới thì chạm trổ rất mỹ thuật. Nhưng với Thiết mộc Chân, đáng lưu ý hơn hết là nàng Bật Tê, con gái của Khả hãn. Tuy mới mười một tuổi, nàng đã có vóc mình nở nang đầy đặn, vẻ sắc sảo mặn mà. Sau một lúc nhìn mãi mê, Thiết mộc Chân đột ngột đòi cha hỏi cưới nàng cho mình.

Đài xích Sên cũng rất hài lòng về cậu trai Thiết mộc Chân. Cậu phi ngựa như một người lớn, không bao giờ biết mệt. Với tuổi đó mà sức vóc cậu đã to lớn lực lưỡng, trí rất mẫn tiệp, nhất là cặp

mắt của cậu: một kiểu mắt mèo, có cái nhìn nhanh nhẹn, sắc sảo khác thường, chừng như không có cái gì thoát khỏi tầm mắt cậu được.

Dã tặc Cai tặng cho Đài xích Sên một con tuần mã sắc đen huyền và nhận trở lại nhiều món quà quý. Hai ông bố thỏa thuận để Thiết mộc Chân ở lại đây làm rể tới khi nào đoàn trại của hai ông đã lừa gia súc cho ăn chung một mục trường, bây giờ hai họ kể như đã thông gia.

Nhờ những ngày làm rể ở đây, Thiết mộc Chân mới nhận thấy ở lân cận một nước như nước Kim thật vô cùng ích lợi. Bọn thương nhân Trung Quốc gần như thường xuyên có mặt thường xuyên ở nơi đây; họ có nhiều loại tơ lụa tuyệt đẹp, nhiều thứ mộc thật chắc sơn màu sắc sỡ, túi đựng tên bằng ngà và vô số những đồ trang trí mỹ thuật. Họ đem đổi với sản vật của dân bộ lạc như da và lông thú, ngựa, trầu, lạc đà, trâu yak hoặc có khi chỉ đổi lấy muối mà dân Sung Di Rát đã lấy ở các biển hồ trong xứ Mông Cổ. Mỗi lần tới bộ lạc, họ đều mang theo nhiều thứ quà tặng riêng cho người nào giao dịch với họ: vài bộ quần áo, vài món đồ trang sức của phụ nữ, kẹo bánh cho trẻ con. Trong lều của người Sung Di Rát nào cũng chứa đầy những của báu. Không hiểu sao dân nước Kim có thể cho mãi những vật quý như vậy mà không nghèo?

Từ đó Thiết mộc Chân hết sức lưu ý tìm hiểu cái nước Kim có lắm điều kỳ lạ này. Cậu không bỏ lỡ dịp gần gũi với những đoàn buôn từ xa tới. Họ có đầu óc thực tế, khéo léo và rất sành sỏi trong việc chọn lựa súc vật cũng như da thú. Họ cho biết nước Kim giàu mạnh hơn một bộ lạc lớn nhất ở đây hàng trăm lần; dân chúng đều sống trong những đô thị có thành cao bao bọc, phòng thủ rất kiên cố, của chất chứa nhiều không kể xiết. Nhưng điều làm cho cậu bé ngạc nhiên hơn cả là bọn thương nhân lại chịu đổi đồ quý giá như thế với những tấm da xấu xí và súc vật tầm thường. Sao họ không đem chiến sĩ tới đoạt lấy tất cả có phải giản tiện hơn không? Nhạc phụ có cho biết dân ở đô thị không phải là chiến sĩ, họ không biết cỡi ngựa đi săn, bắn cung và phóng lao. Trong đầu cậu bé nảy ra ý khinh miệt thứ dân đô thị này. Tại sao nhạc phụ mình lại chịu buôn bán với họ mà không kéo binh vào nước họ lấy hết của cải cho rồi? Nhưng sau đó cũng nhờ bọn thương nhân, Thiết mộc Chân mới được biết nước Kim có một Hoàng đế cai trị, nuôi hằng trăm ngàn chiến sĩ để giữ thành trì, từng đánh đuổi dân du mục đến cướp phá. Cậu cũng được nghe ít nhiều về thuật dụng binh của người Trung Quốc, những chiến xa, những bộ binh cầm đao dài khi chiến đấu hợp thành nhiều hàng phá vỡ kỵ binh của địch. Tất cả những câu chuyện lạ ấy đều in sâu đậm trong tâm hồn cậu bé chín tuổi. Nhưng biết đâu người ta không bịa đặt ra những chuyện ấy để che đậy chỗ yếu của họ vì họ không biết cách chiến đấu như cha mình và nhạc phụ? Trong đầu Thiết mộc Chân lúc ấy đã manh nha cái ý nghĩ: tại sao không lập một đế quốc gồm toàn những chiến sĩ và có một hoàng đế cai trị? Cha của cậu có thể quy tụ tất cả người

Mông Cổ dưới một lá cờ và nhạc phụ cũng làm như thế với người Sung Di Rát. Còn cậu sẽ nối nghiệp hai người ấy... Nhưng Thiết mộc Chân không đem ý nghĩ ấy ra nói với ai cả. Cậu thấy tốt hơn hết là cứ nín lặng và cứ tiếp tục cư xử cho khả ái, trầm tĩnh, chăm chỉ, cho mọi người có thiện cảm với mình để đợi đúng mười bốn tuổi thì cưới Bật Tê.

Không ai biết đích xác Thiết mộc Chân ở với người Sung Di Rát trong bao lâu. Nhiều quyển sử ghi rằng trên đường về bạn ấy Dã tộc Cai bị người Thát Đát đầu độc; nhưng ngược lại có chỗ chép lúc Dã Tộc Cai chết thì Thiết mộc Chân đã được mười ba tuổi. Theo thuyết sau, Thiết mộc Chân ở với Đài xích Sên được hơn ba năm thì bỗng một hôm, có người bà con tên Muôn Lịch phi ngựa tới cho hay thân phụ cậu gọi phải gấp trở về đoàn trại. Đài xích Sên rất ngạc nhiên, vì như thế là trái với tục lệ gởi rể, nhưng vì lòng yêu mến Thiết mộc Chân, ông đành để cho cậu trai trở về bộ lạc với lời cam kết phải trở lại.

Ngựa miền đồng cỏ phi rất nhanh, nhưng tin tức về những biến cố quan trọng loan ra còn nhanh hơn nữa: tất cả các bộ lạc đều hay tin Dã tộc Cai đã chết. Trên đường về bạn đó, ông phải đi ngang qua xứ Thát Đát, gặp ngay lúc các bộ lạc đang tụ họp ăn lễ. Ông cùng với đoàn tùy tùng được mời vào tiệc, ngồi chỗ danh dự và được thết nhiều món thịt ngon. Nhưng ông quên những trường hợp như thế này, khách không nên ăn hoặc uống thức gì mà chủ chưa nếm trước ngay trong tiệc. Còn người Thát Đát thì làm sao quên được chuyện mười ba năm trước Tù trưởng của họ bị ông bắt giết? Lúc tiếp tục đường về, Dã tộc Cai đã mang trong mình một thứ thuốc độc hại ngấm ngấm. Nên khi Thiết mộc Chân về đến trại nhà thì gặp ngay đám tang cha đang cử hành.

Chương III NGƯỜI HÙNG CỦA MIỀN ĐỒNG CỎ

Sau cái chết của Dã tốc Cai, các đoàn trại Mông Cổ liền rời bộ tộc Ki Dát đi tìm chủ khác.

Bà U Luân phi ngựa theo gọi họ lại. Nhưng họ đồng thanh đáp: "Vũng nước sâu cũng có ngày cạn. Hòn đá rắn mấy cũng phải có lúc nát thành cát bụi. Một người đàn bà với bảy con nhỏ dại như thế làm sao che chở được chúng tôi?"

Lời nói ấy đã lôi kéo luôn cả những đoàn trại còn phân vân "Một người đàn bà như thế không thể chỉ huy bao nhiêu đàn ông". Rồi lần lượt hết đoàn trại này đến đoàn trại khác kéo nhau đi, mỗi đoàn trại lùa thêm một mớ gia súc của Dã tốc Cai. Cho đến Muôn Lịch là người thân nhất, trước khi nhắm mắt Dã tốc cai đã gửi gắm vợ con lại cho hắn, mà hắn cũng bỏ ra đi không chút tình lưu luyến. Hơn bốn vạn lều, giờ đây chỉ còn lại trơ trọi có chiếc lều của gia đình Dã tốc Cai với lều của bà vợ nhỏ có hai đứa em trai khác mẹ của của Thiết mộc Chân là Bách cơ Ta và Biên gô Đài.

Từ đó Thiết mộc Chân cùng với Cát Xa - đứa em ruột - phải làm việc đêm ngày không nghỉ: nào chăn gia súc, nào bắt cá, hái trái, đào củ. Cảnh sống càng bi đát hơn nữa khi mùa đông tới; súc vật đều gầy mòn vì thiếu cỏ mà không dám ăn thịt sợ qua mùa ấm không đủ để gây giống ra. Cả gia đình cứ phải ăn củ rừng, rễ cây, vỏ cây đỗ tùng, hạt kê hoặc rắn nước, những thức ăn mà hạng quý tộc Mông Cổ không bao giờ nếm tới.

Trong tiết đông lạnh lẽo, những loài thú như chuột rừng, chồn cáo rất hiếm. Nhưng hai anh em Thiết mộc Chân đều là tay thiện xạ, mỗi lần buông mũi tên là hạ được một con thú. Tuy có công săn bắt mà không mấy khi đem được thịt về chỉ vì bọn anh em Bách cơ Ta cậy sức khỏe hơn anh em Thiết mộc Chân, nên cứ chờ sẵn đâu đó, hễ thú vừa ngã xuống là bọn chúng ào đến lấy.

Thiết mộc Chân tức giận lắm nhưng không nói ra, chờ một hôm Biên gô Đài đi câu cá một mình, cậu liền bàn với Cát Xa tìm cách giết bớt một thằng em ngang ngược. Rồi cả hai đi tìm Bách cơ Ta tặng cho cậu này một lượt hai mũi tên chết không kịp la một tiếng.

Hôm ấy bà U Luân giận dữ, mắng Thiết mộc Chân một trận nên thân:

- Chúng bây như đồ chó dại cắn lẫn nhau. Bây có biết làm như thế là ngu xuẩn không? Tay chân ruột thịt còn ai đâu, sao lại tự chặt cánh tay của mình đi? Nếu chúng bây cứ cắn xé nhau như thế thì cái dòng Dã tốc Cai này sẽ ra sao? Cứ thế này thì ngày nào trả thù được bọn Diệt xích Ngột phản bội, bọn Thát Đát đã giết cha mày?

Thiết mộc Chân nín thính không trả lời gì cả. Từ đó cậu cố giữ hoà khí trong nhà, tận tình giúp đỡ Biên gô Đài, thường tặng quà cho cậu em và mỗi khi đi săn về đều dành một phần thịt cho nó. Biên gô Đài cảm phục anh, bỏ tánh ngang ngược và về sau trở thành một trong những viên cận tướng cùng vào sanh ra tử với Thiết mộc Chân.

Bỗng có tin lan truyền khắp miền đồng cỏ: Tạc gô Đài, Tù trưởng bộ lạc Diệt xích Ngột tự xưng là Khả hãn của tất cả dân Bọt di Dinh, trong đó có tộc Ki Dát. Như thế tất cả những mục trường nhiều cỏ ở các thung lũng phì nhiêu giữa hai con sông Onon và Kéroulène đều thuộc quyền sở hữu của hắn. Mặc kệ, chàng trai Thiết mộc Chân cứ lừa bày gia súc của mình vào các mục trường ấy cho ăn, y như vẫn còn thuộc quyền thừa kế của mình. Tạc gô Đài chẳng buồn huy động lực lượng của các đoàn trại khác, chỉ dẫn theo một số bộ hạ đi “trừng trị thẳng con của Dã Tóc Cai”. Y quyết bắt cho kỳ được Thiết mộc Chân, lúc đó đã lánh vào rừng sâu.

Bọn Diệt xích Ngột càn vào rừng như một cuộc săn thú, nhưng đến chỗ rậm rạp quá chúng không tiến được nữa, liền dừng lại bủa vây chặt chẽ khu đó. Bọn họ cứ thung dung chờ đợi. Lương thực thì đã có sẵn bày trù của Thiết mộc Chân, họ bắt ăn dần. Rồi lần lượt dời lều trại, đem vợ con và súc vật qua mục trường của Thiết mộc Chân.

Qua bao nhiêu đêm ngày, Thiết mộc Chân đói lả người, muốn tìm đường thoát ra nhưng đâu đâu cũng gặp bọn Diệt xích Ngột. Cùng quá chàng toan thoát ra một ngõ thì bị quân thù quăng dây thông lọng kéo lôi đi như một con bê, điệu đến trước Khả hãn của họ.

Tạc gô Đài nhìn tên tù nhân, gật gù khoái trá: “Quả là một thanh niên Ki Dát mắt xám, tóc nâu, có cái nhìn kiêu hãnh lẫn khôn quỉ, chắc chắn hắn sẽ là một chiến sĩ tài ba. Giết hắn làm gì? Hắn có thể là cánh tay đắc lực của ta đấy!...”

Nghĩ xong Tạc gô Đài ra lệnh đóng cái gông lên cổ Thiết mộc Chân, rồi cho dẫn chàng đi một vòng qua khắp các trại cho mọi người thấy rõ uy quyền của tộc Ki Dát chấm dứt từ đây. Cái gong hết sức nặng, hai tay Thiết mộc Chân lại bị cột giăng ra hai đầu. Và để bóp chết lòng kiêu hãnh của chàng thanh niên, thay vì giao cho một chiến sĩ canh gác, người ta giao cho một thằng bé đứng giữ. Xong rồi tất cả bọn chiến sĩ tụ họp trong lều của Tạc gô Đài chè chén say sưa mừng cuộc chiến thắng.

Màn đêm buông xuống, trăng lên từ từ. Thằng bé lơ đãng nhìn về phía Viên môn của Khả hãn, có lẽ đang ao ước một miếng thịt trù. Thiết mộc Chân rón bước lại sau lưng nó, vận dụng hết sức lực đập

cây gông vào đầu nó. Thằng nhỏ lăn ra bất tỉnh. Chàng liền chạy nhanh ra khỏi trại.

Khi hay tin, Tạc gô Đài biết mình đã quá khinh địch mới ra nông nổi, liền chấm dứt buổi tiệc, ra lệnh tức khắc đuổi theo Thiết mộc Chân. Trăng không sáng lắm nhưng cũng đủ để theo dấu tên tù, dấu chân dẫn lần xuống mé sông. Bọn chúng biết một người bị đóng gông không thể nào lội qua sông Onon được nên cứ cho ngựa chạy dọc theo bờ: một toán ngược lên thượng lưu, một toán xuống hạ lưu. Chỉ còn lại một tên kỵ binh cứ đứng mãi ở đó nhìn chăm chú xuống dòng nước. Một lát hần nhận ra một vật gì tròn, hơi động đập ở giữa đám sậy, vừa tầm một cây lao phóng xuống. Chờ bọn kia đi đã xa hần mới nói vọng xuống: “Ha! Bản lĩnh của chú em cao cường quá nên tội nó không ưa là phải!” Rồi hần thả ngựa đi từ từ theo hướng bọn kia.

Thiết mộc Chân trầm xuống nước đến ngang mũi, nhận được mặt người kỵ binh: lão Si Ra, trước kia là dân trong đoàn trại của cha mình. Lão có mấy đứa con thường chơi với chàng. Đợi lúc thật vắng lặng, chàng mới lần mò chui ra khỏi đám sậy, tay chân đều lạnh cóng, vai nhức như dần vì cái gông nặng trĩu. Không thể nào chạy trốn đi đâu được nữa, chàng bình tĩnh lăn trên cỏ mấy vòng cho nước trong quần áo trút ra hết, âm thầm đi thẳng lên trại, lên vào lều của lão Si Ra, chui xuống ẩn dưới một đồng len. Đến khuya, bọn kỵ binh lần lượt trở về lũng kiếm trong các lều. Chúng vào lều lão Si Ra; một tên trong bọn đâm một mũi lao vào đồng len. Một tên khác lại nói: “Trời nóng như thế này nó chịu sao nổi ở dưới đồng len?” Rồi chúng bàn đề ngày mai soát lại trong trại một lần nữa, nếu không gặp Thiết mộc Chân thì phải đi lũng kiếm ở xa.

Giữa khuya, lúc mọi người đã ngủ im lìm, Thiết mộc Chân mới bò ra. Si Ra hết sức kinh hãi:

- Sao chú mày lại vào đây? Mai này họ sẽ lục soát thật kỹ chú có biết không? Nếu họ gặp chú tại đây, gia đình ta sẽ không còn ai sống sót cả!

Thiết mộc Chân vẫn bình tĩnh:

- Ông tháo gông giùm tôi và cho tôi ăn cái đã.

Si Ra hơi ngần ngại. Chàng nói tiếp:

- Nếu Tạc gô Đài biết ông đã gặp tôi ngoài đám sậy mà ông lờ đi cho kỵ binh mất công tìm tôi mãi liệu ông có khỏi rưng đầu không?

Si Ra mới nhận thấy rằng cần phải giúp cho Thiết mộc Chân trốn đi xa thì lão mới tránh khỏi tai họa. Lão liền tháo gông ra chẻ vụn bỏ vào lửa. Cho Thiết mộc Chân ăn uống no nê rồi, lão còn đưa tặng một cây cung cũ với một ông tên và mách cho chàng biết nơi nào có quân canh ở quanh trại. Trăng vừa khuất sau đỉnh núi, Thiết mộc Chân liền lên ra khỏi trại, trộm một con ngựa phi như bay trong bóng tối.

Chàng cứ cho ngựa phóng nước đại về miền rừng rậm, đến tận núi Bourkhane Kaldoun. Đây là đất phát xuất thi tộc Ki Dát, là chỗ nương tựa vững chắc mỗi khi gặp nguy biến. Cũng nơi đây, theo truyền thuyết, một ông tổ của tộc này đã trốn thoát khỏi cuộc truy nã của quân thù và Trời sai một con chim Ưng mang đồ ăn xuống cứu ông ấy. Chim Ưng là thần linh bảo vệ dòng Ki Dát, hình ảnh của nó được trưng trên biểu kỳ và từ đó trong vùng thâm sơn này bao giờ người dân Ki Dát cũng tìm được một chỗ ẩn thân khi bị kẻ thù đuổi bắt.

Thiết mộc Chân gặp lại mẹ, và các em, cả Biên gô Đài nữa. Của cải chỉ còn vồn vẹn có chín con ngựa, một cặp trừa và một chiếc xe có căng lều.

Một hôm, Biên gô Đài cỡi ngựa đi săn chuốt rừng, còn Thiết mộc Chân và Cát Xa thì đi thăm bầy thú. Bỗng một bọn cướp Diệt xích Ngột ào tới lừa hết tám con ngựa đang ăn cỏ ngoài đồng. Không thể chạy bộ đuổi theo được, đành phải chờ chiều tối Biên gô Đài trở về mới có ngựa, vậy mà Thiết mộc Chân không chịu bỏ qua, có ngựa rồi bèn phóng đi tìm.

Luôn ba ngày đêm chàng phi nước đại theo dấu bọn cướp. Mớ thịt khô nhét dưới yên ngựa đã hết sạch, ngựa đuối sức lại què chân. Đến ngày thứ tư, Thiết mộc Chân gặp một chàng thanh niên trạc tuổi mình bèn dừng chân lại hỏi thăm tung tích bọn cướp. Chàng tự giới thiệu: “Thiết mộc Chân con của Dũng sĩ Dã tộc Cai”. Chàng thanh niên hết sức kinh ngạc, liền đem thức ăn ra mời, đồng thời cho con ngựa què nhập vào bầy ngựa của mình, rồi chàng dẫn ra hai con ngựa khác thật khỏe, nói với Thiết mộc Chân:

- Tôi tên là Bác nhĩ Truật. Tôi cùng đi với anh, chắc sẽ giúp đỡ anh được.

Họ phi ngựa luôn ba ngày nữa và trở thành đôi bạn thân. Thiết mộc Chân được bạn cho biết khắp miền đồng cỏ người ta đang kể chuyện chàng trốn khỏi trại của Tạc gô Đài và họ không biết làm sao chàng trốn thoát được. Họ rất phục lòng can đảm và trí khôn ngoan của chàng; tất cả thanh niên đều coi chàng như một thần tượng.

Bỗng hai người thấy bọn Diệt xích Ngột ở phía xa với cả tám con ngựa. Đợi đêm tối họ mới bò tới tháo dây dắt ngựa trở về. Sáng ngày, bọn Diệt xích Ngột liền đuổi theo, Bác nhĩ Truật muốn dừng lại chặn quân cướp để một mình bạn thoát về, nhưng Thiết mộc Chân không chịu. Thỉnh thoảng chàng ngoái nhìn ra sau thấy bọn cướp chạy giăng hàng khá đông. Mặt chàng vẫn giữ vẻ điềm tĩnh và lạc quan nữa. Chàng nói:

- Ngựa của chúng ta còn khỏe lắm. Cứ cho phi nước đại, khi nào nó mệt thì mình nhảy qua lưng con

sau.

Bác nhĩ Truật cũng ngoái lại nhìn, nhưng mặt chàng càng lúc càng tái mét. Bọn cướp đã đuổi gần kịp, tên dẫn đầu cỡi một con bạch mã, tay đã cầm sẵn một sợi giây thòng lọng.

- Để tôi ở lại sau đương đầu với chúng, - Bác nhĩ Truật nói. - Tôi sẽ tặng cho thằng này một mũi tên.
- Chưa được. - Thiết mộc Chân đáp – hãy chờ nó tiến sát bọn mình và cách xa bọn kia.

Khi tên cướp tới gần quá rồi và vừa cất giây thòng lọng lên quay mấy vòng. Thiết mộc Chân mới dừng lại thét lên:

- Bắn nó đi!

Bác nhĩ Truật buông phát tên trúng ngay tướng cướp ngã lăn quay xuống ngựa. Tức thì Thiết mộc Chân ra roi cho ngựa sảy theo bạn. Một lát sau, hai người ngoái lại nhìn thấy tốp đầu đang vây quanh tên bị thương. Một lát nữa, toàn thể bọn cướp đều dừng lại ở đó, không thấy một tên nào đuổi theo cả.

Bác nhĩ Truật cười vang lên:

- Một thành tích của anh nữa! Thiên hạ lại được dịp nhắc đến tên anh, phen này tha hồ cho bọn trẻ hăng máu lên!

Thiết mộc Chân chia cho bạn phân nửa bầy ngựa, nhưng Bác nhĩ Truật nhất quyết từ chối:

- Mới giúp anh một việc nhỏ mọn mà đã lấy công thì làm sao xứng đáng là bạn của anh được?

Rồi cả hai cùng trở về lều của thân phụ Bác nhĩ Truật. Ông lão lấy làm hãnh diện về hành động của con mình và Thiết mộc Chân. Ông tặng cho chàng một cái lều, một con ngựa và một ít quần áo để thay đổi rồi cho Bác nhĩ Truật theo Thiết mộc Chân, khuyên đôi bạn hãy kết chặt tình bằng hữu mãi mãi. Trên đường về trại nhà, Thiết mộc Chân không còn cô độc nữa. Chàng đã có Bác nhĩ Truật, người bạn thứ nhất trong đời chàng.

Ít lâu sau, một chiến sĩ của Dã tộc Cai đến trại có dẫn theo người con trai tên Gia luật Mễ, yêu cầu Thiết mộc Chân hãy nhận con mình làm bạn.

Rồi tiếng đồn khắp miền đồng cỏ, nhiều chiến sĩ lữ lạc đến xin liên kết với Thiết mộc Chân, đồng thời vô số thanh niên Mông Cổ từ bốn phương kéo về qui tụ trong đoàn trại của chàng. Bây giờ chàng đã được mười bảy tuổi, không còn nghèo khổ, bị săn đuổi như con thú rừng nữa, mà đã nghiễm nhiên thành một chủ tướng. Đoàn trại của chàng bây giờ gồm có 8 bộ lạc với 1.300 lều và hàng ngàn gia súc.

Và đêm đêm ở khắp đất Mông Cổ, người ta ngồi quanh ngọn lửa hồng nhắc đến tên chàng với một vẻ đầy cảm phục, kể cho nhau nghe những hành động mã thượng của chàng như những giai thoại kỳ thú.

Bốn năm qua! Đã đến lúc Thiết mộc Chân có điều kiện hỏi cưới nàngBAT Tê. Chàng cùng với Biên gô Đai dẫn 100 kỵ binh giáp mũ rực rỡ gươm giáo sáng loà lên đường đến bộ lạc của Đai xích Sên. Chàng tin tưởng chắc chắn rằng nàng vẫn đợi mình và nhạc phụ vẫn không quên lời hứa, Thiết mộc Chân cảm thấy kiêu hãnh thực hiện được lời cam kết với cái địa vị của chàng hiện nay. Chàng thường nói: “Người ta sẽ khinh tôi nếu tôi đến với nàng như một thằng khố rách.”

Đến nơi chàng được tiếp rước niềm nở, Đai xích Sên reo lên:

- A! Cậu hãy còn sống đây! Lại khoẻ đẹp khác thường, thật ta không tưởng tượng được! Sao mà lắm kẻ thù đến thế?

Thiết mộc Chân không ngờ tất cả tin tức về hoạt động của chàng ở đây đều rõ cả. Đai xích Sên nhận ra qua bốn năm gian khổ, Thiết mộc Chân đã trở thành một người lớn, lực lưỡng vai rộng; da thẫm như gạch nung, đôi mắt sáng ngời như mắt dã thú, vẫn còn cái lối nhìn soi mói sắc bén nhưng rất cương nghị. Chàng ít nói hơn, nhưng mỗi điều chàng nói đều là đã suy nghĩ chín chắn.

Hôn lễ cử hành luôn mấy ngày. Món quà cưới quý nhất là cái áo choàng bằng lông điêu thử, mắc hơn tất cả của cải của chàng góp lại. Và bạn trở về không phải thêm nàngBAT Tê mà thôi, còn cả một đoàn tùy tùng gồm thanh niên thiếu nữ sẽ ở luôn bên đoàn trại của chàng gần bờ sông Onon. Vì theo tục lệ, vợ của một chủ tướng phải ở lẻ riêng. Trại của Thiết mộc Chân bỗng chốc trở nên giàu có, đông đảo và hầu hết chiến sĩ đều là hạng trẻ như chàng.

Chương IV CHINH PHẠT XỨ MIỆT-NHI

Cuộc sinh hoạt trong đoàn trại của Thiết Mộc Chân ở chân núi Bourkhane thật bình thản, kiêu hùng. Bọn thanh niên chỉ lo săn bắn, thỉnh thoảng lại tổ chức một buổi lễ vui nhộn. Ngày thì hoạt động rộn rịp vui vẻ, đêm thì hoàn toàn yên tĩnh đến nỗi cần phải cho quân thám mã len lỏi trong rừng hay bắt lính canh gác trong lúc ngủ.

Một đêm bỗng muôn ngàn tiếng hò hét man dã vang lên bốn phía giữa canh khuya tịch mịch. Một đoàn quân lạ mặt tràn tới tấn công đoàn trại, phóng đuốc đốt lều và lửa gần hết súc vật đi.

Thiết Mộc Chân thoát nghĩ đây chắc là bọn Diệt Xích Ngột lại đuổi theo "tra miếng"! Chàng vớ lấy cung tên, cây lao và cái áo lông điều thừ, tót lên ngựa phóng vào hang núi. Dân chúng cũng chạy tán loạn, mạnh ai nấy trốn; luôn mấy ngày không một ai dám chường mặt ra. Núp trong các hẻm núi, họ thấy bọn kỵ mã lạ mặt xông xáo đi tìm họ, rồi lần lượt rút đi mất dạng. Thiết Mộc Chân sai vài tên thám mã lên về quan sát tình hình. Đoàn trại chỉ còn là một khu đất hoang. Đàn bà, con trẻ, lều xe và phần lớn súc vật đã biến mất. Nhưng dấu chân của bọn giặc không dẫn về phía tây – phía mục trường của bộ lạc Diệt Xích Ngột mà dẫn lên phía bắc, vùng rừng rú.

Dân chúng và chiến sĩ lục tục kéo trở về. Nhiều người đã nhận diện được bọn giặc, bọn: Miệt Nhi (Merkites)

Miệt Nhi là một giống dân man rợ, tàn bạo, ở khoảng hạ lưu sông Sélenga, phía nam hồ Baikal. Tù trưởng của họ lúc bấy giờ là Tóc-Ta-Ga-Ba-Ki. Hơn hai mươi năm trước đây đã có lần Dã Tóc Cai đem quân lên tiêu trừ bọn này và bắt U Luân, một thiếu nữ của họ về làm vợ. Bây giờ họ quyết trút hết mối thù xưa lên con của Dã Tóc Cai. Nếu Thiết Mộc Chân rơi vào tay họ thì chắc chắn chàng sẽ bị chặt đầu hoặc phải làm nô lệ suốt đời.

Thiết Mộc Chân liền leo lên đỉnh núi Bourkhane cảm tạ Trời Xanh đã che chở cho chàng. Làm đúng theo tục Mông Cổ, chàng tháo giày đai ra máng lên cổ, quay ngược mũ trở ra sau rồi lạy chín lạy. Sau đó chàng rót một chén sữa ngựa xuống đất và khấn to lên: *“Hỡi núi Bourkhane! Đây là lần thứ nhì Núi đã cứu đời tôi. Tôi sẽ đem lễ vật lên dâng cho núi và bảo con cháu sau này phải dâng lễ vật cho núi mãi mãi.”*

Lúc trở xuống thì dân thoát nạn đã qui tụ ở chân núi chờ đợi. Họ nhao nhao lên: *“Bật Tê bị bắt mất rồi!”*

Ở quê nhà nàng sống thật bình an vô sự có bao giờ gặp cảnh bị đột kích bất ngờ như thế này, nên làm

sao biết cách tẩu thoát cho nhanh như mọi người. Thiết Mộc Chân không rên xiết, kêu than một tiếng, biết mọi sự xảy ra là do ở lỗi mình, vì quá khinh xuất nên Bát Tê lâm phải số phận thảm thương như vậy... Rồi chàng quyết định một việc mà lúc còn gian truân chàng cũng không hề làm: nén lòng tự ái xuống đi tìm người trợ giúp cho việc phục thù.

Chàng phi ngựa về miền tây, vượt mấy trăm dặm đường đến tận xứ Khắc Liệt (Kéraités).

Khắc Liệt là một bộ lạc hùng mạnh trên miền đồng cỏ. Mục trường của họ trải rộng giữa hai con sông Orkhon và Toula, nơi đây có con đường của các thương đoàn vắt ngang qua, đường khởi từ nước Kim tới xứ Nãi Man, Thổ Phồn (thuộc vùng Altai và Dzoungarie). Xưa kia dân Khắc Liệt theo nhiều thứ đạo, nhưng đến khoảng năm 1.000 họ xoay qua Cảnh giáo. Bar Hebraeus, sử gia Syrie, thuật trường hợp ấy như sau: *“Một Khả hãn của họ đi lạc trong vùng sa mạc tưởng đã chết, bỗng có Thánh Sargis đến cứu sống, ông ta mới nhờ bọn thương nhân về thành Merv xin với Giáo chủ Ebedjesus gởi một giáo sĩ tới rửa tội cho ông và cả 200,000 dân bộ lạc.”*

Đến thế kỷ XII, toàn thể gia đình Khả hãn người nào cũng có tên thánh. Khoảng hai đời trước Thành Cát Tư Hãn, Khả hãn của họ là Marcus Bu-Di-Rúc, muốn làm bá chủ ở miền đông sa mạc Gobi, đem quân đi đánh Thát Đát và nước Kim, nhưng bại trận, bị quân Thát Đát bắt nạp cho quân Kim rồi bị đóng đinh trên lưng ngựa gỗ. Vợ của ông sau đó mưu báo thù cho chồng, giết được Khả hãn Thát Đát. Bu-Di-Rúc có hai người con: Cua-Gia-Cui và Guộc-Khăng. Cua Gia Cui nối ngôi rồi sau truyền lại cho con là Tô-Ha-Rin. Guộc Khăng mượn thế lực của Nãi Man đoạt ngôi của cháu. Tô Ha Rin, nhờ có Dã Tốc Cai cha của Thiết Mộc Chân trợ lực, lấy lại được ngôi Khả hãn. Từ đó Tô Ha Rin gây được một thế lực hùng hậu, có một trăm ngàn quân và trên một triệu gia súc. Thành của ông xây bằng đá rất kiên cố, việc buôn bán thật phồn thịnh. Các thương đoàn tới lui rầm rập, buôn đồ gia vị Ả Rập, tơ lụa Trung Quốc, vũ khí ở Damas cùng đủ loại hàng hóa của Tây Liêu, Hồi quốc...

Thiết Mộc Chân từ lâu đã có ý định đến thăm Tô Ha Rin nhưng mãi đến dịp này mới nhất quyết. Chàng dâng tặng chiếc áo lông hắc điều làm lễ tương kiến, nhắc đến tình thân thiết giữa cha chàng và Khả hãn rồi tự nguyện làm nghĩa tử.

Tô-Ha-Rin đã nghe thuộc hạ báo cáo về vụ quân Miệt Nhi đột kích vào bộ lạc Mông Cổ. Bọn này cũng thường công khai quấy rối dân Khắc Liệt. Nay thấy đứa con của người bạn cũ tỏ lòng trung nghĩa như vậy, Khả hãn không thể làm ngơ được, hơn nữa chiếc áo đã làm cho vị Chúa hết sức hài lòng. Tức khắc lệnh truyền xuống, một quân đoàn tinh nhuệ lên đường đặt dưới quyền chỉ huy của Thiết

Mộc Chân.

Tin loan đi thật nhanh khắp miền đồng cỏ: Thiết Mộc Chân chỉ huy quân đoàn Khắc Liệt. Thiết Mộc Chân là nghĩa tử của Tô-Ha-Rin, Khả hãn hùng mạnh nhất.

Cuộc diện thay đổi thật bất ngờ: khắp bốn phương người Mông Cổ trùng trùng kéo về đứng dưới bóng cờ của Thiết Mộc Chân. Kẻ thì muốn cho người ta quên lửng chuyện năm năm trước họ đã hèn nhát bỏ chàng ra đi; kẻ thì thấy cần phải nhờ chàng che chở mới thoát khỏi tham vọng của Tạc Gô Đài; kẻ khác muốn thừa nước đục thả câu: tấn công bọn Miệt Nhi sẽ thu được một mớ chiến lợi phẩm. Trong đó lại có Trác Mộc Hợp tù trưởng dân Gia-Di-Ra. Ông ta mình là bạn chí thân của Thiết Mộc Chân, thương nhớ hai người thường giỡn trên mặt băng ở sông Onon, bây giờ không thể bỏ bạn cũ được nên đã dẫn trọn bộ lạc tới!

Liên quân Mông Cổ - Khắc Liệt – Gia Di Ra – dưới quyền điều khiển của Thiết Mộc Chân đại thắng quân Miệt Nhi. Về cuộc chinh phạt đầu tiên này, sử Mông Cổ chép như sau: *“Ba trăm người đã tới đột kích đoàn trại Thiết Mộc Chân ở núi Bourkhane bị tàn sát không còn một mống nào cả, tất cả vợ con của bọn chúng đều bị bắt về làm nô lệ.”*

Lúc xông vào lều của Sinh Rê Bô Kô là cháu ruột của mẹ mình, Thiết Mộc Chân gặp Bật Tê ẵm một đứa bé trai còn đỏ hỏn. Chàng đặt tên cho nó là Truật Xích (Djoutchi: có nghĩa là không mong đợi) vì không tin chắc nó là hòn máu của mình. Cuộc hành binh chấm dứt ở đây, chàng nói: *“Tôi đã gặp được người tôi đi tìm”* và liền cho quân đoàn Khắc Liệt trở về xứ với tất cả chiến lợi phẩm.

Người ta không hiểu tại sao sẵn dịp này Thiết Mộc Chân không tận diệt hết bộ lạc Miệt Nhi. Dụng ý của chàng thật khó đoán được. Có thể là để giữ quân bình lực lượng, không muốn người Khắc Liệt bành trướng thế lực ra, hoặc cần phải trở về đoàn trại gấp phòng bọn Diệt Xích Ngột đánh úp lúc vắng mặt.

Sau trận này, Thiết Mộc Chân không còn đơn độc nữa, trên chiến trường chàng có dịp nói lại nghĩa xưa với Trác Mộc Hợp và hơn một năm trời hai người thường đi chung trong mục trường Mông Cổ. Trong lúc ấy, Tạc Gô Đài vẫn theo dõi hành động của Thiết Mộc Chân, không nghĩ tới việc tấn công nữa, tuy nhiên Thiết Mộc Chân vẫn cẩn mật đề phòng và không hề xâm phạm tới mục trường của ông ta. Chàng thường tiếp xúc với các bộ lạc phiên thuộc của Tạc Gô Đài, tìm đủ mọi cách lôi kéo họ về với mình, khi thì mở tiệc thết đãi, khi thì mời họ cùng đi săn và bao giờ cũng chia thịt cho họ nhiều

hơn... Không bao lâu người ta đồn đãi: *“Bọn chủ tướng Diệt Xích Ngột bắt chúng ta gánh vác nhiều việc khó nhọc quá; họ còn lấy ngựa đẹp, da tốt của chúng ta. Còn Thiết Mộc Chân thì thật rộng rãi, ông cho cả bộ đồ đang mặc, tặng cả con ngựa đang cỡi...”*

Lần lượt nhiều bộ lạc kéo róc qua gia nhập đoàn trại Thiết Mộc Chân gây thành một cảnh thịnh vượng, đông đảo vô cùng.

Đêm xuống, bọn chiến sĩ quây quần quanh ngọn lửa trại ca ngợi những chiến công anh dũng của các Khả hãn ngày xưa và thì thào bảo nhau là Trời Xanh đã quyết định sai một vị anh hùng xuống thống nhất tất cả các bộ lạc Mông Cổ và rồi đây Mông Cổ sẽ khởi binh phục thù tất cả những kẻ đã dày xéo họ.

Mộc Hoa Lê, một cánh tay đắc lực của Thiết Mộc Chân còn tuyên bố công khai rằng: *“Vị anh hùng đó không ai khác hơn là Thiết Mộc Chân.”*

Nhưng có một điều khiến cho Thiết Mộc Chân khó giải quyết ổn thỏa là việc thu nhận Trác Mộc Hợp. Dân Mông Cổ rất phân giai cấp. Thiết Mộc Chân vốn thuộc dòng quý tộc cho nên các tù trưởng khác mới chịu về thần thuộc, họ thấy chẳng những được che chở mà còn là một vinh dự. Phần Thiết Mộc Chân nếu không nhờ bọn quý tộc thì không làm sao gây thanh thế lớn và tổ chức lực lượng hùng mạnh được, Trác Mộc Hợp gốc là thường dân, bộ lạc của ông ta thật đông đảo nhưng toàn là dân nghèo. Sự có mặt của ông ta khiến cho nhiều tù trưởng và bọn quý tộc ở các nơi ngần ngại chưa chịu theo Thiết Mộc Chân. Ngay trong đoàn trại cũng đã có sự lung củng: đa số dân của Thiết Mộc Chân đều giàu, có nhiều ngựa, trâu bò, còn dân của Trác Mộc Hợp chỉ có chiền trù; gần như ngày nào dân của hai bên cũng có sự đụng chạm bất hòa.

Những người bạn đầu tiên của Thiết Mộc Chân như Bác Nhĩ Truật, Gia Luật Mễ, Mộc Hoa Lê cũng thuộc giai cấp thường dân nhưng trí khôn ngoan, lòng can đảm và lòng trung tín của họ ai cũng khâm phục, nên Thiết Mộc Chân đem họ vào Hội Đồng Quý Tộc (Kouriltai) được, còn Trác Mộc Hợp thì không ai hài lòng cả. Mãi rồi mẹ và vợ của Thiết Mộc Chân cũng khuyên chàng hãy ly khai Trác Mộc Hợp. Họ nói: *“Bọn Trác Mộc Hợp thấp kém quá, không có phong tục tập quán tốt đẹp như dân ta. Hấn lại khinh thường tục lệ và hay gây rắc rối...”* Thiết Mộc Chân lưỡng lự thật lâu. Hai bộ lạc sống chung với nhau được một năm rưỡi rồi giờ đây nếu ly khai, thế lực của chàng sẽ sút giảm. Nhưng rồi đã đến lúc phải quyết định: ly khai Trác Mộc Hợp.

Sau đó, quả nhiên tất cả những dòng quý tộc còn sống lẻ tẻ đây đó mang hết của cải của họ tới nhập

đoàn trại Thiết Mộc Chân. Trong số đó có Đa Di Đài, cháu nội của Khả hãn Ka Buôn; Xát sa-batki, cháu nội; An Tăng, con của Khả hãn Ka Buôn; Cuốc-Sa... đều thuộc dòng chính thống của bộ tộc Bọt-Di-Dinh. Mỗi nhà quý tộc nhập đoàn trại đều kéo theo một số đông bộ lạc khác. Các chủ tướng đều hành diện được ngồi chung với những nhà quý phái nhất của xứ Mông Cổ.

Chương V Đại Thắng Quân Diệt Xích Ngột

Không bao lâu đoàn trại của Thiết Mộc Chân gồm có 13.000 lều tất cả. Ai cũng được đối xử đúng với địa vị của mình và giao phó cho một nhiệm vụ xứng đáng. Thiết Mộc Chân đặt ra một thứ kỷ luật mới thật nghiêm minh. Không bao giờ chàng tha thứ sự xâm phạm quyền lợi của kẻ khác. Họ yêu mến chàng đến nỗi không bao giờ gian dối trong việc đóng góp lợi tức, có giấu bớt một con bê, một con trâu cũng thấy xấu hổ, và chàng không phải là một chủ tướng ham lợi: ai tặng cho món gì, chàng đáp lễ bằng một món khác giá trị hơn. Hơn nữa, lúc nào cũng tỏ ra lưu tâm săn sóc đến mọi người.

Thiết Mộc Chân lại có một sáng kiến chưa ai từng nghĩ đến: bày cho chiến sĩ một trò chơi, một trò tiêu khiển thú vị không thua đi săn hay đi đánh trận, đó là trò Tác Chiến. Với 13.000 chiến sĩ, chàng chia ra làm 13 Thiên Phu (Gourane). Mỗi Thiên Phu là một đơn vị biệt lập, tự lo thao dượt, phát triển. Chiến sĩ của mỗi đơn vị đều cùng một tộc họ, hoặc cùng bộ lạc với nhau. Họ dàn những thế công thế thủ, giao chiến với nhau gần như thật để rèn cho tinh thực binh pháp: hoặc tấn công ồ ạt, hoặc bất ngờ đánh thốc vào hông đối phương cắt hàng ngũ ra. Trò chơi này quả thích hợp với tinh thần hiếu chiến của dân Mông Cổ. Lắm khi Thiết Mộc Chân phải can thiệp, sợ họ hăng say quá nên đổ máu sinh thù; vì thật sự đó là cuộc thi đua, đơn vị nào kém cỏi cũng thấy nhục nhã cho bộ lạc, cho tộc họ của mình. Trò chơi này còn tập cho chiến sĩ biết phối hợp khả năng, hoạt động cho đồng đều, luyện tinh thần kỷ luật và tinh thần đồng đội. Nhờ đó hể đoàn trại càng đông dân, quân sĩ càng thuần thực, hùng mạnh. Mỗi thanh niên Mông Cổ là một tay thiện xạ, một kỵ binh tuyệt giỏi, chẳng bao lâu Thiết Mộc Chân biến dân tộc mình thành một dân tộc chiến đấu, một dân tộc kỵ mã vũ trang mà khắp thế giới thời bấy giờ chưa ai biết thực hiện.

Mùa xuân và mùa thu là mùa di chuyển đoàn trại sang mục trường mới. Cuộc hành trình này thật nguy hiểm vì súc vật đông đảo, đàn bà trẻ con chậm chạp, xe cộ chở đồ đạc nặng nề... là một cơ hội tốt cho quân địch đến tấn công.

Nhưng với tài chỉ huy của Thiết Mộc Chân mọi người đều thấy không đáng lo ngại nhiều. Chàng tổ chức phòng bị rất chu đáo, lưu ý đến cả những điều thật nhỏ nhặt. Chàng cho một đội kỵ binh trinh sát đi trước tẻ ra thành hình cánh quạt. Phận sự của họ là tìm chỗ đóng trại, tìm suối nước trong lành và đồng cỏ tốt rồi gởi liên lạc trở về báo cáo kết quả. Lúc chiến tranh thì đội quân này sẽ khám phá ra những ổ phục kích hoặc tóm cổ những tên do thám của địch rải ở dọc đường.

Tiếp theo là đoàn quân tiền phong, lực lượng khá mạnh đủ sức đương đầu với quân địch. Bình thường họ có nhiệm vụ chuẩn bị mọi việc cần thiết để dựng trại, lo cho đủ nước dùng, sắp đặt cho súc vật tới uống nước có trật tự.

Sau đó đoàn trại mới lên đường, gồm có đàn bà, trẻ con, các đoàn súc vật, xe chở đồ đạc dụng cụ.

Cuối cùng là quân đoạn hậu, giúp đỡ những người dân rút lại sau, bắt các con thú lạc bầy và đề phòng quân địch xuất hiện phía hậu.

Thình lình quân trinh sát ở các nơi phi ngựa về báo cáo: bọn Diệt Xích Ngột đông như kiến cỏ đang hướng về phía đoàn Mông Cổ di chuyển. Họ có bắt được một tên dò thám... Thì ra Tạc Gô Đài quyết đánh úp đoàn trại của Thiết Mộc Chân. Hấn huy động nhiều bộ lạc lân cận, quân số độ 30.000 người.

Mười ba ngàn chống với ba mươi ngàn. Nhưng nhờ trận này Thiết Mộc Chân có đầy đủ kinh nghiệm để giao chiến với những lực lượng đông gấp bội. Suốt đời trận mạc của Thiết Mộc Chân trừ một vài trận, còn thì gần như lúc nào cũng phải đánh với kẻ địch có quân số năm, ba lần đông hơn. Lần này Tạc Gô Đài lại có nhiều lợi thế hơn, toàn là quân khinh kỵ, không vướng víu gì cả, còn bên Thiết Mộc Chân thì đàn bà, trẻ con, súc vật nặng nề, hỗn tạp vô cùng.

Trong phút tối nguy hiểm này, cách đối phó thông thường là đem tất cả xe sắp thành một vòng tròn làm vách thành bảo vệ người và súc vật. Các chiến sĩ tiến ra chặn địch, nếu không thắng lợi thì rút vào bức thành xe giữ thế thủ. Đột nhiên Thiết Mộc Chân bỏ chiến thuật quen thuộc ấy, cho dàn trận theo một lối mới kỳ lạ. Giao cho phụ nữ và trẻ con sử dụng cung tên thủ thành, còn 13 Thiên Phu thì nối nhau giăng thành một hàng, từ bức thành xe đến một cánh rừng rậm, ngựa không thể xông vào được. Mỗi Thiên Phu dàn thành 10 hàng, mỗi hàng 100 chiến sĩ. Kỵ binh áo giáp sắt và ngựa có bọc áo da đều sắp ở mặt tiền và mặt hông.

Quân Diệt Xích Ngột giăng chữ nhất, năm hàng tiến tới. Hàng đầu của họ cũng toàn là quân giáp sắt. Thình lình họ dừng lại để cho quân khinh kỵ ở phía sau lướt ra trước phóng lao và tưới một trận mưa tên vào quân Mông Cổ. Các Thiên Phu của Thiết Mộc Chân giữ vững vị trí của mình và đáp lễ y như vậy, nhưng nhờ đứng yên một chỗ họ nhằm trúng đích hơn, quân địch rút lả tả xuống ngựa. Thấy bất lợi, bọn khinh kỵ của địch toan quay về vị trí, nhường cho bọn thiết kỵ ở phía sau thúc ngựa phóng nước đại toan lao tới phá vỡ hàng giáp binh Mông Cổ. Nhưng ngay lúc bọn khinh kỵ vừa xoay lưng, Thiết Mộc Chân liền phóng tất cả 13 Thiên Phu ồ ạt phản công (đúng lúc hai hàng kỵ binh địch vừa giao nhau ngược chiều). Đạo quân 10 hàng của Mông Cổ phá vỡ ngay mặt trận mỏng manh của Diệt Xích Ngột, chẻ chúng ra làm 13 nhóm, mỗi Thiên Phu Mông Cổ bao vây một nhóm, dốc toàn lực ra sát phạt. Một cánh quân kỵ địch thoát vòng vây phóng lại tấn công bức thành xe hy vọng đoạt lấy của

cải chất trong đó để vớt vát một phần nào những tổn thất về sinh mạng. Nhưng chúng đội lại trước trận mưa tên của nhóm phụ nữ và trẻ con; chưa biết tiến thoái ngã nào thì phía sau lưng một Thiên Phu Mông Cổ quay lại đánh tập hậu. Bọn chiến sĩ của các bộ lạc theo Tạc Gô Đài thấy hết hy vọng kiếm chác chút ít chiến lợi phẩm, liền nối nhau chạy dài... Lúc mặt trời vừa khuất sau rặng núi, trận chiến mới kết thúc. Quân Mông Cổ đại thắng: hơn 6 ngàn quân Diệt Xích Ngột bị giết, 70 viên tướng bị bắt sống, trong đó có Tạc Gô Đài.

Quân Mông Cổ cũng bị thiệt hại khá nặng nề. Thiết Mộc Chân bị một mũi tên ghim xéo trên cổ, nhờ Gia Luật Mễ liều mình chống đỡ đem chàng ra sau trận tuyến. Khi tỉnh dậy, Thiết Mộc Chân ra lệnh giết tất cả 70 tù binh, trước nhất là Tạc Gô Đài.

Lệnh đó trái với tục lệ Mông Cổ xưa nay, chỉ bắt tù binh làm nô lệ hoặc cho chuộc thật mắc. Nhưng lúc đó Thiết Mộc Chân tự cho mình là một Khả hãn hợp pháp dòng Dã Tốc Cai chính thống, còn bọn kia là bọn phiến loạn.

Sau trận này, đoàn trại Mông Cổ kéo đến đóng tại mục trường phía hạ lưu sông Onon.

Các nhà chép sử Ba Tư ghi rằng: “Bảy chục viên tướng Diệt Xích Ngột đều bị quăng sống vào vạc nước sôi”. Còn theo sử của Nga thì Thiết Mộc Chân cho giát bạc cái sọ của Tạc Gô Đài và dùng làm bình đựng rượu, về sau người ta gọi cái bình ấy là “Cơn phần nộ của Thành Cát Tư Hãn”. Nhưng không thấy sử của Trung Hoa và Mông Cổ nói đến việc ấy. Dù sao, một việc làm tàn bạo và vô ý nghĩa như thế rõ là trái với bản tính của Thiết Mộc Chân. Chàng có thể lạnh lùng khi ra lệnh biến một đô thị thành đồng tro tàn nếu nơi đó kháng cự lại, biến một tỉnh phì nhiêu thành sa mạc hoang vu vì sợ dân ở đó trối dậy. Tất cả sự bạo tàn ấy đều có mục đích rõ rệt: lợi ích quân sự, hoặc báo thù hoặc khủng bố. Sinh mạng con người đối với chàng không có nghĩa gì cả, như chàng thường nói: “Ta vì mưu đồ việc lớn sá gì lũ dân đen” nên lúc cần thì giết phăng hết như người ta giết chuột. Nhưng chàng không có hành động bạo tàn để tiêu khiển, hoặc để thỏa mãn bản chất tàn bạo như nhiều nhà vua trong lịch sử. Mà lắm khi lại tỏ ra rất rộng rãi, bao dung, tha thứ cả kẻ thù riêng của mình nữa.

Trên đường về sông Onon, thành lĩnh có một kỵ binh đón đường xin gặp mặt Thiết Mộc Chân. Hãn quý xuống thưa:

- Tôi tên là Diệt Ga Đài ở bộ lạc Ích Xu. Chính tôi đã bắn phát tên làm cho Ngài bị thương trên cổ. Ngài giết tôi chỉ làm bản đất mà thôi có lợi gì? Mong Ngài ra ơn thu dụng tôi, tôi nguyện sẽ tận tâm báo đáp, thác đang chảy tôi có thể làm cho dừng lại, núi cản đường Ngài tôi sẽ đập nát ra thành cát

bụi.

Bọn vệ sĩ của Thiết Mộc Chân đã hầm hầm tuốt gươm ra chờ một hiệu lệnh là chém phăng tên tiểu tốt. Nhưng Thiết Mộc Chân không hề động tay, chăm chú nhìn tên kỵ binh đang quỳ trên cát, ra chiều nghĩ ngợi. Chàng nói:

- Muốn giết một kẻ địch bao giờ người ta cũng giấu kín ý định. Người đã khai hết sự thật cho ta rõ, vậy người là chiến hữu của ta từ giờ này. Để kỷ niệm thành tích của người, từ nay ta gọi người là Triết Biệt (Djébé: Mũi tên).

Nói xong Thiết Mộc Chân cho hắn đứng dậy, bảo hắn gọi về chín người nữa, lập thành một Thập Phu để hắn chỉ huy.

Đó là một nét đặc biệt trong cá tính của Thiết Mộc Chân, suốt đời không thay đổi. Chàng rất chuộng tính ngay thật, lòng can đảm và lòng trung tín, cho dầu người đó là kẻ thù. Mỗi lần thu dụng một người như thế chàng tin rằng họ sẽ rất đắc lực vì muốn chuộc lại lỗi lầm trước kia. Và Thiết Mộc Chân không bao giờ lầm lẫn trong việc chọn người trung kiên. Như tên Triết Biệt này về sau trở thành Thân Vương Triết Biệt, là viên Thượng Tướng đã xua quân đoàn tiên phong vào đất Trung Quốc, chinh phục Tây Liêu, vượt núi Pamir và cùng với Túc Bất Đài chiếm Ba Tư rồi vượt núi Caucase đánh tan rã quân Nga.

Ít lâu sau Thiết Mộc Chân di chuyển đoàn trại về vùng đất cũ. Tiếng đồn loan ra khắp nơi. "Thiết Mộc Chân là người kế vị chánh thức của bộ tộc Bạt Di Dinh: ai bất tuân là kẻ phản loạn, sẽ bị trừng phạt; ai biết tuân lệnh và muốn được che chở hãy đến tỏ lòng trung với chúa".

Những bộ lạc bỏ ra đi hồi Dã Túc Cai chết đều lần lượt trở về quy phục, cả những tộc họ trong bộ lạc Diệt Xích Ngột trốn tránh tản lạc cũng lũ lượt kéo về sông Onon. Thiết Mộc Chân thân mật tiếp đón tất cả mọi người; lại có lão Muôn Lịch nữa! Lão trở về với vẻ bẽn lễn xấu hổ. Thiết Mộc Chân không mở một lời khiển trách, lại còn cho ông ta dự vào hàng quý tộc. Tự biết mình làm lỗi, Muôn Lịch hết sức cố gắng hoạt động để gây lại thiện cảm và sự tín nhiệm của Thiết Mộc Chân. Ông ta đi tiếp xúc từng bộ lạc, từng gia đình, giải thích cho mọi người hiểu rằng: Đã đến lúc phải bầu một Khả hãn Mông Cổ.

Tất cả đều tán thành nhiệt liệt. Con của Muôn Lịch là Cốc Chu, một tay pháp sư trẻ tuổi đầy uy tín, tuyên bố rằng "Ý của Trời Xanh muốn chọn Thiết Mộc Chân làm Khả hãn. Chúng ta không nên làm

trái ý Trời”.

Hội đồng quý tộc liền nhóm họp; Muôn Lịch đề nghị bầu Thiết Mộc Chân. Chàng khiêm tốn giới thiệu lần lượt bốn nhà quý tộc cao niên hơn. Họ đều từ chối và đồng thanh nói:

- Chúng tôi chỉ muốn ông lên làm Khả Hãn. Nếu ông sẵn sàng nhận thì chúng tôi cũng sẵn sàng xung phong giết giặc. Bắt được gái đẹp và chiến lợi phẩm quý giá chúng tôi sẽ dâng hết cho ông. Nếu mở cuộc săn, chúng tôi cũng sẽ đi trước, hạ được thú chúng tôi xin dâng tất cả cho ông. Còn ra trận nếu chúng tôi không tuân lệnh, cũng như trong đoàn trại mà chúng tôi làm điều gì tổn hại đến uy tín của ông, xin ông cứ bắt vợ con chúng tôi, tịch thu hết gia súc rồi đuổi chúng tôi ra sa mạc.

Thiết Mộc Chân đáp lời

- Tất cả các vị có mặt trong buổi hội này đều quyết định đoàn tụ trong lãnh thổ Mông Cổ và bầu tôi làm Khả hãn. Tôi cũng xin nguyện, nếu Trời Xanh phù trợ tôi thì các vị là những người đầu tiên có công phục quốc, các vị chắc chắn sẽ hưởng được nhiều vinh quang hơn hết.

Sau cuộc bầu cử, một tiệc liên hoan bày ra thật long trọng. Mọi người đều được uống Koumiss (sữa chua) và Karakoumiss (rượu sữa) thỏa thích.

Thật ra buổi tiệc ấy không những để mừng vị Khả hãn 28 tuổi mà còn mừng cho cuộc hôn nhân của Muôn Lịch và bà U Luân, mẹ của Thiết Mộc Chân. Đây là một trường hợp đặc biệt vì theo tục Mông Cổ đàn bà góa chồng không được tái giá; họ tin rằng sau khi chết người góa phụ sẽ gặp lại chồng cũ. Con trai có thể kết hôn với vợ nhỏ của cha mình, trừ mẹ ruột. Muôn Lịch lấy bà U Luân trước là để tỏ lòng trung với chúa cũ, sau nữa là không phụ lòng chúa đã gửi gắm người vợ lại cho mình.

Chương VI LIÊN MINH VỚI KHẮC-LIỆT ĐÁNH THẮT-ĐẤT

Từ lâu rồi bộ lạc nào cũng có Khả hãn, Tộc trưởng hay Thân vương lãnh đạo; nhưng uy quyền của những tay lãnh đạo này chẳng đáng kể. Các bộ lạc nay quy phục vị chúa này mai vị khác, hoặc đánh lẫn nhau, hoặc thừa cơ hội quyền chúa suy nhược họ lật đổ xuống.

Thừa hiểu tất cả những bất trắc thường xảy ra, cho nên nắm quyền Khả hãn rồi Thiết mộc Chân liền đốc tâm củng cố đoàn trại mình. Ông tuyển những người khỏe, can đảm, bắt luyện tập ngày đêm, bắn cung, tác chiến... dưới sự lãnh đạo của bốn viên tướng trung kiên nhất: Bác nhĩ Truật, Gia luật Mễ, Mộc hoa Lê, Biên gô Đài. Sau một thời gian, những chiến binh này mới được sung vào hàng ngũ chánh qui. Chẳng bao lâu vị Khả hãn trẻ tuổi thành lập được một đạo quân thường trực tinh nhuệ sẵn sàng chiến đấu và trung thành tuyệt đối. Ngoài bộ lạc Mông cổ, ông bắt tay vào việc tổ chức các bộ lạc khác trong khắp lãnh thổ. Để bảo vệ các phiên thần trong lúc nguy biến, ông tổ chức một hệ thống liên lạc cho các bộ lạc ở xa có thể báo cáo mọi biến cố quan trọng; thành lập một đoàn mã khoái “nhanh như tên bay” gồm những kỵ sĩ cưỡi thiên lý mã chạy dựng tóc. Khi gần tới trạm thì thổi còi lên báo hiệu. Thừa trạm nghe lệnh liền cho một kỵ mã khác hờm sẵn chực người kia tới để nghe truyền mạng lệnh rồi cho ngựa phi tức khắc; cứ như thế từ trạm này sang trạm khác. Tin tức từ những vùng cách ba ngày đi ngựa có thể tới tai Khả hãn ngày hôm sau. Từ trước nay chưa có Khả hãn nào biết sớm và biết tất cả mọi việc xảy ra trong lãnh thổ như thế: một bộ lạc sắp di chuyển qua đồng cỏ mới, một bộ lạc thân hữu sắp đến viếng, hoặc những tin thông thường như một thương đoàn nào đó mới tới...

Nhờ hệ thống liên lạc này mà Thiết mộc Chân hay tin nước Kim bất ngờ gởi một sứ giả tới tiếp xúc với Tô ha Rin; tức thì ông phái một đoàn đại diện đi mời sứ giả nước Kim đến viếng đoàn trại mình. Sứ giả Kim ngoài nhiệm vụ chính còn có nhiệm vụ dò xét tình hình các bộ lạc ở miền Bắc, cho nên họ sẵn sàng tạt qua miền Onon tìm hiểu thử coi Khả hãn mới của Mông Cổ đang toan tính những gì.

Cuộc gặp gỡ đã tạo cho hai bên một mối thiện cảm. Thiết mộc Chân đón tiếp sứ giả Kim một cách chu đáo, đúng lễ nghi nhờ ý kiến và cách xếp đặt của Bất Tê, vốn là dân láng giềng của nước Kim. Sứ giả Kim rất hài lòng, tỏ ra tin tưởng ở Thiết mộc Chân. Họ cho biết một bộ tộc lớn của Thắt Đất mới đây – thêm một lần nữa, xâm nhập vào biên cảnh nước Kim cướp phá. Cho nên hoàng đế nước Kim đã xuất quân đi chinh phạt. Nhưng dân Thắt Đất cứ theo cái lối cũ, hễ đại quân Kim vừa kéo tới là họ rút đi xa, trốn trong những miền hoang vu không thể nào truy kích được. Mục đích chuyến đi này là kêu gọi Khả hãn Khắc Liệt liên kết với Kim chặn đường thôi của bọn Thắt Đất. Thiết mộc Chân liền chớp ngay cái cơ hội ngàn năm một thuở này, không những để báo thù cho cha bị người Thắt Đất đầu độc mà còn để gây uy thế trong bộ lạc Mông Cổ cũng như trong toàn miền đồng cỏ. Liền sau đó, ông gởi một đội mã khoái “Tên bay” qua Khả hãn Tô ha Rin đề nghị phối hợp quân lực đi đánh Thắt Đất.

Đồng thời ra lệnh cho những đoàn trại Mông Cổ ở gần xứ Thát Đát phải tìm mọi cách xâm nhập vào xứ này dò xét lực lượng và vị trí đóng trại của họ.

Trận này, mặt trước phải đối địch với quân Kim, mặt sau bị liên quân Mông Cổ đánh bất ngờ, quân Thát Đát thảm bại. Tất cả những chiến lợi phẩm mà quân Thát Đát đoạt được ở nước Kim đều sang qua tay liên quân Mông cổ - Khắc liệt. Trong số đó có một món Thiết mộc Chân thích nhất là cái nồi bằng bạc với cái mền viền kim tuyến mà dân du mục chưa hề thấy bao giờ. Ông liền gọi về cho Bát Tê; nhưng đối với Thiết mộc Chân điều quan hệ hơn cả là lần thứ nhất ông đã tập hợp được tất cả các bộ lạc trên đất Mông Cổ dưới quyền chỉ huy của mình, xua họ ra mặt trận và chiến thắng vẻ vang.

Sau trận này tướng Kim gửi báo tiếp tin về triều có kể rõ công lao của hai Chúa Khắc liệt và Mông Cổ. Tô Ha Rin được Hoàng đế Kim phong Quốc vương xứ Khắc Liệt (nên về sau gọi là Vương Hãn) còn Thiết Mộc Chân được phong Đại Kim Quốc Bắc Cường Chiêu Thảo Sứ. Với chức tướng này, Thiết Mộc Chân có thể liên lạc trực tiếp với nước Kim gây một ưu thế riêng trong miền đồng cỏ và cũng là lần thứ nhất Thiết Mộc Chân xuất hiện trong lịch sử nước Kim (1194).

Được sắc phong vương tước, Tô Ha Rin hết sức thoả mãn càng quý mến nghĩa tử của mình. Thiết Mộc Chân cũng không bỏ lỡ dịp nào để tỏ lòng trung tín đối với vị chúa Khắc Liệt. Họ tổ chức chung một buổi lễ mừng chiến thắng và mừng tước phong rồi cùng đi săn trên lãnh thổ của Mông Cổ. Mông Cổ tặng cho Khắc Liệt nhiều tấm da quý với tất cả thịt săn được. Hai bên cam kết giữ bền chặt mối thân thiện và nếu chẳng may có việc gì lung củng xảy ra giữa hai xứ, hai vị chúa sẽ đích thân giải quyết theo tình hữu nghị.

Lúc chuẩn bị đánh quân Thát Đát, Thiết Mộc Chân có kêu gọi bộ lạc của Xát Sa và bộ lạc của Đài Su nhưng họ không tuân lệnh. Ông nói với các tướng: “Chúng nó đánh Biên Gò Đài, ngay trong lều của tôi, giờ lại không tuân lệnh đi đánh giặc. Ta không xứng đáng là Khả hãn của chúng nó sao?”

Ông liền thông báo cho Tô Ha Rin hay, rồi hai vị chúa liền mở cuộc hành quân trừng phạt hai tên tù trưởng bất tuân thượng lệnh. Xát Sa và Đài Su đều bị giết, hai bộ lạc bị tàn sát gần hết.

Lúc Tô Ha Rin bận đi đánh quân Thát đát, nhiều bộ lạc Nãi man tràn qua đất Khắc liệt cướp phá, Thiết Mộc Chân liền đem quân tới giúp nghĩa phụ quét sạch mấy bộ lạc đó.

Sau mấy vụ này tất cả những bộ lạc ở phía Bắc, phía Tây, phía Đông và Đông Bắc đều cảm thấy cuộc

liên minh này là một hiểm họa đối với họ. Từ đó, hết năm này đến năm khác, hoặc quân của Tô Ha Rin hiệp với quân của Thiết Mộc Chân, hoặc quân thiện chiến của Thiết Mộc Chân trợ lực quân Tô Ha Rin, lần lượt chinh phục những bộ lạc ương ngạnh: kẻ nào không đầu hàng vô điều kiện sẽ bị đánh bại chớp nhoáng, bị cướp sạch hoặc bị quét ra sa mạc hay vô rừng sâu. Tất cả của cải, súc vật đoạt được hai vị chúa đều chia đều nhau. Nhưng việc đối xử với tù binh hai người chủ trương khác nhau: tù binh trong tay người Khắc liệt đều bị bắt làm nô lệ. Thiết mộc Chân thì trái lại, ông chọn những tay thiện chiến cho gia nhập vào quân đội, cho họ cưới con gái Mông cổ và ngay sau lần xuất trận thứ nhất họ vẫn được chia phần chiến lợi phẩm. Nhờ vậy mà sau mỗi cuộc hành binh, quân đội Mông cổ càng đông càng mạnh hơn.

Sáu năm qua; đến năm thứ bảy (1201 sau T.C) Khả hãn những bộ tộc lớn bắt đầu thấy rõ trước sau gì họ cũng sẽ bị tấn công và đặt dưới quyền thống trị của Mông cổ.

Trác Mộc Hợp từ khi ly khai với Thiết Mộc Chân vẫn luôn luôn theo dõi hoạt động của người bạn quý tộc và tìm đủ mọi cách liên minh với các bộ lạc khác. Bọn Tút Sa tù trưởng Miệt Nhi, bọn Bạc Gút, Sen Dút, Ha Ta Kít, cùng với những bộ lạc Thát đất chưa thuần phục và bọn Sung Di Rát xưa nay coi dân Mông cổ như thứ dã man... đều qui tụ sau lưng Trác Mộc Hợp chống lại Thiết Mộc Chân. Họ cho Thiết Mộc Chân là một Khả hãn nguy hiểm, nhiều tham vọng, là người chủ trương xâm lăng và gây ra tất cả tai họa; vì từ mấy chục năm nay có bao giờ Tô Ha Rin nghĩ đến việc bành trướng thế lực của mình ra đâu.

Họ mở đại hội bên bờ sông Argoun, tổ chức một cuộc tế lễ vĩ đại chưa bao giờ có trong xứ du mục. Đồ tế gồm có bạch mã, bò rừng, chiên, chó. Trác Mộc Hợp hô to lên trước rồi mọi người nghiêm chỉnh xướng theo: “Hỡi Trời Xanh! Hỡi Thổ Thần! Các Ngài đã tạo ra những con vật này, hãy chứng giám lời thề của chúng tôi: nếu chúng tôi bội ước, làm tan vỡ cuộc liên minh như đã quyết định, chúng tôi sẽ chết thê thảm như những con vật này!” Xong rồi họ kéo lên triền đồi hạ một số cây to lăn xuống dòng sông và hét lớn lên: “Kẻ nào trong bọn ta phản bội lời thề, số phận sẽ như những cây này!” Rồi nhứt loạt bầu Trác Mộc Hợp lên làm Đại hãn (Hoàng đế) hội binh mưu diệt kẻ thù chung.

Trác Mộc Hợp lưỡng lự giữa hai kế hoạch: hoặc tức khắc xuất quân đi đánh Thiết Mộc Chân, hoặc chờ một số bộ lạc ở xa tới cho thêm hùng hậu. Nhưng chờ lâu thật bất lợi. Kẻ thù sẽ có đủ thời giờ phân phối lực lượng. Ngay bây giờ thì Tô Ha Rin đang đóng bên bờ sông Toula, Thiết Mộc Chân bên bờ Onon, họ ở xa nhau hàng trăm dặm và chưa biết gì. Sau cùng Trác Mộc Hợp quyết định: tấn công ngay lúc địch chưa phòng bị. Nhưng ông ta quên rằng Đài Xéch Sên có được mời mà không đến tham

dự buổi lễ tuyên thệ.

Thấy triệu chứng không lành Đài Xích Sên liền hoả tốc báo cho chàng rể hay tin. Chỉ trong vài hôm quân thám mã của Thiết Mộc Chân đã biết mọi mưu toan và nơi tập trung của bọn Trác Mộc Hợp.

Liên quân Trác Mộc Hợp trực chỉ kéo về phía sông Onon. Mới được nửa đường đã lọt ngay vào thế trận của Thiết Mộc Chân dàn sẵn ở một địa điểm trăm phần thuận lợi. Trong chớp nhoáng quân Trác Mộc Hợp bị đánh tan tành, Đại hãn chạy trốn chết mới được toàn mạng.

Thế là tất cả những lãnh thổ tiếp cận Mông cổ đều bị bỏ ngỏ. Nhưng trước khi xua quân đi chinh phạt để đặt vĩnh viễn những phần đất này dưới sự thống trị của mình, Thiết Mộc Chân cho truyền một mệnh lệnh như sau: “Phải đuổi giặc đến kỳ cùng không được dừng lại cướp chiến lợi phẩm. Khi nào toàn thắng, chiến lợi phẩm sẽ được phân chia theo công trạng của mỗi người.”

Nhưng đám quý tộc trong hàng thân thích như An Tăng, Cút Sa, Đa Di Đà đều có vẻ bất mãn trước “luật mới” ấy, cho như thế là trái với cổ lệ: ai đoạt được chiến lợi phẩm thì có quyền giữ lấy, đó là định luật thiêng liêng trong thế giới du mục. Họ thì thầm với nhau: “Có thể nào để cho Thiết Mộc Chân quyền phân phối chiến lợi phẩm như vậy? Chúng ta đều thuộc hàng quý tộc và bầu Thiết Mộc Chân lên làm khả hãn để ra một thứ luật như thế sao?”

Cho nên vừa dứt trận đánh, đám tướng lĩnh này ào tới xe tải đồ của Trác Mộc Hợp bắt cần việc truy nã địch. Thiết Mộc Chân nhìn thấy họ xông xáo cướp đoạt, thấy rõ vẻ mặt khinh thường mạng lệnh của họ, nhưng không buồn nói một tiếng. Đợi đến lúc thu quân về ông liền cho chiến sĩ bao vây đám quý tộc và bọn thuộc hạ của họ, lấy lại tất cả chiến lợi phẩm đem chia cho ba quân. Ba người đó không được một phần nào mà còn bị đuổi về trại “dưỡng già”. Họ cảm thấy nhục nhã ê chề, ít lâu sau âm thầm bỏ ra đi. Họ không ngờ đã bầu lên một khả hãn nghiêm khắc như vậy.

Chương VII VIỆC NHÀ MỚI KHÓ GIẢI QUYẾT

Từ đó với ba thước gươm và một cỗ nhung yên, Thiết Mộc Chân xua quân đoàn của mình qua các xứ láng giềng, từ bộ tộc này đến bộ lạc khác “xuống đông đông tịnh lên đoàn đoàn tan”.

Số người chưa qui phục còn lại chẳng bao nhiêu. Kẻ nào không thể rút vào rừng sâu hoặc ra sa mạc đành phải mang cống phẩm đến xin bề kiến, chịu thần phục và sáp nhập quân thiện chiến vào đại quân Mông Cổ.

Qua mùa hạ, để tránh cái nóng nung người – nóng đến vùi trứng xuống cát một lúc trứng chín như luộc - Thiết Mộc Chân cho quân đồn trú trong bóng mát rừng thông ở miền núi. Đến mùa Đông thì dẫn quân xuống miền nam tránh cái lạnh buốt xương (-40 độ). Trong cuộc truy quân, gặp sông rộng chắn ngang, tất cả ngựa đều được buộc cương liền nhau, binh sĩ vẫn ngồi trên lưng điều khiển cho ngựa lội qua dòng nước. Đến nơi nào cũng có thịt trù, sữa ngựa và cả đàn bà nữa. Lúc nhàn rồi thì mài gươm, dũa tên, rèn khí giới. Mùa hạ là mùa ngựa nghỉ ngơi dưỡng sức sau những cuộc dong ruổi vạn dặm. Đến mùa đông giống ngựa này biết tìm lấy thức ăn bằng cách dùng móng chân cào tuyết lên; chúng chẳng cần có lúa và chuồng trại kín đáo.

Chỗ nào dừng chân, nơi đó là nhà của người Mông Cổ; ngày nào đối với họ cũng tốt đẹp, đêm nào cũng dạ hội vui nhộn, họ thích nhất là ăn uống nhậu nhẹt với bạn bè.

Trong thời kỳ này có một lần Thiết Mộc Chân hỏi đám cận tướng của mình:

- Trong đời người điều gì làm cho mình thấy thích thú nhất?

Đa số đều đáp:

- Đi săn!

Kẻ nói săn theo lối đuổi dòn thú vào rọ; kẻ nói đi săn bằng chim ưng; kẻ khác cho rằng săn mãnh thú là tuyệt hơn hết. Trả lời cách nào Thiết Mộc Chân cũng lắc đầu. Sau cùng ông nói:

“Niềm hạnh phúc nhất trong đời người là chiến thắng kẻ thù, đuổi họ chạy dài trước mặt! Cỡi lên con ngựa cướp được của họ và đoạt tất cả những gì họ có; được thấy nước mắt chan hoà trên mặt những người thân yêu nhất của họ, ôm được vợ hoặc con gái của họ vào lòng!”

Bây giờ Thiết Mộc Chân đã đến tuổi bốn mươi. Trong 10 năm sau cùng của đời ông, ông xông pha trận mạc không biết bao nhiêu lần, lần nào cũng đẩy tan được kẻ địch, uy vũ bao trùm khắp bốn phương. Đời sống của quân nhân Mông Cổ bây giờ cũng rất sung túc nhờ chiến lợi phẩm đoạt được không biết cơ man nào kể.

Trong bốn người con của ông có ba người đã trưởng thành từng chiến đấu bên cạnh ông: Truật Xích, Sát Hợp Đài và Oa Khoát Đài; người nhỏ hơn hết là Đà Lôi, theo tục lệ, phải ở nhà với mẹ chăm sóc bày gia súc bên sông Onon. Ông có một người con gái nhưng chưa định gả cho viên tướng nào.

Lúc bây giờ cũng còn một vài bộ lạc dao động, khiến Thiết Mộc Chân chưa yên tâm. Thành linh một mã khoái từ đoàn trại Onon mang tin nhà đến: Mọi người trong gia đình Khả hãn và các ngài trong hàng quý tộc đều mạnh khoẻ bình an. Riêng Lệnh Bà nhắn gửi với Khả hãn như sau: Con ó làm ổ trên cây cao tưởng rằng không có loài nào đến phá hoại được, đâu ngờ có một con chim bé mọn tới làm vỡ trứng, giết hại đàn con và dầy nát ổ”.

Tức thì Thiết Mộc Chân đình cuộc chinh phạt lại, cho các chủ tướng mang quân trở về bộ lạc của họ. Phần ông thì dẫn quân Mông Cổ trở về đoàn trại nhà.

Càng gần tới trại nhà ông càng tỏ vẻ bồn chồn nghĩ ngợi. Ông ra lệnh dừng binh và hội các cận tướng lại. Toàn thể đều kinh ngạc lắng nghe lần thứ nhất vị Khả hãn bách chiến bách thắng giải bày nỗi khổ tâm của mình: lúc chinh phạt xứ Miệt Nhi, Tút Sa bại tẩu, một viên tướng Miệt Nhi ra hàng phục có dâng cho ông hai tặng phẩm, nàng Cúc Lan – con gái của ông ta – và một cái lều toàn bằng da báo. Cúc Lan có sắc đẹp lộng lẫy đến nỗi thoát nhìn Thiết Mộc Chân đã say mê lấy nàng làm vợ thứ. Ông nói với các tướng:

- Bà Bật Tê là vợ chính thức của ta từ thuở còn thanh niên do cha ta chọn lựa; bà là chủ gia đình, là mẹ của các con ta. Trong trận mạc ta đã lấy nàng Cúc Lan. Giờ đây trở về gặp mặt Bật Tê ta cảm thấy khó xử. Nếu xảy ra sự bất hoà ta rất xấu hổ trước mặt quân tướng. Ai trong các người có thể đi về trước khéo giàn xếp cho ta yên lòng?

Chín viên đại tướng từng xông pha giữa rừng gươm giáo ái ngại nhìn vị tướng của mình; ai cũng bối rối chẳng dám vội vàng lãnh cái sứ mạng tế nhị này: Gia Luật Mễ, Triết Biệt, Bác Nhĩ Truật cho đến lão Si Ra không ai dám nhận. Sau cùng Mộc Hoa Lê nhận lãnh sứ mạng của chúa giao phó. Các tướng đều thở ra nhẹ nhõm.

Quyển Mông cổ bí sử chép lại việc này như sau: “Mộc Hoa Lê về tới trại, lạy chào Bật Tê xong, đứng lặng thinh không nói một lời nào cả. Bà hỏi về sức khoẻ của Khả hãn và tất cả nhữn kẻ thân cận mà bà biết, sau cùng không hỏi gì nữa mới hỏi đến lý do cuộc hành trình của Mộc Hoa Lê”. Viên tướng làm ra vẻ thản nhiên chẳng chút vị nể chúa của mình:

- Ngài không theo phong tục tập quán cũ của dân ta, bất chấp lời can gián của hàng quý tộc. Ngài thích cái lều da báo sắc sỡ, và không đợi đến đêm tối, Ngài “ăn nằm” với nàng Cúc Lan ở những chỗ thật là

không tiện...

Bật Tê không thốt một lời bình luận nào cả, thừa biết đâu phải Thiết Mộc Chân chỉ có nàng Cúc Lan mà thôi. Lâu nay những gái đẹp bắt được trong các cuộc viễn chinh về thì đều như thế cả. Mộc Hoa Lê thấy đã đến lúc đi ngay vào đề:

- Ngài đã lấy nàng Cúc Lan làm vợ để bình định những bộ lạc ở xa... và vì vậy mà Ngài sai tiểu tướng về trình cho Linh Bà hay biết.

Bật Tê vẫn không đổi sắc mặt. Bà chỉ muốn biết Thiết Mộc Chân hiện đang đóng ở đâu. Mộc Hoa Lê không giấu giếm việc Khả hãn dừng quân cách đó vài ngày ngựa và chờ đợi quyết định của bà.

Lời phúc đáp thật dịu dàng ngoài dự đoán của Thiết Mộc Chân và Mộc Hoa Lê:

- Ý nguyện của ta cũng như ý nguyện của dân tộc đều đặt dưới uy quyền của Khả hãn. Ngài có thể kết bạn hoặc liên minh với ai mà Ngài thấy cần.

Trong chỗ lau sậy có rất nhiều con nga, con nhạn; Ngài thừa biết phải bắn bao nhiêu phát tên và có thể bắn đến lúc mỏi tay. Ta có câu tục ngữ: “Ngựa chưa thuần đâu chịu đóng yên cương”. Đàn bà ai chịu cảnh chồng chung? Nhiều vợ không phải là điều hay nhưng nếu Ngài cần phải có thêm mà ta ngăn cản chắc cũng bất lợi?

Suy nghĩ giây lát bà nói tiếp:

- Khả hãn nên ban cho Cúc Lan một cái lều mới.

Sau cuộc giàn xếp này, Thiết Mộc Chân nghe như trút được gánh nặng ngàn cân, tiếp tục trảy quây về Onon trong niềm hoan hỉ. Rồi truyền lệnh dựng riêng cho Cúc Lan một đoàn trại, có bày gia súc riêng ở gần trại của Bật Tê.

Về sau Thiết Mộc Chân còn lấy thêm nhiều người vợ nữa, trong số đó có những công chúa Tây Hạ, Ba Tư đẹp lòng lấy nhưng không ai được sủng ái bằng Cúc Lan. Đến nỗi bộ lạc của nàng về sau phản loạn bị ông tiêu diệt gần hết nhưng chỉ riêng có anh nàng được tha tội lại còn cho chỉ huy một đoàn vệ binh. Một lần nọ, bắt gặp Cát Xa đang liếc nhìn Cúc Lan một cách tình tứ, ông liền trị người em bằng một nhát gươm tưởng đã bỏ mạng. Và chỉ riêng Cúc Lan được ông đem theo khắp nơi xa lạ trong những cuộc viễn chinh ở các xứ miền Tây Á.

Nhưng ngày lên ngôi Đại hãn, Thiết Mộc Chân cho Bật Tê ngồi bên cạnh; chỉ các con của Bật Tê là được chia đất cai trị trong đế quốc và chỉ đám cháu của dòng này được quyền thừa kế ngôi Đại hãn. Ngay như Truật Xích không chắc là dòng máu của ông mà lớp con của Truật Xích sau này vẫn được trị vì trên một lãnh thổ rộng một phần tư thế giới. Còn các con cháu của Cúc Lan trước sau vẫn sống trong hàng dân giả Mông Cổ.

Chương VIII TIÊU DIỆT TOÀN BỘ QUÂN KHẮC LIỆT

Gọi Thiết Mộc Chân về vì Bát Tê cảm thấy một đại họa sắp xảy ra. Sau lúc thảm bại, Trác Mộc Hợp chạy đến nương nhờ thế lực của Tang Côn con của Tô Ha Rin. Họ hoạt động chung và đang chuẩn bị một trò gì đây...

Từ trước đến giờ Tang Côn luôn luôn phản đối cuộc liên minh giữa cha mình với Thiết Mộc Chân. Hắn cho rằng vị chúa Mông Cổ trèo quá cao... Rồi qui tụ tất cả những kẻ thù của Thiết Mộc Chân lại, mở rộng cửa đón tiếp tất cả các nhà quý tộc bất mãn như An Tăng, Cút Sa, Đa Di Đài. Bọn này kéo hết vi cánh đến Khắc Liệt, được đãi trọng hậu như bọn thân cận của Tô Ha Rin. Bát Tê nói:

- Đó chẳng phải là một điềm bất thường hay sao?

Thiết Mộc Chân vẫn còn nghi hoặc:

- Vương hãn với ta giao hảo từ bao nhiêu năm rồi, lúc nào ta cũng giữ một niềm trung thành chưa làm điều gì lỗi lầm. Và lại hai bên cam kết tin tưởng nhau, giải quyết mọi việc trong tình hữu nghị, có lẽ nào...

Bát Tê mới nhắc lại tất cả những chuyện cũ. Cuộc liên minh giữa Mông Cổ và Khắc Liệt thật ra có lợi cho Khắc Liệt nhiều hơn. Chỉ có lần đầu là Thiết Mộc Chân phải mượn thế lực của Vương hãn đánh quân Miệt Nhi để giải thoát Bát Tê, còn về sau chính Thiết Mộc Chân đã giúp cho Vương hãn rất nhiều. Khoảng mùa xuân năm 1196, Vương hãn bị người bào đệ là Át Kê Ka Ra mượn lực lượng của Nãi man về cướp ngôi. Ông ta phải trốn qua Tây Liêu nhờ chúa nước này giúp cho phục ngôi, nhưng bị Tây Liêu xua đuổi phải lưu vong khổ sở trong sa mạc Gobi, mới xin Thiết Mộc Chân về nương náu trong đất Mông Cổ. Thiết Mộc Chân chẳng những giúp cho chinh đốn lại đám tàn quân, còn phái quân Mông Cổ đưa ông ta về khắc phục lại ngôi cũ. Một người bào đệ khác của Vương hãn là Gia Gam Bu vì cuộc chính biến phải trốn qua nước Kim, Thiết Mộc Chân cũng phái quân hộ tống ông ta đi ngang qua bộ lạc Miệt Nhi để trở về xứ. Vậy mà sau đó, có một lần Vương hãn đơn phương đem quân đi đánh Miệt Nhi không cho Thiết Mộc Chân hay. Trận ấy ông ta đuổi được tù trưởng Miệt Nhi là Tóc Tô A chạy đến tận đông nam hồ Baikal, bắt rất nhiều tù binh và cướp vô số gia súc nhưng không chia một phần nào cho Thiết Mộc Chân. Chúa Mông Cổ không hề phàn nàn, đòi hỏi gì hết mà một lần khác vẫn nghe theo lời kêu gọi của Vương hãn hội binh đi đánh Nãi man. Lúc bấy giờ Y Năng Sơ đã chết, hai người con là Đài Bu Ga và Bu Di Rúc dành nhau một cung phi của cha. Lợi dụng cơ hội đó, Vương hãn và Thiết Mộc Chân tấn công Bu Di Rúc, đuổi đến hồ Oulingour và giết y ở đó. Nhưng qua mùa đông tướng Nãi man là Cốc Xê Gu bất ngờ phản công trở lại dữ dội, áp đảo mãnh liệt quân liên Mông Cổ - Khắc Liệt – Liệu thế không xong, nửa đêm khuya Vương hãn rút quân đi êm không cho Thiết Mộc Chân biết, khiến cho binh Mông Cổ triệt thoái trong cảnh hết sức khốn đốn. Đến vụ này lẽ ra cuộc liên minh phải tan vỡ nhưng Thiết Mộc Chân vẫn chưa lấy làm phiền nghĩa phụ của mình. Bấy

giờ quân Nãi man khí thế đang hăng kéo tới Khắc Liệt cướp phá. Gia Gam Bu và Tang Côn đánh không lại, rút cuộc cũng chạy đến cầu viện Thiết Mộc Chân. Ông liền phái bốn viên dũng tướng Bác Nhĩ Hốt, Mộc Hoa Lê, Xích Lão Ôn, Bác Nhĩ Truật điều động bốn quân đoàn tới giúp Tang Côn đuổi quân Nãi man...

Giờ đây Khắc Liệt đã rảnh tay cho nên Bột Tê lấy làm lo sợ.

Bàn bạc, suy tính xong, Thiết Mộc Chân liền gửi một đoàn sứ giả qua Khắc liệt hỏi cưới công chúa Sa Ua Ba Ki con của Vương hãn cho Truật Xích. Và đổi lại Thiết Mộc Chân sẽ gả Hoa Trang, con gái của mình cho một đứa cháu nội của Vương Hãn.

Ngờ đâu chuyện này giúp cho Tang Côn có một chứng minh cụ thể để thuyết phục cha mình: “Mưu toan của hãn quá rõ ràng, hãn muốn chiếm ngôi Khả hãn Khắc liệt. Đến khi phụ vương mất, hãn sẽ đòi hỏi cho Truật Xích kế vị. Cho nên hãn không tiếc những tặng phẩm quý giá cũng như thường chia chiến lợi phẩm cho người Khắc liệt nhiều hơn. Chẳng qua là một thủ đoạn để kéo người theo hãn. Thằng Mông cổ đó quả có tham vọng điên rồ. Hãn học đòi làm sang nên mới dám đến hỏi công chúa cho cái thằng Truật Xích chẳng biết con của ngọm nào? Ta phải trừ nó sớm đi kẻo sau này tai họa không biết đâu mà lường!”

Tô Ha Rin ban đầu bác bỏ luận điệu của con: “Ta thấy Thiết Mộc Chân có thiện chí chứ không như thế đâu! Hãn rộng lượng và lúc nào cũng tôn kính ta. Nay ta già rồi, tóc đã bạc, mày nên để ta chết trong cảnh thái bình.”

Nhưng Trác Mộc Hợp vẫn cứ xúi giục Tang Côn lôi cuốn người cha. Họ giở những lý do khác: đã đành Thiết Mộc Chân lúc nào cũng tôn kính phụ vương, bởi hãn cần nương thế lực của ta, nếu không thế hãn đâu được mạnh như ngày nay. Nhưng phụ vương hãy xét coi hãn đối với kẻ khác như thế nào. Trác Mộc Hợp cũng đã giúp hãn đánh bọn Miệt Nhi đem Bột Tê về, giúp hãn chống bọn Diệt Xích Ngột. Vậy mà hãn trở mặt đánh Trác Mộc Hợp chỉ vì hãn muốn tranh ngôi Đại hãn. Và đối với những nhà quý tộc Mông cổ đã nhường ngôi Khả hãn cho hãn, hãn cũng lần lượt tìm cách sát hại, cả những bà con thân thích như Tạc Gô Đài, Xát Sa. Còn An Tăng, Cát Sa, Đa Di Đài nếu không trốn đi ắt cũng chung số phận. Cái thứ rộng rãi của hãn chỉ là một thủ đoạn quỷ quyệt, nhờ đó mà lôi kéo được một số người Khắc Liệt ta. Ngày phụ vương băng hà rồi, chắc chắn Thiết Mộc Chân sẽ trở hết lòng tham không đáy của hãn ra, hãn sẽ lợi dụng những mâu thuẫn giữa các bộ lạc Khắc Liệt, gây điều tàn trên xứ ta. Xin phụ vương khoan nghĩ tới cuộc sống an nhàn trong tuổi già mà hãy nghĩ tới sự tồn

vong của dân ta.

Mãi rồi Tô Ha Rin cũng đâm ra băn khoăn “nghĩa tử của ta chẳng làm điều gì lỗi, nhưng biết đâu ta chết rồi hân chẳng trở giáo? Chi bằng sớm trừ hậu hoạ là tốt hơn.” Ông đi đến một quyết định:

- Nay Tang Côn, mày muốn làm gì thì làm, nhưng ta không thích nhúng tay vào vụ này.

Tang Côn chẳng đòi hỏi gì hơn. Tức thì hân gọi một đoàn sứ giả qua Mông Cổ, mời Thiết Mộc Chân hãy đích thân đến bàn về các chi tiết của cuộc hôn nhân. Đồng thời hân tập hợp các bộ lạc Khắc Liệt lại. Họ định đầu độc Thiết Mộc Chân trong bữa tiệc đón tiếp và liền theo đó xua quân qua tiêu diệt lực lượng Mông Cổ, phòng ngừa bọn tướng lãnh của Thiết Mộc Chân khởi binh phục thù cho chúa của họ.

Thiết Mộc Chân nhận lời mời rồi qua thăm mẹ và Muôn Lịch trước khi lên đường. Hai người này hết sức cản ngăn ông, quả quyết rằng chuyến đi này rất nguy hiểm: có lý nào Tang Côn và bọn cừu địch lại sốt sắng trong việc hôn nhân của em cháu mình thế? Bà U Luân đã biết quá nhiều về những vụ phản trắc, những vụ đầu độc, những cách thanh toán kẻ thù ở miền đồng cỏ này. Bà có cái linh cảm đây là một thứ bẫy.... Thiết Mộc Chân mới bỏ ý định qua Khắc Liệt, mà chỉ phái một sứ giả đi, giả vờ đặt lại vấn đề hôn nhân của hai đứa con để dò hư thực.

Tang Côn liền giục phụ vương: trong trường hợp này chỉ có một cách là phải hành động gấp rút cho Thiết Mộc Chân không trở tay kịp. Lúc bấy giờ hân đã tập hợp được một lực lượng đáng kể. Tô Ha Rin liền dẫn đám thuộc hạ và đại quân Khắc liệt tiến thẳng về phía đông.

Gần đến biên giới, tướng Khắc liệt là Dê Kê ra lệnh dừng quân chuẩn bị hàng ngũ. Lúc đó có hai đứa chăn chiên tên Ka Si Lích và Ba Đài trông thấy liền phi báo cho quân Mông Cổ hay.

Thiết Mộc Chân chỉ còn 4600 quân thường trực ở lại đoàn trại; bây giờ muốn tránh cũng quá trễ rồi, quân Khắc liệt sẽ tới khoảng giữa đêm mai. Tức khắc Thiết Mộc Chân cho đoàn mã khoái “Tên bay” phi ra khắp các ngã truyền cho các bộ lạc Mông Cổ phải tức tốc kéo về ứng chiến. Một mặt cho lừa hết súc vật đi ra các vùng đồng hoang vắng; đàn bà trẻ con phải thu nhặt hết của cải, đồ đạc chất lên xe cho lạc đà kéo đi nơi khác. Thiết Mộc Chân rút quân đi cách đó nửa ngày ngựa, dàn quân ở một vùng núi chờ địch. Tất cả lều trại đều để y nguyên; Gia Luật Mễ ở lại với một toán quân nhỏ, cứ đêm tới thì đốt lửa lên như thường lệ, lúc nào giặc tới mới được rút về nhập vào đại quân.

Quân Khắc liệt đã từng chiến đấu chung với quân thiện chiến của Mông Cổ, thừa biết sức nhau, nên không dám khinh địch. Họ chỉ hy vọng thắng quân Mông Cổ ở cái đòn công kỳ vô bị. Thấy lửa trại còn ánh lên rừng rực họ cũng chưa dám khinh động, cứ lặng lẽ tiến tới bao vây khắp các ngã. Một tiếng tù và rú lên nghe rộn mình giữa đêm tối âm u. Tiếp theo là muôn ngàn tiếng thét man dã, tiếng vó ngựa dập dồn tiến vào giữa các lều. Họ quyết dẫm nát, giết sạch bọn Mông Cổ đang say ngủ. Nào ngờ chỉ là một cái đoàn trại trống rỗng không có một bóng người. Quan sát kỹ họ mới thấy địch vừa rút đi hấp tấp, còn bỏ lại những món ăn đang ăn dở, những vật dụng nhà bếp rải rác trên mặt đất. Đoán biết kẻ địch mang theo đàn bà trẻ con và súc vật tất kèn càng khó chiến đấu và không thể đi nhanh được, họ liền lao mình vào bóng tối đuổi theo.

Trong lúc đó Thiết Mộc Chân bình tĩnh chuẩn bị cuộc xáp chiến, cắt đặt phận sự cho các tướng.

Đại quân của Tô Ha Rin chưa kịp tới mặt trận thì cánh tiền quân của họ đã bị tiêu diệt trọn. Địa thế ở vùng núi Khingan thật bất lợi cho phe tấn công, họ không thể dàn quân ra được. Nhưng quân Mông Cổ quá ít nên dù hết sức can đảm và kiên trì cũng đành phải lui dần trước cái biển người Khắc liệt.

Thiết Mộc Chân có dự liệu sẵn chiến thuật đánh tập hậu gây rối hàng ngũ địch để gỡ nguy phần nào; vào phút chót bỗng một lá hiệu kỳ phát phối ở chân đồi phía hậu quân Khắc liệt, nhìn lại thì ra tướng Mông cổ Quy Dinh Đa. Tô Ha Rin phải chia quân ra đánh hai mặt. Toán Mông cổ ở chân đồi chống cự cực kỳ anh dũng, đánh bật hàng chục đợt tấn công của địch. Tang Côn bị lão tướng Dục Sơ Đài bắn một phát tên trúng mặt rơi xuống ngựa.

Tô Ha Rin thấy không thể giải quyết trận đánh trong một ngày được liền thu quân và đóng trại nghỉ ngơi. Họ không sợ bị phản công vì quân Mông cổ đã kiệt lực. Một số lớn quân thiện chiến đều tử trận, nhiều tướng tài bị thương nặng. Bác Nhĩ Truật, Bác Khô La, Oa Khoát Đài – con thứ ba của Thiết Mộc Chân – đều mất tích.

Nghe các tướng báo cáo những tổn thất, mặt Thiết Mộc Chân vẫn thản nhiên, ông chỉ nói vắn tắt: “Hai viên tướng đó đều là bạn trung thành của chúng ta. Họ cùng chết một lượt vì họ không bao giờ muốn xa nhau.”

Nhưng một lát sau Bác Nhĩ Truật trở về, kể đó Bác Khô La trên lưng ngựa đeo thêm Oa Khoát Đài nằm sóng sượt như một cái xác, Bác Khô La mặt bê bết máu vì ông ta vừa nức vết thương của Oa

Khoát Đài. Trước cảnh này Thiết Mộc Chân không sao cầm được giọt lệ, nhưng vẫn không chịu bỏ cuộc, cho dời thương binh đi và tìm cách săn sóc họ.

Trong tình trạng này ngày mai làm sao có thể tái chiến? Ai nấy đều cảm thấy chỉ còn một cách là rút chạy gấp nếu không chắc chắn sẽ bị tiêu diệt. Các tướng đều đồng thanh xin Thiết Mộc Chân cho lệnh rút quân, nhưng ông lắc đầu: nếu đại quân rút trước thì cánh quân ở bên đồi sẽ bị thảm sát. Theo ông thà tử chiến với quân địch để cùng chết chứ không thể bỏ những chiến sĩ trung kiên. Cho đến lúc người lính cuối cùng ở bên đồi về tới, ông mới cho cấp tốc nhổ trại, thúc quân mã đem hết tàn lực ra tẩu thoát.

Về sau khi trở thành vị Chúa của toàn thể dân du mục, Thiết Mộc Chân nâng mỗi tình thủy chung ấy lên thành một thứ luật sắt. Đơn vị nhỏ nhất của quân đội gồm có chín người với một Thập phu trưởng phải cùng sống chết với nhau; thà bị địch giết sạch còn hơn là bỏ một người bạn bị thương. Kẽ nào bỏ bạn đồng đội sẽ bị tử hình không có trường hợp giảm khinh.

Cuộc bại binh này gây ra những hậu quả tai hại không nhỏ. Các bộ lạc được Thiết Mộc Chân gọi đến trợ chiến đều tìm cơ thoái thác. Đa số tù trưởng cho rằng Thiết Mộc Chân đã vượt quá quyền hạn Khả hãn của mình: việc quan hệ như chiến hay hoà phải do họ quyết định chứ không thể bắt họ phải cúi đầu vâng theo. Mà giờ đây tại sao họ còn phải đi đánh giặc? Bao nhiêu năm nay họ đã dự hằng trăm trận, có nhiều của cải, có thừa đàn bà, nhiều nô lệ và súc vật rồi; họ đang ở trên những đồng cỏ xanh tươi thế này tại sao phải bỏ cái đời sống sung túc lao mình vào chỗ mệt nhọc nguy hiểm? Cứ thủ phận thì chẳng việc gì xảy ra, ngược lại họ sẽ bị vạ lây nếu theo Thiết Mộc Chân. Chắc chắn Tô Ha Rin sẽ tàn sát vợ con họ và cướp hết súc vật. Cuộc chiến đấu này là việc riêng của Thiết Mộc Chân, nếu ông ta bại càng tốt, họ sẽ được tự do hành động hơn.

Riêng Thiết Mộc Chân và bọn thuộc hạ tình cảnh thật bi thảm, họ không biết trông cậy vào sự cứu giúp của ai nữa. Phải trốn lánh những đồng cỏ có đông người ở, những con đường có kẻ qua người lại. Họ ẩn núp trong những vùng căn cõi tiêu sơ; cả người và thú phải uống nước bẩn ở vũng sinh lầy; rồi thêm một số người bỏ ra đi vì hết chịu đựng nổi. Dù vậy, những người còn ở lại đồng thể giữ dạ trung thành, quyết không bỏ nhau, cùng nhau san sẻ niềm vui nỗi khổ. Nhưng không nơi nào họ ở lâu được, phải chạy, chạy mãi về hướng đông vì lúc nào cũng có quân Khắc Liệt đuổi theo.

Trong cuộc bại tẩu này, mái tóc của Thiết Mộc Chân bắt đầu có những mảng bạc trắng. Bọn tùy tướng ngạc nhiên, một hôm hỏi ông, tại sao ông chưa bước qua tuổi già mà lại như thế, ông liền đáp

chẳng cần một giây suy nghĩ: “Vì Trời muốn trao ngôi cao cả cho ta nên mới ban cho những nét tôn nghiêm như vậy”.

Ông không bàn bạc với ai, không than thở cảnh mặt lộ và tự tìm một con đường thoát: gởi sứ giả đến Tô Ha Rin, nhắc với vị quốc vương những công lao của mình trước kia và những lời cam kết giữa hai người. Ông bắt sứ giả phải học thuộc lòng những lời sau đây để chuyển lại Tô Ha Rin:

“Hỡi nghĩa phụ! Vì sao nghĩa phụ lại phần nộ đến mức đó? Nếu Thiết Mộc Chân này có điều lỗi lầm xin nghĩa phụ cứ quở trách thẳng thắn cần chi đến phải xua binh qua dày xéo dân Mông Cổ? Nghĩa phụ nên an hưởng tuổi già, bày chi cảnh chiến tranh tàn khốc. Nghĩa phụ và các bạn Tang Côn, Trác Mộc Hợp cùng tất cả các bạn khác hãy phái đại biểu mở hội nghị, chúng ta có thể giải quyết mọi thắc mắc, hiềm khích, tái lập lại hoà bình...”

Đồng thời gởi sứ giả tới An Tăng, Cút Sa, Đa Di Đài đề nghị với họ y như thế.

Lời phúc đáp thật quá phũ phàng; Tang Côn thay mặt cho tất cả trả lời như sau: “Chúng ta cần nói với hãn bằng gươm giáo!”

Thiết Mộc Chân rơi vào cái thế tuyệt vọng; bọn Tô Ha Rin cứ đuổi nà theo, ông phải chạy mãi về miền đông cho tới hồ Baldchoun chỗ giáp giới nước Kim, tới đây địch quân mất dấu không tìm được nữa.

Ngờ đâu tới bước cùng đồ này mới có lối thoát. Các bộ lạc miền đông nghe tin quân Khắc liệt hễ kéo tới đâu là cướp bóc tàn sát tới đó, họ sợ hãi quá liền kéo theo Thiết Mộc Chân để hợp sức đối phó, lại thêm nhiều cánh quân của mấy bộ lạc bị Thát đát đánh đuổi cũng chạy dồn về đây.

Và một hôm, đột nhiên Đa Di Đài đến xin gặp Thiết Mộc Chân trước nỗi ngạc nhiên của mọi người. Nhờ bọn này Thiết Mộc Chân mới hay biết những tan vỡ xảy ra trong nội bộ phe Tô Ha Rin. Vương hãn đâm ra kiêu căng hống hách, đối xử khắc nghiệt và bất công với bọn quý tộc Mông Cổ. Ông ta dành hết chiến lợi phẩm chỉ chia cho họ chút ít chiếu lệ. Bọn quý tộc Mông cổ cho rằng bọn này Thiết Mộc Chân bị chặt hết móng vuốt không đáng lưu tâm tới nữa; họ âm mưu với nhau quật Tô Ha Rin xuống giết đi để được tự do xây dựng cơ đồ riêng. Rủi cho họ có kẻ phản bội làm âm mưu tiết lộ, Tô Ha Rin liền quay giáo lại tiên hạ thủ, cướp phá sạch và cho lùng bắt họ về nghiêm trị. An Tăng, Cút Sa, Trác Mộc Hợp đều trốn qua xứ Nãi Man, riêng Đa Di Đài còn nghĩ đến tình nghĩa họ hàng nên tìm theo Thiết Mộc Chân.

Dù không có bọn quý tộc Mông cổ lực lượng Khắc Liệt vẫn còn hùng hậu, Thiết Mộc Chân không thể dàn trận chiến đấu công khai được. Ông phải nán đợi Cát Xa trở về, dẫn cánh quân của chàng đến tiếp ứng; nhưng giữa đường rủi thay Cát Xa bị quân Vương hãn chặn đánh tan tành, phải chống đỡ hết sức gay go mới trốn thoát được với một số tàn quân. Lúc tới trại Thiết Mộc Chân thì Cát Xa đã kiệt lực dờ sống sờ chết.

Mùa thu đã già nửa rồi, với tình trạng này làm sao chịu đựng nổi mùa đông khốc liệt sắp tới? Thiết Mộc Chân thấy không thể chần chờ nữa được phải hành động gấp rút ra sao thì ra. Ông liền dùng một mưu chước quỷ quyệt: sai hai kỵ binh tin cẩn của Cát Xa vừa bại trận mặt mày còn hốc hác thiếu não, ngựa thì què quặt, đi tìm Tô Ha Rin nói rằng Cát Xa phái đến xin qui hàng. Sứ giả như thế đủ chứng minh chủ của họ đang ở trong tình trạng tuyệt vọng và Tô Ha Rin có hỏi đến Thiết Mộc Chân thì cứ nói Cát Xa tìm mãi mà không ra tông tích.

Vương Hãn quả không nghi ngờ gì nữa, Cát Xa hẳn không dám dờ trò man trá vì tất cả lều trại, vợ con đều ở trong tay quân Khắc Liệt, hơn nữa tất cả bọn thám mã đều báo cáo Thiết Mộc Chân đã mất tích thật sự. Vả lại nếu được Cát Xa về thần phục thì đó là một điều hay, một đòn dẫn dắt những tù trưởng còn nuôi ý trung thành với Thiết Mộc Chân.

Theo cổ lệ, Tô Ha Rin chích huyết nhỏ lên một cái sừng thê bỏ qua chuyện cũ và thu nhận Cát Xa vào hàng thân thuộc của mình. Rồi gọi sứ giả đi theo hai kỵ binh tới gặp Cát Xa buộc phải thề trung thành với Vương hãn cũng theo thể thức như vậy. Trong lúc đó quân Khắc Liệt chuẩn bị ngày lễ long trọng vừa để tiếp đón Cát Xa vừa ăn mừng ngày toàn thắng quân Mông Cổ.

Đám sứ giả của Vương hãn hết sức kinh ngạc lúc được dẫn tới trước mặt Thiết Mộc Chân. Khả hãn Mông Cổ chỉ hỏi một ít điều rồi truyền lệnh cho binh sĩ nhổ trại lên đường, ngựa phi bất kể đêm ngày.

Quân Khắc Liệt đình ninh rằng kẻ thù đã bị tận diệt nên chẳng buồn ngó ngang đến khí giới, họ chỉ nghĩ đến những trò vui nhộn trong ngày liên hoan.

Giữa đêm khuya – cũng giữa đêm khuya- sau một hồi tù và âm u rùng rợn, thiên binh vạn mã Mông cổ từ bốn phía ào tới trại Khắc Liệt như một trận sóng tràn bão táp. Trong phút chốc, quân Khắc Liệt bị giết thây chất ngồn ngang khắp mặt đất. Một vài cánh quân toan chống cự liền bị quân Mông Cổ trấn áp, mỗi hạm thù dồn chứa bấy lâu nay được dịp tung ra thành một trận sát phạt kinh hồn; người Khắc Liệt nào gục xuống là bị vằm ra trăm ngàn mảnh vụn. Nhiều đại đội kéo ra quy hàng. Tô Ha Rin và Tang Côn nhờ một bọn vệ sĩ tận lực che chở, thừa lúc hỗn loạn trốn thoát được.

Chỉ một đòn chớp nhoáng ác liệt, Thiết Mộc Chân khôi phục lại trọn vẹn uy quyền cũ bù lại những ngày bị thảm ở chốn sơn cùng thủy tận. Quân Mông Cổ chẳng những lấy lại những của cải bị cướp

đoạt mà còn thu được vô số chiến lợi phẩm gồm tất cả đồ đạc, binh khí, lương thực của quân địch mang theo. Thiết Mộc Chân đem phân phát tất cả cho những chiến sĩ trung kiên.

Bây giờ lãnh thổ Khắc Liệt đang bỏ ngõ không còn một lực lượng nào bảo vệ, ông liền thúc quân sĩ lên đường truy đuổi giặc.

Tang Côn chạy về miền Tây trốn qua xứ Thổ Phồn. Còn một ít tàn quân hãn dẫn đi cướp bóc dân lành ở dọc biên cảnh để sống qua ngày; ít lâu sau hãn bị quân Thổ Phồn bắt giết. Tô Ha Rin thì chạy lên đường Tây Bắc trốn qua xứ Nãi Man, chẳng được bao lâu lại sa vào tay hai vị thân vương Nãi Man trước kia đã bị ông ta cho quân qua lãnh địa sát phạt cướp bóc. Ông chết một cách thảm thê dưới lưỡi gươm báo thù của họ.

Chương IX BÌNH NÃI MAN

Lãnh thổ Nãi Man là một vùng núi non giăng dài theo rặng Altai, ở khoảng giữa thượng lưu sông Irtych và sông Sélena (vùng Kobdo ngày nay). Dân Nãi Man chịu ảnh hưởng của văn hóa Thổ Phồn và Tây Liêu, trình độ văn minh cao hơn người Mông Cổ. Khoảng đầu thế kỉ XIII, đa số dân chúng đều theo Cảnh giáo, nhưng ảnh hưởng của hạng Pháp Sư vẫn còn mạnh mẽ, nhiều người tin rằng khi có chiến tranh các pháp sư có thể hô phong hoán vũ.

Lúc đó do hai quốc vương anh em trị vì: phần phía Tây gồm dãy Đại Altai và những chi nhánh, thuộc Khả Hãn Bui-Rúc, phần phía đông thuộc Bai-Bu-Ka. Trước kia, I-Năng-Sơ thân phụ của họ làm đại hãn cai trị toàn cõi, là người có công chinh phục dựng thành một đế quốc hùng mạnh nhất trong miền du mục. Sau khi đại hãn chết, đế quốc mới phân đôi và bắt đầu suy yếu, thường bị dân Khắc Liệt quấy nhiễu.

Giết Tô-Ha-Rin rồi hai thân vương cắt đầu mang đến dâng cho Bai-Bu-Ca để được khen thưởng, nào ngờ họ lại bị khiển trách nặng nề vì hành động ấy thật thất chính trị, lẽ ra phải giải Tô-Ha-Rin đến khả hãn. Ông ta còn sống mới có lợi, Bai-Bu-Ka sẽ dung dưỡng để dân Khắc Liệt nuôi hy vọng quật khởi chống Thiết Mộc Chân, vì theo lời Trác Mộc Hợp khả hãn Mông Cổ là mối hiểm họa lớn lao cho toàn thể dân du mục.

Bây giờ đã lỡ giết Tô-Ha-Rin thì phải mưu tính cách khác. Bai-Bu-Ka cho giát bạc cái sọ của Tô-Ha-Rin rồi đặt lên một chỗ cao trước ngai đại hãn, mặt sọ quay về hướng Đông để nhắc nhở ông ta đừng quên cái hiểm họa đã gần kề xứ Nãi Man. Đồng thời cho sứ giả mang một bức thơ qua xứ Ong-gut dâng cho khả hãn Tê-Kinh. Dân Ong-gút ở về phía Đông Nam sa mạc Go-bi, phía Bắc tỉnh Sơn Tây, lúc đó thuộc đế quốc Kim.

Một đoạn trong bức thơ của Bai-Bu-Kai cho thấy Thiết Mộc Chân chẳng ra quái gì dưới con mắt của họ:

“Tôi vừa được báo tin trong đế quốc của chúng ta có một thằng nhãi mới xuất đầu lộ diện tự xưng cái gọi là “khả hãn Mông Cổ”. Hắn chỉ nhìn lên mây xanh, muốn chinh phục cả mặt trời, mặt trăng. Ngài thử nghĩ: một cái vỏ có bao giờ chứa hai cây kiếm, một thể xác cũng không thể đựng được hai linh hồn, cũng như một đế quốc không thể có hai đại hãn được. Ngài hãy giúp tôi tước lấy cây cung và mũi tên của thằng nhãi cho rồi đó.”

Nhưng quyền lợi của người Ong-gút đâu giống với quyền lợi của người Nãi Man. Tê-Kinh lại muốn cho dân Mông Cổ lập được một quốc gia có tổ chức, có kỷ luật hơn là để tình trạng phân tán thành bộ

lạc nghèo đói, lúc nào cũng thèm khát những ruộng nương, những đô thị thịnh vượng của họ. Mỗi lần các bộ lạc ấy tràn xuống cướp phá vùng biên cảnh nước Kim, họ phải đi qua xứ Ong-gut thì dân Ong-gut là nạn nhân trước tiên. Rồi khi nước Kim đi tiêu trừ các bộ lạc, họ cũng kéo ngang qua xứ này, dân Ong-gut lại bị một phen dày xéo. Tê-Kinh mong cho dân Mông Cổ có một vị chúa đầy đủ uy quyền kiểm chế các bộ lạc du mục lại và sẽ không bỏ lỡ dịp bắt tay với vị chúa ấy. Cho nên thay vì giúp Nãi Man như bức thư kêu gọi, Tê-Kinh liền sai sứ giả qua Mông Cổ cho Thiết Mộc Chân hay mưu toan của Bai-Bu-Ka.

Lúc bấy giờ đã qua tiết đông, lợi dụng lúc nghỉ ngơi, Thiết Mộc Chân chăm lo củng cố lực lượng lại. Trước hết là các bộ lạc đã quy phục. Mỗi đoàn trại phân thành nhiều khóm (ayil), mỗi khóm gồm có 9 lều; dân chúng 9 lều đều đặt dưới sự chỉ huy của của một người trưởng thuộc lều thứ mười. Chín người trưởng này đặt dưới sự chỉ huy của người trưởng coi 100 lều.

Với cách tổ chức này, họ có thể điều động mau lẹ dân trong các bộ lạc chống lại các cuộc đột kích bất thành linh; hơn nữa mỗi người trưởng là một đại diện của khóm được tham dự Hội đồng quý tộc (Kouriltai).

Cuộc chiến chống Tô-Ha-Rin vừa qua đã cho ông một kinh nghiệm là những quyết định quan trọng phải nương theo những tục lệ, tập quán cũ, để cho các trưởng khóm dự vào Hội đồng trình bày ý kiến và biểu quyết.

Nhân nguồn tin của Khả Hãn Ong-gut, mùa xuân năm 1202 ông triệu tập Kouriltai, thông báo cho mọi người rõ mưu toan của Bai-Bu-Kai. Phe trưởng khóm đều cho là không thể tránh khỏi chiến tranh nhưng chưa thể phát động ngay bây giờ vì vừa mới qua mùa đông, ngựa bị thiếu ăn đều gầy mòn, cần để chúng dưỡng sức trọn mùa xuân này, cho đến mùa hạ, hay hơn nữa là mùa thu mới được. Nhưng Biên-Gô-Đài, Đa-Di-Đài, Muôn-Lịch và nhóm cận tướng; nhóm Trung Kiên (Terkhanes) lại cho rằng thắng giặc là nhờ ở xuất kỳ bất ý chứ không phải nhờ ngựa khỏe. Phe này lại thuộc đa số đồng ý với Thiết Mộc Chân. Hội đồng quyết nghị: phát động ngay cuộc chiến tranh chống quân Nãi-Man.

Thiết Mộc Chân vẫn áp dụng chiến thuật quen thuộc là bắt buộc địch quân phải chiến đấu ở địa điểm do ông lựa chọn. Ông triệu quân đến một cánh đồng có nhiều mục trường ở cận ranh giới Nãi Man và dàn ra đó chờ Bai-Bu-Ka. Lần này không còn thứ quân ô hợp của các bộ lạc nữa mà là một quân đội có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh.

Bai-Bu-Ka án binh tại vùng núi Khangai (gần Karakorum ngày nay) lặng lẽ chờ đợi quân Mông Cổ. Ông ta tập hợp được 8 vạn quân, ngoài chiến sĩ Nãi Man còn có bọn Miệt-nhi, Thát-Đát, đám tàn quân Khắc Liệt và đám Trác Mộc Hợp.

Thấy giặc cứ án binh giữ thế thủ, Thiết Mộc Chân liền đổi chiến lược: giao cho Triết Biệt dẫn một cánh tiền quân tiến vào đất địch khiêu chiến, hễ giặc đánh thì phải chạy, còn đại quân thì sẽ âm thầm kéo theo sau.

Quân Nãi Man thấy địch không có tinh thần chiến đấu, ngựa lại gầy yếu, mỗi một liền ồ ạt tiến công. Thật ra Bai-Bu-Ka đã định nhử quân Mông Cổ vào sâu hơn nữa tới một hiểm đạo có quân mai phục; nhưng kỷ luật của họ lỏng lẻo, bọn tướng không tuân lệnh khả hãn, cho rằng quân số của địch ít hơn, trang bị lồi thoi không có gì đáng sợ. Tướng Rô-Ri-Su nói với Bai-Bu-Ka: “Hồi thân phụ của Ngài còn sống làm gì địch quân nhìn thấy lưng chúng ta được. Nếu Ngài có sợ thì trở về yên ấm với vợ con. Chúng tôi quyết trừng trị bọn Mông Cổ này, sẽ gom lại và lừa về đây như một đàn trư cho Ngài xem.”

Bị chạm tự ái, Bai-Bu-Kai gầm thét lên ra lệnh tiến quân, quyết giết sạch kẻ địch chấm dứt chiến cuộc.

Quân Mông-Cổ đã dàn sẵn thế trận; cánh Trung quân do Cát-Xa chỉ huy có nhiệm vụ đương đầu mũi nhọn tấn công của Nãi Man; Thiết Mộc Chân đích thân chỉ huy một cánh quân khác quấy rối địch và phản kích trở lại. Mông Cổ bí sử dành một đoạn tả lại chiến trận này như sau:

“Bai-Bu-Ka bị thương nặng, bọn tả hữu phải chõ y lên nằm trên triền đồi. Y vẫn theo dõi mặt trận và lấy làm lo ngại hỏi Trác Mộc Hợp:

- Bọn tướng đang đuổi quân ta như chó sói đuổi bầy trư kia là ai vậy?

Trác Mộc Hợp đáp:

- Đó là bốn con chó nuôi bằng thịt người của Thiết Mộc Chân. Hắn phải dùng xích sắt cột chúng nó vì chúng có răng bén, móng nhọn với trái tim sắt đá; chúng dùng mã tấu để khiên ngựa, phi nhanh như gió cuốn; ngoài mặt trận chúng chỉ uống sương và thịt người. Bây giờ được tháo xiềng chúng tha hồ cắn xé vậy mà mõm vẫn còn rõ dãi. Bốn con chó đó là Triết Biệt, Bác Nhĩ Truật, Gia Luật Mễ, Tóc Bất Đài.

Bai-Bu-Ka lại hỏi:

- Còn người nào ở phía sau mặt trận đang phi ngựa tới dáng nom như con điều hâu đoi kia?

Trác Mộc Hợp đáp:

- Thiết Mộc Chân đấy! Hắn thuộc thứ người mình đồng da sắt. Quả hắn là một con điều hâu đoi đáp

xuống xứ này. Hãy xem hấn tiến về phía chúng ta kìa! Ngài nói quân Mông Cổ đến đây chẳng khác nào con tràu bị đặt trên thớt thịt chắc chắn sẽ còn lại móng và sừng mà thôi. Giờ hãy xem họ..."

Bai-Bu-Ka nghe tới đây thì lịm dần rồi tắt thở. Ngoài mặt trận, đòn cân thăng lợi đã nghiêng về bên Mông Cổ. Trác Mộc Hợp liền thu quân của mình về, chỉ còn bọn Kô-Ri-Su rán cầm cự đến chiều tối, bọn Miệt Nhi lại bỏ chạy nốt, bây giờ quân Nãi Man mới hoàn toàn tan rã.

Lần này đối với kẻ chiến bại Thiết Mộc Chân có một đường lối rõ rệt. Ông nghiêm cấm chiến sĩ cướp giựt, phá hoại, không giết tù binh thuộc cấp tướng và thuộc hàng tôn thất; khí giới bắt được đều trả lại cho họ để họ phục vụ ông như đã phục vụ chúa cũ, bắt công chúa I-Ba-Ka về làm phi và cưới công chúa Sọt- Ha-Ta-Ni cho Đà Lôi. Ông cố gắng thúc đẩy dân Mông Cổ tập nhiễm văn minh Nãi Man đồng thời tìm cách pha trộn hai dân tộc lại.

Sử chép rằng sau trận Nãi Man ít lâu, quân Mông Cổ có bắt được một người ăn mặc sang trọng không mang khí giới nhưng lại mang một món đồ kì lạ. Giải đến Thiết Mộc Chân ông ta khai là Ta-Ta-Tung-Gô người Thổ Phồn, trước làm chuông ấn cho Bai-Bu-Ka. Món đồ kì lạ đó là cái ấn của khả hãn. Ông ta giải thích cho Thiết Mộc Chân hiểu công dụng của nó và ý nghĩa những chữ Thổ Phồn khắc trên đó. Tuy xuất thân từ một dân tộc không hề có chữ viết, Thiết Mộc Chân cũng nhận được giá trị và tầm quan trọng của nó liền phong cho Ta-Ta-Tung-Gô làm chuông ấn Mông Cổ kiêm luôn việc dạy chữ nghĩa cho các vương tử và con của các tướng lãnh. Từ đó văn tự Thổ Phồn trở thành văn tự chính thức của Mông Cổ. Sau này hiểu rõ văn hóa Trung Hoa và văn hóa Hồi cùng trọng dụng những người tài giỏi, Thiết Mộc Chân vẫn không chấp nhận hai nền văn hóa ấy vì đối với ông đó là thứ văn hóa đô thị: nhu nhược, quá xa lạ còn văn hóa Thổ Phồn có tính chất thích hợp với dân du mục hơn.

Nhưng chỉ riêng với dân Nãi Man Thiết Mộc Chân mới áp dụng chính sách hòa dịu nói trên, còn đối với những địch thủ khác ông thẳng tay sát phạt chẳng chút thương hại, như đối với dân Thát Đát chẳng hạn. Ông sai Truật Xích thống lĩnh một một quân đoàn đi tiêu trừ bọn Thát Đát, khiến cho vị vương tử hết sức bối rối vì không thể thẳng tay đối với dân tộc bên vợ. Truật Xích bị cha nghiêm khắc cảnh cáo đành phải tàn phá xứ Thát Đát, sáp nhập quân đội của họ vào quân đội Mông Cổ.

Tút-Sa thì dẫn quân Miệt Nhi chạy trốn vào rừng sâu, Gui-Sơ-Lúc, con của Bai-Bu-Ka chạy về vùng núi Altai thuộc lãnh thổ của khả hãn Bui-Rúc. Bọn An-Tăng, Kút-Sa sau đó đều bị bắt và bị hành hình.

Trác Mộc Hợp bị quân Mông Cổ đuổi theo đến tận kỳ cùng không sao thoát khỏi trùng vi. Vào phút

cuối cùng bọn vệ sĩ của ông ta liền trở giáo cột dính ông ta trên lưng ngựa dẫn đến nạp cho một viên tướng của Thiết Mộc Chân.

Nghe báo cáo, khả hãn ra lệnh đem chém tức khắc bọn chiến sĩ đã bắt Trác Mộc Hợp, luôn cả vợ con của họ không chừa một người nào. Ông hét to lên giữa một cơn phẫn nộ: “Làm sao dung tha được cái thứ người phản bội đem bán chúa của mình để cầu mạng sống?”

Xong rồi mới nói với Trác Mộc Hợp:

“Xưa kia tao với mày không lúc nào rời nhau như hai cái gọng của một chiếc xe vậy mà mày nỡ phản bội tao. Dù như thế tao vẫn muốn nói lại tình nghĩa xưa, tao với mày thử làm sống lại những kỷ niệm thuở ấu thời chẳng hay hơn sao? Những lúc phải đối chọi nhau ở chiến trường lòng tao đau như thắt, chẳng biết mày có cảm thấy như thế không?”

Nói xong truyền lệnh thả hãn đi. Nhưng Trác Mộc Hợp khoát tay:

- Ngày xưa tao với mày chia sớt từng bữa ăn bên bờ suối, ngủ cạnh nhau và bàn bạc những gì tao vẫn không quên. Giờ đây nhớ tới lời thề cũ và được mày tha thứ tao càng thấy xấu hổ, còn mặt mũi nào để nhìn mày nữa! Người bội bạc như tao nghĩ có sống cũng chẳng giúp ích gì cho mày, chẳng qua như con rệp trong cái áo, cái gai trong thắt lưng làm mày khó ngủ yên được. Mày cứ giết tao đi cho đỡ một mối lo, hồn tao sẽ phù hộ cho con cháu mày. Tao thất bại chỉ vì tao không thuộc dòng quý tộc mà thôi. Xin cho tao được chết toàn thây là đủ mãn nguyện lắm rồi!

Thiết Mộc Chân trở vô trong viên môn nói với các cận tướng:

- Ta muốn nói lại nghĩa cũ mà nó cứ chối từ: ta tiếc mạng sống của nó (mà nó?) chẳng màng, biết làm thế nào bây giờ? Các ngươi cứ giết nó đi và chôn cất nó cho tử tế.

Trác Mộc Hợp bị đặt nằm dưới một đồng thảm, rồi một số quân sĩ đứng dần lên cho đến khi chết ngạt. Đó là một đặc ân vì người Mông Cổ tin rằng hồn của con người ở trong máu, máu đổ ra trong lúc chết thì sẽ bị tiêu tan còn đâu qua bên kia thế giới!

Dân tộc Mông Cổ là một khối

thủy tinh quý giá, là dân tộc

vĩ đại nhất trong các dân tộc

trên hoàn vũ này.

(THÀNH CÁT TƯ HÃN)

Khoảng cuối mùa xuân năm 1206, viên đại tướng chỉ huy quân trú phòng Vạn lý trường thành dâng sớ về triều tâu rằng "Các xứ ở miền mạn Bắc đều thái bình vô sự." Bấy giờ hoàng đế Đại Kim mới nhớ tới Thiết Mộc Chân, viên Bắc cường chiêu thảo sứ của Kim quốc chưa triều cống lần nào. Ngài liền sai hoàng thân Vĩnh Tế dẫn một đoàn tùy tùng lên mạn Bắc nhắc cho viên chiêu thảo sứ nhớ đến bổn phận tuế cống của mình.

Dọc đường hoàng thân gặp nhiều đoàn đại biểu của các bộ lạc cũng cùng đi một hướng với mình đến thượng lưu sông Onon, nơi Thiết Mộc Chân đóng đoàn trại. Tới nơi mọi người đều ngạc nhiên thấy mình đang bước vào một đô thị vĩ đại gồm toàn lều da, chứa chất vô số của cải quý báu và cuộc sinh hoạt ở đây thật cực kỳ rộn rịp chẳng khác gì một ổ kiến. Suốt nhiều hôm liền, Vĩnh Tế kèm ngựa đi giữa những bày gia súc, những bày thần mã nhiều không biết cơ man nào mà kể với hàng ngàn người chặn giữ, hàng ngàn phụ nữ đang vắt sữa.

Dù đang hết sức bận rộn, Thiết Mộc Chân cũng mau mắn tiếp đón vị sứ giả nhưng không bày ra một nghi lễ danh dự nào. Ông trao cho sứ giả những cống vật, nhưng với lời vội vàng cầu thả: dẫn ngựa, lạc đà tới một cách hấp tấp rồi chất da thú lên bừa bãi rõ ra cái ý muốn tống khứ đám sứ giả đi cho khuất mắt.

Trong thời gian lưu trú ở đây Vĩnh Tế được biết người Mông Cổ đang chuẩn bị Hội đồng Kouriltai, gồm đại diện của tất cả các giống dân ở lều da, bầu Thiết Mộc Chân lên ngôi đại hãn (hoàng đế).

Vĩnh Tế vội trở về Kim quốc tâu lên cho hoàng đế rõ cái nguy cơ trước sự thống nhất của các dân tộc du mục, vì lịch sử đã cho họ cái kinh nghiệm, hễ dân du mục đoàn kết lại thì công việc trước nhất của họ là tràn xuống xâm lăng nước Kim. Cho nên Vĩnh Tế khẩn cầu nhà vua hãy gấp hội binh lại để phòng bị và tấn công Mông Cổ. Nhưng hoàng đế Kim lúc đó đã 70 tuổi không còn dám lao mình vào những cuộc phiêu lưu nữa. Ngài cho rằng Thiết Mộc Chân đã mang chức tước của triều đình, chịu nạp cống dù thái độ có vẻ khinh mạn thì lấy danh nghĩa gì mà chinh phạt. Hơn nữa, giữa Đại Kim với Mông Cổ còn có sa mạc Gobi, có Vạn lý trường thành, chưa có chi đáng ngại, giờ chỉ cần lưu ý đến sự động tĩnh của họ là đủ. Rồi ngài cho chép vắn tắt vào sử nước Kim sự kiện đã xảy ra: "Tên Mông Cổ Thiết

Mộc Chân thuộc giống Ki-dát tự xưng là đại hãn bên bờ sông Onon."

Trong lúc đó hội đồng Kouriltai nhóm họp trong một bầu không khí long trọng, vĩ đại. Giữa đoàn trại, tòa viên môn nóc trắng của Thiết Mộc Chân dựng lên sừng sững, rộng thênh thang bên trong căng toàn là vải thêu hoa. Tất cả cột đều giát vàng. Trước cửa viên môn trịch về phía trái phát phới lá đại kỳ nền trắng, giữa nổi lên hình một con chim ưng và một con quạ, biểu tượng của tộc Bọt-di-dinh. Ngoài biên lá cờ lại có viên chín mảnh vải hình răng cưa và ở mỗi đầu răng cưa đều có treo một cái đuôi trâu yak trắng thật dài, (dân Trung hoa thường gọi là Cửu mao đại đao). Bên phía mặt là hiệu kỳ của khải hãn, mỗi góc đều có treo một cái sừng trâu yak và một cái đuôi ngựa ô.

Phía chính diện là một khoảng đất trống trải rộng đến mùt tầm mắt: bề ngoài ranh giới đó là đoàn trại của các thân vương. Lều của họ bao giờ cũng quay về hướng Nam, cũng có một khoảng sân trống, hai bên tả hữu là trại quân giăng dài hàng mấy dặm. Sau lều của thân vương là lều của các tướng lãnh, rồi đến hàng vợ con, nô tì của họ theo thứ tự giai cấp nhất định.

Bấy giờ những người tôn thất, tất cả thân vương cùng các tướng đều tề tựu đông đủ trên sân rộng; họ gọi ầm lên: Thiết Mộc Chân! Thiết Mộc Chân!

Lúc Thiết Mộc Chân vừa bước ra cửa viên môn, pháp sư Cốc Chu (còn gọi là Teb Tengri - người tâm phúc của nhà trời) 17 tuổi, tuyên bố rằng Thiết Mộc Chân phải được bầu làm đại hãn vì y vừa được lệnh của Trời Xanh phải báo cho toàn dân Mông Cổ hay Thiết Mộc Chân được Trời chọn lên cai trị tất cả các dân tộc, và từ nay phải gọi Thành Cát Tư Đại Hãn.

Mấy năm nay dân Mông Cổ hết sức tin tưởng ở quyền phép của pháp sư Cốc Chu. Ai cũng nghe nói hãn có thể cỡi con bạch mã lên nhà Trời tiếp xúc với các đấng thiêng liêng, có thể không ăn uống bao lâu cũng được và có thể khóa thân ngồi trên tuyết chờ tới lúc sức nóng trong người làm tuyết bốc thành hơi.

Biết rõ ý của Trời như thế, toàn thể những kẻ có mặt cùng với pháp sư nhất tề hô to lên: "Chúng tôi mong mỏi, chúng tôi yêu cầu Thiết Mộc Chân lên ngôi chúa tể các dân tộc."

Họ liền trải xuống đất một tấm nỉ đen cho Thiết Mộc Chân bước vào ngồi ở giữa rồi nâng cao lên, và hoan hô vang dậy, xong mới đặt đại hãn lên một chiếc ngai.

Lúc bấy giờ Thiết Mộc Chân đã được 44 tuổi. Không như hồi trước, lần này ông triệu tập Hội đồng quý tộc cốt là để cho họ chính thức xác nhận uy quyền đại hãn mà thực sự ông đã nắm từ lâu. Vì lúc chống với Vương Hãn ông bị bọn phiên thần bỏ rơi nên giờ đây cần phải làm cho lực lượng và hiệu lệnh của mình hoàn toàn hợp pháp. Trước Hội đồng ông đòi hỏi:

"Các người đã tôn ta là làm chúa tể thì các người cũng phải sẵn sàng và cương quyết tuân hành mệnh lệnh của ta; khi ta gọi phải đến; khi ta sai đi đâu phải tới đó và bảo giết ai phải giết kẻ ấy. Từ nay trở khi lưỡi gươm sẽ thay cho lời nói của ta!"

Nghe xong tất cả mọi người đều quì xuống kính cẩn nghiêng mình bốn lần. Rồi họ đỡ chiếc ngai lên vai khiêng đi một vòng trước toàn thể dân chúng (tháng 5-1206).

Sau nghi lễ, một đại hội liên hoan mở ra tung bừng, sôi nổi chưa từng thấy ở miền đồng cỏ. Đại hãn mời hàng ngàn thân vương quý tộc, tướng lãnh cùng với vợ con của họ dự tiệc ở trong viên môn còn dân chúng thì quây quần ở bên ngoài. Từng đoàn xe chở những chiếc nồi to tướng đựng đầy thịt ngựa với những cái ché đựng nước chấm cay xé lưỡi. Ai cũng phải ăn thật no, uống thật say; thức ăn lúc nào cũng đầy ăm ắp; rượu koumiss lúc nào cũng sủi bọt tràn ra miệng vò. Nhiều kẻ quá no phải đi ới bót ra rồi trở vào uống nữa; say rồi thì cứ lăn ra ngủ tại chỗ, lúc tỉnh dậy lại tiếp tục ăn và uống nữa. Ở góc nào cũng có một ban nhạc đánh âm ỉ; hết ăn uống rồi tới vũ, vũ chán rồi thì ba hoa đủ thứ chuyện, kẻ thì kể chiến công, người thì khoe chiến lợi phẩm...

Trong viên môn, chiếc ngai đặt trên một chiếc bệ cao, quay về phương bắc là nơi đại hãn và chính hậu - Bật Tê - ngự tọa. Cận bên bệ phía mặt là hàng ghế của các vương tử, người trong tôn thất, cùng các thân vương và tướng lãnh; phía trái là thái hậu U Luân, các vương phi, công chúa, cùng các mệnh phụ phu nhân. Trước mặt đại hãn ngùn ngụt những đồng đồ trang sức bằng vàng bạc, những chồng da thú quý giá, những núi hàng lụa hoa màu sắc sỡ... dành để ban thưởng cho mọi người. Những ngày hôm đó không có người nào vào viên môn rồi trở ra mà không có quà tặng quý giá. Chưa bao giờ đại hãn cùng tất cả thân dân ai cũng tràn trề niềm hoan lạc và tin tưởng như vậy. Từ đây ông là sứ giả của nhà Trời (Soutou Bogdo) chẳng những phục hưng tộc họ của mình mà cho cả 400.000 dân Mông Cổ, đưa họ lên hàng thống trị tất cả các dân tộc khác. Ông nói:

"Dân Mông Cổ là một khối thủy tinh quý giá không biết sòn lòng trước những nỗi gian nan thống khổ, đã can đảm theo ta để chia sẻ niềm vui nỗi buồn, quả là một dân tộc vĩ đại nhất trong các dân tộc trên hoàn vũ này. Trong suốt thời kỳ gian lao và cho tới khi ta đạt được chí lớn, các người đã chứng minh lòng trung kiên đối với ta cho nên từ nay ta muốn ai cũng phải gọi dân ta là dân Mông Cổ Xanh (có nghĩa: con của Trời Xanh).

Quốc hiệu này gợi lên một ý niệm vĩ đại, tuyệt đẹp, gây một thứ cảm tình mới trong lòng dân du mục: lòng kiêu hãnh dân tộc. Người Mông Cổ không còn là kẻ nô lệ nữa, ai cũng là chiến binh. Tất cả những giống dân "sống trong lều da" dù là dân bộ lạc nào cũng cảm thấy cái vinh dự được làm thần dân của Thành Cát Tư Hãn, được gọi là Mông Cổ Xanh. Ba tiếng ấy có sức lôi cuốn như một trận cuồng phong thổi qua 100 kinh tuyến, mở rộng biên thùy thật xa "đến chỗ nào mà vó ngựa Mông Cổ có thể tới".

Bốn mươi năm sau, Jean De Plano Carpini, một tu sĩ dòng Đa minh (Franciscain) được đức giáo hoàng Innocent IV phái tới triều đình Mông Cổ (bấy giờ là cháu nội T.C.T.H.) thuật lại cảnh tượng như sau: "Họ (Mông Cổ) khinh miệt tất cả những dân tộc khác dù trình độ như thế (nào?). Chúng tôi đã thấy tận mắt trường hợp của những ông hoàng Nga, những vương tử Géorgie, những vị chúa xứ Thổ Nhĩ Kỳ cùng nhiều bậc đại nhân khác tại triều của đại hãn. Những bậc vương giả kẻ trên chẳng có chút giá trị gì dưới con mắt người Mông Cổ. Đến lúc ngồi, họ phải ngồi phía sau lưng những người Mông Cổ địa vị thấp kém hơn nhiều.."

Cơ đồ của Thành Cát Tư Hãn bây giờ trải rộng trên 1500 c.s. từ Đông qua Tây - từ núi Altai đến núi Khingan - và trên 1000 c.s. từ Bắc xuống Nam - từ hồ Baikal xuống sa mạc Gobi - 31 giống dân gồm 2 triệu người rầm rập tuân mạng lệnh của ông.

Nhưng triều đình Mông Cổ lúc bấy giờ chưa biết những kiểu cách, những nghi thức vương giả như ở Trung Quốc. Đại hãn cắt một miếng thịt ngon sai người đem lại cho một viên cận tướng, ăn không hết ông ta bỏ vào túi để dành ngày mai. Đó là một cách tôn kính, một thứ thân ái giống như trước đây Gia Luật Mễ đã nút vết thương của Thiết Mộc Chân, vết thương do một mũi tên có tẩm thuốc độc.

Đại hãn rảo mắt qua khắp đám người thân cận, bỗng dừng lại ở một người. Với giọng sang sảng như chuông ông giới thiệu thành tích oanh liệt của người đó, rồi liền ban chức tước, quyền chỉ huy. Đám bạn của ông liền vây chung quanh nâng chén rượu lên vừa vũ, vừa hát. Họ giả như trao cho ông ta cái chén nhưng vừa với lấy họ liền nhảy thối ra sau, rồi siết vòng vây trở lại, tới khi nào ông ta đoạt cái chén mới thôi. Bây giờ họ vừa hát, vừa vỗ tay giậm chân theo nhịp, trong khi ấy ông ta phải nốc cho hết chén rượu.

Lối phong chức tước và khen thưởng bất ngờ như vậy có vẻ như bốc đồng, nhưng thật ra Thành Cát Tư Hãn rất thấu triệt thuật dụng người, bao giờ cũng đặt đúng chỗ, đúng khả năng. Không bao giờ ông

phải hối hận về việc bỏ nhiệm người và những lý lẽ mà ông dùng làm tiêu chuẩn chọn người làm cho thời bấy giờ ai cũng ngạc nhiên. Có một dũng sĩ sức khoẻ vô địch lại can đảm phi thường lập được nhiều chiến công oanh liệt, đáng lẽ được thăng lên địa vị cao, trái lại anh ta bị tước quyền chỉ huy khiến các tướng ai cũng kinh ngạc. Đại hãn giải thích như sau: "Anh hùng như Dê Su Ka ít có ai sánh được và cũng ít có ai giỏi về chiến sự như y; y không biết mệt là gì nhưng cứ tưởng rằng tất cả chiến sĩ đều khoẻ như vậy, cho nên không thể chỉ huy một đoàn quân được. Người chỉ huy phải là người từng biết đói biết khát và phải đo lường được sức chịu đựng của kẻ khác, không thể để cho bộ đội quá mệt nhọc và ngựa gầy mòn..."

Về khuya Thành Cát Tư Hãn còn một mình, Bất Tê mới ngỏ lời trách móc:

- Ngài đã ban thưởng cho tất cả mọi người, tại sao lại quên Bác Nhĩ Truật là người xứng đáng hơn hết? Từ ngày còn niên thiếu hãn đã sát cánh với ngài chiến đấu với nghèo khổ, tuyệt vọng, tới nay vẫn là người trung tín nhất; chính hãn đã thay cho ngài thực hiện những công lao hãn mã và không bao giờ tiếc rẻ tính mạng để giúp ngài làm nên vương nghiệp...

Thành Cát Tư Hãn bật cười:

- Ta muốn chờ coi có vì thế mà hãn bất bình ta không và nhất là hãn còn nói tốt cho ta nữa không; rồi đây ta sẽ dành cho hãn phần thưởng cao quý nhất.

Sau đó đại hãn liền phái một tên cận vệ tới lều Bác Nhĩ Truật nghe ngóng coi viên cận tướng này nói những gì.

Hôm sau khi mọi người tề tựu đông đủ ở viên môn rồi, đại hãn tuyên bố: "Hôm qua ta đã ban thưởng cho tất cả mọi người mà hình như quên mất Bác Nhĩ Truật; thật ra là để dò xét coi thái độ ông ta như thế nào. Ta được biết dù bị bỏ quên Bác Nhĩ Truật cũng bào chữa cho ta trước sự thắc mắc của vợ con, thổ lộ rằng được đãi ngộ như thế nào cũng giữ trọn lòng chung thủy và quyết hy sinh xương máu vì ta. Ông ta nói: "Có thể nào đại hãn quên tôi được và tôi cũng không thể quên đại hãn, vị chúa đã ngự trị trong tư tưởng và trong lòng thâm kín của tôi."

Giọng của Thành Cát Tư Hãn vang rền, đôi mắt sáng quắc như điện:

- Hỡi chư tướng! Ta tin rằng cho đến lúc không cầm nổi cây cung nữa, bạn ta cũng không quên nghĩa bằng hữu. Trong buổi gian truân hoạn nạn không lúc nào Bác Nhĩ Truật không ở bên cạnh ta; lòng can đảm và lòng trung kiên đã giúp bạn ta không hề biết sờn lòng trước mỗi hiểm nguy, hơn thế nữa mỗi nguy nan càng lớn bao nhiêu, bạn càng can trường và trung hậu với ta bấy nhiêu. Nếu ta quên Bác Nhĩ Truật là người xứng đáng nhất trong các người, nếu không đặt ông ta lên chỗ ngồi danh dự hơn hết thì ta đâu còn xứng đáng để đòi hỏi các người phải tận trung với ta nữa.

Bác Nhĩ Truật! Bạn phải ở địa vị lãnh đạo tất cả các tướng; bạn là phát ngôn viên của ta, làm sao cho tiếng nói của ta vang dội ra tận cõi xa xăm, cho tất cả các dân tộc về qui tụ dưới bóng cờ Mông Cổ. Từ nay bạn là tổng tư lệnh tối cao của quân đội, quyền kiểm soát toàn diện lãnh thổ."

Nói xong Thành Cát Tư Hãn liền bước xuống bệ ôm người bạn trung thành, tận tụy nhất trong các chiến hữu.

Chương XI LUẬT CỦA ĐẠI-HÃN

Một hôm Thành-Cát-Tur-Hãn tuyên bố:

“Trời ban cho ta quyền thống trị tất cả các dân tộc vì hiện nay chưa có trật tự ở miền đồng cỏ. Trẻ con không nghe lời dạy dỗ của cha mẹ, em không tuân lời anh, chồng không tin vợ, vợ thì trái lệnh chồng, kẻ dưới thì không giữ uy tín cho người trên, kẻ trên không làm tròn bổn phận đối với người dưới; kẻ giàu không ủng hộ nhà cầm quyền và không nơi nào có sự hòa thuận. Dân tộc sống trong cảnh hỗn độn mất hướng; đâu đâu cũng đầy rẫy những kẻ bất mãn, xảo trá, trộm cắp, những kẻ cướp bóc gây loạn. Từ khi ta nắm quyền chính, bốn phương đều qui về một mối. Ta muốn mỗi người đều phải đặt mình dưới những luật lệ nghiêm minh và vững bền, có như thế mới thấy cảnh thái bình, hạnh phúc.”

Quay về phía Ta-Ta-Tung-Gô ông nói tiếp: “Người phải thường trực ở bên cạnh ta, ghi chép những lời ta nói để tạo thành một quyển Yassa, một quyển luật vĩnh viễn không thay đổi cho những kẻ kế vị ta sau này. Nếu lớp hậu sinh 500 năm, 1000 năm hoặc 10.000 năm sau biết gìn giữ những tập tục và luật lệ của ta đừng sửa đổi gì hết thì Trời sẽ phù hộ cho chúng nó. Chúng nó mới giữ được nghiệp vương lâu dài và tận hưởng mọi lạc thú ở đời. Bằng không duy trì được Yassa thì chắc chắn đế quốc sẽ lung lay rồi sụp đổ. Chừng đó có cầu cứu Thành-Cát-Tur-Hãn thì ta đâu còn nữa!

Mắt đại hãn rào vòng theo chiều tròn của viên môn và dừng lại ở chàng thanh niên Si-Ghi-Cô-Tô-Cô. Si-Ghi vốn là một đứa bé Thát-Đát bị bỏ rơi ngoài chiến địa. Thấy nó đeo vòng bằng vàng và mặc áo lông điều thừ, Thành-Cát-Tur-Hãn biết là con nhà quý phái liền đem về làm con nuôi.

- Cô – Tô – Cô, người là đệ tử ưu tú nhất của Ta – Ta – Tung – Gô, vậy người hãy nghe ngóng, quan sát thay cho ta. Ta phong cho người chức đại phán quan giữ việc xét xử và trừng phạt những kẻ lường gạt, trộm cắp và tất cả những kẻ vi phạm luật Yassa. Không một ai được phản đối quyền phán quyết của người.

Lời bổ nhiệm thật bất thần nhưng Thành-Cát-Tur-Hãn vẫn không sai lầm. Cô – Tô – Cô nêu ra hai nguyên tắc để xét xử: tất cả những chứng cứ trưng ra đều vô giá trị và kẻ nào bị bắt quả tang hay tự thú tội mới kẻ là phạm pháp. Dưới ngọn đèn công lý của ông ta những tội sát nhân, trộm cướp, ngoại tình không còn trong xã hội Mông cổ nữa. Tinh thần trọng danh dự lên cao đến nỗi không ai chối lỗi cả, hầu hết là những kẻ phạm tội đều tới phán quan tự thú nhận rồi xin khoan hồng.

Bộ luật Yassa được khắc bằng chữ Thổ - phồn trên những tám bảng sắt, đã thất lạc từ khi đế quốc Mông – cổ sụp đổ; ngày nay chỉ còn sót lại một ít mảnh vụn nên đám con cháu sau này không còn

ai biết nữa. Nhưng có điều đáng lưu ý là một thế kỷ rưỡi sau Thành-Cát-Tur-Hãn, nhà đại chinh phục Timour nhận rằng ông đã thành công là nhờ có nghiên cứu kỹ càng bộ luật ấy. Và Mogol-Baber, ba thế kỷ sau cũng xây dựng đế quốc Ấn trên nền tảng Yassa....

Trong những tuần liên hoan, một mặt đại hãn vẫn chè chén vui chơi với các tướng, một mặt hạ lệnh, phân định nhiệm vụ cho mỗi người. Họ phải kiểm tra tất cả các bộ lạc để biết đích xác số lều trại. Thành lập một bộ tổng tham mưu (Iourt Dchi) thường trực có nhiệm vụ phân chia mục trường cho công bằng tùy theo tầm quan trọng của mỗi bộ lạc; tập trung tin tức, tài liệu về các xứ lân cận; lập sổ trắng đình từng khóm (10 lều) để động viên lúc chiến tranh; qui định những con đường vắng binh, hội binh. Lập một bộ Targou Dchi gồm những sĩ quan lo việc hành chánh chuyên giải quyết những vấn đề khó khăn, những vụ tranh chấp; một bộ Bouliargou Dchi gồm những cảnh binh giữ an ninh trên các ngã giao thông, kiêm phận sự bắt giữ những gia súc chạy lạc, trả lại cho chủ nếu họ chứng minh được quyền sở hữu. Luật Yassa không quên phòng ngừa những trường hợp kẻ trộm lừa ngựa, trâu của mục đồng, tội trộm như thế đều bị xử tử hình. Điều luật này nghiêm khắc đến nỗi về sau trở thành một tập tục tới ngày nay vẫn còn ở các miền biên cảnh Mông – cô, Tân – cương: lạc đà đi lạc thì không ai dám cho uống nước để tới lúc khát quá, nó phải tìm đường trở về nhà chủ.

Lúc bấy giờ tổ chức mã khoái “Tên bay” đã cải thiện đến mức cực kỳ chu đáo. Thành-Cát-Tur-Hãn đặt tổ chức này lên hàng quan trọng bậc nhất, giao cho tướng Gia – Luật – Mễ trực tiếp điều khiển. Người lính mã khoái là một viên chức bất khả xâm phạm. Dù là hạng thân vương, hễ nghe tiếng chuông đặc biệt của mã khoái là phải mau mau nhường lối đi cho hắn, hoặc khi gặp ngựa của hắn đã đuối sức phải tức khắc nhường ngựa của mình lại. Hắn phi ngựa bất kể ngày đêm qua đồng hoang, sa mạc... và trong vài ngày hắn có thể vượt một khoảng đường mà người khác phải mất một tuần lễ. Muốn chịu đựng nổi một cuộc sai ngựa tận lực như vậy, hắn phải dùng vài quán chặt đầu cổ mình mấy lại, vừa ngủ (vừa thức?), dờ sống dờ chết trên lưng ngựa. Nhờ vậy mà một việc nhỏ nhặt xảy ra đâu đó rất xa xôi, Thành-Cát-Tur-Hãn đều được báo cáo rất rõ ràng.

Những đẳng cấp do đại – hãn quy định chặt chẽ trong thời bình đều giữ y nguyên trong thời chiến. Những thân vương, những vị chỉ huy, những tù trưởng, lúc có chiến tranh thì làm vạn phu trưởng, thiên phu trưởng, bách phu trưởng. Lệnh hành quân truyền tới thì các bộ lạc phải hội binh lại để lập thành quân đoàn. Lúc thái bình thập phu trưởng phải lo rèn luyện binh sĩ của mình theo sự chỉ đạo của thượng cấp, phải kiểm soát vũ khí và quân trang sao cho lúc nào cũng sẵn sàng, đầy đủ và toàn hảo. Phải làm thế nào "hễ lệnh xuống là tức khắc lên đường, dù giữa đêm khuya cũng không có thời gian chuẩn bị". Tất cả quân nhân đều phải biết rành luật này: “Dù phạm lỗi lần thứ nhất cũng bị

giáng xuống làm lính trơn và ngược lại dù xuất thân là lính mà có khả năng lồi lạc chắc chắn sẽ được cất nhắc lên hàng chỉ huy cao cấp”.

Như thế ấy, ngay trong cuộc lễ Thành-Cát-Tur-Hãn cùng các bộ tướng tổ chức xong những cơ cấu quân sự và hành chánh cho quốc gia; mỗi người đều được đặt vào một địa vị đúng với khả năng của mình.

Yassa qui định tất cả công dân từ 15 đến 60 tuổi phải thi hành quân dịch: kẻ nào không thể đi hành binh được thì phải phục vụ trong các tổ chức lao động: chăn thả gia súc, rèn khí giới, luyện ngựa chiến... không một ai lãnh lương bổng mà ngược lại, mỗi công dân phải nộp một phần mười của cải cho đại – hãn.

Để cho đàn ông có thể làm tròn bốn phận chiến đấu và lo đầy đủ thuế khóa, Yassa cho người đàn bà nhiều quyền hạn rộng rãi, được tự do nhiều phương diện, trong lúc đó ở khắp Á – Đông không có nơi nào được như vậy. Nhưng ngoại tình là tội nặng nhất đều bị xử tử hình. Trách nhiệm nặng nề nhất của người đàn bà làm việc để nâng địa vị của chồng lên. Đại hãn nói: “Nếu người vợ ngu muội, nhẹ dạ, thiếu trí thông minh, không thứ tự, người ta chỉ thấy ở họ những tính xấu xa nhất của người đàn ông. Nhưng nếu họ giỏi nội trợ, khéo xã giao, làm cho gia đình sung túc, họ sẽ nâng cao vị trí của chồng lên, gây tiếng tốt cho chồng trong những kỳ đại hội. Người ta biết một người đàn ông tốt qua người vợ giỏi của họ”.

Người đàn bà phải làm thế nào khi có lệnh của đại hãn chồng của họ có thể tức khắc bỏ mũ lông xuống, đội mũ chiến bằng da lên, xông ra chiến trường. Đàn ông chỉ lo việc giữ gìn khí giới cho sắc bén còn mọi việc khác người vợ phải lo sắp đặt sẵn sàng, từ cái áo kép bằng lông, giày vớ đến bình đựng sữa, miếng thịt khô nhét trong yên ngựa...

Mỗi lo nặng nề nữa là dự trữ lương thực cho mùa đông. Trong mùa thì họ lo đánh sữa bò để lấy bơ, chất còn lại thì để cho chua rồi nấu đông lại và đem phơi cho tới lúc cứng như miếng sắt. Đến mùa đông, đem một miếng sữa khô này bỏ vào nước nóng lắc một hồi, họ sẽ có một thức uống chua. Với người Mông – cổ thì ngon tuyệt nhưng với khách lạ thì không thể nào ngửi nổi, vì nó hệt như mùi nước tiểu.

Đại hãn cũng không quên bài trừ thói làm bẩn nước giếng nước suối, cấm hẳn việc lừa súc vật tới mấy nơi đó cho uống, những kẻ vi phạm đều bị trừng phạt nặng.

Trong thời kì này, Thành-Cát-Tur-Hãn thành lập một đoàn quân túc vệ gọi là Kachik. Một hôm ông tuyên bố: “Trời đã giao cho ta sứ mạng thống trị tất cả các dân tộc, nay ta thấy cần phải có một đoàn quân túc vệ riêng cho đoàn trại ta. Các tướng hãy chọn lựa kĩ trong các vạn phu, bách phu, những người to khỏe và nhanh, thành lập đoàn quân ấy. Họ phải thuộc hàng tử đệ của các thân vương, hoặc các người chỉ huy, để phục vụ bên cạnh ta.”

Quân Kachik được liệt vào hạng thượng thặng, đặt lên trên quân đội thường trực. Cấp bậc sĩ quan chỉ huy quân túc vệ cao hơn vạn phu trưởng nhưng không có quyền thưởng phạt. Chỉ đại hãn mới có quyền xét xử họ, và thường trực tiếp kiểm soát để biết rõ khả năng của từng người, lúc nào cần thì rút họ ra giao cho những trách vụ đặc biệt. Tổ chức đạo quân này Thành-Cát-Tur-Hãn còn nhằm mục đích khác, gom hết đám con em của hàng quý tộc lại bắt sống bên cạnh ông để dễ kiểm soát hơn vì bọn này thường kiêu hãnh, phóng túng, quen óc giai cấp, thường bất tuân thượng lệnh; hơn nữa sống trong vòng đoàn trại của ông họ sẽ là những con tin, ngăn ngừa được sự phản loạn của cha chú họ. Và ngày nào được trở về họ sẽ là những viên chức, những sĩ quan đã được huấn luyện kĩ càng, giúp ích cho đoàn trại của họ.

Trong số 10.000 túc vệ này đại hãn còn chọn ra 1000 người lập đội vệ sĩ gác ngày gọi là Tourghak, 1000 vệ sĩ gác đêm gọi là Kaptaut và 1000 thần tiễn thủ gọi là Kortchin. Ông nói với họ: “Này những vệ sĩ của ta, lúc thái bình cũng như lúc chinh chiến, các người đã lo bảo vệ cho mạng ta được an toàn không kể đêm hôm, mưa gió, tuyết băng, ta ghi nhớ công lao đó và sẽ ra lệnh cho những kẻ kế vị ta sau này phải đặc biệt săn sóc các người như săn sóc một cái đài dựng lên để kỉ niệm ta.”

Các đội vệ sĩ này đều đặt dưới quyền chỉ huy của thân vương Gia – Ganh, là một người Tây – Hạ được ông đem về làm nghĩa tử từ thưở nhỏ. Cả những vương tử cũng phải tuân lệnh Gia – Ganh.

Việc thành lập đạo quân túc vệ là một biện pháp rất cần thiết vì đế quốc Thành-Cát-Tur-Hãn đang ở thời kỳ gây dựng, dân du mục chưa quen tuân hành theo ý chí của một người. Còn nhiều mưu toan ngầm ngầm, nhiều nhóm chống nhau mà trên tất cả là pháp sư Cốc – Chu. Hãn là một người khôn khéo, nhiều thủ đoạn quỷ quyệt lại được cái thể “người tâm phúc của nhà Trời” nên trước mặt hãn ai

cũng nghiêng mình sợ hãi. Ngay cả đại hãn cũng bắt đầu nhận thấy hãn là một tai ách đáng lo ngại nhất vì ở địa hạt nào ông cũng có thể áp dụng quyền uy của mình mà địa hạt tin ngưỡng thì rất khó. Cốc – Chu tự cho mình là Sứ giả của Trời và là cố vấn tối cao của đại hãn. Hãn đứng ngoài vòng mọi lệnh luật; trong Hội đồng quý tộc hãn có mở lời trước thì các thượng tướng và thân vương mới dám nói sau. Máy bào đệ của đại hãn và máy vương tử đều hết sức lo ngại khi nhìn thấy vẻ mặt của đại hãn sa sầm lúc theo dõi buổi họp do Cốc – Chu chủ tọa. Không bao lâu sự cừu thị giữa Cốc – Chu và gia đình đại hãn trở thành công khai. Có một lần ngay trong hội nghị một bào đệ của đại hãn lên tiếng phản đối Cốc – Chu liền bị hãn mắng trở lại. Đại hãn phải làm thinh vờ như không nghe biết. Rồi tên pháp sư lại càng lộng hành, cứ bô bô nói trước, hót lời cả những người trưởng thượng trong hàng quốc thích. Và dân chúng bên ngoài đều hay biết tất cả...

Sự gay cán càng ngày càng kịch liệt phải đi đến lúc quyết định. Cốc – Chu cứ tới lui viên môn của đại hãn bảo rằng: “Ngày nào Cát – Xa còn sống, ngôi báu của ngài không được Trời che chở, vì Trời đã phán định: Trước tiên Thành-Cát-Tur-Hãn bình định thiên hạ, sau đó Cát-Xa sẽ lên ngôi báu trị vì...”

Đại hãn không nói chi cả nhưng trong thâm tâm lấy làm nghi hoặc. Ông ngấm ngấm theo dõi hành động của người em rồi bắt gặp người bào đệ choàng tay lên mình nàng Cúc – Lan, đệ nhất sủng phi của mình. Như vậy lời nói của Cốc – Chu không phải là vu vơ.

Đại hãn đang ngồi một mình trong viên môn trầm ngâm nghĩ ngợi, bỗng Cốc – Chu bước vào. Vẻ hân hoan đắc thắng hiện rõ trên khuôn mặt gầy gò khắc khổ của hãn: “Ngài đã thấy rõ Cát – Xa ôm sủng phi của ngài rồi phải không?...”

Ngay giữa khuya hôm đó, Thành-Cát-Tur-Hãn sai một viên sĩ quan cận vệ dẫn quân đến lều người em tước lấy hết dấu hiệu quý tộc (mũ và đai) rồi trói Cát – Xa lại; sau đó ông đích thân đến tra vấn.

Đám thê thiếp của Cát – Xa khóc như mưa, chạy đi cầu cứu bà U – Luân. Bà mẹ của đại hãn sừng sốt vớ lấy một cây đoản đao chạy tạt tả đến lều của Cát – Xa. Bọn lính gác muốn ngăn cản nhưng không dám. Lúc ấy Thành-Cát-Tur-Hãn đang cơn thịnh nộ, sát khí đằng đằng còn Cát – Xa thì nằm sóng soài trên mặt đất, tay chân bị trói chặt, nhưng vẻ rất khinh mạn. Bà U – Luân nhảy vào giữa hai người, cắt dây cho Cát – Xa rồi lấy mũ và đai trả lại. Thành linh bà xé toạc vạt áo trước, mở phanh ngực ra nói qua hơi thở hỗn hển:

- Đây này! Cả hai đứa bây đều đã bú đôi vú này!

Quay qua phía Thành-Cát-Tur-Hãn, bà thét to lên:

- Có phải mày muốn làm nát thịt, đổ máu của chính mày không? Cát – Xa có tội tình gì hở? Từ bao năm nay lúc nào nó cũng xả thân bảo vệ mày, giờ đã giết hết kẻ thù rồi nên nó thành đồ vô dụng phải không?

Thành-Cát-Tur-Hãn lặng thinh và ngõ ngàng để mặc cho bà mẹ mắng nhiếc; một lát sau ông quay mình bước ra ngoài lều. Trở về viên môn lại thấy Bật – Tê đang chờ đợi:

- Thật là rắc rối! Đến như em của ngài mà sinh mạng cũng bị đe dọa, người khác mới như thế nào?... Đại hãn là chức gì mà phải nghe lời một thằng phù thủy?

Bà nói thật nhiều, nói không nổi nang.

- Bây giờ ngài còn sống đây mà hãn không chút kiêng sợ, đến khi ngài mất rồi mới ra sao? Mấy đứa con sẽ nghe theo lệnh của ai? Ngài gây dựng đế quốc để cho con cháu hay cho tên phù thủy?...

Ngay đêm đó Thành-Cát-Tur-Hãn cho gọi Tê – Mô – Gu, người em út và bảo riêng: “Ngày mai Cốc – Chu có tới và còn giờ trò cũ nữa thì mày cứ tự tiện đối xử với hãn cách nào cũng được theo ý của mày.”

Sáng hôm sau Thành-Cát-Tur-Hãn được tin Cát – Xa đã dẫn một số thuộc hạ bỏ trại, ông liền phái Tộc – Bất – Đài phi ngựa đuổi theo kiếm Cát – Xa cho kỳ được. Tộc – Bất – Đài đuổi theo kịp và cố gắng thuyết phục: “Có thể có nhiều người liên kết với ông, nhưng chắc chắn không có ai là bạn tâm huyết. Ông cũng sẽ có một số dân chúng nhưng họ không phải là huynh đệ...” Cát – Xa liền trở về.

Trong lúc ấy, Cốc – Chu và Muôn – Lịch, cha của hãn, cùng với sáu anh em tới yết kiến Thành-Cát-Tur-Hãn.

Tê – Mô – Gu án ngữ trước mặt Cốc – Chu và bắt bẻ phải trái nhưng chưa hết lời thì bị Cốc – Chu đẩy mạnh về chỗ ngồi một cách xác xược. Tê – Mô – Gu nhảy chồm tới rồi hai người đâm đá nhau túi bụi. Thành-Cát-Tur-Hãn quát lên: “Các người không được đánh nhau trước mặt đại hãn. Các người hãy đi ra ngoài.”

Hai người vừa bước ra khỏi viên môn thì quân mai phục nhảy xô tới quật Cốc – Chu xuống đất, bẻ gãy đôi xương sống. Tê – mô – Gu bước vào nói to lên:

- Ra mà xem, hãn nằm sấp ngoài kia hết cục cựa rồi!

Lúc đó thái độ của mấy người anh em Cốc – Chu trở nên hung hăng lạ thường. Thành-Cát-Tur-

Hắn quát lên:

- Đi ra ngoài tất cả.

Bọn họ thấy vệ binh bao vây chặt chẽ, không ai dám tỏ thái độ hăm dọa nữa liền lẳng lặng khiêng xác Cốc – Chu về.

Muôn – Lịch vào viên môn kêu gào với đại hãn:

- Ngài ơi! Lúc nào tôi cũng là bạn chí thân của ngài... cho tới hôm nay...

Đại hãn giận hằm hằm cắt lời:

- Người đừng láo, Muôn – Lịch! Người theo ta chỉ vì người không dám không theo. Nhưng ta vẫn tiếp nhận không hề trách móc một lời, lại cất nhắc người lên chỗ ngồi danh dự. Con người ta cũng ban cho những địa vị xứng đáng, cao quý hơn mọi người, vậy mà người không dạy cho chúng nó biết khiêm tốn, phục tùng. Cốc – Chu muốn trèo lên đầu các con và các em của ta! Hắn lại cả gan muốn tranh quyền với ta nữa... Và cả người cũng vậy! Người đã thề tuyệt đối trung thành với ta mà bây giờ người vờ như không có! Thế nghĩa là gì? Mới cam kết buổi tối, sáng hôm sau đã phản bội! Thôi đừng có nói thêm một lời nào nữa ...

Muôn – Lịch nín câm và không đá động tới cái chết của con mình nữa. Về sau ông vẫn tiếp tục dự Hội đồng tướng lĩnh, mấy người con vẫn giữ những địa vị quan trọng trong quân đội.

Khi dân chúng hay tin Cốc – Chu đã chết, họ đồn nhau rằng hắn đã bay về trời, vì không thấy thi thể của hắn. Đại hãn liền thông báo như sau: “Pháp sư Cốc – Chu đã vu khống cho bào đệ của đại hãn nên bị Trời trừng phạt, lấy lại đời sống và thể xác của hắn vì bao giờ Trời cũng phò hộ đại hãn với hoàng tộc và tiêu diệt tất cả kẻ thù thuộc hạng nào toan xúc phạm tới đại hãn.”

Chương XII CUỘC VIỄN CHINH THỨ NHẤT: TÀN PHÁ TÂY – HẠ

Lãnh thổ Mông-cổ bây giờ tiếp giáp với ba nước lớn: phía Đông và Đông Nam, sau đây Vạn lý trường thành là Đại-Kim đang thời kỳ cường thịnh; phía Nam là nước Tây-Hạ; phía Tây bên kia núi Pamir là đế quốc Tây-Liêu.

Để chuẩn bị cuộc xâm lăng, bộ Tổng tham mưu Mông-cổ thả rất nhiều điệp viên qua ba nước ấy dò la thực lực, quan sát binh tình.

Lúc ấy Tây-Liêu đang ở dưới quyền cai trị của một hoàng đế lão nhược không thích gây hấn với ai nữa. Nhưng bọn thái thú của ông ta rất hà khắc khiến cho dân các xứ phiên thuộc như Thổ-phồn hết sức ca thán. Trong thời kỳ này quân Mông-cổ đã tiến sâu vào vùng núi Altai, đánh đuổi khả hãn Bui-Rúc chấm dứt cuộc đô hộ Nãi-man, nước Thổ-phồn mới mở rộng ra từ biên giới Mông-cổ đến Tây-Liêu. Thành Cát Tư Hãn gửi một sứ bộ qua Thổ-phồn gọi vua I-Di-Cút hãy quy phục Mông-cổ. Nhà vua liền gửi đồ cống hiến đến trước rồi đích thân tới Mông –cổ xin làm phiên thần.

Dân Tây-Hạ thuộc giống Tây-tạng, xưa kia là bộ lạc Thát-bạt chiếm khu vực A-la-chan và Ordos, đời Đường qui phụ Trung-hoa nhưng người em chú bác lại hàng Liêu được phong Hạ-vương. Vua Tống cho Kế-Bồng dụ Kế-Thiên bỏ Liêu theo Tống, nhưng chẳng bao lâu hai anh em đều phản Tống. Kế-Bồng bị bắt, Kế-Thiên chiếm Linh-châu làm căn cứ. Truyền xuống đời cháu là Nguyên-Hạo một tay hùng kiệt nhiều mưu lược, thu dụng văn minh Trung-hoa, đánh chiếm 18 châu ở Hà-tây (thuộc các tỉnh Thiểm-tây, Cam-túc và một phần đất Tân-cương ngày nay) định đô ở Ninh-hạ, quốc hiệu Đại-Hạ. Vua Tống phong Tây-Hạ quốc vương.

Sau hồi chiến thắng Nãi-man, Thành-Cát Tư-Hãn mới biết rõ Tây-Hạ qua kinh nghiệm bản thân. Ông xưa quân đột kích vào vùng biên cảnh xứ này đốt phá mấy làng, thấy dân tộc này là dân đô thị không quen chinh chiến. Kị binh Mông-cổ đã xéo tan đám bộ binh chuyên phóng lao của họ, nhưng không muốn vào sâu hơn nữa, Đại-Hãn cho rút quân về. Cho nên người Tây-Hạ không cho là quan trọng, họ quan niệm như một cuộc quấy nhiễu cướp bóc thông thường của dân du mục.

Nước láng giềng thứ ba là đế quốc Kim sau đây Trường-thành. Dân Kim thuộc giống người Nữ-chân (Djurtchat) xuất phát ở thượng lưu sông Amour, là một dân tộc mạnh mẽ, chất phát. Thời ấy nước Liêu cho Hoàng-Nhan Ô-Cốt-Nãi làm tiết độ sứ đất Nữ-chân. Ô-Cốt-Nãi truyền xuống 5 đời đến Ô-Cốt-Dã thì phản Liêu, chiếm miền Đông bắc tỉnh Cát-lâm ngày nay, xưng đế gọi là nước Kim. Ít lâu sau Kim lại xua quân đánh chiếm nước Liêu, hạ thành Yên-kinh (1125). Diệt Liêu rồi Kim lại xua quân đánh Tống, vây hãm kinh đô, vua Khâm-Tông phải nhường đất, nạp cống phải gọi vua Kim bằng bác, gửi

thần vương, tể tướng làm con tin. Nhưng chưa đầy một năm quân Kim lại hãm kinh thành, lập Trương-Bang-Xương làm Sở đế rồi bắt vua Khâm-Tông cùng hoàng gia về Bắc, Trương-Bang-Xương lui về đóng đô ở Lâm-an (Chiết-giang) đó là vua Cao-Tông nhà Nam-Tống. Bây giờ nước Kim chiếm cả miền Bắc Trung-quốc gồm có Đông tam tỉnh, các tỉnh ở lưu vực Hoàng-Hà, tỉnh Giang-tô, tỉnh An-huy và dãy đất phía Bắc sông Hoài, đóng đô ở Yên-kinh (Bắc-kinh).

Ngoài những báo cáo tỉ mỉ, đầy đủ chi tiết của bọn điệp viên, Thành-Cát Tư-Hãn còn đặc biệt chú trọng đến những lời tường thuật của bọn thương nhân. Trong Kim trướng đại hãn nhấp koumiss yên lặng, chăm chú nghe họ kể từ những kỳ lạ này đến kỳ lạ khác: những cái cầu đá bắc ngang sông; những chiếc thuyền cao rộng ngược xuôi trên dòng nước. Hạng giàu có không cỡi ngựa mà ngồi trên những chiếc xe chạm trổ vàng son... Tất cả những gì bày ra ở nước Kim đều lộng lẫy, ngoạn mục không thể tưởng tượng được. Chẳng những giàu sang, hoa lệ nước Kim còn hùng mạnh nữa. Thành thị của họ rộng lớn vô cùng chứa không biết bao nhiêu dân chúng mà kể, có thể nói tất cả dân Mông-cổ tụ họp lại chỉ mới đủ cho một thành mà thôi. Những đô thị ấy đều bao bọc bằng một vòng tường thành vĩ đại, cao ngất, không có con ngựa nào trên thế gian này vượt qua được, cũng không có kẻ địch nào trèo qua nổi. Mỗi đô thị chỉ bắt một người dân đi lính thôi, hoàng đế nước ấy sẽ có một đạo quân đông gấp mấy lần quân đội Mông-cổ. Họ có những cây cung phải 20 người giương mới nổi, những chiến xa tới 20 con ngựa kéo. Lúc giao chiến họ phóng lửa vào quân địch, tiếng nổ như sấm sét, vật gì cũng bị phá tan thành mảnh vụn...

Càng nghe nhiều về câu chuyện của bọn thương nhân, Thành-Cát Tư-Hãn càng lo lắng nghĩ ngợi vì họ thuật đúng như báo cáo của điệp viên: những phương tiện chiến tranh của hoàng đế Kim thật không có cách gì phá được; quân đội nhiều vô tận, thành trì bất khả xâm, vũ khí muôn trùng không đếm xiết.

Mà chủ trương của ông thì phải đánh nước Kim, phải liều với họ một trận giặc vì lẽ sống còn. Có điều khó hiểu là tại sao lần này nước Kim để yên cho ông thống nhất lực lượng du mục vì từ mấy trăm năm qua đế quốc này luôn luôn phá hoại sự đoàn kết của dân tộc ở lều. Họ cứ liên kết bộ lạc này để tiêu diệt bộ lạc khác. Với chiến thuật ấy họ diệt ngay từ lúc nảy mầm lực lượng nào có cơ phát triển. Họ đã đầu độc khả hãn Ka-Buôn, giết khả hãn Ka-Tuôn, xử cực hình hai khả hãn khác trong tộc Bọt-Di-Dinh chỉ vì những vị chúa nói trên đã qui tụ được một số bộ lạc đông đảo.

Thật ra lần này cuộc diện ở mạn Bắc thay đổi quá nhanh chóng khiến nước Kim không đỡ trò gì được. Thành-Cát Tư-Hãn lần lượt chiến thắng những kẻ địch mà bọn tướng lãnh Kim ngỡ rằng bọn ấy mạnh hơn và nguy hiểm hơn ông, như Tô-Ha-Rin, Tút-Sa-Bét, Bai-Bu-Ka. Họ đã đánh giá ông sai lầm, nên

sau bức Trường thành họ chênh mảng trong việc tung ra những âm mưu có thể đưa ông đến chỗ thất bại. Đến lúc ông tiêu diệt hết kẻ địch, sự thống nhất Mông-cổ đến tai họ một cách bất ngờ như một tiếng sét. Mãi đến sau cùng hoàng thân Vĩnh-Tế mới làm cuộc hành trình gần hai ngàn dặm qua sa mạc để xem sự gì đã xảy ra thì đã quá muộn. Không còn một bộ lạc nào mà nước Kim có thể kéo bè về với mình được. Bây giờ muốn dẹp ông, nước Kim phải xua quân qua sa mạc mới được. Nhưng ông đã biết rõ thứ quân đội này hồi 10 năm về trước lúc đánh quân Thát-đát. Họ muốn tới thì cứ tới...

Thật ra chính cái quỷ quyết của bọn cầm quyền nước Kim đã làm cho Thành-Cát Tư-Hãn lo ngại. Không những họ che chở ủng hộ bọn bất mãn, mà còn gieo sự bất mãn xúi giục, thúc đẩy bọn này nổi loạn. Đáng lo nhất là mấy vương tử chẳng biết có duy trì nổi kỷ luật sắt đối với đám thân vương hay không vì đám này dễ bị cám dỗ, thiếu kiên nhẫn trước những áp lực? Bọn Kim nếu mưu chia rẽ mấy người con của ông ra bằng cách phong chức tước, hứa hẹn lạc quan, chẳng biết chúng nó có đủ trí khôn ngoan để đương đầu lại không? Tây-liêu và Tây-hạ không phải là thứ láng giềng nguy hiểm. Chỉ có đế quốc Kim hễ ngày nào còn bên cạnh là Mông-cổ còn bị mối đe dọa nặng nề.

Vì những lẽ trên mà Thành-Cát Tư-Hãn cương quyết phát động một cuộc chiến tranh qui mô, một cuộc chiến tranh để giải quyết dứt khoát vấn đề với nước Kim. Nhưng qua những tin tức ông thấy rõ quân đội Mông-cổ chưa đủ tiềm lực, chưa sẵn sàng để tiến tới một trận chiến định đoạt. Cho nên với tất cả sự lo xa và dè dặt, Thành-Cát Tư-Hãn bắt đầu một cuộc chuẩn bị chu đáo cho chiến cuộc khốc liệt sau này.

Tây-hạ là một nước có thành trì, có quân đội vũ trang và được huấn luyện theo Trung-quốc. Đại hãn nhận thấy thượng sách là đem quân lực của mình thử sức trước ở tại nước này đồng thời để rèn luyện binh sĩ quen với chiến thuật công thành.

Ông liền xua đoàn kỵ binh tiến vào Tây-hạ, đánh tan đạo quân ra nghênh chiến, tràn vào một ít làng nhỏ và tiến tới trước thành Wolohai, một cái thành kiên cố. Khi thế đang hăng, quân Mông-cổ liền ào tới hãm thành. Họ tấn công nhiều đợt liên tiếp nhưng đều thất bại nặng. Sau cùng Thành-Cát Tư-Hãn đích thân chỉ huy tung ra một đợt tấn công nữa nhưng cũng vô hiệu quả. Bây giờ mới thấy rõ kỵ binh Mông-cổ không thể thành công trong lối đánh giặc này. Họ không thể kiên nhẫn chờ đợi, không biết tiến tới mục tiêu từng bước một...

Nổi bất mãn và hoang mang lan tràn khắp các trại, nhưng đại hãn không nói tới chuyện rút quân. Sau mấy ngày tính toán ông đem áp dụng một quỷ kế: đề nghị với bọn chỉ huy trong thành nếu đem nạp gấp 1.000 con mèo và 10.000 chim én, ông sẽ hạ lệnh rút quân. Viên tướng thủ thành hết sức ngạc nhiên,

không hiểu bọn rợ đòi như thế để làm gì, nhưng cũng tổ chức một cuộc lùng bắt tất cả mèo và chim én đem nạp, tuy nhiên họ rất dè dặt không dám mở cửa thành. Đại hãn đâu cần mở cửa thành làm gì nữa. Ông cho binh sĩ cột vào đuôi mỗi con vật nói trên một chùm bôi, châm lửa đốt rồi thả ra tất cả. Bị lửa đốt nóng, chim én kinh hoàng bay về chui vào các mái tranh, mèo thì chạy cuồng loạn rút vào các xó nhà. Dân chúng trong thành nhốn nháo cả lên rùng rùng đi đuổi bắt, nhưng bắt sao cho hết được. Chẳng bao lâu lửa dấy lên cháy lan tràn khắp bốn phía thì ngay lúc ấy quân Mông-cổ ồ ạt tràn vào thành.

Binh Mông-cổ reo hò vang dậy: họ đã chiếm được thành. Không có sức nào kháng cự nổi với đại hãn của họ! Họ sẽ kéo đi chiếm trọn lãnh thổ Tây-hạ!

Nhưng Thành-Cát Tư-Hãn không lạc quan như thế, vì quỷ kế này chỉ đem lại một lần thắng lợi mà thôi. Lần sau thì làm thế nào? Ông thấy rõ mình bất lực trước những bức tường thành. Cho nên quân sĩ đều ngạc nhiên không hiểu sao đại hãn không tiến binh nữa.

Trong lúc ấy vua Tây-hạ ráo riết tổ chức một đạo quân mạnh và tăng cường sự phòng thủ ở các nơi khác. Nhưng bách quan kéo tới vương cung ở Ninh-hạ đồng tâu rằng: “Chúa Mông-cổ đòi phải nạp thuế cống, ông ta mới chịu nghị hòa và rút quân ra khỏi đất nước”.

Nghe qua chúa Tây-hạ bưng bưng nổi giận, muốn bác bỏ đề nghị hỗn của dân du mục vì có bao giờ chúa tể một đế quốc rộng lớn lại chịu làm phiên thần của một tù trưởng man rợ? Bọn tướng lĩnh phải nhắc cho nhà vua nhớ là chính hoàng đế Trung-quốc đã có lần phải tạm thời cống hiến bảo vật cho một vương tử Mông-cổ để họ lui quân rồi sau đó chỉnh tu binh mã đánh quật trở lại.

Thế là Tây-hạ đành chịu nghị hòa đem nạp cống phẩm, Đại hãn liền rút quân về đoàn trại. Quân sĩ Mông-cổ từ đó càng nôn nao khao khát những cuộc viễn chinh mới. Riêng Thành-Cát Tư-Hãn, ông đã thấy rõ sức mạnh của dân đô thị và nhược điểm của quân lực mình. Chỉ còn cách là phải khai thác những kinh nghiệm vừa qua.

Sau trận này Thành-Cát Tư-Hãn nhận thấy cần phải rèn luyện lại cấp lãnh đạo quân sự, tạo một tập đoàn tướng lĩnh tinh thông binh pháp có đầy đủ khả năng đối phó với mọi tình thế khó khăn. Do đó tất cả tướng lĩnh và tù trưởng ở các nơi đều được gọi về trung ương dự những lớp giảng về binh pháp của ông... Để ngăn ngừa sự trốn lánh, ông ra một điều luật mới ghi trong Yassa: “Ai có ý trốn tránh không tới họp mặt để nghe huấn dụ của ta, người đó sẽ lâm vào số phận của một hòn đá rơi xuống

nước không ai còn thấy bóng nữa”.

Ba mươi năm sau thời kỳ mở những lớp giảng huấn nói trên, Bạt-Đô – cháu nội của Thành-Cát Tư-Hãn – tổ chức một lực lượng 600.000 người mà trong đó chỉ có một phần tư người Mông-cổ. Tất cả số người này đều giữ chức vụ chỉ huy từ hàng thập phu trưởng đến hàng cao cấp nhất. Đám thượng tướng của Bạt-Đô có thể điều khiển dễ dàng cùng một lúc nhiều chiến dịch hành quân trên một dải đất bao la từ Ba-lan đến Ba-nhĩ-cán, từ sông Dnieper đến biển Adriatique, và sau kết thúc những trận đánh rồi, các quân đoàn đều tập hợp trở về đông đủ cả. Không một nhà chỉ huy quân sự nào của Âu-châu thời bấy giờ có thể làm tròn được một nhiệm vụ nặng nề phức tạp như thế.

Khóa học đầu tiên của trường quân sự Mông-cổ là khóa học về chiến thuật công thành: cách sử dụng thang dây, bao cát, cách chế tạo và sử dụng những cái mộc vĩ đại dùng để đỡ tên, cho các đội xung kích. Mỗi bộ lạc phải chế tạo một số dụng cụ cần thiết để công thành, nạp vào kho quân cụ do những sĩ quan phụ trách việc giữ gìn và phân phát lúc xuất chinh.

Trong lúc ấy đại hãn lại phong Truật-Xích làm chủ tướng cùng với Túc-Bất-Đài và Triết-Biệt điều động một quân đoàn lên mạn Tây Bắc quét cho sạch những đám loạn quân lẻ tẻ còn sót lại ở biên cảnh Mông-cổ. Bây giờ ông khởi cần phải thân chinh đối với những đám giặc chòm như thế; một thế hệ mới đã trưởng thành và cần học tập chiến đấu dưới sự điều khiển của các thượng tướng lão luyện. Ở ngôi đại hãn ông chỉ cần ban bố những lời khích lệ tinh thần:

- Hỡi các tướng trung thành của ta! Các người là hạng sáng sủa như vàng minh nguyệt thật xứng đáng là cấp chỉ huy các binh đoàn. Các người là những hột trân châu trang điểm trên mũ miện của ta! Các người phải là trung tâm điểm của vũ trụ, phải là núi đá đứng sừng sững giữa trời. Hỡi ba quân đang đứng quanh ta như bức tường thành kiên cố, đội ngũ chỉnh tề như cánh rừng sậy hãy lắng nghe lời nói của ta:

Các người hãy đoàn kết chặt chẽ như năm ngón tay; lúc tấn công hãy như chim ưng đáp xuống con mồi; lúc tiêu khiển hãy vũ múa như con công; lúc giao chiến hãy lao vào kẻ địch như con ó lao xuống đàn gà...

Truật-Xích thống lĩnh quân đoàn qua Nãi-man bắt tất cả những bộ lạc bất tuân phải qui phục rồi vượt qua rừng núi Saïan đổ xuống đồng cỏ Khirghises đặt bộ lạc này vào vòng thống trị. Bây giờ bộ lạc Oi-Rat đang bị quân Miệt-nhi tàn hại, liền tình nguyện dẫn đạo đi lòng kẻ thù. Chúa Miệt-nhi là Tút-Sa-Bét không còn đường né tránh nữa đành phải giao chiến, rốt cuộc bị bắt giết.

Chót hết là Gút-Sơ-Lút một kẻ thù cũ còn sống sót, chạy thoát được qua hàng Tây-liêu.

Thành-Cát Tư-Hãn rất hài lòng về chiến công của thái tử. Khi đoàn quân chiến thắng trở về ông cho tổ chức một cuộc đón rước cực kỳ long trọng, rồi ban thưởng cho Truật-Xích một hãn địa riêng. “Lần đầu tiên xuất chinh không có ta bên cạnh mà con khuất phục được các bộ lạc ở rừng không hao quân, thật đáng khen. Ta ban thưởng cho con tất cả những miền vừa mới bình định ấy.”

Món quà này sau trở thành một đế quốc riêng tức đế quốc Khâm sát mà các sử gia thường gọi là Kim-hãn-địa (Horde d’or) bao gồm những thái ấp của các vương tử Nga. Suốt nhiều thế kỷ đám vương tử Nga phải đến tuyên thệ trung thành trước khải hãn Mông-cổ để được sắc phong vương tước.

Hai năm sau chiến cuộc Tây-hạ bỗng có tin cấp báo về Onon: hoàng đế Kim đã băng hà, thái tử Vĩnh-Tế lên nối ngôi.

Năm đầu Tây-hạ có đem nạp cống đầy đủ nhưng qua năm sau không thấy họ tới nữa. Như thế có nghĩa là tự cho mình có đủ lực lượng đối phó rồi, nếu không vị tân vương không dám nạp cống trể chớ đừng nói đến việc lờ đi như thế.

Thành-Cát Tư-Hãn liền vin cớ đó khởi binh tái chiến với Tây-hạ. Ngay trận đầu quân Tây-hạ bị đánh tan rã; binh Mông-cổ liền tiến chiếm thành Wolohai, đoạt thêm một thành nữa rồi vượt qua Trường thành. Tại đây binh Mông-cổ lại giao chiến với một đạo binh do một vương tử Tây-hạ chỉ huy. Quân địch bị tổn thất nặng phải rút về thành Ninh-hạ là đế đô nằm trên thượng lưu sông Hoàng-hà. Quân Mông-cổ đuổi theo và bao vây kinh thành.

Một lần nữa quân Mông-cổ đành chịu bất lực trước những vách thành kiên cố. Thật ra lúc bấy giờ họ đã tiến tới trình độ có thể chiếm những thành nhỏ, nhưng Ninh-hạ là một đô thị lớn đông dân, phòng thủ thật vững chắc không dễ gì hạ nổi. Mà thì giờ thì cấp bách, không thể chần chờ ở xứ này được vì Thành-Cát Tư-Hãn chỉ nghĩ tới nước Kim, muốn diệt đế quốc ấy càng sớm càng tốt. Đại hãn nghe nói người Trung quốc có chiến thuật tháo nước cho ngập thành, liền sai đi bắt một số dân Trung-quốc về bảo xây một cái đập lớn, lùa nước sông Hoàng-hà vào thành Ninh-hạ. Nhưng mới xây lên được phân nửa thì đập vỡ, nước tràn ra lụt hết cánh đồng mà quân Mông-cổ đang đóng trại. Họ phải cấp tốc cuốn lều chạy lên các đồi cao.

Tuy vậy tình thế của quân Tây-hạ cũng không có gì lạc quan hơn. Chiếm thành không được, quân

Mông-cổ liền tràn ra khắp các làng mạc cướp phá tan tành; quân Tây-hạ cứ bế môn ở mãi trong thành chẳng làm gì khác hơn được. Cho nên khi quân Mông-cổ gọi sứ giả tới nghị hòa, chúa Tây-hạ mới thõ ra nhẹ nhõm chấp nhận tất cả các điều kiện hết sức khắt khe: nộp thuế cống thật nặng; phải trợ lực Mông-cổ trong những cuộc chinh phạt ở các nước khác và để tỏ thiện ý, phải gả công chúa cho đại hãn (1209). Thế rồi yến tiệc mở ra linh đình mừng tình hữu nghị giữa hai nước. Xong đâu đó, Thành-Cát Tư-Hãn vội vã rút quân về.

Được nửa đường bỗng có mã khoái “Tên bay” từ miền đông tới báo tin một đoàn sứ giả nước Kim đã tới cõi ngoài Trường thành. Đại hãn liền dừng binh đón chờ. Ông ra đứng trước lầu tiếp sứ giả của vua Kim. Viên chánh sứ bảo người thông ngôn nói lại rằng “có chiếu chỉ của hoàng đế Đại kim, Đại hãn phải làm lễ bái lĩnh”.

Thành-Cát Tư-Hãn hỏi:

- Hiện giờ ai là hoàng đế nước Kim? - Làm như ông không hay biết về việc đổi ngôi.

Sứ giả trả lời:

- Hoàng đế Vĩnh-Tế.

Thành-Cát Tư-Hãn liền quay về hướng Nam, thay vì quì lạy kính cẩn, lại khạc xuống đất với vẻ vô cùng khinh bỉ.

- Ta tưởng rằng kẻ nào tự xưng là thiên tử phải là hạng khác thường; còn hèn nhát như thằng Vĩnh-Tế thì ra cái thá gì mà bắt kẻ khác phải quì lạy!

Nói xong đại hãn sai đem ngựa lại tiếp tục cuộc hành trình.

Phần viên chánh sứ, hãn quay trở về với cả một nỗi khổ tâm mong cho đường càng xa càng tốt. Hãn vò đầu bứt tóc không biết phải tâu trình như thế nào với hoàng đế về lời lẽ khinh miệt của chúa du mục. Và mặc dù đã dùng lời lẽ hết sức khéo léo che giấu bớt sự thật, hoàng đế cũng nổi cơn lôi đình lên quát vệ sĩ tổng hãn vào ngục.

Rồi nhà vua hội tất cả bá quan văn võ ở Yên-kinh lại hỏi ý kiến từng người. Ý kiến rất phức tạp và trái ngược nhau. Sau cùng nhà vua mới quyết định, hạ lệnh cho các tướng:

Viên tướng chủ trương đánh phải dẫn quân đến tận sào huyệt bọn Rợ trừng phạt thẳng tay tên tù trưởng.

Viên tướng chủ trương dò xét hành động bọn Rợ phải gấp rút đào hào đắp lũy án ngữ ngoài Trường thành, tăng cường quân trú phòng ở các nơi để phòng địch đánh bất ngờ.

Mới tới sa mạc Gobi, viên tướng viễn chinh đã ngao ngán án binh tại đó rồi thả lính đi cướp lương thảo của dân Ong-Gút là dân phiên thuộc của Kim. Ngay lúc đó, thân vương Triết-Biệt được lệnh Thành-Cát Tư-Hãn dẫn 2 vạn phu xuống mạn Đông tìm họ. Quân Mông-cổ ồ ạt tấn công, đại thắng quân Kim, san bằng cái lũy vừa mới đắp lên rồi kéo dân Ong-Gút về thần phục Mông-cổ.

Sau trận này quân Kim mất hết nhuệ khí, tinh thần chiến đấu rã rời. Nguy hơn nữa là trận đầu của triều đại mới mà thảm bại như thế làm sụp đổ luôn lòng tin tưởng của dân chúng, cho nên hoàng đế Kim phải cho yết thị khắp nơi cấm ngặt không cho loan tin “Có quân Rợ kéo tới ngoài Trường thành”, ai vi lệnh sẽ bị cực hình.

Ít ngày sau quan trấn thủ Trường thành lại gấp rút về triều cấp báo: quân Mông-cổ đang chuẩn bị đánh lớn. Nhưng ông ta bị hoàng đế khiển trách nặng nề; ngài cho rằng ông tau lão khoét, để quốc Kim với Mông-cổ vẫn đang giao hảo tốt đẹp. Quan trấn thủ lại cứ quả quyết rằng quân Mông-cổ đang mài tên giữa giáo, chắc chắn sẽ có trận xâm lăng... Kết quả ông ta bị tổng vào ngục.

Nhờ thế mà Thành-Cát Tư-Hãn được trọn một năm hoàn yên ổn để chuẩn bị trận đánh lớn nhất của đời ông.

Chương XIII CHINH PHẠT NƯỚC KIM

Mùa xuân năm 1211, Thành-Cát-Tur-Hãn hội quân bên sông Tây bình (Kéroulène). Tất cả tráng đinh từ núi Altai đến núi Chingan đều phải nhập ngũ vì lần chinh phục này quan hệ tới vận mệnh của tất cả dân tộc du mục.

Đại hãn tuyên bố: “Đã đến lúc phải đánh nước Kim, nước đã nhiều phen phản bội các khả hãn đời trước và luôn luôn tàn sát áp bức những dân tộc ở lều”.

Nghe xong, toàn thể ba quân nhiệt liệt hoan nghênh, tiếng reo mừng vang dậy núi sông, vì còn gì thỏa thích cho bằng chiếm cái nước giàu mạnh, của báu vô tận ấy; họ sẽ đoạt nhiều bảo vật, nhiều đồ kỳ lạ chưa hề thấy trong cuộc đời chinh chiến.

Riêng Thành – Cát – Tur – Hãn, ông nhận thấy việc làm của mình hết sức trọng đại, nó quyết định sự tồn vong của đế quốc mới thành lập. Nếu chẳng may thất bại, đế quốc sẽ sụp đổ vĩnh viễn; những xứ mới chinh phục ở chung quanh sẽ tràn tới cướp bóc tàn sát dân Mông Cổ; những bộ lạc vừa đặt dưới quyền thống trị của ông sẽ nổi loạn; những miền mới thống nhất sẽ ly khai... Cái vinh quang của dòng Bọt Di Dinh, của Mông cổ do bao nhiêu công lao của ông tạo nên sẽ tan biến như mây khói. Nhưng ông nhất quyết phải giáng một đòn xuống nước Kim.

Công cuộc chuẩn bị đã đến mức chu đáo, chẳng còn điều gì đáng lo ngại... Bây giờ bốn phía biên thùy đều yên ổn, các nước láng giềng đều là bạn đồng minh. Đáng lo ngại hơn cả là Tây hạ thì bây giờ họ đã quá suy nhược rồi, trong nhiều năm nữa họ cũng chưa dám gây chiến với ai. Trong nội bộ, nếu có thân vương hoặc tù trưởng nào còn thèm khát độc lập - bấy lâu nay chỉ thần phục một cách miễn cưỡng - ông bắt phải dự chiến luôn cả cha mẹ con cái và chiến sĩ của họ. Tại đất nhà chỉ còn lại bô lão, đàn bà, trẻ con với 2.000 quân túc vệ; tất cả 20 vạn kỵ quân phải dự cuộc nam chinh.

Chiến cuộc này hết sức trọng hệ, mối nguy hiểm cũng lớn lao nên không thể giao cho một pháp sư cầu nguyện vu vơ được. Đích thân Thành-Cát-Tur-Hãn làm lễ tế cáo trời đất. Một mình ông đi vào lều riêng “tiếp xúc” với Trời. Ông khấn với đáng tối cao rằng ông chỉ muốn báo thù cho tổ tiên; nêu danh tất cả những khả hãn đời trước đã chết dưới tay người Kim và kể những nỗi thống khổ của dân du mục bao phen bị dày xéo. Trời Xanh chí công chẳng lẽ để cho dân tộc Mông cổ bị đọa đày mãi, chịu đựng mãi sự bất công do một dân tộc giáo quyết, phản phúc gây ra? Trời Xanh hãy gọi những thần Thiện xuống giúp ông và cả những thần Ác nữa vì những vị Thần này cũng có sức mạnh kinh khủng. Trời xanh đã phán bảo tất cả các dân tộc đang sống trên mặt đất này phải họp lại chống nước Kim.

Ở trong lều luôn ba ngày, đại hãn chỉ lo trai giới và cầu nguyện. Đến ngày thứ tư ông mới ra ngoài báo cho dân chúng hay “Trời sắp ban cho ông sự chiến thắng vẻ vang”.

Từ sông Tây – bình quân Mông cổ rầm rộ trẩy binh đến biên giới nước Kim xa 1400 dặm. Quân thám sát đi đầu, tiến theo hình rẽ quạt. Họ không để lọt một thứ gì ra ngoài tầm mắt, từ một dòng suối, một địa điểm đóng trại đến tên thám mã địch núp trong bụi. Nói theo là ba quân đoàn hùng dũng do những tướng tài ba nhất chỉ huy: Mộc Hoa Lê, Túc Bất Đài, Triệt Biệt làm ba cánh trung quân, tả quân, và hữu quân. Họ vượt qua những rừng núi phía đông sa mạc Gobi, nhân mã đều toàn vẹn không bị một tổn thất nào cả. Họ mang theo tất cả những vật dụng cần thiết, mỗi kỵ binh đều có dắt thêm một con ngựa để thay đổi, lại chở theo hàng đàn súc vật làm lương thực qua sa mạc; lúc bấy giờ đúng ngay mùa tuyết tan nên không lo ngại vấn đề nước, cỏ cho ngựa. Đó là lúc trẩy quân chở lương thảo của binh Mông cổ bao giờ cũng sẵn ở trước mặt, ở xứ này mà họ sắp chinh phục.

Đế đô nước Kim lúc bấy giờ là Yên kinh (Bắc Kinh) nằm ở trung tâm đế quốc, là mục tiêu của Thành – Cát – Tư – Hãn. Các toán tiên quân Mông cổ đều hướng thẳng về đó. Họ vượt qua Trường thành ngay khoảng có hai lớp vách cách nhau 200 dặm được phòng thủ rất cẩn mật. Xưa nay những bức thành này che chở vùng bình nguyên Yên kinh, chặn đứng những cuộc xâm lăng của dân du mục.

Bấy giờ, nước Kim tổ chức việc quốc phòng rất chu đáo, nhiều binh đoàn hùng hậu đóng ở gần kinh đô. Nghe tin quân Mông cổ tới, họ liền kéo lên định vây hãm địch ở vùng hiểm địa nằm giữa hai bức thành ấy. Bỗng có tin cấp báo: “Cánh quân Mông cổ ấy là tiên quân chỉ đánh như mà thôi. Đại quân của họ do Thành-Cát-Tư-Hãn chỉ huy cũng đã vượt qua trường thành cách đó 400 dặm cho (do?) quân Ong Gút trấn giữ. Họ vượt qua dễ dàng gần như khỏi rút kiếm và đã xuất hiện trong tỉnh Sơn tây như ở trên trời rơi xuống”.

Nghe tin, quân Kim sợ thất thế định rút về những thành ở gần hơn hết; họ kéo qua phía Tây, băng ngang vùng núi non không có đường xá. Cánh tiên quân Mông Cổ liền bọc qua phía Tây nhưng nhờ phi ngựa nên nhanh hơn quân Kim – phần đông chỉ chạy bộ. Quân Kim bị tấn công hai mặt; pháo binh của họ quá nặng nề kèn càng trở thành cái bia dễ nhắm nhất cho quân cung nỏ Mông cổ. Một trận mưa tên tưới xuống làm tán loạn hàng ngũ, tiếp theo là trận xung kích vũ bão của 20 vạn quân kỵ - một lối tấn công mà cả thế giới lúc bấy giờ không có quân đội nào đỡ nổi.

Chỉ một trận đầu, đạo quân tinh nhuệ nhất của Kim bị tiêu diệt. Quân Mông cổ tràn ngập trong tỉnh Sơn Tây.

Thành-Cát-Tur-Hãn cho quân tản ra trên một tầm cực rộng để có đầy đủ lương thảo nhưng không ngại nguy hiểm vì tổ chức liên lạc chạy rất điều hòa. Nếu địch quân xuất hiện ở đâu đó thì các cánh quân của ông có thể trong vòng một hai ngày tập trung lại đối địch. Ở đây cũng như ở khắp các mặt trận khác sau này đường liên lạc giữa đại hãn và các tướng lĩnh không bao giờ đứt đoạn. Chiến thuật lúc tiến thì tản ra, lúc đánh thì họp lại được Thành-Cát-Tur-Hãn áp dụng một cách tuyệt hảo. Cho nên kẻ địch phải ngạc nhiên thấy bất cứ ở nơi nào binh Mông cổ cũng có thể xuất hiện đột ngột và đến những trận quyết định họ xuất hiện đông đảo không ngờ được.

Bây giờ ba đạo quân Mông cổ do các vương tử chỉ huy tiến theo hình cánh quạt qua suốt tỉnh Sơn tây.

Thành Cát Tư Hãn và Đà Lôi chỉ huy cuộc bao vây thành Đại Đồng Tây kinh của nước Kim.

Triết Biệt dẫn đạo quân thứ năm đi tìm đường xuống bình nguyên Yên Kinh.

Lúc viên tướng này hạ hết những cái thành lẻ tẻ, mở được con đường rồi, Thành-Cát-Tur-Hãn liền bỏ Đại Đồng, ba vương tử cũng bỏ những thành đã chiếm, đồng kéo róc lực lượng xuống bình nguyên tiến thẳng đến cửa thành Yên Kinh.

Đây là lần thứ nhất Thành-Cát-Tur-Hãn được dịp đứng trước một kinh thành vĩ đại. Ông cho ngựa rảo một vòng để quan sát: nào hào, nào tường ... thật là sâu, thật là kiên cố, thật là rộng lớn! Không ngờ con người có thể làm được một công trình lớn lao đến như thế!

Đại hãn hết sức băn khoăn: Bây giờ phải làm thế nào? Có lẽ không bao giờ ông làm chủ được cái đô thị có mấy trăm ngàn quân trú phòng này! Có lẽ không bao giờ làm chúa tể đế quốc Kim được! Ông đã chiến thắng bốn đạo quân rồi, đạo quân nào quân số cũng đông gấp mấy lần quân của ông, vậy mà tin cho biết còn nhiều lực lượng hùng hậu khác ở bốn phía kéo tới. Suốt 6 tháng qua, binh Mông cổ dong đuổi khắp nơi, nào cướp nào phá, tung hoành ngang dọc, giờ nghe nói đó chỉ là một tỉnh, tỉnh Sơn Tây và đế quốc Kim còn những 12 tỉnh như vậy nữa.

Trong thâm tâm Thành-Cát-Tur-Hãn đã muốn bỏ cuộc. Tuy không chiếm được nước Kim, nhưng ông cũng đã đạt được ước vọng: tiêu diệt đạo quân tinh nhuệ nhất của Kim: binh sĩ Mông cổ đã giàu hơn, cướp vô số của cải, bắt vô số người làm nô lệ, nhất là uy danh của ông bây giờ lừng lẫy khắp

bốn phương. Đạo quân Triết Biệt đi tảo thanh phía đông đã tới chỗ tận cùng của thế giới, chỗ “đất biến thành nước”, ông còn muốn gì nữa? Nếu vây thành Yên Kinh mà không chiếm được thì còn gì là uy vũ nữa?... Cho nên Đại hãn quyết định rút quân ra đóng ở cỗi ngoài vừa để nghỉ ngơi trong mùa đông vừa để dòm ngó coi quân địch động tĩnh ra sao.

Đang lưỡng lự chưa biết đóng quân ở đâu, ở biên cảnh Sơn tây hay ngoài Trường thành, bỗng có một sứ giả nước Kim đến xin bệ kiến.

Những chiến thắng liên tiếp của “bọn rợ” đã làm kinh ngạc cả triều đình Yên kinh. Từ tám mươi năm qua họ chưa bao giờ thấy một cuộc xâm lược như thế. Thông thường hễ binh thiên triều kéo đến là quân rợ vội rút đi, bây giờ chúng nó lại đi kiếm quân thiên triều để đánh. Và hễ quân binh xuất hiện ở đâu là quân rợ ào tới bao vây tứ phía. Những tay chỉ huy của chúng thật là đảm lược không ai ngờ được, khiến cho các tướng của triều đình không còn biết xoay sở thế nào nữa. Giờ chúng lại dám kéo đến bao vây kinh đô. Ở Yên kinh ai cũng chờ chúng lao đầu vào các vách thành vững như núi xem thử bài học đẫm máu có dạy chúng chừa hẳn thói cướp bóc dã man không. Nhưng lạ thay khả hãn Mông cổ không để cho một tên kỵ binh nào bén mảng vào tầm tên. Nhiều người thấy rõ khả hãn té ngựa xa xa ở chung quanh thành, rồi đột nhiên chẳng đòi hỏi gì hết lại rút quân đi. Họ muốn gì hay mưu mẹo gì đây chẳng? Cho nên vua Kim muốn thử nghị hòa.

Viên sứ giả có nhiệm vụ dò xét ý định của quân rợ và giải thích cho đại hãn của họ hiểu: hoàng đế nước Kim rất đổi kinh ngạc không hiểu có gì họ xâm lăng nước Kim. Đại Kim muốn sống hòa bình với Mông cổ. Hơn nữa đại hãn được phong Bắc Cường Chiêu Thảo Sứ đang có trọng trách tảo trừ phiến loạn...

Thành-Cát-Tur-Hãn cũng rất đổi ngạc nhiên về cuộc hòa đàm này. Ông đã tàn phá những tinh trù phú của đế quốc Kim, vậy mà hoàng đế của họ lại muốn sống hòa bình với ông! Đế quốc rộng mênh mông, nhiều thành lũy kiên cố, quân đông như kiến cỏ, sao không xuất binh ra đánh đuổi mà hỏi tại sao ông muốn tấn công nước Kim? Hẳn là họ suy nhược lắm nhưng còn muốn che giấu. Đại hãn tiếp sứ giả rất ân cần nhưng có ý dò hỏi nhiều việc.

Vua nước Kim đã chọn làm sứ giả; ông ta vốn là dòng dõi nhà Liêu đầu ưa gì nước Kim, cho nên sẵn sàng tiết lộ nội tình đế quốc Kim với Đại hãn. Các vua Kim trị vì ở Hoa bắc trong gần một trăm năm nay vẫn bị người Trung hoa coi là kẻ xâm lăng. Dù đã tiêm nhiễm phong tục, tập quán, đã thấm nhuần văn hóa Trung quốc họ không bao giờ được nhìn nhận là vua chính thống, trái lại dưới mắt

người Trung quốc họ vẫn là “bọn Rợ miền Bắc, bọn Rợ Mãn Châu” đã cướp ngôi nhà Liêu. Ở miền Nam, vua Tống là kẻ thù của họ; ở Đông bắc một hoàng thân Liêu hiện đang miến cưỡng thần phục họ, nhưng vẫn âm thầm đợi chờ cơ hội quật khởi... Nếu đại hãn sẵn sàng giúp nhà Liêu trung hưng thì chính sứ sẽ sẵn sàng làm nội ứng, ngoài ra còn lắm anh hùng hào kiệt cũng đang mưu đồ lật đổ nhà Kim.

Thoáng nghe qua Thành-Cát-Tur-Hãn đã thấu suốt tình hình. Kị binh của ông hùng mạnh hơn quân Kim, nhưng không thể chiếm những cái thành vĩ đại, kiên cố được. Mà giả sử có chiếm được cũng không thể giữ nổi vì quân Mông cổ quá ít, sẽ chìm mất trong cái biển người bao la. Nhưng có thể giúp cho quân Liêu chinh phục cái biển người ấy và giao cho họ chặn giữ quân Kim...

Thế rồi đại hãn quyết định tiếp tục cuộc chinh phạt. Ông trẩy quân lên vùng hiểm địa ở giữa hai dãy tường thành, tại đây có vô số trại nuôi ngựa, có thể nói là kho dự trữ chiến mã vĩ đại của hoàng gia Kim. Chỉ một trận chớp nhoáng, quân Mông cổ đã đoạt hết những bảy tuần mã nhiều không đếm xiết, dứt được mối lo quân Kim sẽ tổ chức lại kị binh hoặc dùng ngựa vận tải lương thực. Sau này quân Kim có phản công, họ chỉ còn cách đi bộ, quân Mông cổ có thừa thì giờ để tới bất cứ nơi nào với đạo quân kỵ thần tốc của mình. Xong trận này, Đại hãn cho binh sĩ hạ trại tránh mùa đông tại đây, không còn lo ngại gì nữa, đồng thời gởi một đoàn sứ giả qua Khiết – đan tiếp xúc với hoàng thân Liêu.

Đầu mùa xuân năm 1212 thành linh hoàng thân Liêu khởi binh ở Khiết – đan, cùng lúc ấy quân Mông cổ hoạt động trở lại, đánh phá các tỉnh phía Bắc Trường thành. Vua liền phái quân đi đánh dẹp, nhưng vừa thấy bóng "quân rợ", họ đã chạy dài. Quân Mông cổ liền đuổi theo, vượt qua tường thành tràn xuống tỉnh Sơn tây. Họ đều kinh ngạc trước một sự kiện lạ lùng: tất cả những thành lũy đã san bằng năm trước bây giờ dựng đứng lên như cũ và được phòng thủ cẩn mật. Họ đành phải bỏ những thành nhỏ, đem toàn lực tấn công thủ phủ Đại – đồng. Quân Kim từ bốn phía kéo đến giải vây nhưng đều bị đánh tan rã. Quân Mông cổ ồ ạt hãm thành nhưng sức phòng thủ quá kiên cố không làm sao nao núng quân Kim được. Trong lúc chỉ huy một đợt tấn công, Thành-Cát-Tur-Hãn lại bị một mũi tên, suýt rơi xuống ngựa. Đồng thời những tin thất lợi từ Khiết – đan đưa tới. Quân Kim đại thắng ở mặt trận này, đập tan hết quân khởi nghĩa và đang bao vây hoàng thân Liêu.

Thành-Cát-Tur-Hãn liền rút quân ra ngoài Trường thành cho quân sĩ luyện tập lại cách công thành đồng thời phái Triết – Biệt thống lĩnh hai binh đoàn đi tiếp viện hoàng thân Liêu. Chỉ một trận, Triết – biệt quét quân Kim ra khỏi Khiết – đan, rồi vây hãm Liêu – dương. Thử qua vài đợt tấn công thấy không lay chuyển được chút nào, viên tướng tài ba tướng đã đành phải bỏ cuộc như Thành-Cát-

Tư-Hãn ở Đại Đồng. Nhưng sau cùng ông áp dụng một chiến thuật : cho phao ngôn khắp nơi rằng sắp có viện binh Kim tới, rồi đột ngột ngưng cuộc vây hãm, hấp tấp rút quân đi bỏ lại tất cả hành trang, lều trại trước thành Liêu – dương. Hai ngày sau ông cho đổi ngựa khỏe quay trở lại. Chỉ trong một đêm quân Mông cổ phi hết khoảng đường đã lui. Họ gặp quân Kim cùng với dân chúng đang tranh nhau cướp đồ đạc đã bỏ lại, bốn cửa thành đều mở toang. Ngựa Mông cổ sải trên lưng quân Kim vào thẳng trong thành. Mưu kế này đã đưa đến thành công rực rỡ: hoàng thân Liêu đang thất điên bát đảo, bây giờ nghiêm nhiên xưng vương ở Liêu Đông, đem xứ Khiết-đan về qui phụ Mông-cổ.

Mùa xuân năm sau (1213) quân Mông – cổ lại mở chiến dịch ở nước Kim. Trận thứ ba này khởi đầu bằng cuộc đánh chiếm các tỉnh ở Hoa – bắc, có kế hoạch hãn hoi. Họ không bỏ một thành nào hết, trước tiên triệt hạ những thành nhỏ để rút kinh nghiệm rồi sau mới lần lượt công hãm những thành kiên cố. Đà – Lô và Tô – Gu – Sa xưng phong trào lên thành làm gương cho quân sĩ. Ba vương tử và đám bộ tướng đánh chiếm lần lượt các hẻm núi. Bây giờ viên sứ giả người Liêu thấy quân Mông – cổ đã thật sự muốn chiếm nước Kim liền dẫn một số tướng Khiết – đan theo Thành – Cát – Tư – Hãn. Quân Mông – cổ chiếm được trọn tỉnh Sơn tây và bao vây chặt chẽ vùng bình nguyên Yên – kinh.

Trong lúc ấy, một cuộc chính biến bùng nổ tại triều đình Yên – kinh.

Tình hình đã quá nguy ngập mà triều đình lại thiếu người nên hoàng đế Vĩnh – Tế phải xuống chiếu thu dụng lại đám quan bị sa thải trước đây, trong số đó có viên thái giám Hồ - Sa – Hổ. Ông ta được nhà vua cho chỉ huy một quân đoàn, bất ngờ dùng lực lượng đó làm phản, chiếm Yên – Kinh, giết quan tổng trấn rồi ám sát hoàng đế đoạt chính quyền.

Thành-Cát-Tư-Hãn liền đình chỉ các cuộc hành quân, gấp rút kéo đến Yên kinh với hi vọng loạn quân sẽ mở cửa thành đầu hàng, ngõ đó là cuộc quật khởi của đám tướng Liêu. Ông không hiểu rằng đối với người Trung quốc bọn Khiết – đan nhà Liêu hay bọn Mãn Châu nhà Kim đều là kẻ xâm lăng, không bao giờ coi bọn ấy là đồng chủng với mình. Hồ - Sa – Hổ cũng thuộc dòng Liêu, nhưng không theo chủ trương của Liêu – đông, nhất định không thần phục bọn Rợ; cuộc nổi loạn này là một mưu đồ riêng của ông ta. Nên khi giết Vĩnh – Tế rồi, ông ta nắm giữ chức thống tướng chỉ huy toàn thể quân đội và đem một hoàng thân lên ngôi (Wou Tou Pou 1213-1223) rồi chống đánh Mông – cổ. Dù chỉ còn một chân phải ngồi trên xe cho lính đẩy, Hồ-Sa-Hổ cũng đích thân chỉ huy, đội binh qua một con sông gần Yên – kinh đánh úp binh Mông – cổ. Bị tập kích bất ngờ, đại quân Mông – cổ rối loạn hàng ngũ, số tổn thất khá nặng nhưng còn một may mắn là quân đoàn của tướng Cao – Chi lãnh nhiệm vụ đánh tập hậu lại kéo tới quá trễ, nhờ đó quân Mông – cổ mới có đường rút lui.

Tức giận vì mất một cơ hội thắng lợi lớn lao. Hồ-Sa-Hổ đã toan giết tướng Cao – Chi nhưng có hoàng đế Kim can thiệp nên Hồ-Sa-Hổ đành để cho Cao – Chi chờ dịp lập công chuộc tội. Sau trận này Hồ-Sa-Hổ lâm bệnh nặng không thể tiếp tục chỉ huy nữa, mới gọi thêm quân tiếp viện rồi giao binh quyền cho Cao – Chi. Bấy giờ Thành-Cát-Tur-Hãn đã tập trung được tất cả các binh đoàn về mở cuộc tấn công. Cuộc huyết chiến diễn ra liên tiếp ngày đêm hết sức gay go khốc liệt. Sau cùng Cao – Chi thảm bại bị quân Mông – cổ đuổi theo đến ngoại thành Yên – kinh.

Biết bận này khó thoát khỏi bản án tử hình của Hồ-Sa-Hổ, Cao – Chi liền ra tay trước; ông ta dẫn đám tàn quân bao vây đại bản doanh của thống tướng. Hồ-Sa-Hổ khắp khểnh chạy đi trốn chẳng may vướng vạt áo té xuống đất bị Cao – chi tóm được, tức khắc đem chặt đầu rồi dẫn đám bộ hạ đi thẳng tới cung xin yết kiến nhà vua. Lúc chiều vua, tay Cao Chi còn xách thủ cấp Hồ Sa Hổ, yêu cầu vua xét lại lòng trung của y và của Hồ Sa Hổ. Lúc đó hoàng cung cũng bị bọn lính của Cao Chi bao vây, trước thái độ đe dọa như thế, nhà vua không làm sao khác được. Hơn nữa vua vẫn chưa quên Hồ Sa Hổ là một tên phản nghịch đã giết Vĩnh – Tế, tự xưng thống tướng; liền giao cho đình thần làm bản án hài tội Hồ Sa Hổ. Cao Chi được tuyên dương công trạng và phong chức thống tướng. Tất cả đám binh lính tham dự cuộc lật đổ Hồ Sa Hổ đều được thưởng ...

Trong lúc nội bộ Yên – Kinh rối nát như nói trên, quân Mông – cổ đã tiến tới sát cửa thành, nhưng cũng như lần trước không thể nào lọt vào được. Thành Cát Tur Hãn bực tức vô cùng. Bọn Kim ở trong bốn bức tường này sẽ khinh khỉnh cười mình chẳng? Đế quốc Kim chưa ngửi mùi chiến tranh ... được lắm! phải cho họ ném thử!

Ông quyết không án binh tránh mùa đông nữa, cũng không xua quân vào những tường thành bất khả xâm phạm, mà chia quân Mông – cổ cùng 46 đoàn thân binh Trung – quốc làm ba đạo, một đạo giao cho Cát – Xa thống lĩnh tiến đánh miền đông thuộc Nam Mãn – châu. Đạo thứ hai tách ra làm ba cánh giao cho một vương tử chỉ huy tiến xuống miền Nam thuộc vùng cao nguyên Sơn tây; ông và Đà – Lôi chỉ huy đạo thứ ba tiến xuống vùng đồng bằng ở Đông Nam, tới tỉnh Sơn Đông.

Suốt mùa thu và mùa đông ba làn sóng kỵ binh Mông – cổ tràn ra ba ngả chém giết, cướp đoạt, đốt phá gần trọn nước Kim. Mùa màng bị đốt sạch, thành thị không còn bóng người, nơi nào họ đi qua là chỉ còn lại điêu tàn khói lửa. Bọn tướng Kim rút vào nội thành, bắt dân chúng ngoại ô vào phụ lực phòng thủ. Thành Cát Tur Hãn ra lệnh bắt hết đàn bà, trẻ con, bỏ lão ở các làng chung quanh, đẩy họ tới chân thành, một lớp làm bia đỡ tên, một lớp phải đào dưới móng chân tường cho vách đổ xuống. Dân trong thành không chịu bắn xuống thân nhân của họ. Với chiến thuật này, lần lượt quân Mông – cổ hạ hết thành trì của đế quốc Kim. Chỉ những thành sớm đầu hàng thì được để yên, còn bao nhiêu đều bị

san bằng hết. Không đầy 6 tháng, 90 thành kiên cố bị cướp sạch và đốt ra tro. Gần trọn vùng bình nguyên Hoa – bắc chỉ còn lại 11 thành không hạ được trơ vơ như những ốc đảo ở giữa sa mạc. Nạn đói và bệnh dịch hoành hoành khủng khiếp, sau những cuộc hành binh của Mông – cổ; thầy người như rạ ở khắp mặt đường, mặt đồng, trên dòng sông ... Bấy giờ cơn lôi đình của Thành Cát Tư Hãn mới dần nguôi.

Qua mùa xuân, quân Mông – cổ mới đình chỉ cuộc hành quân, ba đạo quân đều rút trở về ngoại thành Yên – kinh. Nhưng khi trải qua các vùng bị bệnh dịch hoành hành, quân Mông – cổ bị nhiễm bệnh, lúc đến doanh trại phần đông đều bơ phờ, như tử.

Trong tình trạng như thế mà bọn tướng lĩnh vẫn đòi đại hãn cho họ tấn công thành Yên – kinh. Chỉ vì số chiến lợi phẩm nhiều như núi non làm cho họ hăng say lạ thường; luôn ba năm chuyến này nổi chuyến khác, họ tải tất cả của cải của nước Kim về Mông – cổ.

Nhưng đại hãn biết rằng có chiếm được Yên – kinh cũng không thể giữ được; ông đã thấy rõ không thể chinh phục một đế quốc có 50 triệu dân; đối với ông, vua Liêu hay vua Kim cai trị đế quốc cũng thế thôi có gì là quan trọng, hướng chi họ đã suy nhược và rã rời. Hơn nữa bệnh dịch đang phát hiện trong quân đội, có thể là điềm trời cảnh cáo ông.

Đại hãn gọi sứ giả tới hoàng đế Kim đưa ra một yêu sách: “Tất cả những tỉnh ở phía Bắc sông Hoàng hà đều đã lọt vào tay ta, giờ chỉ còn lại Yên – kinh. Đó là Trời muốn cho Người suy vong đến mức đó. Nếu ta thắng tay đẩy người vào chỗ cùng đồ, có lẽ Trời sẽ bất bình chăng? Ta vì ngại lòng trời nên muốn triệt binh về nước. Vậy Người nên sắm sửa lễ vật cống hiến cho các tướng lĩnh của ta, họ mới thỏa mãn mà rút quân đi.”

Triều đình Yên – kinh liền mở cuộc họp bàn. Từ lâu nay họ đã quen nghe kẻ yếu xin hòa nên tướng Cao Chi đòi đánh một trận quyết định, cho rằng quân Mông – cổ đã mỏi mệt, ngựa của họ đều kiệt lực. Nhưng bọn đại thần đều cực lực chống lại chủ trương đó: không có gì điên rồ bằng chuyện đánh nữa. Từ ba năm nay có làm gì khác hơn là đánh quân Mông – cổ, nhưng thử kiểm điểm lại kết quả! Đã đưa đạo binh tinh nhuệ nhất ra chiến đấu thì liền bị tiêu diệt; rồi đạo binh thứ hai, thứ ba ... thứ mười, bị tiêu diệt! tiêu diệt! Rút trong thành thì thành bị chiếm, bị cướp, bị đốt! Nào là tài thao lược của Tôn – Ngô, Gia – Cát, nào là máy móc tinh xảo, nào là địa lôi khủng khiếp nhất ... tất cả đều thất bại trước bọn ác quỷ Mông Cổ! Tất cả những kế hoạch đều trở thành đại họa! Bấy giờ còn tính bác yêu sách của họ để trêu hùm dữ nữa hay sao?...

Hoàng đế Kim liền phái một đại thần tới Đại bản doanh của Thành Cát Tư Hãn xin nghị hòa. Nhà vua thuận theo để cho hoàng thân Khiết Đan trị vì ở Liêu – đông, nạp một số cống vật như vàng

lụa, 3.000 con ngựa quý và một số mỹ nữ; vua lại gả một công chúa, con của hoàng đế Vĩnh – tế cho đại hãn gọi là tỏ tình hòa hiếu.

Cuối Xuân năm 1214, sau ba năm tàn phá nước Kim, Thành Cát Tư Hãn rút quân về Mông – cổ, đại hãn hân rất hài lòng vì một dân tộc 50 triệu người, có Vạn lý trường thành, núi cao sông rộng, có thành lũy kiên cố, quân hùng tướng giỏi mà cũng không thể chống lại 20 vạn quân Mông – cổ. Đế quốc Kim đã hoàn toàn kiệt quệ ít ra phải mười năm nữa mới xây dựng lại được như cũ. Từ nay nước Kim không còn là mối đe dọa dân Mông – cổ nữa.

Lúc về quân Mông – cổ có dấy theo hàng vạn tù binh mà hồi còn đánh nhau đã dùng làm phu khiêng đất, lấp kinh phá đê... bây giờ phải giải quyết cách nào đây. Họ mang theo đủ thứ binh, lại không đủ sức khỏe để qua sa mạc Gobi, mà cũng không thể thả họ về vì họ đã thấy cách hành binh và biết rõ bản chất của người Mông – cổ; sau này sẽ trở thành những địch thủ lợi hại. Và lại sinh mạng của một người Kim có nghĩa gì? Thành Cát Tư Hãn ra lệnh giữ lại những nho sĩ, nghệ sĩ, thợ giỏi còn bao nhiêu thì chém tiết hết.

Bây giờ nhằm mùa hạ, không thể qua Gobi dưới cái nắng thiêu người, đại hãn ra lệnh hạ trại ngoài ven sa mạc, trong ốc đảo Dolon Nor.

Vừa khuất bóng quân Mông – cổ, hoàng đế Kim liền quyết định dời đô xuống Khai – phong ở phía Nam sông Hoàng Hà. Quân thần hết sức can ngăn, cho rằng việc di đô như vậy là một cuộc đào tẩu bỏ rơi các tỉnh miền Bắc, nhưng không sao lay chuyển được ý định của nhà vua được. Tướng Cao Chi lo việc hộ giá xuống phương Nam. Để trấn tĩnh nhân tâm, nhà vua tuyên cáo rằng Thái tử và quân đội sẽ ở lại Yên kinh, quyết không bỏ miền Bắc.

Nghe tin này, Thành Cát Tư Hãn nổi trận lôi đình: "Bọn Kim coi thường lời nói của ta! Chúng nó giả vờ hoà hiếu để yên mặt Bắc xuống chinh phục miền Nam!"

Ngay lúc ấy, một sứ giả nhà Tống tới Dolon Nor xin vào bệ kiến đại hãn. Vương sứ cho biết triều đình Tống đang bận rộn đối phó với âm mưu của hoàng đế Kim. Ở miền Trung – quốc mọi người đều hoan hỉ đón tin chiến thắng của Mông – cổ như tin chiến thắng của quân nhà. Họ coi việc thảm bại của đế quốc Kim như một hình phạt xứng đáng của Trời về tội xâm lăng các tỉnh Hoa – bắc và đòi tuế cống quá nặng nề: 25 vạn lạng bạc, 25 vạn tấm vóc lụa; chỉ có năm rồi triều Tống lờ đi vụ nạp cống hằng năm. Bây giờ quân Mông – cổ thành linh rút đi và vua Kim dời đô xuống sát ranh giới Tống khiến cho hoàng đế Trung- hoa hết sức lo ngại. Vị vương sứ có nhiệm vụ trình bày cho đại hãn thấy rõ cái nguy cơ buông lỏng cho nước Kim phục hồi lực lượng.

Trước khi vào bệ kiến, viên sứ giả Trung – quốc phải dành một thời gian học những lễ nghi, tập tục của Mông – cổ. Ông ta phải biết cả những chi tiết nhỏ nhất trong nghi thức ngoại giao, chẳng hạn: khi vào viên môn không được giẫm chân lên ngưỡng cửa, không được dựa vào cột. Phạm vào những điều cấm ấy sẽ bị vệ binh quát bằng roi da rồi đem chặt đầu. Ông ta phải mặc trào phục nhảy ngang qua hai ngọn lửa để diệt những “chất hung ác, xấu xa” trong con người. Tất cả tặng phẩm đều phải hoả luyện trước rồi đem phơi ngoài trời luôn bảy đêm ngày, và vì vậy mà các loại gấm vóc và đồ mỏng manh hư hao rất nhiều, sau đó mới được phép vào viên môn bệ kiến.

Bên trong viên môn mọi vật đều chìm đắm trong một thứ ánh sáng lò mờ, kỳ ảo vì ánh mặt trời chỉ lọt vào cái ống thông khói trên đỉnh nóc và qua cái màn vén lên ở cửa ra vào. Trong tận cùng có một cái bệ cao trải thảm trên để hai cái ngai, một của đại hãn và một của bà sủng phi, công chúa nước Kim. Cận bên bệ ở dưới đất là dãy ghế của sáu bà thứ phi; từ đó lui về phía sau là những dãy ghế đặt theo hình móng ngựa dành cho các thân vương, tướng lĩnh, hàng quý tộc và vợ con của họ. Ai cũng ăn vận sặc sỡ, lộng lẫy, đồ trang sức toàn bằng cẩm thạch, ngũ sắc hoặc bằng vàng chạm trổ rất công phu. Gần cửa ra vào có cái bàn rộng để toàn là ché vàng hoặc bạc đựng Koumiss và các thức ăn. Bên góc điện, một ban 18 nhạc công gồm toàn là những tay tuyệt kỹ trong giới nhạc Trung quốc.

Trên ngai, dáng vóc lực lưỡng của Thành Cát Tư Hãn nổi bật giữa cảnh âm u huyền ảo, nhưng chỉ riêng có đại hãn là không có một món đồ trang sức nào trên mình. Vị chúa vừa nâng chén rượu thì giàn nhạc trỗi lên âm ỉ, tất cả đám cử tọa nhất tề đứng dậy, kẻ khiêu vũ, người vỗ tay theo nhịp, tiếng cười nói lẫn với tiếng nhạc gây ra một cảnh vừa ồn ào, vừa có vẻ cuồng bạo, man dã lạ thường.

Viên sứ giả không biết phải làm cách nào thi hành nhiệm vụ của mình. Những câu nói văn hoa tế nhị được chuẩn bị thật chu đáo nếu thốt ra giữa cái không khí vỡ chợ như thế này thì còn đâu là ý nghĩa? Nhưng cũng may đại hãn để cho ông ta nói hết lời, rồi nghe viên thông ngôn thuật lại nhưng không tỏ ý chấp thuận hoặc phản đối gì hết. Lời đáp duy nhất của đại hãn là lời mời sứ giả cứ uống Koumiss và ăn thịt nướng tùy thích. Vương sứ ngồi hàng ghế bên tả cạnh những bà thứ phi nhưng ghế cao hơn mọi người. Ông ta uống rượu nếp và nói tiếng Trung quốc với họ trong lúc bọn chiến sĩ vũ ở trước mặt. Nhưng không ai dấn động tới câu chuyện của ông ta, hôm nay cũng như những ngày sau đó. Họ không hội họp bàn luận mà cũng không cho ông ta yết kiến đại hãn thêm một lần nào nữa.

Ông ta thử cố gắng lắng(?) nghe chủ trương của đại hãn ở những người thân cận, nhưng vô hiệu quả, chừng như họ chẳng có chủ trương gì hết đối với cuộc diện Trung quốc. Họ chỉ lo phi ngựa, bắn

cung, tổ chức những cuộc săn bằng chim ưng, hoặc chơi banh với đại hãn trên một cái sân rộng. Sứ giả có thể ngồi trước lều riêng của mình tha hồ nhìn ngắm: đại hãn có thân hình vạm vỡ nổi bật giữa đám thân vương, cận tướng, đang say sưa đuổi theo trái banh, chụp lấy, liệng bay vút đi. Mỗi lần thắng được một trái banh, vị chúa cười giòn dã, vui nhộn như trẻ con ...

Một hôm, thừa lúc đại hãn cỡi ngựa đi quanh trại, sứ giả ra đứng bên đường vờ như tình cờ gặp mặt. Thành Cát Tư Hãn dừng ngựa lại bảo người thông ngôn hỏi:

- Sao hôm rồi ngươi không ra đấu banh với bọn ta? Trận đấu hôm ấy thật là hào hứng!

Sứ giả ngạc nhiên khiêm tốn đáp:

- Thần không có cái hân hạnh được mời tham dự.

- Hừ! Tại sao phải đợi mời! Nếu người thích thì cứ tham gia chứ có gì!

Thế là bữa cơm chiều hôm đó, vì tội không ra chơi banh, sứ giả bị bọn triều thần phạt rượu đến say mềm phải khiêng về trại.

Một lần nữa, mới vừa mở miệng hỏi đại hãn được ít tiếng về đề nghị của triều Tống thì đại hãn cắt ngang, đáp một câu vắn tắt: “Ta đã nghị hòa với vua Kim”.

Luôn ba năm bị tàn phá, giết chóc khủng khiếp như thế tưởng nước Kim đã tê liệt, không ngờ mới có ba tháng hòa bình đã trời dậy mạnh mẽ! Những đô thị bị thiêu hủy được xây cất lại, những thành lũy đã san bằng đều dựng trở lại. Mới cam kết nhìn nhận nền độc lập của Liêu – đông, bây giờ họ lại xua một đạo quân hùng hậu qua đánh chiếm trở lại: chỉ có mấy tuần quân Liêu – đông đại bại, thành Liêu – dương mất, vua Liêu phải đào tẩu.

Đám vệ binh của hoàng đế Kim theo hộ giá lúc di đô phần lớn là người Liêu. Vừa tới Khai phong họ được lệnh phải nạp khí giới và ngựa lại. Họ biết ngay là sẽ bị loại ra liền nổi lên giết tướng chỉ huy, cử người của họ lên thay thế rồi kéo nhau trở lên miền Bắc. Hay tin, triều đình liền phái một đạo quân đuổi theo, một đạo khác án ngữ trên mặt Bắc, chặn họ lại. Trong tình thế tán thối lương nan, họ gửi một đoàn đại biểu tới Dolon Nor sáp nhập vào quân Mông – cổ và xin cứu viện. Đế quốc Kim phục hưng quá nhanh chóng, cứ theo cái đà này thì chẳng bao lâu nữa một Đại Kim mới sẽ còn cường thịnh nguy hiểm hơn trước vì đã hiểu rõ sức mạnh cũng như nhược điểm của Mông – cổ, họ đâu có dễ yên ... Thành Cát Tư Hãn liền quyết định phát động chiến tranh trở lại. Mộc Hoa Lê thống lĩnh một quân đoàn đi cứu vua Liêu; Túc – bát – đài mở chiến dịch hành quân ở Mãn châu, tại chính quốc của người Kim, một quân đoàn thứ ba tiến xuống Nam giải thoát đám vệ binh Liêu.

Túc – bát – đài hành quân suốt cõi đất Mãn châu xuống tận miền Cao – ly; từ đó xứ này trở thành phiên thuộc của Mông – cổ.

Lúc ấy quân Kim đã chiếm trọn vẹn Liêu – đông, viên thống đốc do triều đình bổ nhiệm đã lên

đường. Mộc – Hoa – Lê đánh tan quân Kim, kiểm soát hết những con đường vào thành Liêu dương, bắt được viên thống đốc đoạt lấy chiếu chỉ của nhà vua trao lại cho một đại tướng Kim đang phục vụ trong hàng ngũ Mông – cổ. Viên đại tướng dẫn một đoàn tùy tùng tiến vào kinh thành thẳng đến soái phủ. Bọn Kim ngỡ là người của vua bổ nhiệm, tiếp đón trọng thể; nhưng nắm quyền rồi viên đại tướng liền loại hết đám tướng lĩnh của đế quốc, mở toang các cửa thành cho quân Mông – cổ vào. Mộc – hoa – lê định trừng phạt dân Liêu – dương đã thụ động đối với quân Kim nhưng viên đại tướng khuyên nên dùng chính sách mềm dịu để chinh phục toàn thể dân Khiết – đan, nhờ đó mà những thành còn lại đều qui hàng Mông – cổ, quân Kim bị tống ra khỏi lãnh thổ Liêu.

Đạo quân thứ ba của Mông – cổ mở được một đường tiếp viện cho đám vệ binh bị bao vây, rồi phối hợp với họ kéo rốc tới cửa thành Yên kinh. Nhưng trước đó thái tử nhiếp chính đã rút về Khai phong. Lúc được chiếu lệnh của hoàng đế bảo phải rút đi, có một hoàng thân hết lời can ngăn thái tử, cho rằng thái tử là linh hồn của cuộc chiến đấu, nếu bỏ xuống Nam tức là bỏ rơi hoàn toàn các tỉnh miền Bắc, chắc chắn cảnh hỗn loạn sẽ diễn ra. Nhưng bọn tướng lĩnh lại hùa theo thái tử, đòi phải tuân lệnh chiếu. Họ hỏi hoàng thân: “Ngài có dám bảo đảm giữ nổi kinh thành không?” Hoàng thân không trả lời được vì những tỉnh ở chung quanh đã bị cướp phá sạch rồi, lương thực đâu còn để cung cấp cho một kinh đô rộng lớn như thế và ngay lúc đó lương thực cũng đã bắt đầu thiếu rồi. Thái tử hứa khi về Khai phong sẽ lo việc tiếp tế cho Yên – Kinh.

Sau đó quả nhiên cảnh hỗn loạn xảy ra ở khắp nơi. Nhiều tỉnh nổi dậy tuyên bố độc lập. Thống đốc của họ có kẻ xưng vương, có kẻ hàng phục Mông – cổ. Rồi họ đánh lẫn nhau, đánh bọn theo đế quốc, đánh luôn cả quân Mông – cổ.

Mộc – hoa – lê đập tan tất cả những đám quật khởi, mở cuộc hành quân suốt cả thu đông, chiếm hết thảy 800 thành, một phần thì san bằng, một phần thì giao lại cho người Trung quốc nắm chính quyền. Riêng Yên – kinh, quân Kim vẫn giữ vững mặc dù nạn đói kém và bệnh dịch hoành hành dữ dội. Miền Nam gởi liên tiếp nhiều đạo quân lên cứu viện nhưng đều bị quân Mông – cổ đánh tan vỡ ... Hoàng thân cố thủ kinh đô cho đến mùa xuân thì lương thảo cạn, chuyển tải lương cuối cùng ở Khai – phong lên cũng bị phục binh Mông – cổ cướp sạch. Tuyệt vọng, hoàng thân xua hết quân trong thành ra tử chiến với địch nhưng đám bộ tướng không chịu theo.

Quá tức giận, hoàng thân liền lui về soái phủ thảo một tờ biểu kể rõ tình hình ở Yên – Kinh và tố cáo tướng Cao Chi toan làm phản. Ông xin vua xá tội không giữ nổi kinh thành. Rồi giao tờ biểu cho một thuộc hạ thân tín dặn khi Yên-kinh thất thủ thì về Khai-phong dâng lên vua; ông đem của cải phân phát hết cho tôi tớ quyền thuộc rồi uống thuốc độc tự tử. Qua đêm sau, viên đại tướng thay quyền chỉ huy dẫn người ái thiếp mở cửa thành trôn đi bỏ mặc cho bọn lính cướp phá khắp nơi.

Mộc-Hoa-Lê xua 15.000 quân Mông-cổ và các đoàn thân binh Trung –quốc tràn vào thành, thế như nước lũ. Cuộc tàn sát cướp bóc phá hoại diễn ra thật khủng khiếp chưa từng thấy. Lửa cháy ngàn

ngặt suốt cả tháng. Nhiều sử gia ghi như sau: “Số người bị giết thây chồng chất như núi đồi; gan, óc và mỡ chảy ra đầy cả mặt đường. Bảy mươi ngàn phụ nữ sợ bị giặc bắt hiếp nhảy bừa từ trên mặt thành xuống đất...”

Tin chiến thắng về tới ốc đảo Dolon Nor không làm cho Thành-Cát-Tur-Hãn hoan hỉ hơn vì đế quốc Kim bây giờ không đáng quan tâm nữa. Ông chỉ phái Cô-Tô-Cô đến Yên kinh chở hết bảo vật trong hoàng cung về Mông cổ.

Sứ giả của đại hãn được tiếp đón hết sức trọng thể; bọn triều thần cũ tìm đủ mọi cách để được Cô Tô Cô chú ý tới và ban cho một ít đặc ân. Kẻ thì dắt ngựa quý tới, kẻ đem gấm vóc, người dâng ngọc ngà... Thấy tặng phẩm đều thuộc thứ vô giá, Cô-Tô-Cô hỏi:

- Những thứ này có phải là của cải trong hoàng cung không?

- Bẩm phải...

- Các ông làm gì có những báu vật ấy được! Những thứ này đều là của vua Kim, bây giờ quân ta đã chiến thắng thì đương nhiên nó thuộc về Đại Hãn. Sao các ông dám lấy của Đại Hãn đem tặng cho ta?

Thế là tất cả đồ châu báu trong cung cấm đều được đánh số từng món và ghi vào sổ cẩn thận, tải về Dolon Nor suốt mấy tuần mới hết. Mỗi chuyến đi, quân Mông Cổ còn bắt theo một số người hữu dụng: nghệ sĩ, đạo sĩ, các nhà chiêm tinh, thợ giỏi... người nào cũng bắt đeo một cái bảng ghi tên họ, nghề nghiệp.

Một hôm Thành-Cát-Tur-Hãn chú ý tới một người vóc dáng phương phi, có chòm râu dài đen nhánh, bảng đeo ở trước ngực ghi: “ Gia-Luật-Chu-Thai – đạo sĩ – chiêm tinh gia – thuộc tôn thất Liêu. Đại-Hãn nói:

- Nhà Liêu và nhà Kim đời đời thù địch nhau; nay ta đã diệt được Kim báo thù giùm cho người rồi đây!

Chu-Thai đáp:

- Tâu Đại-Hãn, nội tổ và thân phụ của lão phu trước kia đều nhờ nhà Kim, bây giờ lão phu cũng thế, không dám nói dối để mang tội phản nghịch lại thân phụ và chúa cũ.

Lời đáp trên làm cho Thành-Cát-Tur-Hãn rất hài lòng. Một người ở đô thị mà còn giữ được lòng trung thực, không sợ uy vũ, không tham lợi như thế hẳn là người đáng nể. Đại-Hãn liền vời Chu-Thai vào kim trướng hỏi han thật ân cần rồi phong làm quân sư.

Hoàng đế Kim lại xin nghị hòa. Thành-Cát-Tur-Hãn bàn với chư tướng: “Ta đã giết hết nai với mễn rồi, giờ chỉ còn lại một con thỏ, thôi nên buông tha cho nó!” Nhưng điều kiện hòa bình của Mông cổ đưa ra, hoàng đế Kim không chấp nhận được: quân Kim phải rút ra khỏi các tỉnh ở phía Bắc sông Hoàng-hà; nhà vua chỉ còn quyền hành ở Hà-Nam và phải làm phiên thần Mông-Cổ.

Qua mùa thu chiến tranh lại tái diễn. Thành Cát Tư Hãn phái một đạo binh xuống đánh miền

Nam; nhưng lần này quân Mông-Cổ bại trận phải thối qua sông Hoàng-Hà đi trên mặt băng. Nhiều thị trấn ở xa nổi loạn, dân quân rục rịch dậy lên khắp nơi, mở màn một cuộc chiến tranh dai dẳng, hao mòn. Đồng thời có tin khẩn cấp từ phương Tây báo về: dân Nãi-man rục rịch quật khởi, dân Thổ-phồn đã dậy loạn một vài nơi...

Mùa hạ năm 1216 Thành-Cát-Tư-Hãn rút đại phần quân viễn chinh về xứ, để Mộc-Hoa-Lê ở lại nước Kim với 23.000 binh Mông cổ và hơn 20.000 thân binh, phong cho viên đại tướng làm phó vương cai trị ba nước Kim, Liêu và Cao-ly. Trước khi từ biệt, Đại-Hãn lại cho phó vương một chiếu lệnh cuối cùng: “Ta đã chiếm xong các xứ ở miền Bắc núi Hoài, phần ngươi hãy tiếp tục cuộc chinh phạt ở miền Nam núi ấy”.

Chương XIV CHINH PHẠT TÂY LIÊU

Dân Liêu vốn là dân Khiết-đan, xưa kia họp thành bộ lạc ở khoảng giữa phía Tây Nam Mãn-châu và phía Đông Nhiệt-hà ngày nay. Đời Ngũ-đại nhờ giúp cho tướng Thạch-Kĩnh-Đường cướp ngôi vua lập nhà Hậu-Tấn, được Thạch nhường Bắc bộ tỉnh Hà-bắc, Sơn-tây để trả ơn, mới mở rộng bờ cõi thành một nước mạnh, đặt quốc hiệu là Liêu. Đến đời Tống thì bị quân Kim chiếm trọn vẹn lãnh thổ và đoạt quyền đô hộ các tỉnh miền Bắc Trung-quốc (1125). Một người trong tộc là Gia-Luật-Đại-Thạch dẫn một số dân Khiết-đan chạy lên Tây Bắc, chinh phục được 18 bộ lạc, dựng lên thành Imil làm phủ thủ. Ít lâu sau, nước Karakhamide ở mé Tây Nam bị dân Thổ uy hiếp, gọi Đại-Thạch đem binh đến giúp. Sẵn dịp đó Đại-Thạch chiếm luôn xứ này và tất cả những xứ nhỏ ở chung quanh lập thành một đế quốc khá rộng lớn (gồm miền Đông Tân-cương ngày nay) gọi là đế quốc Tây Liêu, Đại-thạch xưng là đại đế (Gour-Khan).

Truyền xuống đời cháu nội (Tche-Lou-Kou, 1178-1121) thì đế quốc suy yếu. Vị hoàng đế này nhu nhược tối tăm, chỉ lo săn bắn và miệt mài trong những cuộc hoan lạc; các xứ phiên thuộc thấy thế mới tách ra qui phụ các nước khác, như Thổ-phồn năm 1209, đến xin thần thuộc Mông-cổ.

Gút-Sơ-Lúc - vương tử Nãi-man - sau khi bị Mông-cổ đánh bại bôn đào qua Tây-liêu, cưới cháu gái của hoàng đế, rồi nhờ sự giúp đỡ của nhà vua qui tụ được tất cả tàn quân Nãi-man; Miệt-nhi, lập thành một lực lượng riêng. Vốn có tham vọng lớn, Gút-Sơ-Lúc thông đồng với vua xứ Kharesm, một mặt bên ngoài đánh vào, một mặt bên trong ứng lên đoạt ngôi vua rồi chia hai xứ Tây-liêu.

Khởi đầu quân Tây-liêu thắng thế, nhưng dân ở kinh thành Balassaghoun vốn là dân Thổ bị Tây-liêu đô hộ, lợi dụng cơ hội nổi lên chiếm thành chống lại quân Tây-liêu. Trong cơn hỗn loạn, hoàng đế bị Gút-Sơ-Lúc bắt rồi trả ngôi lại, nhưng chỉ là hư vị, quyền hành bấy giờ ở trong tay người cháu rể. Sau khi hoàng đế băng hà, Gút-Sơ-Lúc mới đoạt hẳn ngôi báu, thi hành một chánh sách khắc nghiệt, tàn bạo. Vợ của ông là dân Cảnh giáo, chiều ý vợ ông ta cũng theo Cảnh giáo, rồi trở lại ngược đãi dân Hồi giáo thuộc thành phần đa số trong dân chúng. Ông ra lệnh đóng cửa tất cả đền thờ Hồi giáo, tịch thu tài sản, tổ chức những đội quân trú phòng quá đông đảo rồi bắt dân chúng phải đài thọ hết tổn phí...

Bộ Tổng tham mưu Mông-cổ biết rất rõ nội tình của Tây-liêu như nói trên. Thành-Cát-Tur-Hãn dựa vào nổi bất bình của dân chúng liền sai Triết-Biệt thống lĩnh 2 vạn kỵ binh qua xâm chiếm. Thường lệ thì ông để cho viên chủ tướng trọn quyền chỉ đạo cuộc chiến tranh, nhưng lần này lại cho một khẩu lệnh vắn tắt: “Vượt qua biên giới rồi phải cho mở cửa tất cả đền thờ Hồi giáo và tuyên bố binh Mông-cổ đến là để giải phóng dân chúng, diệt trừ tên Gút-Sơ-Lúc tàn bạo.”.

Nhận thức rõ rệt tầm quan trọng và sức mạnh của cuồng tín, đại hãn đã lợi dụng sức mạnh đó để tiết kiệm xương máu quân đội. Lệnh mở cửa các đền thờ của Triết-Biệt có cái mãnh lực như sấm sét. Toàn thể dân chúng đều mừng rỡ cho rằng quân Mông-cổ là đạo quân bảo vệ tự do tín ngưỡng. Cho nên kỵ binh Mông-cổ chỉ cần kéo đến trước cửa thành thì tức khắc dân chúng trong thành rùng rùng nổi loạn, binh trú phòng phải bỏ trốn nếu không sẽ bị tàn sát tất cả. Cửa thành đều mở rộng, dân Hồi giáo kéo ra đón binh Mông-cổ như những ân nhân giải phóng cho mình. Vào thành Triết-Biệt giữ đúng lời hứa cấm ngặt quân sĩ không được động đến tư hào của dân. Chẳng bao lâu tất cả miền Đông của đế quốc Tây-liêu lọt vào tay quân Mông-cổ; những đô thị quan trọng như Khami, Khotan, Kashgar đều bị chiếm đóng. Đòn chánh trị của Thành-Cát-Tur-Hãn làm cho uy quyền của Gút-Sơ-Lúc sụp đổ, tuy vậy ông ta vẫn cố gắng dàn ra một trận cuối cùng, quyết một mất một còn với quân địch. Nhưng quân Tây-liêu đã mất hết tinh thần, những cánh quân Hồi giáo đều bỏ khí giới đầu hàng. Sau cùng, Gút-Sơ-Lúc thảm bại, phải trốn trong vùng núi Pamic. Kỵ binh của Triết-Biệt truy nã ông ta khắp “nóc nhà của thế giới”. Cho tới lúc bọn lính cận vệ cũng bỏ rơi luôn, Gút-Sơ-Lúc bèn cùng với một ít người trung tín rút vào những hang núi hoang vắng gần biên giới Badachan.

Vị hoàng đế vong quốc không đáng cho một tên lính Mông-cổ đổ mồ hôi nữa. Triết-Biệt rút quân về thành để cho dân chúng tự động đi lùng kiếm ở khắp thâm sơn cùng cốc, sau cùng họ bắt được bạo vương đem về nạp để lãnh một giải thưởng lớn. Trong lúc đó binh Mông-cổ đoạt tất cả những bày ngựa quý, một loại ngựa mõm trắng mà bọn thương nhân Trung-quốc thường phải qua tận thung lũng Đại-uyên (Fergana) mua về.

Triết-Biệt liền gởi thủ cấp của quốc vương cùng với 1000 con tuần mã về dâng đại hãn. Chúa Mông-cổ hết sức hài lòng nhưng không quên cảnh giác viên chủ tướng: “Đừng nên kiêu hãnh thái quá! Người nên nhớ những kẻ thất bại đều do lòng kiêu hãnh mà ra như Tô-Ha-Rin, Bai-Bu-Ka, hoàng đế Kim...”.

Bây giờ uy vũ của Thành-Cát-Tur-Hãn đã lên đến chỗ tuyệt đỉnh. Từ miền núi chọc trời (Pamir) cho tới đại dương, lệnh của ông truyền ra đều được tuân theo răm rắp.

Trong lúc đó ở phương Đông Mộc-Hoa-Lê vẫn kiên trì áp đảo dân Kim, kỳ chừng họ chịu khuất phục hẳn mới thôi. Truật-Xích cũng hoàn thành được nhiệm vụ của mình: vương tử phát động một cuộc báo thù nguội, thả quân đi lùng khắp rừng sâu núi thẳm tiêu diệt lần lượt từng bộ lạc Miệt-nhi còn trốn lẩn khuất. Trong cuộc tảo thanh, quân Mông-cổ bắt được một vương tử Miệt-nhi con của Tút-Sa-Bét - là một tay xạ tiễn đại tài. Truật-Xích không nhận thưởng để xin phụ vương tha mạng cho người tù binh

đặc biệt ấy. Nhưng Thành-Cát-Tur-Hãn không chấp nhận; vốn có kinh nghiệm bản thân, ông cho rằng sự khoan hồng đối với một kẻ cự thù chỉ tạo ra những cuộc chiến tranh mới. Dân Miệt-nhi là thứ bỉ ổi nhứt trong các giống dân tộc. Thằng con của Tút-Sa bây giờ là một con kiến nhưng với thời gian sẽ trở thành một con rắn độc, một địch thủ lợi hại của đế quốc Mông-cổ. Đã tiêu diệt biết bao là vua chúa và quân đội, thêm một người nữa có nghĩa gì?

Truật-Xích hết sức buồn bực nhưng rất sợ cơn thịnh nộ của phụ vương nên không dám thốt một lời nào nữa. Vương tử Miệt-nhi liền bị lôi ra pháp trường chặt đầu.

Sau đó Truật-Xích tiến sâu vào miền Khâm-sát, trút hết nỗi hằn học của mình vào hai bộ lạc Kirghise và Toumate là hai bộ lạc không chịu làm bôn phận phiên thần.

Đế quốc Tây-liêu sụp đổ cùng với sự xuất hiện của đạo binh lạ ở phía Tây sông Irtysh là một biến cố lớn làm cho các xứ Trung-á hết sức quan tâm. Cho tới lúc đó đám cầm quyền chỉ biết lờ mờ về Thành-Cát-Tur-Hãn qua lời tường thuật của bọn thương nhân Hồi giáo. Theo dân Hồi giáo thì ông là một nhà vua chuông trật tự, ưu đãi thương nhân, thường giúp cho họ phát đạt thêm. Họ cho biết tin đại hãn đã chiếm nước Kim, một nước thật xa xôi ở phương Đông...

Lúc đó thế giới Hồi giáo đang ở dưới thế lực của một nhà đại chinh phục là Ala-Ed-Din Mohammed, quốc vương xứ Kharesm. Tổ phụ của Mohammed vốn là một tên nô lệ Thổ, được quốc vương xứ Seljuk phong cho làm phó vương một tỉnh ở hạ lưu sông Amou Daria. Đến đời Mohammed thì ông thừa hưởng của thân phụ một lãnh địa độc lập từ bờ Caspienne cho tới miền Boukhara, và từ biển Aral cho tới miền cao nguyên Ba-tur. Ông cử binh đi chinh phục liên miên nói rộng bờ cõi ra khắp bốn phía: vượt qua sông Syr Daria, lên mạn Bắc chiếm một phần miền thảo nguyên Kurghise, phía Đông chiếm lãnh thổ Transoxianne bao gồm vùng Samarkande và đồng Đại-uyển (Fergana), phía Nam thì khuất phục tất cả những bộ lạc sơn cước ở A-phú hãn và bành trướng thế lực qua phía Tây thuộc đất Irak persan (persian?). Ông được suy tôn là “Cái bóng của Allah trên mặt đất”, là Alexandre thứ nhì, là Đại đế, là tay Bách chiến bách thắng.

Nuôi cái mộng cai trị trọn vẹn thế giới Hồi giáo, nên Mohammed xin giáo chủ ở Bagdad nhìn nhận ông là quốc vương, đặt dưới sự che chở của giáo chủ.

Vị giáo chủ ở Bagdad, tuy phần đời thế lực chỉ trong phạm vi miền Mésopotamie, nhưng ở phần đạo, ông là người lãnh đạo tối cao tất cả dân Hồi giáo, có một ảnh hưởng mạnh mẽ ở những nơi nào mà dân

chúng sống theo “luật của đảng Tiên tri”.

Giáo chủ Nasir từ chối việc nhìn nhận Mohammed, cấm tín đồ không được nhắc tên của ông trong các buổi lễ công cộng, lại giúp cho các hoàng thân Hồi giáo còn độc lập liên kết lại chống ông. Bức thư từ chối của giáo chủ đến tay ông trong lúc ông đang chinh phạt xứ A-phú-hãn. Biết rõ âm mưu của giáo chủ, ông liền triệu tập một hội nghị Hồi giáo trút phê Nasir và cử lên một giáo chủ khác chống lại. Bây giờ có danh nghĩa, lật đổ Nasir không còn sợ phạm đến uy quyền thiêng liêng của giáo hội nữa.

Ngay lúc đang chuẩn bị cuộc chiến tranh nói trên thì Mohammed được tin cấp báo về vị hoàng đế ở phương Đông bên kia xứ Tây-liêu. Ông hoàn toàn không hiểu biết gì hết về xứ Mông-cổ, chỉ nghe nói có những cuộc chinh phạt lớn lao, cuộc chiến tranh ở cái nước Kim xa xôi nào đó, có kị binh Mông-cổ xuất hiện ở miền Kirghise. Thấy phòng xa là tốt ông liền đình chỉ việc đánh Bagdad, lo tăng cường phòng thủ những thành ở miền Bắc và miền Đông, đồng thời gởi một sứ đoàn qua Mông-cổ...

Thành-Cát-Tur-Hãn trái lại biết rõ thế giới Hồi giáo. Từ lâu rồi hàng ngàn vật dụng đủ loại thuộc sản phẩm của xứ Hồi đã được thông dụng ở xứ du mục: áo giáp sắt bắn không thủng, mũ chiến, mộc bằng thép, mã tấu sắc bén nổi tiếng... và cả những đồ trang sức lộng lẫy của phụ nữ, bình pha lê, thảm đủ màu sắc sỡ mịn như bông, hàng lụa tuyệt đẹp v.v...

Đại hãn nhờ đoàn sứ giả chuyển về quốc vương của họ một đề nghị: “Ta biết rõ quốc vương của các người đang cai trị một đế quốc rộng lớn và hùng mạnh. Ngài là hoàng đế ở Tây-phương cũng như ta là hoàng đế ở Đông-phương, hai bên cần phải giao hảo với nhau. Ranh giới của hai đế quốc đụng nhau ở Khâm-sát nên ta đề nghị để cho bốn thương nhân của hai nước được qua lại tự do”. Thành-Cát-Tur-Hãn cũng gởi một sứ đoàn mang theo nhiều tặng phẩm qua đáp lễ quốc vương: bạc thoi, ngọc quý, vải dệt lông lạc đà, da quý... Và để làm hài lòng quốc vương ông chọn toàn là người Hồi, người Thổ-phồn và một số thương nhân ở Tân-cương, không có người Mông-cổ trong đó. Viên trưởng đoàn là nhà buôn Mahmoud Ieldalch.

Sứ đoàn Mông-cổ được quốc vương tiếp rước quá sức trọng thể khiến cho cả triều đình Kharesm vốn rất kiêu hãnh đều lấy làm ngạc nhiên. Rồi tới những câu hỏi: Quốc vương muốn biết đại hãn cai trị được nhiều dân tộc không; có thực đã chiếm được đế quốc Kim không; và sau cùng là câu hỏi có ẩn ý tìm hiểu coi đại hãn có mưu toan gì đối với Kharesm không. Quốc vương lại có ý cảnh cáo viên trưởng đoàn: “Người là tín đồ Hồi giáo và gốc ở Kharesm, người nên cho ta biết đúng sự thật, không

nên giấu giếm điều gì. Người hãn đã biết sức hùng mạnh và sức rộng lớn của đế quốc ta. Quân đội của đại hãn có được như quân đội của ta không?”

Những lời nói trên rõ ràng có hàm ý đe dọa! Quốc vương có ý nhắc cho Mahmoud Ieldalch nhớ rằng ông ta là dân Kharesm, như thế quốc vương nghiễm nhiên là chúa của ông ta. Thế này thì lời đối đáp phải thật khéo léo không thể làm cho quốc vương nổi cơn lôi đình được. Mà đã là giáo đồ thì khi trở về tường trình với đại hãn cũng không thể tâu dối... Mahmoud nhớ tới bảy tuần mã nai nịt yên cương cực kỳ sang trọng của quân Hồi với bảy chiến mã của Mông-cổ có vẻ gầy gò, xấu xí nhưng trang bị toàn những thứ cần thiết cho trận mạc... Ông ta đáp:

- Quân đội Mông-cổ làm sao có thể sánh được quân đội của một bậc chúa tể thế giới như ngài! Vẻ rực rỡ của hai bên khác nhau như ngọn đèn dầu leo lét bên cạnh vầng thái dương chiếu sáng cả thế gian. Họ như mặt một con quái vật cạnh dung mạo của một vương gia Thổ-nhĩ-kỳ. Và binh tướng của ngài quả đông gấp vạn lần quân Mông-cổ.

Nghe xong, Mohammed hớn hờ mặt rộng. Thế là việc giao thương được cam kết theo đúng lập trường của hai nước. Bây giờ quốc vương mới yên tâm hội binh lại trở về phía Tây để thanh toán giáo chủ Nasir.

Tin Mohammed sắp tấn công báo về Bagdad cùng lúc với tin một đế quốc mới dựng lên ở phía đông A-phú-hãn. Giáo chủ liền cho dò hỏi giới Cảnh giáo - vì bây giờ tôn giáo này rất thịnh ở Á-đông - mới biết rằng “vị hoàng đế ở Đông-phương là một tín đồ Thiên-chúa giáo và là kẻ thù địch của Mohammed”.

Tin này sai lạc hoàn toàn do một sự ngộ nhận buồn cười.

Lúc Gia-Luật-Đại-Thạch gây dựng đế quốc, thế lực của ông lan rộng từ Ai-cập đến Pamir. Lúc ấy Thập tự quân đang đánh với quân Damas, nghe nói nhận định rằng gây hấn với Hồi giáo chắc phải là một vị hoàng đế Thiên-Chúa giáo. Việc ấy rất ăn khớp với tin ở phương Đông có một xứ lạ là xứ Ấn-độ; thế là theo tưởng tượng, người ta gán cho Gia-Luật-Đại-Thạch là “hoàng đế Ấn-độ theo Thiên-Chúa giáo” rồi đặt cho cái tên thánh “giáo sĩ Jean”.

Rồi thấy quân Seljoucide đã chiến thắng kị binh tinh nhuệ nhất của Thiên-Chúa giáo mà trở lại bị “đạo quân của Đông-phương” kia tiêu diệt, người ta lại đồn ầm lên quân ấy là quân của giáo sĩ Jean, một nhà vua mạnh vô song, có người còn gọi là Đại đế!

Chuyện trên được truyền tụng có gần một thế kỷ rồi.

Bây giờ đế quốc Seljoucide đã sụp đổ, Mohammed dựng lên đế quốc Kharesm, cử binh đánh với Tây-liêu. Lúc Gút-Sơ-Lúc vô Cảnh giáo, ngược đãi giáo đồ đạo Hồi, người ta càng tin chắc rằng cái đế quốc hùng mạnh ở Đông-phương là đế quốc theo Thiên-Chúa giáo, và hoàng đế của họ chính là con cháu của giáo sĩ Jean.

Vì hiểu lầm như thế, nên giáo chủ đạo Hồi - trong thế nguy - đành phải cầu cứu với Cảnh giáo chủ ở Bagdad.

Qua nhiều thế kỷ sống chung ở Bagdad, những mối mâu thuẫn, xung đột của hai khối tín đồ đã được san bằng, hai vị lãnh đạo tôn giáo trước sau vẫn thông cảm cho nhau. Cho nên hai nhà lãnh đạo liền cùng thảo chung một bức thư gửi cho “hoàng đế Đông-phương” yêu cầu “hể quốc vương Mohammed tấn công Bagdad. Hoàng đế hãy xua quân đánh Kharesm; chắc chắn sẽ đại thắng và thu hoạch được nhiều chiến lợi phẩm...”.

Nhưng có một vấn đề khó khăn đặt ra: làm thế nào để gửi bức thư tới hoàng đế? Chỉ có một đường độc đạo qua phương Đông mà phải đi ngang lãnh thổ Kharesm, nếu sứ giả bị bắt, mật thư sẽ lọt vào tay quốc vương Mohammed. Sau cùng họ phải cạo tóc sứ giả, xăm ủy nhiệm thư bằng chữ xanh lên da đầu của hắn, rồi bắt hắn học thuộc lòng mật thư và chờ đến lúc tóc mọc lại như cũ hắn mới được khởi hành.

Nhưng sứ giả chưa đi tới thành Boukhara (ở Kharesm) thì cuộc diện đã thay đổi: Mohammed đã trẩy quân đi đánh Bagdad, Triết-Biệt đã đuổi “hoàng đế phương Đông” tức Gút-Sơ-Lúc chạy vào vùng núi Pamir.

Ở Samarkande viên sứ giả được các đoàn buôn từ Khâm sát xuống cho biết hoàng đế phương Đông là đại hãn Mông-cổ...

Ít hôm sau, bọn mã khoái từ Khâm-sát về cấp báo với Thành-Cát-Tur-Hãn: “Ở miền Kirghise có một người quần áo tả tơi tự xưng là sứ giả của giáo chủ ở Bagdad muốn xin bệ kiến đại hãn”.

Đại hãn đã có nghe bọn thương nhân Hồi giáo nói về thành Bagdad, một kinh thành đầy những kỳ quan ở nơi nào đó về phương Tây, ít có ai đi tới nơi vì chỗ ấy là chỗ tận cùng của thế giới. Đó là nơi Hồi giáo chủ đang ngự trị. Ngài là hậu duệ của Đấng tiên tri và là người lãnh đạo tối cao của tín đồ đạo Hồi”.

Mã khoái được lệnh phải hỏa tốc đưa viên sứ giả tới viên môn ở bên sông Onon. Nhờ việc này mà lần đầu tiên mắt của Thành-Cát-Tur-Hãn mở rộng ra khỏi Trung-á. Ông mới biết Mohammed không phải là chúa tể ở phương Tây. Bên kia đế quốc của ông ta còn nhiều nước khác theo Thiên-Chúa giáo... thế giới chưa tận cùng. Như thế ở phương Tây thế giới còn bao la vô tận và đâu cũng vậy, cũng xảy ra những cảnh tượng vua chúa gây hấn đánh nhau, chưa đâu có một vị chúa tể làm bá chủ thiên hạ.

Riêng việc xung đột giữa Hồi giáo chủ và Mohammed, đại hãn không muốn nhúng tay vào. Theo mật thư ông cũng thấy Mohammed là một nhà vua bất công và tàn bạo, cho cướp bóc, đốt phá tài sản của tín đồ bất kể là tín đồ Hồi giáo hay Thiên-Chúa giáo. Nhưng việc giao thương với xứ Kharesm quả có lợi lớn lao, lâu nay các thương đoàn đi về rầm rập, đời sống của dân chúng có vẻ thịnh vượng hơn. Còn đối với hai vị giáo chủ thì ông chưa có chút thiện cảm nào. Tại sao có việc quái lạ như thế, hai nhà lãnh đạo tôn giáo lại gọi sứ giả tới xúi ông gây chiến với một nhà vua? Kẻ tu hành thì phải lo cầu nguyện chứ sao lại lo gây giặc với vua chúa? Và nếu Trời không giúp cho Mohammed thì sao lại phải giúp cho kẻ địch của ông ta?...

Thế rồi viên sứ giả nhận được phúc đáp giống y như sứ giả Tổng trước kia: “Ta không muốn gây chiến với họ”.

Về sau khi tất cả những nước ở Trung-á bị Thành-Cát-Tur-Hãn dày xéo và dân Hồi giáo thấy được họa diệt vong, không ai quên được chuyện nói trên. Các sử gia Ả-rập nhận xét như sau: “Nếu những điều người Ba-tur nói là đúng sự thật và giáo chủ Nasir quả có kêu gọi quân Mông-cổ đến xứ này thì đó là một tội ác tày trời không có tội nào lớn hơn nữa!”.

Tuy nhiên cũng nhờ lần tiếp xúc ấy mà giáo khu của đạo Hồi - thành Bagdad - còn giữ được nền tự trị luôn 40 năm nữa. Qua lời tường thuật của sứ giả, người Mông-cổ cũng ngăn thế lực của giáo chủ, cho nên bọn tướng lĩnh của Thành-Cát-Tur-Hãn khi chinh phục được Trung-á rồi liền xoay lên hướng Bắc chiếm miền thảo nguyên của Nga. Cho đến khi Nga, Ba-lan, Hung-gia-lợi đều bị đè bẹp và các nước ở Tiểu-á bị thôn tính, Hồ-Lô-Hồ, cháu nội của Thành-Cát-Tur-Hãn, mới xua quân chiếm Bagdad (1258).

Cuộc truy quân tới Bagdad để lật đổ giáo chủ, ban đầu có vẻ thuận lợi. Dọc đường Mohammed diệt được những lực lượng của đám tiểu vương còn hùng cứ đây đó, và đi sâu vào miền Tây xứ Ba-tur. Chỉ còn phải vượt qua một vùng núi ngăn cách đồng Mésopotamie thì bất ngờ quân Kharesm gặp phải một mùa đông lạnh khốc liệt chưa từng thấy. Băng tuyết bao trùm hết núi non không thể nào leo qua được

mà họ lại không sẵn những phương tiện ngựa hàn. Binh sĩ không chịu nổi sức giá buốt, sức vật đều chết đói. Lúc ấy đang ở nửa đường Hamadan - Bagdad, họ đành phải quay trở về. Việc thoái binh này chỉ có tính cách tạm hoãn lại cuộc chinh phạt...

Bỗng có tin từ miền đông cấp báo về: Gút-Sơ-Lúc - chúa Tây-liêu đã bị Triết-Biệt hạ sát. Bây giờ đế quốc của Thành-Cát-Tur-Hãn đã tiếp giáp với đế quốc của quốc vương ở biên thùy phía Bắc và phía Đông. Mohammed liền đem hết lực lượng án ngữ dọc theo hai con sông Amou-Daria và Syr-Daira, nghĩ rằng phòng thủ như thế sẽ giữ vững được giang sơn.

Nhưng tới đây nhà chép sử Ba-tur đã luận như sau: “Khi ngôi sao chiếu mệnh đã mờ rồi thì đại họa sẽ tới. Có mưu sự bao nhiêu cũng chỉ gặp kết quả ngược lại mà thôi; và dù ai có tài trí phi thường, mưu cơ xuất chúng cũng không cứu nổi Mohammed nữa. Cơ đồ của ông sẽ tan đi như mây khói do Định mệnh khắt khe mở ra. Trước đây nếu thần Thành công đã phi ngựa trước mắt ông, nếu sao hạnh phúc đã chiếu tới ông, cho ông thực hiện được nhiều ước vọng dễ dàng thì nay chắc chắn những tai họa lớn lao nhất sẽ bao phủ lên cuộc đời của ông; cuộc thoái binh ra khỏi miền Tây Ba-tur là một khởi đầu...”

Mohammed vừa tới thành Samarkande thì có mã khoái từ Otrar - một tiền đồn quan trọng ở biên thùy phía Bắc - về báo tin:

- Quan thống đốc vừa mới bắt giam một thương đoàn vì có bọn thám tử Mông-cổ trà trộn trong số con buôn Hồi giáo.

Quốc vương liền hạ lệnh:

- Giết sạch chúng nó đi! (1218)

Nhà chép sử Ba-tur viết tiếp: “Ban lệnh trên chẳng khác gì quốc vương đem cái đầu của mình ra để đánh cuộc. Một giọt máu của người Mông-cổ đổ ra thì thần dân của ông phải trả lại bằng một sông máu; một cái đầu rụng xuống phải trả bằng mấy mươi vạn cái đầu khác và mỗi đồng tiền tịch thu của họ phải trả bằng mấy trăm tạ vàng”.

Viên thống đốc Inaltchik liền chiếu lệnh đoạt tất cả những bảo vật cùng hàng hóa của đoàn buôn rồi sai giết tất cả 150 người gồm có những thương nhân, những người theo phục dịch, những người dẫn đạo. Chỉ có một tên nô lệ trốn thoát được và tới báo cho một tiền đồn Mông-cổ hay. Tức tốc hắn được đưa về tận viên môn tường thuật mọi sự cho đại hãn rõ.

Thành-Cát-Tur-Hãn không tin rằng một vị quốc vương đã long trọng cam kết để cho thương nhân hai nước qua lại buôn bán tự do mà bây giờ lại đột nhiên phản bội trắng trợn như thế. Đây chắc là viên

thống đốc tự động làm mà quốc vương không hay biết.

Ông liền gửi một sứ đoàn qua yết kiến quốc vương yêu cầu phải nạp kẻ sát nhân cho Mông-cổ.

Ala-Ed-Din-Mohammed, “bóng của Allah trên mặt địa cầu” khi nghe sứ giả yêu cầu như thế vẫn ngỡ rằng mình nghe nhầm! Thứ đồ cầu tặc, thứ tù trưởng man rợ mà dám tới chốn cửu trùng nói chuyện luật lệ à? Chúng có biết ta là chúa tể Đại-hồi-quốc, là A-Lịch-Son thứ nhì không?

Và đây là cách trả lời.

Quốc vương hạ lệnh đem chém phăng viên trưởng đoàn, còn đám tùy tùng thì cắt trụi hết râu thả về Mông Cổ.

Đối với người Mông Cổ, bị cắt râu tóc là một điều nhục nhã cực điểm; tư cách sứ giả là một thứ thiêng liêng bất khả xâm phạm. Lại cắt râu sứ giả của đại hãn quả là một chuyện kinh trời động đất.

Lúc hay tin Thành Cát Tư Hãn khóc rống lên giữa quần thần:

- Trời sẽ thấu hiểu rằng ta không phải là người muốn gây ra thảm họa!

Ông gào to lên:

- Trời sẽ ban cho ta sức lực hùng hậu để ta báo thù phen này!

Tức thì bọn mã khoái "tên bay" phi như mắc cửi khắp bốn phương tám hướng loan truyền lệnh xuất chinh. Từ núi Altai đến biển Hoàng Hải, tất cả người Mông Cổ trong tuổi 17 đến 60 đều phải giã biệt đoàn trại cầm khí giới lên đường; tất cả quân kỵ Khâm sát, tất cả những quân đoàn Thổ phồn, Khiết đan, Tây liêu, và đại đoàn pháo binh Trung quốc... trùng trùng, điệp điệp kéo đi tập hợp, tiếng binh mã chuyển động âm âm khắp nẻo núi sông.

Chỉ có vua Tây hạ từ chối không gửi binh đến. Nhà vua nói với sứ giả: "Tới bây giờ Thành Cát Tư Hãn cũng chưa chấm dứt việc đàn áp các dân tộc hay sao? Nếu quân đội của ông ta không đủ sức để làm chuyện ấy thì tốt hơn là đừng làm!"

Đã trốn tránh bốn phạt của một phiên thần mà còn dở giọng khinh mạn như thế khiến Thành Cát Tư Hãn không dần được nữa, quát âm lên:

- Ta sẽ xua quân làm cỏ bọn Tây hạ!

Ông tròn tròn đôi mắt, khí giận xung thiên:

- Ta quyết san bằng xứ ấy và giết cho sạch bọn cầu trệ đó!

Nhưng sức nhớ món nợ máu ở Kharesm cần phải thanh toán trước tất cả, đại hãn dụ giọng tiếp:

- Ta đã quyết định rồi thì không bỏ qua. Sau này sẽ hay...

Trời sẽ thấu hiểu ta đâu phải là

người muốn gây ra thảm họa

(THÀNH CÁT TƯ HÃN)

Bây giờ đại quân Mông Cổ chuẩn bị để chinh Tây gồm có 250,000 chiến sĩ. Điều đáng nói không phải là quân số đông đảo mà là cách tổ chức và cách trang bị cực kỳ chu đáo của họ, có thể nói không có quân đội nào thời ấy có thể sánh với họ được. Tất cả những kinh nghiệm rút tỉa trong chiến cuộc năm năm ở nước Kim đều được đem ra áp dụng một cách khôn khéo. Tài năng, kỹ thuật của các chuyên viên, thợ giỏi ngoại quốc đều tận dụng vào việc cải tiến kỹ thuật chiến tranh, tăng cường hiệu lực chiến đấu. Họ cố gắng chinh đốn từ những việc rất nhỏ nhặt cho đến tất cả những cơ cấu quân sự.

Binh chánh qui đều mặc đồng phục; lúc ở trại thì đội mũ lông, mang giày da, vớ nỉ, khoác áo lông trừu. Lúc đi tác chiến đều mặc quần da ống chèn, chân quấn xà cạp, mang dép. Áo khoác là một loại áo kép cũng bằng da, giữa độn lông thú hoặc bông, gọi là áo Dacha. Áo lót bên trong bằng loại tơ cực tốt, đề phòng khi trúng tên, ngạnh mũi tên chỉ nhấn mảnh áo xuống vết thương chứ không xé rách ra được và những mảnh sắt bẻ sẽ rớt ra ngoài. Quân thiết kỵ binh thì mặc áo giáp sắt gồm nhiều mảnh chồng lên như lông cánh chim.

Chiến sĩ được trang bị hai loại vũ khí: loại đánh giáp lá cà và loại tấn công mục tiêu ở xa. Mỗi tên lính có một cây gươm, một cây mã tấu, một cái chùy sắt, một cây câu liêm để giựt kẻ địch xuống ngựa. Trên cánh tay trái của họ lại có một cây đoản đao thật sắc gài trong một cái vòng da.

Người nào cũng có hai cây cung với hai túi tên đựng nhiều loại khác nhau: tên đâm thủng áo giáp, tên lửa, tên tẩm thuốc độc... và trong hai thứ túi ấy, có một thứ đặc biệt không thấm nước. Lợi hại nhất là cây cung, một loại cung đặc biệt có ba đoạn uốn (arc à triple courbure) chứ không suông như loại cung của Tây phương. Mỗi cây cung là một công trình tuyệt mỹ của người thợ, một tổng hợp nhiều vật liệu như tre, gỗ, sừng, gân, da... xạ lực tới 400 thước. Các sử gia đều nhận rằng chính cây cung ấy là một yếu tố chiến thắng của quân đội Mông Cổ.

Ngoài ra mỗi người có một số lao, lao ngắn, lao dài, và một dây thòng lọng thật nhạy bằng lông đuôi ngựa một khi tung ra thì không bao giờ trật mục tiêu. Cho đến thời Nã Phá Luân, người Nga còn dùng đạo quân Kalmouk (hậu duệ Mông Cổ) sử dụng thòng lọng thần tình; trong một trận tấn công họ dùng thòng lọng lôi địch quân đang phi ngựa xuống đất và kéo xềnh đi, khiến cho từ đó hễ nghe nói đến quân Kalmouk, quân Pháp đều sợ thất thố.

Mỗi kỵ binh Mông Cổ đều có ba hoặc bốn con ngựa để thay đổi. Trên lưng ngựa đều có sẵn một cái mộc tròn bằng da cung tên không thể xuyên thủng được, một bình đựng koumiss, một túi đựng thịt khô, pho mát cứng, và túi đựng những thứ cần thiết như kim chỉ, giũa, v.v...

Mỗi đội quân đều có những đơn vị trợ chiến:

- Một tiểu đoàn pháo binh, sử dụng xe bắn đá dễ tháo ráp do trâu Yak hoặc lạc đà kéo; xe phóng hỏa pháo, đại bác để phá hủy những vọng đài và tiêu diệt quân phòng thủ trên mặt thành. (Họ đã có thuốc nổ trước Berthold Schwaiz bên Âu châu 10 năm).
- Một tiểu đoàn công binh do các chuyên viên Trung quốc phụ trách, lo mọi việc xây cất trên bộ hoặc dưới nước, như bắc cầu, đắp đê, khai kinh, tháo nước... (binh đoàn của Sát Hợp Đài lúc tiến đến sông Syr-Daria đã bắc tất cả 48 cái cầu.)

Ngoài ra lại có tổ chức thanh tra, giao cho nhiều sĩ quan phụ trách việc kiểm soát vũ khí và quân trang của từng đội quân; người lính nào không thi hành đúng lệnh sẽ bị phạt, luôn cả cấp trên trực tiếp của họ. Những đạo tiền quân đều có hành dinh đặc biệt, chuyên lo việc chọn địa điểm đóng quân cho từng đơn vị; hành dinh chuyên kiểm soát đồ đạc sau lúc nhô trại, không để bỏ sót một món gì và hành dinh chuyên thu thập, phân phát chiến lợi phẩm.

Trận Đại uyển (Fergana)

Mùa đông năm 1218, chinh bị binh mã xong xuôi, Thành Cát Tư Hãn liền di chuyển tới thượng lưu sông Irtysh. Phải chờ cho tuyết tan mới có thể đi qua "cửa Dzoungarie".

Từ thời xa xưa, các bộ lạc du mục trên cao nguyên Đông Á hễ qua xâm lăng miền Tây là phải qua cửa ngõ Dzoungarie này. Muốn tới Syr-Daria phải đi ngang nhiều sa mạc không có lấy một vũng nước, một bụi cỏ, mà quân viễn chinh Mông Cổ thì tới những 25 vạn người và một triệu chiến mã. Nếu không có một ngõ nào khác thì thật là nan giải. Nước Kim có cái biên giới dài 5,000 c.s. có thể chọn một ngõ vào dễ dàng. Nhưng với đế quốc Kharesm thì khác hẳn: biên giới của họ có những bức tường thiên nhiên che chở, những dãy núi cao sừng sững trên 7,000 thước không thể nào vượt qua được. Nếu vòng lên đồng cỏ mạn Bắc phải đi xa thêm gần một ngàn c.s. mới tới vùng trù mật có thủ đô Samarkande và thành Boukhara - một đô thị rất phồn thịnh.

Lúc bộ tổng tham mưu (Iourt Dchi) đang cố gắng tìm một con đường truy quân thì bỗng có tin của Triết Biệt từ Tây Liêu gửi về. Viên thượng tướng vừa khám phá một sơn đạo đi Tây Á: một đạo dẫn tới đế quốc Kharesm. Đường này có thể đi thẳng tới miền Đông đế quốc ấy, hoặc lên mạn Bắc qua sông Syr-Daria.

Thành Cát Tư Hãn liền sai Truật Xích thống lĩnh một binh đoàn đến Kashgar trợ lực tướng Triết Biệt.

Bảy giờ đang giữa mùa đông nhằm tiết nghiêm hàn, đoàn người ngựa Mông Cổ vẫn cứ lao mình lên con đường xa xăm mù mịt - con đường mà chính các đạo quân của Hannibal và Nã Phá Luân chỉ mới nhìn thấy mà đã rùng mình thất sắc. Ba mươi ngàn quân Mông Cổ lặng lẽ tiến bước trên đèo cao ngút ở giữa hai rặng Pamir và Thiên sơn, giẫm lên lớp tuyết cao khỏi đầu người giữa cái lạnh vỡ mạch máu và cóng chân ngựa. Họ bám theo những triền núi phủ băng giá cheo leo trên 4,000 thước, trên thượng đỉnh các dãy núi Kisil-Art và Terek-Davan. Thỉnh thoảng lại gặp một trận bão tuyết dữ dội, kẻ nào sơ ý một chút là bị gió cuốn xuống vực thẳm. Chân ngựa phải bao một cuộn da trâu Yak, chiến sĩ đều mặc áo Dacha. Lắm lúc kiệt sức quá, họ phải cắt mạch máu ngựa uống một ít huyết rồi băng lại. Càng tiến xa càng phải giảm sức nặng thừa thãi, phải bỏ lại dọc đường tất cả những cái gì không thuộc vào thứ tối cần. Dọc đường họ gặp rải rác đây đó những người chết đói hoặc chết lạnh, những bộ xương ngựa nhẵn bóng vì có chút thịt nào thì một ít khách qua đường đã ăn hết rồi.

Sau muôn ngàn nỗi gian nan và bao ngày chịu đựng sự thiếu thốn đến cực độ, một hôm tầm mắt họ mở rộng ra trước một thung lũng mênh mông xanh rờn: thung lũng Đại uyển (nay thuộc Nga) một nơi tròng nho, lúa mạch, sản xuất tơ lụa và đồ trang sức lộng lẫy, đồ thủy tinh bóng lộn, nhất là ngựa, từng bầy ngựa nhón nhơ trên cánh đồng đáng thật quý phái. Ở đây đang giữa mùa xuân.

Xuống tới thung lũng thì các toán quân tiền quân Mông Cổ liền tràn vào làng mạc cướp súc vật. Ngay lúc ấy quốc vương Mohammed dẫn một đoàn quân hùng hậu tới. Thấy đám quân Mông Cổ người hóc hác tiêu tụy, ngựa gầy gò, quốc vương đã chạnh lòng thương hại! Vừa mới xáp chiến quân Mông Cổ đã tìm đường tẩu thoát, nhưng tài bắn cung của họ đã làm cho quốc vương phải trầm phục. Quân Kharesm đuổi theo đến tận đèo không ngờ gặp đại quân của Truật Xích đông hơn họ gấp bội và trang bị hơn thật đầy đủ. Họ lại khỏe và đang khao khát chiến đấu.

Triết Biệt chưa muốn ứng chiến, định rút sâu vào trong núi nhử cho quân thiện chiến Kharesm đuổi theo càng xa sông Syr-Daria càng tốt để cho quân của đại hãn mặt khác đánh một đòn quyết định. Nhưng Truật Xích lại muốn xuất trận. Vương tử nói: "Nếu rút lui, ta biết trả lời như thế nào với phụ vương ta?"

Quân Kharesm mở màn cuộc tấn công bằng những hồi kèn và những tiếng chuông vang dậy trời đất. Quân Mông Cổ liền tràn xuống giao chiến; họ hét lên những tiếng khùng khiếp và thỉnh thoảng rú lên

từng hồi thật ghê rợn. Cách điều động của họ thật kỳ lạ; ra lệnh bằng những cây hiệu kỳ nhỏ, hình thể và màu sắc khác nhau; đang kịch chiến bỗng dừng rút lui tản ra làm nhiều cánh, rồi đột nhiên hội lại tấn công ở mặt khác, khiến quân địch không biết ý định của họ ra sao nữa. Bất ngờ họ tấn công mãnh liệt vào trung quân Kharesm, xuyết chút nữa quốc vương bị bắt sống. Thái tử Djélal-Ed-Din liền xua hết cánh quân của ông phản công dữ dội. Truật Xích cũng suýt bị bắt, may nhờ một viên tướng xông ra tử chiến mới cứu thoát được. Hai bên đánh vùi vắn cho đến tối, bất phân thắng bại, sau cả hai đều lui quân về vị trí đóng trại.

Tờ mờ sáng hôm sau, quân thám mã Kharesm đến dò dẫm trại Mông Cổ thì chỉ còn thấy một khoảng đất trống không rải rác những xác người. Họ không ngờ thừa đêm tối quân Mông Cổ đổi ngựa khỏe, mang hết thương binh và súc vật rút về phía Đông cách đó một ngày ngựa.

Quốc vương hớn hờ cho rằng đã thắng trận, rút quân về kinh đô mở tiệc khao quân, thăng thưởng cho các cấp.

Tuy nhiên Mohammed hết dám khinh địch nữa, ông thú nhận chưa bao giờ gặp một địch thủ "quá can đảm và nhanh nhẹn như vậy"; liền gấp rút tăng cường lực lượng và tung một số thám tử qua Mông Cổ theo dõi hành động của Thành Cát Tư Hãn.

Kashgar là căn cứ xuất quân của Truật Xích và Triết Biệt, cách Mông Cổ những 3,000 c.s. mà nơi án binh của họ hiện giờ lại cách Kashgar 2,000 c.s. nữa, chặng này có biết bao nhiêu là quần sơn vạn thác và sa mạc hoang vu, lại thêm đường đèo Kisil-Art và Terek-Davan thật khủng khiếp, vậy mà không bao giờ họ đứt liên lạc. Chừng như không có thứ gì ngăn cản được vó ngựa của đoàn mã khoái "Tên bay".

Nghe xong báo cáo về trận Đại uyển, đại hãn lại hạ lệnh cho Truật Xích phải tiến đánh một trận nữa, đồng thời phái 5000 quân xuống mặt Nam đế quốc, tức là tới thượng lưu sông Amou Daria xâm nhập vùng lưu vực con sông này. Xuống mặt Nam có nghĩa là phải vượt muôn trùng ngọn núi Altai cao từ sáu đến bảy ngàn thước. Trên mặt Bắc, đại quân của Thành Cát Tư Hãn chia làm nhiều đạo kéo đi như nước lũ. Sát Hợp Đài thống lĩnh đạo thứ nhất, Oa Khoát Đài đạo thứ hai, đại hãn và Đài Lôi đạo thứ ba, cùng đi có quân sư Chu Thai và trọn bộ tổng tham mưu.

Ngay buổi đầu, nhờ tài tiên tri ứng nghiệm, Chu Thai đã chiếm được lòng tin của đại hãn. Có lần bọn chiêm tinh Tây phương báo rằng sắp có nhật thực, Chu Thai quả quyết là chưa có... Quả nhiên nhật

thực chỉ xảy ra đúng vào ngày ông tiên đoán. Từ đó Thành Cát Tư Hãn tin Chu Thai hơn tất cả những bốc sư phù thủy nào khác. Hơn nữa lý luận của ông ta đều xác đáng, thiết thực, cho nên không có việc trọng hệ nào đại hãn không hỏi ý kiến ông ta. Vì thế mà bọn quý tộc ganh tị, nhất là việc nâng ông ta lên hàng quân sư tham dự cuộc viễn chinh. Một nhà quý tộc có biệt tài chế tạo cung tên bất bình nói lên:

- Chẳng biết lão già một sách ấy đi theo cuộc hành quân để làm cái quái gì?

Thành Cát Tư Hãn nghe được mới hỏi Chu Thai:

- Ông nghĩ sao về lời nói ấy?

Chu Thai nở nụ cười trầm tĩnh đáp:

- Nếu muốn làm cung tên thì người ta cần những tay thợ giỏi về nghề ấy. Nhưng muốn chinh phục một đế quốc làm sao có thể không dùng những tay thợ về thuật cai trị?

Bây giờ là mùa hạ, quân Mông Cổ trải đi dưới cái nắng chang chang thiêu người. Họ vừa vượt qua một vài dãy núi thấp, hốt nhiên trời tối sầm lại, tuyết rơi phời phới khắp cùng, chỉ trong mấy hôm tuyết phủ bạc phau. Quân Mông Cổ phải dừng lại. Đại hãn lấy làm lo âu trước một hiện tượng khác thường như thế, muốn quay trở về. Chu Thai giải thích như sau: "Giữa lúc chúa Hạ đang trị vì bỗng chúa Đông xuất hiện, chẳng khác nào chúa phương Tây đang cai trị thì chúa phương Bắc tới. Điềm trời cho biết đại hãn sẽ thắng quân Kharesm."

Lời giải thích rõ ràng nhưng đại hãn muốn thử kiểm lại; theo cách thức cổ truyền, ông lấy một mảnh xương vai trừa bỏ vào lửa đồng thời lâm râm đọc một bài chú. Một lát sau lấy mảnh xương ra xem xét những vết rạn nứt: đường sinh mạng của ông thật tốt; có một số đường nứt ngang cho biết sẽ có một số thân vương, quý tộc, một số người tùy tùng tử trận; nhưng đường hạnh phúc thì thật rõ ràng.

Đại hãn quyết định tiếp tục cuộc hành trình.

Mohammed hội được 400,000 quân nhưng không dám xua ra đại chiến với quân Mông Cổ vì theo tin tức của bọn thám tử gởi về thì "quân địch trùng trùng điệp điệp như ỏ kiến, như bầy châu chấu. Chiến sĩ của họ hung hãn như sư tử..."

Từ sông Irtysh đến sông Syr-Daria còn những 1,500 cây số. Phải vượt qua bao nhiêu là đèo cao, sông rộng, và rừng già âm u; phải vượt qua cái sa mạc nổi danh là "Sa mạc Đói khát", không có lấy một giọt nước, một bóng sinh vật, mà với số quân mã như thế kẻ địch làm thế nào được? Nghĩ như trên quốc vương thấy thượng sách là cứ an tâm chờ đợi. Ấy là chưa kể khi đến con sông Syr-Daria rồi,

người ngựa đều mệt mỏi mà đưng phải những thành trì kiên cố, lương thực sung mãn và phòng thủ rất nghiêm mật. Giả thử địch quân có chộc thủng được một nơi nào trong hệ thống phòng thủ, quốc vương vẫn còn lực lượng phòng bị đang tập trung ở gần Samarkande, một khi tung lực lượng này ra địch sẽ bị đẩy xuống sông Syr-Daria...

Lần này đạo quân của Triết Biệt tràn xuống khắp thung lũng Đại uyển, lần lượt chiếm các đô thị và bao vây thành Kholchent, một ả địa đầu che chở cho đế đô.

Sát Hợp Đài và Oa Khoát Đài đã xuất hiện trên thượng lưu sông Syr-Daria, chiếm một loạt những điểm tựa và vây hãm thành Otrar.

Hai thành nói trên quả thật kiên cố, quân Mông Cổ bao vây suốt mấy tháng trời mà vẫn chưa hạ được. Cho nên Mohammed vẫn cứ án binh chờ coi đại quân của Thành Cát Tư Hãn đánh mặt nào. Bỗng có liên lạc từ mặt Nam, cách kinh đô 400 c.s., chạy hỏa tốc về báo cáo: binh đoàn của Triết Biệt đã vượt qua dãy Pamir xuống chiếm vùng thượng lưu Amou-Daria, đang cướp phá lung tung. Tới đây quốc vương cũng chưa thấy chiến lược của quân Mông Cổ; nghe nói làng mạc, thành thị bị cướp bóc, đốt phá cho rằng chưa có gì trầm trọng; không ngờ đó là một mối nguy lớn lao: mất thung lũng Amou-Daria tức là bị địch cắt miền Nam đế quốc, gồm có A phú hãn và Khoresan. Mohammed chỉ phái một số quân phòng bị đi chống đạo quân của Triết Biệt. Lúc đạo quân này vừa trẩy đi thì một tin khủng khiếp báo về: đại quân của Thành Cát Tư Hãn xuất hiện ở phía Tây đang trực chỉ tiến về Boukhara thế như chẻ tre.

Thật khó tin! Theo báo cáo thì Thành Cát Tư Hãn hội quân ở một địa điểm nào đó về phía Đông, bây giờ sao có thể xuất hiện ở phía Tây? Làm thế nào họ bọc ra phía hậu đế quốc Kharesm được? Nhưng những kẻ tị nạn từ các thành thị làng mạc bị tàn phá lũ lượt kéo về đủ xác nhận nguồn tin trên.

Thành Cát Tư Hãn dẫn 50,000 quân đánh vòng lên mặt Bắc vượt qua sông Syr-Daria, rồi trẩy qua sa mạc Kisil-Koum rộng 600 c.s., một sa mạc nổi tiếng không thể qua được (650 năm sau lúc đánh với quân Khiva, đoàn kỵ binh Nga đã thất bại nặng nề vì ngựa chết sạch khi qua sa mạc này.) Đại hãn đã vào vùng hạ lưu Amou-Daria đánh ở mặt hậu quân Mohammed.

Bây giờ, phía Tây thì Thành Cát Tư Hãn, phía Bắc, Sát Hợp Đài và Oa Khoát Đài, phía Đông Truật Xích, phía Nam, Triết Biệt, quốc vương ở giữa một cái lưới đang từ từ khép lại. Ông vội vã rút một số quân nữa về tăng cường Samarkande và Boukhara. Muốn chạy lên Tây Bắc, lên chính quốc

Khaharism thì đã có quân Mông Cổ án ngữ ở đó. Quốc vương vội vàng đào tẩu xuống miền Nam trước lúc quân của Triết Biệt đóng kín mặt này.

San bằng thành Boukhara

Boukhara là một trung tâm điểm của văn minh Hồi giáo, một đô thị nhiều trường học, nhiều hoa viên, biệt thự và vô số nhà hiền triết. Tường cao, hào sâu, nhưng lực lượng phòng thủ thật yếu ớt, vì không ai nghĩ rằng địch quân sẽ tới đây. Dân chúng trong thành đa số là người Ba tư, nhưng quân trú phòng hầu hết là người Thổ (Turc). Các tướng Thổ muốn giao chiến với địch quân trên bờ sông Amou-Daria để có thể gọi thêm quân tiếp viện, nên thừa đêm tối họ kéo hết quân tinh nhuệ ra một cửa thành không có địch quân án ngữ.

Nhưng chiến thuật sở trường của quân Mông Cổ là bao vây mà chừa một ngõ thoát cho địch; lúc quân Thổ lảng lạng kéo ra, họ im lìm chờ đợi để rồi bám sát theo gót đến rạng ngày hôm sau thành lĩnh đánh tập hậu, diệt trọn đạo quân địch. Dân trong thành liền mở toang các cửa cho họ vào (10 hay 16 tháng 2-1220).

Binh Mông Cổ tràn khắp các nẻo đường. Thành Cát Tư Hãn và Đà Lôi tể ngựa đến trước cửa một tòa nhà đồ sộ ở giữa thành, ngõ là cung điện của quốc vương. Đến lúc gọi một người dân đến hỏi, đại hãn mới biết đó là đền thờ Allah, rồi giục ngựa trèo lên các bậc thềm, xuống đứng giữa giảng đường truyền lệnh cho dân chúng: "Hiện nay quân ta đang thiếu lương thảo, ngựa đang đói, binh đang thiếu ăn. Các ngươi về mở tất cả kho vựa ra!"

Nhưng lúc bọn giữ kho mang chìa khóa tới thì binh Mông Cổ đã phá vỡ hết các cửa rồi.

Họ ăn uống ầm ĩ, cuồng loạn, lại bắt bọn ca nhạc đến đàn hát tung bừng, trong lúc ấy bọn quyền quý trong thành đều phải đi tắm ngựa, giữ ngựa cho họ. Những cái rương đựng kinh Coran chạm trổ rất tinh vi đều đem ra làm máng cỏ; sách vở tung ra khắp mặt đường cho ngựa dẫm tơi tả. Bọn tín đồ Hồi giáo không thể nào hiểu nổi những hành động kinh tởm như vậy. Có người xoay qua hỏi lão thầy tu đang giữ một con ngựa Mông Cổ:

- Này Mevlana! Tại sao chúng nó làm như thế? Sao thầy không cầu khẩn Allah dùng sấm sét đánh tan quân man rợ đó cho rồi?

Lão thầy tu rung rung nước mắt đáp:

- Ngươi hãy bình tĩnh lo cho tròn công việc của ngươi đi. Cầu khẩn Allah, có lẽ chúng ta còn bị trừng phạt nặng nề hơn. Đây là cơn phần nộ của Ngài đối với dân ta.

Chính Thành Cát Tư Hãn muốn cho dân Hồi giáo nhận định cuộc xâm lăng của Mông Cổ là "con phần nộ của Allah".

Ông chỉ nghỉ trong giây lát rồi hạ lệnh lừa hết dân Boukhara đến một khoảng đất rộng nghe tuyên bố. Một viên thông ngôn dịch lại:

- Ta là hung thần của nhà Trời! Trời đã giao các ngươi cho ta trừng phạt vì các ngươi là những kẻ đầy đầy tội lỗi. Và chính bọn cầm quyền đã dẫn dắt các ngươi vào vòng tội lỗi!

Đại hãn trình bày cho họ thấy rằng quốc vương và bọn cầm quyền của họ đã bội ước, gây hấn, rồi cảnh cáo họ là không được giúp đỡ cho bọn ấy bất cứ phương diện nào. Lại gọi riêng đám tai mắt, đám phú hộ trong thành đến nghe lệnh: "Tất cả của cải, đồ tế nhuyễn trong nhà đều phải để đó cho quân đến lấy. Những thứ còn chôn giấu phải bới lên và đem đến nạp."

Liền đó lính Mông Cổ dẫn 280 người đến những chỗ chôn giấu bảo vật của họ: ai thành thật giao nạp đều được trả tự do.

Dân chúng bị bắt buộc phải đi truy nã số quân trú phòng còn lại đang rút lui theo những con đường về nội thành. Binh Mông Cổ theo sau đốc thúc và đốt trồn khu phố có bọn ấy ẩn núp, lửa cháy lan tràn khắp cả thành phố. Cuộc tấn công nội thành còn kéo thêm hai ngày nữa, sau cùng họ cũng chiếm được và giết sạch 400 quân kháng chiến.

Dân chúng lại bị huy động đi triệt hạ các tường thành, vọng lâu, lấy đá lấp bằng hào hồ ở chung quanh. Xong đâu đó, Thành Cát Tư Hãn chỉ để lại vài đại đội tiếp tục cuộc tảo thanh còn đại quân thì tiến đến Samarkande tìm Mohammed.

Đến lúc Boukhara đã thành bình địa, binh Mông Cổ còn gom dân chúng lại một lần nữa chọn hàng trai tráng, khoẻ mạnh gởi đi Samarkande dùng làm binh phong cho quân xung kích, còn lại bao nhiêu đều thả về.

Mọi việc xảy ra đều quá đột ngột, nhanh chóng và khủng khiếp, khiến cho dân chúng người nào còn sống sót cũng gần như mất trí. Một thương nhân được thả về liền trốn xuống Khoressan, gặp dân chúng ở đây bu lại hỏi trăm chuyện, mà ông chỉ còn nhớ có bao nhiêu: "Họ kéo tới, lục soát, đào bới, san bằng, giết hết, cướp hết rồi đi mất hết!"

Chiếm Samarkande, thủ đô Kharesm

Bảy giờ Truật Xích đã hạ được thành Kholchent, vượt qua thung lũng Đại uyển. Kholchent là một thành phố thương mại giàu có ở địa đầu được phòng thủ kiên cố và dân chúng có tiếng dũng mãnh.

Thống đốc ở đây là Timour Melik, một trong những viên tướng đảm lược nhất của Mohammed. Lúc địch quân tràn vào thành, ông ta rút vào nội thành xây trên một hòn đảo ở giữa sông. Quân Mông Cổ bắt tù binh mang đá xông dưới làn mưa tên lấp trọn một khúc sông làm con đường thẳng đến chân thành. Lúc sắp xong thì Timour rút quân xuống một đội chiến thuyền xuôi theo dòng Syr-Daria tẩu thoát. Hai bên hông thuyền của họ đều che vì trát đất sét để ngừa tên lửa. Binh Mông Cổ giăng một dãi sắt ngang sông chặn họ lại, nhưng giây dãi bị thuyền phá đứt. Họ lại xuống phía dưới dòng giăng thuyền ngang sông, trên đặt xe phóng hỏa và xe bắn đá chờ đợi. Timour phải cho thuyền tấp vào bờ đổ lên bộ. Quân Mông Cổ đuổi theo tiêu diệt gần trọn đạo binh, chỉ có Timour trốn thoát chạy về với Djélal-ed-Din, con của Mohammed.

Sát Hợp Đài và Oa Khoát Đài mất hết 5 tháng mới chiếm được thành Otrar. Thống đốc Inaltchik - người đã giết thương đội Mông Cổ - biết địch quân chẳng dung tha mình nên quyết chống cự đến kỳ cùng. Mất thành ngoài, ông rút vào nội thành cầm cự thêm một tháng nữa. Lúc bị quân Mông Cổ tràn ngập, ông ta rút lên thượng lâu, bắn hết tên rồi cạy gạch chọi xuống.

Nhưng quân Mông Cổ được lệnh phải bắt sống. Họ đem chất nổ đến phá vách thượng lâu và lôi ông ta từ trong đồng gạch vụn ra. Viên thống đốc bị xiềng lại giải tới đại hãn ở Samarkande; ông ta bị đổ bạc sôi vào mắt, vào lỗ tai và bị tra tấn cho đến chết.

Ở miền Đông Nam, Triết Biệt đánh tan nát đạo quân của quốc vương gởi tới, chiếm gần hết những thị trấn quan trọng.

Bây giờ tất cả các binh đoàn chiến thắng đều kéo đến trước cửa thành Samarkande.

Đây là kinh đô của đế quốc Kharesm, nơi quốc vương Mohammed ngự trị, có chợ búa phồn thịnh, nhiều thư viện quan trọng, nhiều dinh thự lộng lẫy, với nửa triệu dân và 100,000 quân trú phòng; đây là chỗ phòng thủ kiên cố hơn hết trong đế quốc. Vì thế mà Thành Cát Tư Hãn phải đích thân chỉ huy đại quân. Cả ba binh đoàn đều có dẫn theo tất cả tù binh dùng vào việc công hãm thành, vì bọn tù binh và bọn đào ngũ đều cho rằng phải mất nhiều năm mới chiếm được Samarkande.

Suốt hai ngày liền, Thành Cát Tư Hãn cỡi ngựa đi xa xa quanh thành để quan sát. Thấy những bức tường thành cao sừng sững, những vọng gác đồ sộ, những cửa sắt nặng nề cùng những công trình phòng thủ kiên cố, đại hãn nhớ tới những đợt công hãm vô hiệu quả ở Yên kinh, đế đô của nước Kim.

Nhưng một tù binh cho biết quốc vương Mohammed không còn ở trong đó. Như thế Samarkande đối với đại hãn không còn quan trọng nữa. Ông nói với các tướng bằng một giọng miệt thị: "Thành quách chỉ kiên cố khi quân thủ thành can đảm kìa!"

Rồi cất hi viên tướng tài giỏi hơn hết: Túc Bất Đài người nhiều mưu lược, Triết Biệt chuyên hành binh thần tốc, cùng với phò mã Đô Gu Sa, mỗi người lãnh một vạn phu truy đuổi theo Mohammed.

Quả là một sứ mạng táo bạo gần như ngông cuồng! Lúc ấy quân Mông Cổ chỉ mới chiếm được những thành ngoài biên cảnh, thành Boukhara và một ít thị trấn trên vùng đất từ sông Syr-Daria đến sông

Amou-Daria. Đế quốc Kharesm còn trải rộng hàng mấy ngàn cây số qua phía tây và xuống phía Nam. Binh mã của họ nhiều không kể xiết và còn những 12 cái thành cỡ thành Boukhara, Samarkande. Vậy mà đại hãn chỉ cho có 30 ngàn quân đi săn đuổi vị quốc vương qua suốt đế quốc của ông ta.

Thật ra Thành Cát Tư Hãn biết rất rõ việc làm của mình. Ông cho áp dụng trở lại chiến thuật mà Triết Biệt đã chinh phục đế quốc Tây Liêu gần như không hao tổn xương máu binh đội. Nhưng lần này khôn khéo hơn, thích hợp với tình hình Kharesm.

Trên dải đất mênh mông này có tất cả 12 giống dân từ trước đến nay đã phục dịch cho bộ lạc của mình hoặc cho đế quốc trong lúc chinh chiến. Nếu Mohammed gọi họ dậy lên thì nguy hiểm vô cùng, chẳng những cho 30 ngàn quân truy kích mà còn nguy cho toàn thể quân viễn chinh Mông Cổ. Vì thế mà không cần triệt hạ thành trì làm gì nữa. Chỉ cần bắt cho được quốc vương trước khi ông ta có đủ thì giờ kêu gọi dân chúng và tổ chức quân đội kháng chiến. Phải làm cho ông ta kinh hoàng đến cực độ, chỉ lo chạy thực mạng mà thôi. Phải tách rời ông ta với dân chúng; phải cho dân chúng thấy rằng vận mệnh của họ không liên hệ gì tới vận mệnh của quốc vương. Cho nên đại hãn ra lệnh cho các tướng như sau:

- Chưa bắt được hãn các ngươi không được phép trở về. Cứ đuổi theo hãn khắp lãnh thổ. Chớ động tới những thành đã chịu hàng phục. Nếu nơi nào chống lại thì cứ thẳng tay hủy diệt.

Ông ban cho Túc Bất Đài một tờ hiệu dụ bằng chữ Thổ phồn có dấu ấn đỏ của đại hãn: "Nay truyền cho các khãn hãn, các thân vương và toàn thể dân chúng biết: đại tướng Túc Bất Đài được toàn quyền hành động trên khắp mặt địa cầu, từ xứ mặt trời mọc đến xứ mặt trời lặn. Kẻ nào sớm qui hàng, được xá tội; kẻ nào dùng vũ khí chống lại hoặc phản phúc sẽ bị tận diệt."

Đại hãn lại lưu ý theo dõi xem các tướng có thi hành đúng lệnh không. Có một thành đã hàng phục binh đoàn tiên phong của Triết Biệt, vậy mà sau đó khi kéo ngang qua Tô Gu Sa đã để cho binh sĩ cướp phá. Nghe báo cáo, đại hãn nổi cơn lôi đình lên toan xử tử ngay phò mã. Nhưng lúc nguôi cơn giận, ông sai một tên lính đến truyền lệnh cho Tô Gu Sa "phải giao quyền chỉ huy lại cho Túc Bất Đài, xuống làm lính xung kích trong binh đoàn này."

Kỷ luật trong quân đội Mông Cổ nghiêm khắc đến nỗi chàng rể của đại hãn tức khắc tuân hành không dám thốt một lời nào, và ít lâu sau, Tô Gu Sa chết trong một cuộc hãm thành như những chiến sĩ xung phong khác.

Hùm thiêng khi đã sa cơ...

Quốc vương Mohammed chạy xuống thành Balk ở trong một vùng núi non thuộc A Phú Hãn. Bỗng có tin hãi hùng đưa tới: ba binh đoàn Mông Cổ ồ ạt qua sông Amou-Daria tiến xuống miền Nam. Họ không tàn sát, không cướp đoạt, chỉ bắt buộc dân chúng cung cấp lương thảo cho binh mã rồi đi lùng kiếm riêng có quốc vương mà thôi.

Ngoài một ít vệ binh Mohammed không còn một đoàn quân nào dưới tay, lại không thể trông cậy vào

quân A Phú Hãn vì xứ này mới bình định, sáp nhập vào đế quốc chưa bao lâu. Ông vội vã chạy về miền Tây, tới tỉnh Khoressan, một tỉnh đông đúc với nhiều thành thị phồn thịnh, trước kia thuộc quyền thống trị của cha ông. Trên con đường bên tả, gặp làng mạc thị trấn nào không có quân đội bảo vệ, ông ra lệnh cho dân chúng gấp rút tản cư; nơi nào có thành trì kiên cố thì kêu gọi quân trú đóng phải cố chống giữ đến giọt máu cuối cùng.

Những mệnh lệnh ông đều nằm trong một chiến thuật đã được tính toán kỹ càng. Chính Koutousov 600 năm sau đã áp dụng chiến thuật này để chiến thắng Nã Phá Luân: tản cư dân chúng để tuyệt nguồn tiếp tế lương thực của địch và nguồn nhân lực dùng vào việc công hãm thành: thành nào có phòng vệ phải chống cự quyết liệt để ngăn chặn bước tiến của họ, ông mới có đủ thời giờ chấn chỉnh lại quân mã... Nhưng Mohammed thất bại hoàn toàn vì không lường được lối hành binh thần tốc của địch, nguy hại nhất là bị địch ly gián ông với dân chúng. Tại Merv, "một thành phố hoa hồng", ông nghe tin quân Mông Cổ chiếm kinh đô sau 5 ngày vây hãm.

Đạo binh thủ thành Samarkande cố phá một đường máu thoát ra nhưng bị sát hại quá nhiều đành phải thối trở vào. Qua hôm sau quân Mông Cổ án ngữ sát cửa thành không còn cách nào ra nữa. Rồi cái cảnh ở Boukhara tái diễn: bọn quan lại, giáo chủ, thầy tu đòi mở cửa xin qui hàng. Họ phát động một cuộc tuyên truyền trong dân chúng "Samarkande là một hãn địa độc lập: 7 năm trước đây Mohammed đã đuổi Osman, khả hãn của họ, ra khỏi thành lại còn tìm cách ám sát. Ở Tây Liêu, Thành Cát Tư Hãn cho mở cửa đền thờ và che chở tín đồ Hồi giáo..." Cuộc nổi loạn bùng nổ; 30 ngàn quân Thổ xin đầu hàng, còn lại bao nhiêu thì rút vào nội thành cố thủ. Bốn cửa ngoại thành đều mở rộng đón quân Mông Cổ (tháng 3-1220).

Ngay hôm đó quân Mông Cổ triệt hạ tường thành, lấp bằng các chiến hào. Phái Hồi giáo gồm 50,000 gia đình được để yên, kỳ dư tất cả dân chúng đều bị lừa ra một cánh đồng rộng. Họ lọc ra 30 ngàn nghệ sĩ và thợ giỏi gởi cho các binh đoàn sử dụng, một số thanh niên khoẻ mạnh thì dùng làm phu dịch hoặc cho gia nhập quân đội viễn chinh, số còn lại đem chém phăng cả. Ba mươi ngàn quân Thổ và tướng lãnh đầu hàng cũng chịu chung một số phận vì người Mông Cổ không bao giờ dung thứ kẻ phản bội đồng ngũ. Vài hôm sau họ chiếm nội thành và đốt ra tro bụi...

Tới lúc này quốc vương mới nhận thấy cái hiểm họa: tín đồ Hồi giáo sẵn sàng qui hàng giặc; hai người bạn thân của ông lại ra làm thống đốc dưới sự kiểm soát của một tướng Mông Cổ; dân chúng thành Merv rục rịch bắt ông đem nạp cho địch quân. Mohammed tức tốc trốn ra khỏi thành Merv, vượt một rừng núi xuống thành Nichapour. Tại đây ông viết một bức thư gởi cho bà thái hậu đang ở Gourgandi, thủ phủ của chính quốc Kharesm (cận cửa sông Amou-Daria, gần biển hồ Aral) kêu gọi bà mẹ cấp tốc dẫn đám cháu và đám cung tần chạy xuống Khoressan. Vì chiếm được Samarkande rồi thì Kharesm sẽ là mục tiêu thứ nhì của Thành Cát Tư Hãn.

Trong lúc ấy Tốc Bất Đài và Triết Biệt đã tới Balk; họ không gặp một sức kháng cự nào: dân chúng

mở cửa thành đón hai binh đoàn Mông Cổ và cho biết quốc vương đã chạy về miền Tây. Cuộc săn đuổi tiếp tục ráo riết, luôn mấy tuần binh Mông Cổ không gặp một chút trở ngại; nhiều khoảng họ phi 120 cây số mỗi ngày đến ngựa dự phòng cũng kiệt lực. Họ đuổi say sưa y như một bầy chó săn đuổi theo dấu con mồi. Thành Herat, thành Merv đều bỏ ngõ, dân chúng đem thực phẩm đến dâng cho binh sĩ, đem cỏ nuôi ngựa. Quân Mông Cổ không đụng đến tơ hào của dân và giữ lại bọn cầm quyền cũ. Những làng nào, thị trấn nào chống lại, họ tận sát, hủy diệt không chút xót thương. Gặp thành kiên cố liệu phải mất nhiều ngày công hãm, họ vòng ngõ khác bỏ lại phía sau. Riêng có thành Zavch, dân chúng lại lên mặt thành đánh trống, chửi rủa binh Mông Cổ. Túc Bát Đài liền quay trở lại trong 3 ngày, giết không còn một bóng người rồi đốt trụi, lúc họ lên đường thì chỉ còn một đống tro tàn.

Bây giờ khắp xứ Khoressan đâu đâu cũng có cuộc xung đột giữa dân chúng chủ hàng và quân trú phòng Thổ vẫn còn trung thành với quốc vương. Quả nhiên, Thành Cát Tư Hãn đã đạt được mục đích của mình.

Mohammed hết dám trông cậy vào tường cao hào sâu nữa, liền mượn cớ đi săn để trốn ra khỏi Nichapour, chạy mãi về miền Tây. Khôn hơn nữa là ông cũng không dám tin đám vệ binh của mình, hằng đêm phải bí mật sang ngủ ở một cái lều khác; có một sáng thấy cái lều chính thức bị tên xuyên thủng lỗ chỗ khắp trên nóc. Từ đó tình cảnh của ông chẳng khác con thú bị bủa vây khắp ngả, lúc nào cũng sống trong nỗi lo âu hãi hùng, còn đâu can đảm, sức lực để chiến đấu nữa. Còn chẳng là một ít kẻ trung tín với niềm hi vọng cuối cùng: chạy thật nhanh để bảo toàn tính mạng. Ông chạy mãi về phương Tây, qua núi non, qua sa mạc, qua Irak Persan, Irak Adchémi cho đến tận biên cảnh Mesopotamie mới dừng lại... nhưng không hiểu sao ông lại quay về đường cũ đến ẩn náu tại thành Rai.

Túc Bát Đài và Triệt Biệt cũng không lúc nào để lạc dấu kẻ thù. Tới Nichapour hay tin Mohammed mới đào tẩu, họ thúc dân chúng cung cấp thức ăn và rơm cỏ cho ngựa rồi cảnh cáo: "Nếu các người muốn cho nhà cửa, tài sản còn trọn vẹn thì đừng ý vào thành cao hào sâu và bọn quân trú phòng. Hãy thành thật qui thuận và triệt để tuân theo mạng lệnh của những binh đoàn Mông Cổ tới đây."

Rồi họ hấp tấp lên đường; trong cuộc rong ruổi họ bắt được thái hậu và đám cung tần ẩn náu trong một tòa lâu đài; ở một nơi khác họ khám phá được kho vàng của quốc vương. Tù nhân và của báu đều áp giải về Samarkande. Thành Cát Tư Hãn vẫn đóng ở đây, bình thần chờ đợi kết quả cuộc săn người cách ông những 3000 cây số.

Tại thành Rai - một hoàng thành cổ - quốc vương qui tụ được 3000 tân binh dưới bóng cờ và sẵn sàng giao chiến với quân Mông Cổ. Nhưng kết quả thật thảm hại: hoàng quân bị đánh tan tành không còn manh giáp. Dân trong thành lại chia làm hai phe: phe chủ hàng áp đảo được phe chủ chiến và chặt đầu gần trọn phe sau. Lúc Túc Bát Đài vào thành thì quang cảnh y như lò sát sinh.

Làm thế nào tin được cái lũ người giết đồng bào của mình để cầu mạng sống? Đại tướng Mông Cổ liền ra lệnh giết sạch phe qui hàng không chứa một người nào rồi phóng hoả đốt thành Rai, biến thành một đồng tro nghi ngút khói.

Nhưng qua khỏi thành Hamadan quân Mông Cổ lạc dấu Mohammed. Họ liền chia thành từng toán nhỏ tẻ ra khắp các hướng lùng kiếm. Một toán quân tình cờ bắt gặp một đám kỵ sĩ đang tìm đường lẩn tránh. Họ tức tốc đuổi theo và nhắm hạ một người trong bọn ngồi trên con tuấn mã, nhưng ngựa của hắn phi như gió cuốn, theo không kịp nữa. Người kỵ sĩ đó chính là Mohammed đang chạy ra bờ biển Caspienne. Lúc Tốc Bất Đài đến bờ biển thì chỉ còn thấy một cánh buồm trắng mang quốc vương tiến thẳng ra khơi.

Ít lâu sau, Ala-ed-Din Mohammed chết trên một hòn đảo cô tịch ở giữa biển. Có ai ngờ một nhà chinh phục hùng lẫm, một bậc đế vương hùng mạnh nhất thời bấy giờ lại lâm vào cảnh mạt lộ bi thảm như vậy. Cơ đồ tan nát, sống những chuỗi ngày cơ hàn tuyệt vọng, lúc chôn xuống huyệt chỉ còn cái thân xác với bộ y phục rách tả tơi (tháng 12-1220).

Tốc Bất Đài không hay biết gì về cái kết cuộc thê thảm của Mohammed. Đại tướng gọi một mã khoái tên bay về tâu với đại hãn rằng Mohammed đã dong thuyền trốn lên phương Bắc và xin lệnh án binh ở vùng đồng bằng miền Nam Caspienne cho binh mã nghỉ ngơi trong lúc đông về.

Chương XVI CUỘC SĂN DÃ THÚ Ở XỨ HỒI

Mùa hạ năm 1220, quân Mông Cổ hạ trại ở khoảng giữa Samarkande và Boukhara; họ đóng rải rác trong những khu rừng thưa, những vườn mận vườn đào, trong một vùng rộng ngang dọc hàng chục cây số.

Họ ráo riết huấn luyện đám thanh niên Thổ và Ba tư để đem thí mạng trong những đợt công thành. Các tay thợ Hôi giáo nổi danh đều bị trưng dụng vào việc canh tân các loại khí giới như máy bắn tên, bắn đá, phóng hỏa, xe húc cửa thành. Oa Khoát Đài được phong tư lệnh pháo binh điều khiển mọi việc chế tạo, trang bị. Hầu hết những biệt thự lộng lẫy ở chung quanh Samarkande đều trở thành những đồng gạch vụn vì làm bia thí nghiệm.

Nhưng có làm gì đi nữa, đại hãn cũng cho rằng thời kỳ án binh bất động này thật bất lợi cho quân đội. Binh sĩ bắt đầu xa rời đời sống kham khổ, giản dị của dân du mục, chìm đắm trong cuộc sống xa hoa, kiêu cách. Truật Xích lập một biệt điện vương giả có đoàn ca vũ nhạc; Oa Khoát Đài và Đà Lôi say sưa suốt ngày với thứ rượu nho tuyệt hảo. Họ bất chấp một điều khoản trong luật Yassa "mỗi tháng chỉ được say nhiều nhất là ba lần; ai say hai lần là người tốt, một lần thì đáng khen ngợi, không lần nào là người ưu tú..."

Cho nên đại hãn lấy làm lo ngại cho binh sĩ cứ miệt mài trong những lạc thú mới. Ông than phiền với quân sư Chu Thai: "Bọn con cháu chúng ta sau này sẽ mặc áo kim tuyến, ăn món ngon vật lạ, cỡi ngựa đẹp và vui vầy với gái mỹ miều nhưng chúng nó đâu có biết cha và anh của chúng đã tạo nên đời sống ấy bằng những ngày gian khổ như thế này."

Trong thời gian này Thành Cát Tư Hãn cho gọi những thầy cả, những nhà "thông thái" Hôi giáo đến giảng cho ông nghe luật của đáng Tiên tri. Ông chỉ chấp nhận một vài điểm trong kinh Coran mà thôi. Có lần ông nói: "Việc hành hương ở La Mecque thật vô ý nghĩa. Trên mặt đất này ở đâu chẳng có Trời, cần gì phải đến một địa điểm nhất định để tỏ lòng tôn kính!" Sự phân biệt con vật tinh khiết và con vật dơ bẩn cũng bị ông bác bỏ: "Muôn loài đều do Trời tạo ra, con người có thể ăn bất cứ thứ gì mình muốn." Về vấn đề loại trừ và ngược đãi những kẻ không theo luật của đáng Tiên tri, ông ra một quyết định như sau:

"Các người có thể tin theo Đấng nào cũng được, nhưng không thể ngược đãi hoặc giết một kẻ nào nếu chưa có lệnh của ta. Trong đế quốc của ta ai cũng có quyền tin tưởng nơi Thượng đế của họ; nhưng phải tuân theo luật của Thành Cát Tư Hãn ban hành."

Lời tuyên bố trên đưa đến một kết quả là các giáo phái hoạt động sôi nổi hơn lúc nào hết: phái Cảnh

giáo trưng chữ thập lên nóc nhà thờ; phái Hỏa giáo khơi lại ngọn lửa thiêng trong đền; người Do thái tổ chức lại giáo hội...

Ai cũng thấy tín ngưỡng được bảo đảm, cuộc sinh hoạt trở lại bình thường. Miền lưu vực giữa hai con sông Syr và Amou- Daria từng chịu đựng cơn sấm sét thị uy của Thành Cát Tư Hãn giờ bắt đầu hàn gắn lại những dấu vết điêu tàn.

Tin cấp báo của Tộc Bất Đài về việc Mohammed thoát lên miền Bắc chấm dứt thời kỳ nhàn hạ của các binh đoàn Mông Cổ. Lên phương Bắc tức là Mohammed trở về xứ sở của ông ta ở vùng duyên hải biển Aral. Thành Cát Tư Hãn tức tốc mở một chiến dịch mới. Truật Xích và Sát Hợp Đài mỗi người thống lĩnh một binh đoàn lên chinh quốc Kharesm.

Một xứ bé nhỏ mà có lực lượng chinh phục được một đế quốc rộng mênh mông như vậy thì không thể khinh thường được, cuộc chiến đấu chắc chắn sẽ gay go, nên đại hãn phải dự liệu thật xa: đoàn pháo binh phải mang theo tất cả những loại máy công thành tối tân.

Muốn biết chắc chắn hiệu lực của những cái máy này, đại hãn đích thân tới cửa thành Termeds (lúc đó chưa chiếm) trên thượng lưu sông Amou-Daria cho đem máy ra thử. Từng tảng đá nặng hàng trăm cân bay vun vút tới đập rã rời các vách thành; bình chứa dầu thạch nãi nổi tiếp nhau bay vào thành rơi xuống các nóc nhà, vỡ ra và bốc lửa lên, chẳng bao lâu cả thành dấy lên một biển lửa rực trời.

Nhờ kết quả rực rỡ, Oa Khoát Đài được tha tội chèn say sưa và được phái đi trợ lực cho hai người anh. Bác Nhĩ Truật được làm chủ tướng thống lĩnh tất cả các binh đoàn, kiêm việc báo cáo mật cho đại hãn biết mọi sự xảy ra, đây là lần thứ nhất đại hãn sắp xếp cho ba người con hoạt động chung ở một mặt trận thử coi họ hành động như thế nào, đối xử với nhau ra sao...

Đại hãn với Đà Lôì theo dõi chiến cuộc và sẵn sàng để tiếp viện cho ba mặt trận Bắc, Tây và Nam. Để tránh cái nhàn rỗi làm nhụt nhuệ khí chiến đấu của ba quân, đại hãn tổ chức một cuộc săn lưới ở giữa đất địch trong vùng núi Termeds. Đây cũng là một lối tập trận thường lệ của binh Mông Cổ trong lúc nghỉ sau những chiến dịch hành quân.

Lần thứ nhất trong đời, dân Hồi giáo được chứng kiến một lối săn đại qui mô và các sử gia của họ đã tả lại bằng một giọng ngạc nhiên:

"Nhiều sĩ quan tham mưu len lỏi trong rừng để phân định khu vực săn đuổi (Nerkeh) và chỉ định địa điểm bắn thú (Gherkeh). Binh sĩ kéo tới bao vây trọn khu vực, có khi tới hai vòng. Họ vừa tiến tới

vừa đánh trống, đánh thanh la, nào bạt rền vang bốn phía. Không có con thú nào có thể lọt ra khỏi vòng vây; họ lục lọi, tìm kiếm không sót một chỗ nào từ cái đầm, cái vũng đến hang động, lùm bụi. Sau lưng là bọn sĩ quan cỡi ngựa đi kiểm soát từng hoạt động, từng bước đi của họ. Vô phúc cho toán nào để một con thú thoát ra ngoài vòng, hoặc bỏ sót một cái hang gấu, hang cọp. Chỗ nào đã trải qua chỗ đó phải hoàn toàn không còn hình bóng một con vật.

Họ đem theo tất cả quân trang nhưng không được sử dụng tới vũ khí. Nếu có một con gấu, con cọp hoặc một bầy chó sói, một bầy heo rừng toan phá vòng vây, họ chỉ giăng lưới gai ra lùa chúng tới; nhất là các loại thú dữ, không được để sảy một con nào hoặc làm cho chúng bị thương.

Lúc đầu loài thú hoảng sợ chạy nhón nháo, con thì trèo lên triền, con thì chạy xuống núi, con thì chui vô hang, con thì phóng qua vực, nhưng rốt cuộc cũng phải chạy dồn về một hướng. Trong khi đó bọn lính cũng trèo đèo, vượt suối, lên thác xuống ghềnh, không lúc nào bỏ mục tiêu của họ. Đêm tới họ đốt một vòng lửa chung quanh khu vực đã thu hẹp lại, bên ngoài có tới bốn năm vòng vây, càng hẹp vòng càng dày càng chặt. Các loại thú dữ lúng túng trong vòng càng lồng lộn táo bạo. Chúng điên tiết lên vô những con nai, con mang chạy loạn xạ, hoặc cẩu xé lẫn nhau. Nhưng vòng vây cứ siết dần, trong một thời gian mấy tháng như vậy. Đại hãn thân tới quan sát tỉ mỉ những góc gay go nhất xem bọn chiến sĩ đã áp dụng chiến thuật bao vây như thế nào.

Sau cùng "quần hùng" đủ loại trong một vùng rừng mênh mông đều tụ hội ở một địa điểm (Gherkeh). Cái vòng vây tử thần bây giờ đã thành một thứ tường đồng vách sắt không sức nào phá nổi.

Thình lình ở một chặng, bọn binh sĩ nép ra hai bên thành một lối đi, đồng thời một giàn nhạc trỗi lên một điệu âm ỉ, sấm động khiến cho những con dã thú hung bạo nhất cũng hãi hùng khiếp đảm. Đại hãn ngồi trên con tuấn mã đi đầu tiếp theo là đám thân vương, cận tướng tiến vào trong vòng. Theo tục lệ, đại hãn chỉ mang một cây trường kiếm và một cây cung rồi chính tay hạ một con hổ, một con gấu và một con heo rừng để mở màn cuộc săn. Xong rồi ông lên đỉnh một ngọn đồi ngồi trên ghế bành xem bọn tùy tùng trở tài thiện xạ. Họ hạ mãnh thú trước rồi mới lần lượt tới các loại thú khác ít hào hứng hơn. Thình thoảng họ bị một con ác thú núp trong bụi bất ngờ lao ra... Lúc đó mới thấy được ai là kẻ đại đơm, nhanh nhẹn, lanh trí... Có những màn hồi hộp như thế đại hãn mới thấy hứng thú và sẵn sàng ban cho một phần thưởng xứng đáng. Khi mãnh thú bị giết sạch rồi, đám cháu của đại hãn xin tha cho những con thú yếu ớt hoặc còn bé. Một hiệu lệnh truyền xuống chấm dứt cuộc săn, vòng vây liền tháo mở trả tự do cho những con thú còn lại."

Cuộc săn ở Termeds kéo dài suốt bốn tháng. Trong bốn tháng ấy một trăm ngàn binh Mông Cổ giẫm lên khắp chốn núi rừng say sưa đuổi theo con mồi, chừng như họ đang sống trong cảnh thái bình vô sự. Nhưng chính lúc ấy kẻ thù rục rịch dấy lên ở khắp bốn phương.

Chương XVII CHIẾN TRANH HỦY DIỆT

Trước lúc chết Mohammed lập hoàng tử Djélal-Ed-Din lên kế vị. Ông này là người cương quyết, can trường lại được cảm tình của dân chúng, liền trở về Kharesm bắt tay vào cuộc chiến đấu chống quân Mông-cổ.

Nhưng bọn tướng lĩnh lại ủng hộ U-Xơ-Lắc (Ouslag), một hoàng tử nhu nhược, vì với ông này họ tự do thao túng được. Họ âm mưu với nhau để giết Djélal, khiến ông ta phải dẫn đám quân trung thành chạy xuống Khoressan. Nửa đường gặp đạo binh Mông-cổ đang kéo đi diệt trừ ông, Djélal liền giao chiến gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề. Sau trận này đột nhiên không ai biết tông tích ông ta nữa, nhưng khắp bốn phương người ta không ngớt bàn tán về trận đại thắng Mông cổ, về những đạo binh kháng chiến hùng hậu mới thành lập...

U-Xơ-Lắc và bọn hoàng thân hể nghe binh Mông-cổ tới là chạy trốn như chuột và sau rốt họ đều bị giặc giết.

Binh Mông-cổ tiến xuống vùng hạ lưu sông Amou-Daria thế như sóng tràn, họ cướp phá tiêu điều những làng mạc, những thị trấn ở dọc theo bờ sông và chiếm lần lượt các đô thị phồn thịnh.

Nhưng đến Gourgandj (bây giờ là Ourgendj, gần Khiva) một đô thị lớn, quân Mông-cổ phải một phen lao đao vì gặp sức kháng cự mãnh liệt. Vùng phụ cận thành này toàn là đồng lầy, không tìm đâu ra được một tảng đá, những máy công thành đều hóa ra vô dụng. Binh Mông-cổ phải đốn cây ở chung quanh cửa khúc ra rồi dầm nước cho nặng thay thế đá, nhưng rốt cuộc vẫn không hiệu quả. Họ đành liều lĩnh trèo lên mặt thành nhưng bị đẩy lui ra, nhiều đợt thiệt hại rất nặng nề.

Trong lúc đó Truật-Xích và Sát-Hợp-Đài lại xung đột với nhau gay gắt. Truật-Xích cho rằng thành Gourgandj thuộc vùng thống trị của mình phải do mình chỉ huy; Sát-Hợp-Đài lại bảo trọn miền này cho chí biển Aral là thuộc quyền của vương tử theo như phụ vương đã hứa, cho nên vương tử cứ ra lệnh ngược trở lại...

Nghe qua báo cáo mật Thành-Cát-Tur-Hãn giận tím mặt, tức tốc sai hai tên mã khoái “Tên bay” phi ra mặt trận truyền lệnh cho hai vương tử: phải trao quyền chỉ huy lại cho Oa-Khoát-Đài.

Đệ tam vương tử xử sự thật khéo léo, lúc khuyên nhủ người này, lúc khuyên nhủ người kia, tìm cách hòa giải giữa hai người, nhờ vậy việc chỉ huy mới nhất trí trở lại...

Một tên mã khoái khác phi ra biển Caspienne gọi Túc-Bát-Đài về. Trong lúc hai vương tử lo tranh chấp đất đai và các tướng lĩnh đang say sưa trong giấc mộng chiến thắng, riêng Thành-Cát-Tur-Hãn rất lo âu về tình hình biến chuyển nguy ngập, quân viễn chinh gồm 250.000 người đã phân tán khắp nơi, 30 ngàn đánh ở miền Tây, 50 ngàn đánh ở miền Bắc. Đột nhiên chúa Thổ- phôn và khả hãn Almalik muốn rút 70 ngàn quân của họ về nước. Đại-hãn đã chấp thuận vì đám quân này thiếu tinh thần chiến đấu lại không thể tin cậy. Kế đó là cuộc tấn công thành Gourgandj thất bại, quân số hao bớt quá nhiều. Đại quân Mông-cổ hiện chỉ còn 100.000 người ở giữa lòng một đế quốc rộng lớn bao la không biết đâu là biên giới. Trong hai năm qua từ khi Truật-Xích và Triệt-Biệt đổ xuống thung lũng Đại uyển, quân Mông-cổ đã đảo lộn thế giới Hồi giáo bằng một chuỗi chiến thắng, nhưng thật sự họ vẫn chưa chiếm được miền Transoxiane, miền cực Tây của đế quốc Kharesm. Chỉ có Oa-Khoát-Đài hiện đang tìm cách trấn áp miền Bắc, là chính quốc Kharesm; còn ở miền Nam xứ A-phú-hãn, núi non trùng điệp, người dân nói chung chưa ai thấy bóng dáng một kỵ binh Mông-cổ. Xứ Khoressan thì chỉ thấy người Mông-cổ trải ngang qua lúc đuổi theo Mohammed. Phần lớn những đô thị có đông dân Ba-tư đều đã quy hàng, tuân lệnh những tổng trấn do người Mông-cổ đặt lên, nhưng chẳng biết họ có thành thật không; hay chỉ là một quỷ kế để khỏi bị giết chóc cướp đoạt, rồi chờ cơ hội thuận tiện sẽ nổi dậy! Giờ đây Djélal lại công khai kêu gọi kháng chiến là triệu chứng của một cuộc phản loạn toàn quốc. Họ có thể quy tụ hàng triệu chiến sĩ phản công lại thì làm thế nào? Một cuộc thảm bại sẽ làm sụp đổ 20 năm danh vọng chiến thắng của ông và hủy diệt luôn đế quốc Mông-cổ. Sự thực thì Mông-cổ không có một tiềm lực chiến tranh hùng hậu, cũng không có một nước đồng minh nào liên kết lâu dài. Toàn bộ lực lượng chiến đấu đều mang đến xứ này, nếu bị tiêu diệt thì chắc chắn các bộ lạc, các dân tộc sẽ dấy lên khắp nơi trong đế quốc.

Đại hãn nóng lòng chờ đợi viên cận tướng về để hỏi cho biết rõ khả năng chiến tranh của đôi phương, vì khi đuổi theo Mohammed, Túc-Bát-Đài đã rong ruổi gần khắp đế quốc Kharesm.

Được lệnh, Túc-Bát-Đài liền lên ngựa phi bất kể đêm ngày. Mỗi khoảng năm hay sáu chục dặm, đại tướng dừng lại ở một cái trạm đổi lấy ngựa khỏe đã sẵn yên cương, rồi hấp tấp lên đường. Suốt một tuần ngựa phi ngày đêm qua hơn 2.000 dặm mới tới Đại bản doanh.

Viên đại tướng liền trình bày mọi khía cạnh về địa lý: trước hết là xứ Khoressan giàu có, nhiều thành lũy kiên cố, nhiều đô thị vĩ đại có tường cao, hào sâu bao bọc; xứ này giăng dài từ Herát đến Merv và từ Merv đến Nichapour. Đi tới nữa là miền đồng cỏ nước mặn, hoang vắng gần như không thể vượt qua được; rồi tới một đường hẻm ở giữa hai dãy núi trọc, ngựa phi trong nhiều ngày mới ra tới một vùng sầm uất, dân cư đông đảo, đó là Irak Persan, Irak Adchemi...

Đại Hãn hỏi:

- Binh Hồi giáo phải mất bao nhiêu ngày mới có thể tới Khoressan?

Tóc-Bát-Đài đáp:

- Mùa hạ họ không thể tới đó được vì nắng đốt cháy rụi đồng cỏ và rút cạn hết nước sông. Qua mùa đông thì ngựa xứ Hồi đâu biết cào tuyết lên tìm thức ăn. Vậy chỉ có mùa xuân và mùa thu họ mới thấy quân được mà phải lừa súc vật theo thật nhiều và mang đầy đủ hành trang. Nhưng ở Irak Adchemi không thấy một đạo quân nào có đủ điều kiện như thế...

Báo cáo của Tóc-Bát-Đài đã giúp cho đại hãn quyết định một chiến lược mới. Như vậy thì hai mặt Đông và Tây của đế quốc Kharesm không thể trợ giúp nhau được, và Tóc-Bát-Đài cũng không thấy có triệu chứng đóng binh ở phía Tây, điều đó cho biết Djélal đang ở đâu đó về phía Đông; nếu có khởi loạn thì chỉ có thể ở A-phú-hãn và Khoressan. Những xứ này dù có quân lực hùng hậu thế nào đi nữa cũng không đáng ngại vì họ còn ở trong tầm 1.000 c.s, mà với quân Mông-cổ 1.000 c.s chẳng là bao, có thể kịp thời đối phó và tiếp viện cho nhau.

Như thế con số 100.000 quân dưới tay đại hãn và 30.000 dưới quyền Tóc-Bát-Đài, Triết-Biệt không phải là con số quá ít...

Hậu quả của quyết định trên là dân Nga phải mang cái ách thống trị nặng nề hàng mấy thế kỷ, Đông-Nam Âu-châu bị tàn phá khủng khiếp và khắp Tây phương đều sống trong nỗi lo âu hãi hùng.

Suốt mùa đông Tóc-Bát-Đài án binh ở miền Tây để dòm dò chung quanh và thỉnh thoảng mở một cuộc hành binh thám thính ở Azerbeidjan, Kirdistan, Géorgie.

Bên kia biển Caspienne là những dãy núi cao chọc trời, vượt qua bức tường đá ấy thì tới xứ của giống người “tóc vàng mắt xanh”. Những xứ này lại tiếp giáp với hãn địa của Truật-Xích cho nên cần phải biết rõ họ. Đại hãn cho Tóc-Bát-Đài vượt qua dãy núi cao để tìm hiểu coi dân tộc bên kia là dân tộc nào, quân đội của họ ra sao... Thời hạn hoàn thành công tác đó là ba năm, xong rồi trở về Mông-cổ bằng con đường phía Bắc biển Caspienne.

Quả lúc đó Djélal đang ở phía Tây (Đông?) đế quốc Kharesm trong một vùng núi non hiểm trở của A-phú-hãn và đang chiêu binh mãi mã để chống lại Mông-cổ. Đúng như Thành-Cát-Tur-Hãn đã tiên liệu, cuộc vùng dậy bùng nổ ở khắp nơi trong đế quốc.

Lâu nay những tù trưởng, giáo chủ, thầy cả không thích xen vào các cuộc tranh chấp của bọn cầm quyền, hễ ai chiến thắng thì họ theo người đó. Dưới chế độ của Mohammed họ đều ngất ngư trong cảnh lầm than nên lúc đầu sẵn sàng quy phục Mông-cổ. Nhưng từ khi đại hãn cho tự do tín ngưỡng, phe Hồi giáo hết sức bất mãn vì điều đó chạm vào cuồng tín của họ, lại thêm sự cướp bóc, tàn sát quá khủng khiếp của binh Mông-cổ, đâu đâu máu căm thù cũng sôi lên sùng sục. Cho nên khi nghe một vị quốc vương trẻ tuổi và hùng lược hô hào một cuộc thánh chiến, họ rùng rùng chạy theo, toàn khối Hồi giáo nổi dậy chiến đấu.

Tin ở khắp nơi đưa về dồn dập. Bọn tổng trấn và quan lại của người Mông-cổ đưa lên lần lượt bị ám sát, bọn thân binh bị đột kích, những đồn lẻ tẻ bị tấn công, nhiều cuộc nổi loạn ở các đô thị...

Đà-Lôi liền thống lĩnh một nửa đại quân truy đi Khoressan, không phải để tảo trừ quân phiến loạn, không phải để bình định những vùng quật khởi, mà để thi hành một nghiêm lệnh của đại hãn: HUY DIỆT TẤT CẢ!

Cuộc ác chiến diễn ra khốc liệt chưa từng có: một bên là 100.000 quân Mông-cổ thiện chiến, vũ trang cực kỳ chu đáo, quen kỷ luật thép; một bên là một biển người hỗn tạp thiếu kỷ luật, tuy không phối hợp được chặt chẽ nhưng cuồng nhiệt, táo bạo và tàn nhẫn không kém; một cuộc chiến đấu để sống còn hoặc bị tiêu diệt nên không bên nào nương tay, không bên nào ngán cảnh núi thây sông máu.

Binh đoàn Đà-Lôi lần lượt chiếm lại những chỗ đã mất. Lần này họ không tổ chức thân binh bỏ lại trấn giữ vì chỗ nào họ đã đi qua thì phía sau chỉ còn gạch vụn tro tàn, không tìm đâu ra một bóng sinh vật. Nhiều đô thị có từ 70 đến 100.000 dân không còn “một con mèo hoặc con chó sống sót”. Bọn nghệ sỹ, thợ giỏi và phụ nữ bị cột xâu lại giải về Đại bản doanh. Trai tráng còn cầm được khí giới bị lừa đi đầu làm bia đỡ tên cho binh Mông-cổ hãm thành, nếu thoái lui thì bị họ bắn tức khắc.

Chủ trương “hủy diệt tất cả” của Mông-cổ đã bẻ gãy cuộc kháng chiến của dân Hồi giáo.

Thành Merv chiến đấu tuyệt vọng trong 3 tuần (cuối tháng 2-1221). Đà-Lôi ngồi trên một cái ghế khảm vàng chứng kiến cuộc chặt đầu toàn thể dân chúng. Đàn ông, đàn bà, trẻ con, sắp riêng biệt giao cho từng tiểu đoàn hành quyết. Chỉ có 400 người thợ được tha mạng. Lãng vua Sandjar bị thiêu hủy, mộ bia bị quật lên.

Thành Nichapour cầm cự được 3 ngày trước sức tấn công vũ bão. Đà-Lôi sử dụng 300 máy phóng đá, 3.000 máy phóng tên lửa, 700 máy phóng thạch não, 4.000 thang dây, và 2.500 bao cát lấp chiến hào.

Vương tử chém phăng tất cả các đoàn đại biểu của dân chúng gửi tới xin quy hàng. Chính ở đây hồi tháng 11 năm ngoai phò mã Tô-Gu-Sa đã tử trận khi xung phong hãm thành, cho nên công chúa ngồi chứng kiến cuộc trăm thủ. Họ sắp đầu người thành những kim tự tháp, đàn ông, đàn bà, trẻ con riêng biệt. Chẳng phải người mà thôi, họ giết cả mèo và chó không sót một con nào. Xong rồi lại đập nát lăng tẩm của vua Hareun-Er-Rachid là công trình kiến trúc cực kỳ tráng lệ làm hãnh diện nền văn minh Ba-tư.

Chỉ một lần, chừng như đã mệt mỏi sau mấy tháng chém giết, Đà-Lôi tha chết cho dân chúng thành Hérat, thành cuối cùng của xứ Khoressan. Tất cả trong thành đều được để yên chỉ trừ 12 ngàn người đã chống đối phe quy hàng. Nhưng lúc Đà-Lôi về tới Đại bản doanh thì tin cũng vừa tới cho hay dân Hérat lại nổi loạn, giết chết viên tổng trấn. Thành-Cát-Tur-Hãn khiển trách nặng nề: “Cuộc nổi loạn do đâu mà ra mà mày có biết không? Lưỡi gươm của mày không còn hiệu nghiệm đối với dân Hérat nữa!”

Đại hãn liền sai một tướng khác dẫn một binh đoàn hỏa tốc đến Hérat thi hành lệnh sau đây: “Bọn đó là bọn chết rồi mà còn ngóc cổ dậy, ngươi phải làm cho đầu chúng nó lìa khỏi cổ cho ta”.

Lệnh nói trên được thi hành triệt để. Sau khi chiếm thành và giết sạch, viên tướng kéo quân trở về. Nhưng đi một đoạn đường ông ta sai 2.000 quân quay trở lại coi còn cái xác nào “ngóc cổ dậy” trong đồng gạch vụn không. Họ bắt gặp giữa cảnh điêu tàn 3.000 người vừa từ dưới hầm hố chui lên, liền bao vây giết không còn một mống nào. Lúc họ rút về lần thứ 2 thì dưới những đồng tàn vụn còn được 16 người sống sót; đám này lại gặp thêm 24 người nữa ở ngoại ô, tất cả là 40 người trong cái đô thị hết sức đông đúc, riêng quân trú phòng có đến 100.000 người.

Chủ trương hủy diệt toàn diện ấy được áp dụng triệt để ở khắp các mặt trận. Ở Kharesm, Oa-Khoát-Đài cho đào kênh tháo nước sông Daria ra ngõ khác cho dân thành Gourgandj chết khát nhưng không hiệu nghiệm, vì dân chúng có đủ thì giờ đào giếng. Vương tử đành xua quân hãm thành. Cả hai bên, bên công và bên thủ đều tử chiến với lòng căm thù tột độ. Có một trận quân Kharesm đánh bật quân Mông-cổ ra xa, bắt được 3.000 binh địch đem chặt đầu tới tận cuối cùng. Oa-Khoát-Đài cho hạ cây cối ở chung quanh đem lấp hào, đồng thời bắn thạch nỏ vào thành lửa bốc cháy rực trời rồi thúc quân ồ ạt tràn vào thành. Quân Kharesm chống giữ từ đường phố, từ nhà. Cuộc hỗn chiến đẫm máu diễn ra liên tiếp 7 ngày trong khắp các ngõ đường chật hẹp. Sau cùng lực lượng kháng chiến bị đập tan.

Tất cả những người sống sót đều bị lừa ra cánh đồng, rồi như thường lệ, thợ giỏi, nghệ sỹ, phụ nữ được để riêng ra, còn bao nhiêu đều bị chặt đầu hết. Các sử gia ghi rằng mỗi người lính Mông-cổ phải

chặt 24 người mới hoàn tất cuộc hủy diệt. Xong rồi họ gom hết bảo vật trong thành tải đi và nổi lửa đốt rụi nhà cửa còn lại. Chưa đủ họ khơi nước sông cho tràn vào thành mới có thể tận diệt được những người, những sinh vật còn chui rúc dưới hầm hố.

Bị khơi đào nhiều lần, điệu nước sông Amou-Daria thay đổi hẳn, cho tới ngày nay các nhà bác học còn bất đồng ý kiến nhau về hiện tượng: một nhánh sông không đổ ra biển Caspienne nữa và dòng Amou-Daria nay đã khô cạn, đùn lên dải Ousboj, một giải đất kỳ lạ dài hàng mấy trăm cây số. Chưa kể việc nước khô cạn đã biến trọn vùng bình nguyên giữa Caspienne và Aral thành sa mạc.

Trong lúc Oa-Khoát-Đài hủy diệt miền Bắc, Thành-Cát-Tur-Hãn đích thân chỉ huy cuộc càn quét ở miền núi Hindolu-Kouch. Ông chiếm Balk, Telekan, Kerdouane. Nhưng đến trận tấn công thành Baminan, Mô-Tu-Găng con của Sát-Hợp-Đài tử trận. Đại hãn nổi cơn sấm sét lôi đình trước cái chết của đứa cháu yêu quý. Ông ra lệnh phải triệt hạ lập tức thành này, giết tất cả người lẫn súc vật, tất cả những thứ gì có sự sống! Trọn một miền rộng lớn sinh hoạt đang phồn thịnh bỗng trở thành bình địa, cho đến mấy thế kỷ sau vẫn còn là sa mạc không có bóng người. Dân ở chung quanh gọi là Mobalig - có nghĩa là “chôn quỹ khóc thần kinh”.

Lúc đang phá hủy thành Baminan, bỗng Oa-Khoát-Đài và Sát-Hợp-Đài bỏ Kharesm về báo cho phụ vương hay, Truật-Xích hết sức bất bình việc bị đặt dưới quyền chỉ huy của hai người em và đã rút về hãn địa.

Thành-Cát-Tur-Hãn nhìn thẳng vào mặt Sát-Hợp-Đài quát lên:

-Ta đã phí bao nhiêu công lao để chinh phục các dân tộc, mở rộng đế quốc ra cho chúng bay mà chúng bay như thế ấy! Chúng bay chẳng biết gì hơn là bất tuân thượng lệnh và cãi vã nhau.

Sát-Hợp-Đài biết phụ vương đã quy lỗi về cho mình, liền quỳ xuống tạ tội và thề “thà chết chứ không dám cãi lệnh”. Đại hãn lặp lại hai lần một câu hỏi: “Mày có chịu tuân lệnh của tao không?”. Sát-Hợp-Đài phải hai lần thề xin tuân lệnh.

Đến lúc vào bàn ăn đại hãn mới nói: “Thằng Mô-Tu-Găng đã tử trận! Tao cấm mày khóc hoặc kêu than!”.

Sát-Hợp-Đài nghe như sét đánh bên tai nhưng không dám lộ một chút thay đổi sắc diện.

Bây giờ hầu hết những đô thị lớn trên đế quốc Kharesm đều trở thành cảnh điêu tàn hoang lạnh. Nhiều

thành phố có cả triệu dân chỉ còn gạch vụn với cỏ dại. Không có nơi nào ở Mông-cổ cũng như là ở nước Kim quân đội Mông-cổ lại sát phạt với lòng thù hận đặng đặng như vậy. Từ biển Aral cho tới sa mạc Ba-tur ai còn sống sót cũng đều vỡ mặt kinh hồn. Họ thì thầm với nhau gọi quân Mông-cổ là “Quý sú ở địa ngục”. Thường khi chỉ một tên lính Mông-cổ cưỡi ngựa vào làng lôi hàng chục người ra chặt đầu rồi lừa hết súc vật trước mặt hàng ngàn người, ai cũng cúi đầu xuống không dám hó hé một lời.

Tới đây mới thấy Thành-Cát-Tur-Hãn tự vấn về cái lối chiến tranh của ông. Có lần ông hỏi một ông hoàng A-phú-hãn đang bị giữ làm tù binh:

- Theo ngươi, cảnh núi xương sông máu này có thể in mãi trong lòng người không?
- Nói sự thật ra chỉ sợ Ngài giết mất, nếu Ngài tha thứ cho tôi mới dám nói.

Rồi sau đó ông hoàng đáp:

- Đại hãn cứ cho giết nữa, giết mãi thì chắc chắn có còn ai đâu để mà nhớ cảnh gan óc lầy đất này!

Nghe viên thông ngôn dịch xong, đại hãn giận xanh mặt, liền bẻ gãy mũi tên đang cầm trên tay; nhưng một lát sau ông lấy lại bình tĩnh và nói một cách khinh miệt:

- Mạng sống của con người đối với ta có nghĩa gì? Còn nhiều dân tộc khác, nhiều xứ khác nữa, danh vọng của ta sẽ tồn tại ở những nơi đó. Còn ở đây có giết sạch sanh bọn phản loạn Mohammed cũng chẳng thiệt gì...

Tàn sát khủng khiếp như vậy mà binh Mông-cổ vẫn chưa dập tắt được ngòi lửa kháng chiến. Ở Ghasni giữa vùng núi non hiểm trở của A-phú-hãn, Djélal đang nằm gai nệm mật mưu đồ cuộc phục quốc. Ông quy tụ tất cả những bộ lạc vùng sơn cước lại lo thao luyện đêm ngày...

Hay tin, Thành-Cát-Tur-Hãn liền sai Cô-Tô-Cô thống lĩnh 30 ngàn quân đi tảo trừ. Djélal chẳng chút sợ hãi xua quân ra giao chiến. Trong trận này Cô-Tô-Cô dùng một kế nghi binh: cho làm hình nộm bằng rơm khoác bên ngoài rồi đặt lên lưng ngựa cho địch lầm tưởng quân số đông đảo. Mưu kế này suýt chút nữa đã giúp tướng Mông-cổ thành công. Bọn tướng của Djélal đã hoảng sợ toan tháo lui nhưng vị quốc vương trẻ tuổi không chút hoang mang, thét quân tràn tới huyết chiến. Cô-Tô-Cô thất trận, binh Mông-cổ chạy tán loạn. Nghe tin cấp báo Thành-Cát-Tur-Hãn thân nhiên nói: “Cô-Tô-Cô chỉ quen chiến thắng. Cần có một lần thảm bại như thế cho hãn ném mùi cay đắng như người ta!”

Rồi không để cho địch kịp loan tin chiến thắng ra, đại hãn khởi đại binh đem Oa-Khoát-Đài, Sát-Hợp-Đài, và Đà-Lôi theo ruổi như gió cuốn qua suốt cõi đất A-phú-hãn không phút nào nghỉ. Đến Pirvan, chỗ Cô-Tô-Cô bị đánh bại, dù hết sức gấp rút, ông cũng dừng lại quan sát chiến địa rồi giảng giải cho viên tướng trẻ tuổi thấy lỗi lầm về chiến thuật của ông ta.

Djélal quả là tay dũng lược, một địch thủ xứng đáng của Thành-Cát-Tur-Hãn, nhưng tiếc thay ông ta chỉ biết thắng một trận mà không biết lợi dụng sự chiến thắng. Trong lúc đại binh Mông-cổ một ngày một tới gần, ông ta chỉ lo yến ẩm mừng cuộc khai hoàn và đem hành hạ bọn tù binh Mông-cổ: cho

đóng đinh vào lỗ tai họ đến chết sạch. Rồi bọn thân vương theo ông lại lo giành nhau một con ngựa Arập cướp được ở mặt trận. Một người trong cơn tức giận đã lấy roi ngựa quất lên đầu người kia. Djélal lại đứng về phe kẻ bạo hành vì dưới tay người này có nhiều bộ lạc đang theo. Ông hoàng kia bất bình việc xử đoán không công bằng, nửa đêm khuya kéo binh ra đi. Nội bộ tan vỡ, Djélal cũng chỉ còn cách là đào tẩu.

Đại quân của Thành-Cát-Tur-Hãn tiến tới nhanh chóng và dữ dội như sóng tràn bão táp, không có một nơi nào dám kháng cự. Tất cả thành thị làng mạc đều răm rắp quy hàng, chẳng bao lâu quân Mông-cổ đã đuổi kịp Djélal ở bờ sông Indus. Đây là lần thứ nhất trong đời trận mạc, Thành-Cát-Tur-Hãn chiến đấu với kẻ địch bằng quân số trội hơn.

Nhưng trận này chỉ giúp cho Djélal viết được một trang sử oai hùng. Cho tới ngày nay, kỷ niệm trận đánh này vẫn chưa phai mờ trong lòng dân A-phú-hãn. Họ quên mất Mohammed mà vẫn nhớ rõ ông hoàng trẻ tuổi anh dũng của họ đã làm cho vị Chúa chiến thắng phải nể mặt.

Trước khi mở màn trận đánh, đại hãn đã ra lệnh bắt sống Djélal. Vì cảm tù được ông ta thì cuộc kháng chiến của dân Hồi sẽ tan rã, cuộc bình định đế quốc Kharesm kẻ như đã hoàn tất.

Nhưng Djélal đâu phải là hạng người dễ cho địch quân tóm được dễ dàng. Bị một vòng vây trùng điệp mà Djélal vẫn không chút nao núng: ông dẫn đầu 700 quân vệ lặn xả vào quân Mông-cổ chém giết toi bời, đoạt lấy cây đại kỳ đã bị địch cướp rồi quay trở lại mở một huyết lộ ra khỏi trùng vây chạy đến bờ sông Indus, vẫn ngồi trên con chiến mã từ trên vách núi cao 7 thước lao xuống dòng sông lội qua bờ bên kia, tay vẫn nắm chặt cây đại kỳ.

Đại hãn đứng quan sát mặt trận lấy làm kinh ngạc trước những hành động hùng dũng phi thường của vị quốc vương, phải buột miệng khen: “Hổ phụ sinh hổ tử”.

Đại hãn không cho bắn theo, bảo các vương tử hãy xem đó là một tấm gương tuyệt vời về lòng can đảm và tài ứng biến.

Tuy thềm phục như vậy, Thành-Cát-Tur-Hãn vẫn sai một đạo binh vượt qua sông Indus đuổi theo Djélal. Đạo binh này chỉ cướp phá những vùng Peschavar, Lahore và Moultan mà không tìm ra tông tích quốc vương. Đầu mùa xuân họ rút trở về A-phú-hãn vì chịu không nổi thời tiết ở đây. Oa-Khoát-Đài tiếp tục bình định vùng cao nguyên A-phú-hãn còn Sát-Hợp-Đài thì bình định Kirman và Beloutchistan.

Djélal-Ed-Din còn được 50 tàn binh, sau khi qua sông Indus liền đi thuyết phục một số bộ lạc ở miền Bắc Ấn Độ rồi tổ chức một đạo binh kéo đi bao vây thành Delhi. Không chống nổi áp lực, vị quốc vương ở đây phải tiếp đón ông trọng thể rồi gả công chúa cho ông. Mấy năm sau, chờ cho quân Mông Cổ rút đi ông mới trở về A-phú-hãn, và sau khi Thành Cát Tư Hãn chết mới về Ba Tư, nhưng rồi bị một đạo binh Mông Cổ khác đuổi chạy qua Trung Đông và chết trong một trận đánh cướp lương thực. Trận đánh bên bờ sông Indus là một trận kết thúc chiến cuộc Kharesm. Bây giờ còn một vài thái ấp tự

trị như Farsistan, Louristan, Kurdistan... chỉ cần vài cánh quân nhỏ trải đi thị uy là đâu đó đều xếp giáp. Đế quốc Kharesm bị xoá hẳn trên bản đồ từ đó.

Trong lúc chờ đợi Tốc Bất Đài thám sát các xứ phía Tây, Thành Cát Tư Hãn định trở về Mông Cổ theo ngã đường Tây Tạng để sát nhập xứ này vào đế quốc luôn. Ông liền sai một số tướng lĩnh đang đóng ở Pamir đi dò dẫm đường trải quân, nhưng họ đều báo cáo không thể đi được, nhất là pháo binh Mông Cổ có mang theo nhiều loại máy nặng nề.

Đại hãn lại định chinh phục luôn xứ Ấn Độ, nhưng khí hậu ở đó quá nóng, binh sĩ Mông Cổ không thể nào chịu nổi. Bệnh dịch lại phát ra dữ dội trong đạo binh đuổi Djélal ở Ấn Độ về, giống y như hội kết thúc trận đánh nước Kim.

Theo truyền thuyết thì lúc đi tới rừng núi Hindou-Kouch, Thành Cát Tư Hãn có gặp một con vật lạ hình vóc cỡ con nai, lông màu xanh lá cây, đuôi như đuôi ngựa và ngay giữa trán có một cái sừng. Đại hãn hỏi Chu Thai. Quân sư tâu bày như sau: “Con vật ấy xuất hiện chính là Trời sai đến báo cho Ngài biết không nên làm cho đổ máu vô cớ. Đại hãn đã chiến thắng đế quốc Kharesm ở phương Tây, còn Ấn Độ ở phương Nam không hề gây hấn. Ngài là con của Trời và những dân tộc khác cũng đều là con của Trời, hãy thương yêu họ như đàn em. Muốn được Trời ban cho mãi đặc ân, hãy để cho dân xứ ấy sống yên lành...”

Thành Cát Tư Hãn không bao giờ hành động trái ý Trời. Lần này ông cũng cúi đầu vâng mệnh; rồi dẫn quân về Mông Cổ theo con đường cũ....

Chương XVIII TÌM THUỐC TRƯỜNG SINH

Năm chiếm thành Samarkande là năm Thành Cát Tư Hãn sắp bước vào tuổi 60. Tuy sức vẫn còn tráng kiện, vẫn còn hăng say săn bắn và xông pha trận mạc, ông cũng cảm thấy mình bắt đầu già, thường nghĩ tới mọi việc sẽ xảy ra sau khi mình từ già cõi đời.

Trong đám vương tử không có người nào tài trí hoàn toàn có thể tiếp tục thực hiện công trình vĩ đại của ông. Thời giờ không còn nữa và chẳng biết đế quốc Mông Cổ sau này sẽ ra sao?

Những giống người ở đô thị tuy không hùng mạnh nhưng quả thật rất khôn ngoan, hình như họ có thuốc hoặc thuật trường sinh bất tử. Nghe nói ở nước Kim có ẩn sĩ Trường Xuân Tử, một tín đồ đạo Lão, rất am tường lẽ sinh hóa, hẳn ông ta nắm được thuật ấy.

Thành Cát Tư Hãn liền sai vị chương ấn thảo một chiếu thư gửi cho đạo sĩ:

“... Trời đã bỏ nước Kim vì nước này sống xa hoa trụy lạc. Riêng ta, ta rất ghét sự xa hoa mà chỉ chuộng tiết dục. Cách ăn mặc của ta bao giờ cũng đạm bạc. Bữa ăn của ta không khác bữa ăn của đũa mực đồng nghèo hèn; không bao giờ ta để cho dục vọng lôi cuốn. Lúc thấy quân thì ta đi đầu, lúc giao chiến không bao giờ ta ở sau, cho nên ta mới thành công trong mưu đồ đại sự đem thiên hạ về một mối. Ở ngôi chí tôn cao cả, trách nhiệm của ta thật nặng nề. Ta coi dân như con đẻ, lúc nào cũng gắng sức xây dựng cảnh an lạc, nhưng chắc còn nhiều điều làm lỗi: muốn qua sông phải có thuyền chèo; muốn cho đế quốc bình trị phải trọng dụng người hiền. Ta tự xét thấy đức còn mỏng nên càng quý trọng bậc hiền tài...”

Nay ta nghe nói đạo trưởng đang theo chính đạo, đạt được chân lý, người trong bốn cõi không ai không biết. Ta thật lòng ngưỡng mộ nhưng chẳng biết làm thế nào để tới cửa đạo trưởng. Nếu đạo trưởng không nệ khó nhọc bước tới viên môn, ta sẽ vô cùng hoan hỉ bước xuống ngai vàng đứng bên cạnh để nghe lời dạy bảo. Xin đạo trưởng đừng ngại núi cao đồng rộng, sa mạc hoang vắng, hãy thương xót chúng sinh, hãy tới truyền cho ta thuật trường sinh bất tử. Ta đã ủy thác cho quan thị vệ sắm sửa trọng lễ, lo đầy đủ ngựa xe đến rước. Ta sẽ thân lo phụng sự và chỉ mong đạo trưởng ban cho cái lễ thông đạt: một lời nói của đạo trưởng cũng đủ làm cho ta thấy hạnh phúc rồi...”

Tiếng là mời với lời lẽ thật khiêm tốn, nhưng đó là một cái lệnh của đại hãn không thể không tuân theo.

Lúc bấy giờ Trường Xuân Tử đã 72 tuổi đang sống ẩn dật, coi công danh phú quý như phù vân. Trước đây đạo sĩ lấy có tuổi già, tật bệnh, từ khước lời mời của vua Kim, vua Tống, bây giờ thế không thể được. Quan thị vệ cũng hết lời khẩn cầu vì ông ta thừa biết không làm tròn cái sứ mạng này thì đầu không còn nằm trên cổ nữa!

Tháng 5 năm 1220, đạo sĩ Trường Xuân Tử phải lên đường qua phương Tây, trải 50 kinh tuyến. Chưa bao giờ trong lịch sử thế giới có một hoàng đế biết sùng kính một đạo sĩ như Thành Cát Tư Hãn. Cuộc

hành trình của Trường Xuân Tử thật chẳng khác gì một cuộc khải hoàn. Đi tới đâu cũng gặp dân chúng và hàng tu sĩ, đạo sĩ kéo tới tấp nập để tỏ lòng ngưỡng mộ. Lúc đi ngang qua Mông Cổ, hàng vương gia, quý tộc đều ra đón tiếp một cách rất thành kính.

Một năm rưỡi sau ông mới tới thành Samarkande. Nghe tin, Thành Cát Tư Hãn liền phái Bác Nhĩ Truật, nhân vật cao cấp nhất trong quân đội, dẫn một đám tùy tùng đi đón ông trong đoạn đường cuối cùng và đưa qua rặng núi Indou-Koush tới Đại bản doanh thường trực của đại hãn.

Thành Cát Tư Hãn thân ra ngoài viên môn đón với lời lẽ thật nồng hậu: “...*Nhiều bậc đế vương đã mời đạo trưởng, nhưng đạo trưởng đều từ chối. Riêng đối với ta, đạo trưởng phải vượt 10 ngàn dặm tới viếng thăm, thật là hân hạnh...*”

Trường Xuân Tử không phải là hạng người thích xảo ngôn. Thực sự ông bị cưỡng bách chớ đâu có tự nguyện đến đây, nên không thể lờ đi trước những mỹ từ của đại hãn:

- Kẻ thô lậu ở chôn sơn đã đến đây bái kiến là do lệnh của đại hãn. Đó cũng là do ý của Trời. Ông không quỳ xuống lạy, chỉ chấp tay lên ngực khẽ cúi đầu. Đến lúc dự yến ông chỉ ăn một ít bột mang theo từ Samarkande, từ chối các thứ thịt và rượu koumiss. Đại hãn không lấy thế làm khó chịu mà còn ra lệnh cho ban ngự thiện phải cố gắng sửa đổi món ăn cho thích hợp với đạo sĩ. Lại cho tổ chức một đội công cán đặc biệt vào tận thung lũng Hindou-Koush cách đó hàng mấy trăm dặm tìm các thứ rau tươi và trái ngon.

Đại hãn hỏi điều quan trọng nhất:

- Này đạo trưởng! Từ xa xôi đến đây, đạo trưởng có mang theo thuốc trường sinh không?

Trường Xuân Tử nở một nụ cười hết sức bình thản, chậm rãi trả lời:

- Tâu đại hãn, có rất nhiều phương pháp để kéo dài cuộc sống, nhưng không có thứ thuốc nào làm cho con người thọ muôn năm được!

Tất cả những cận tướng có mặt đều hết sức kinh ngạc, ai cũng chú mục nhìn lại ông lão kỳ lạ, trải 10 ngàn dặm đến đây để trả lời bằng quơ như thế, quả ông ta không kể gì tới cách ưu đãi tột bậc và lòng ngưỡng mộ của đại hãn.

Nhưng Thành Cát Tư Hãn chọn ngày nhập môn và cho dựng lên một cái lều riêng...

Nhưng có tin quân kháng chiến lại tập hợp trong các vùng núi để phản công và vài bộ lạc sắp phản loạn. Đại hãn hết sức bận rộn về chiến sự đành phải gác lại vô hạn định việc học đạo.

Trường Xuân Tử xin về ở Samarkande, nhưng đường đi lúc bấy giờ rất nguy hiểm. Thành Cát Tư Hãn cố thuyết phục cho ông ở lại, nhưng ông vẫn nhất quyết: “*Chốn ba quân quá ồn ào náo động, bản đạo cần nơi yên tĩnh để dưỡng tâm*”.

Đại hãn đành chiều theo và dù đang rộn rịp chuẩn bị chiến dịch cũng phái một ngàn quân đưa đạo sĩ tới để kính để cho ở trong một tòa vương cung nằm giữa một vườn cây rợp bóng với đủ loại kỳ hoa dị thảo.

Mãi cho đến mùa thu, Thành Cát Tư Hãn mới trở về đóng Đại bản doanh ở gần Samarkande. Bọn quyền quý, tu sĩ, hào mục lũ lượt kéo đến xin bái kiến.

Đây là lần đầu tiên du mục chiếm một xứ văn minh mà không nắm quyền thống trị trực tiếp. Quân sư Chu Thai lãnh trách nhiệm lập quan hệ thường xuyên giữa dân tộc bại trận với kẻ chiến thắng. Ông thiết lập an ninh trật tự vững chắc ở các đô thị, định lại các khoản thuế khóa, bỏ quan chức cai trị khắp nơi nhưng dùng toàn là dân bản xứ, bên cạnh chỉ đặt những thanh tra Mông Cổ (Darouga) để phòng ngừa mưu toan phản động hoặc sự đụng chạm giữa người Mông Cổ và người Ba Tư.

Đại hãn nói với những tu sĩ Hồi giáo:

“Trời đã giúp ta chiến thắng quốc vương của các ngươi, thế có nghĩa là Trời đã đập đổ và hủy diệt hẳn. Bây giờ các ngươi nên về cầu Trời phù trợ cho ta!”

Khi biết được dưới triều Mohammed tu sĩ ai cũng phải đóng thuế, đại hãn ngạc nhiên hỏi:

- Vậy việc các ngươi cầu nguyện cho hẳn, hẳn không thiết đến sao?

Sau đó, ông ra lệnh trả lại tất cả các số thuế đã đóng góp cho triều trước.

Bây giờ mỗi đêm Trường Xuân Tử phải đến lều biệt lập để giảng đạo lý. Đây là chỗ cấm ngặt phụ nữ vắng lai, chỉ có đại hãn, Đà Lôì với những tay cầm quyền cao cấp nhất. Giữa đêm khuya yên tĩnh, họ ngồi lắng tai nghe những lời nói cao sâu huyền diệu. Chu Thai giữ vai trò thông dịch viên, ghi lại tất cả những điều đạo sĩ giảng, bằng chữ Trung Quốc và chữ Thổ Phồn.

Một hôm, đại hãn hỏi làm thế nào để thống trị đế quốc được lâu bền, mãi mãi...

Trường Xuân Tử trầm ngâm suy nghĩ một lúc rồi đáp qua nụ cười:

- Tiếng sấm không kéo dài được suốt buổi sáng, cơn mưa lớn cũng không lâu hơn một ngày. Ai tạo ra những thứ ấy? Chính là Trời và Đất. Trời Đất còn không thể làm cho lâu bền được thì con người làm sao tạo được những thứ trường cửu?

Đại hãn tỏ ý lo ngại về những khó khăn trong việc cai trị, đạo sĩ nói:

- Cai trị một đế quốc rộng lớn chẳng khác gì nấu loại cá nhỏ. Không nên đánh vảy, xáo trở, hoặc để cháy khét mà phải chăm nom chu đáo, làm sao cho nó chín đều... Biết đối xử công bằng sáng suốt với mọi người mới đáng là bậc minh quân.

Từ đó Thành Cát Tư Hãn thường băn khoăn nghĩ ngợi:

- Nếu gác việc đời qua một bên có lẽ mất tất cả...

Trường Xuân Tử cố tìm lời khích lệ:

- Cái gì đã chôn chặt rồi thì khó nhổ lên; tư tưởng đã thâm nhiễm rồi thì khó mất đi. Phải hành động theo Đạo là con đường chính, con đường Vĩnh viễn tức Vô vi...

Đạo sĩ lần lượt giảng giải triết lý nhiệm màu của Lão Tử.

Rõ là những tư tưởng hoàn toàn xa lạ, hoàn toàn trái ngược với quan niệm thông thường của người Mông Cổ; nhưng đại hãn cũng cảm thấy nó là cái gì cao cả, huyền diệu, đáng tôn sùng. Ông nói với

các tướng: “*Những điều đạo sĩ nói đều là do Trời ban cho ông ấy. Ta ghi mãi trong thâm tâm, các người cũng nên cố gắng làm theo, nhưng không nên truyền ra ngoài*”.

Đại hãn lại triệu tập Hội đồng Kouriltai, nhưng lần này không bàn tới việc quân; cuộc nhóm họp này là cuộc đại hội liên hoan mừng chiến thắng vĩ đại, kéo dài hàng tháng.

Đời sống ở đây quả là đời sống lý tưởng, hằng ngày họ cỡi ngựa thung dung đi dạo, thảnh thỏang tổ chức một cuộc săn, rồi thiết tiệc, tặng lễ vật, chia của cải, nào quần áo rực rỡ, vũ khí tối tân, nào gái đẹp, ngựa quý, thức ăn ngon, rượu hảo hạng... rõ là cảnh sống thiên đàng trời dành cho dân Mông Cổ.

Trong tay họ bây giờ có tất cả những thứ quý báu nhất trong thiên hạ: kim cương, bảo ngọc, đồ trang sức bằng vàng chạm trổ tinh vi: trong lều thì trang hoàng toàn bằng lụa là gấm vóc. Đại hãn đã có mũ miện giát ngọc, chiếc ngai vàng của Mohammed.

Ông tỏ ra không thích mấy nhưng quân sư Chu Thai khuyên:

- Ở nước nhà ngài có thể sống theo sở thích, nhưng ở đây ngài cần phải phô trương sức giàu mạnh cho mọi dân tộc đều thấy.

Đại hãn cũng nghe theo nhưng có một việc ông nhất định không thay đổi là cứ mặc bộ đồ bằng vải xô cũ kỹ, trên mình không đeo một món đồ trang sức nào cả. Ông vẫn giữ chiếc áo lông hắc điếu, mũ và đai cũng viền thứ lông ấy để giữ mãi cái vẻ quý tộc của dân đồng cỏ. Ông cũng không hề nghĩ tới việc dựng một kinh thành vững chắc để đặt đầu não bộ máy cai trị. Nghe theo Chu Thai, ông mới cho dựng thành Karakorum ngay giao điểm các ngõ đường thương mại. Ông nói:

- Các con của ta có lẽ thích ở nhà xây bằng đá trong những đô thị, còn ta thì “*không bao giờ*”.

Trong thâm tâm ông muốn cho đám con cháu sau này và dân tộc Mông Cổ hãy cứ sống tự do khoáng đạt theo lối du mục.

Nhưng các vương tử thì muốn khác... Nhất là Truật Xích làm cho ông lo ngại hơn hết. Lần này trong Hội đồng Kouriltai chỉ có mặt Sát Hợp Đài, Oa Khoát Đài, còn Truật Xích thì không thấy về.

Một hôm đám quý tộc tổ chức cuộc săn heo rừng có đại hãn tham dự. Bỗng một việc bất ngờ xảy ra: đại hãn đã bắn trúng một con heo to lớn, tưởng nó sắp chết liền phóng ngựa tới định bồi thêm một phát nữa, chẳng ngờ nó đâm bổ vào ngựa hung tợn lạ thường; ngựa hoảng sợ lồng lên hất đại hãn rớt xuống đất. Nhưng lạ thay con heo chỉ đứng nhìn ngơ ngác thì ngay lúc ấy nhiều người chạy tới, nó liền chui vào bụi rậm. Đại hãn bị xúc động mãnh liệt, không hiểu tại sao mình có thể té ngựa được. Trước kia gặp trường hợp ngựa hoảng sợ chồm lên có bao giờ ông rơi dễ dàng như thế. Và có điều không hiểu nổi là đang lúc nổi cơn hung bạo mà con heo bỗng nhiên dừng lại... Chu Thai giải đáp:

- Đó là Trời có ý muốn cảnh giác đại hãn “*đừng nên dấn thân vào chỗ nguy hiểm nữa*”, nhưng Trời chưa muốn mất ngài nên khiến cho con heo phải dừng lại và chạy đi.

Đại hãn hỏi Trường Xuân Tử. Vị đạo sĩ thì ngược lại không tin có Trời, có ông Trời biết thương con của mình ở dưới trần, có lúc phải cảnh cáo nó hoặc thưởng phạt nó. Theo ông thì các loài sinh vật đều

chẳng khác những con ngựa bện bằng rơm dùng để cúng tế. Lúc đem tế thì người ta đặt nó lên chỗ trang trọng nhất, phủ lụa là lên. Thầy cúng phải trai giới trước khi tế các thần linh. Nhưng xong rồi thì liệng nó xuống đồng rác, kẻ qua lại không ai muốn nhìn nữa; rồi sau cùng có kẻ nào đó lượm đem về nhúm bếp.

Khi thời vận đã tới với nhân vật nào thì người đó sẽ thấy bàn tiệc của cuộc đời dọn ra có sẵn sàng mọi thứ để cung phụng mình. Nhưng thời qua rồi thì người đó cũng sẽ bị ném xuống đất cho kẻ khác giẫm lên.

Đã đến lúc đại hãn phải bỏ thú đi săn.

Nhưng Thành Cát Tư Hãn cho rằng tuổi 61 chưa phải là tuổi quá già đối với những thú vui như thế. Ông thấy mình vẫn còn tráng kiện, quắc thước, cố cãi lại đạo sĩ:

- Thật khó mà bỏ những cái thú mà mình đã đeo đuổi suốt cả cuộc đời!

Trường Xuân Tử liền nêu lên một hình ảnh khác cụ thể hơn:

- Đông qua thì tới xuân, rồi hạ, thu, lại tới đông. Nhưng đời người thì khác hẳn: mỗi ngày của cuộc sống đều chứa chất bao nhiêu chuyện của những ngày qua, cho đến hết cuộc chuyển vận thì con người lại trở về gốc ban đầu là nghỉ ngơi. Nghỉ ngơi là lúc tận cùng của vận số, là sống theo đạo Trời. Người trí phải sáng suốt lẽ ấy.

Nghe xong, Thành Cát Tư Hãn đắm chiêu nghỉ ngơi một lúc lâu rồi mới nói:

- Ta sẽ ghi nhớ mãi lời nói của đạo trưởng.

Từ đó Thành Cát Tư Hãn không đi riêng một mình trong những cuộc săn nguy hiểm nữa.

Bây giờ Trường Xuân Tử lại năn năn đòi trở về Trung Quốc. Đại hãn cố giữ lại:

- Ta cũng sẽ về Mông Cổ. Đạo trưởng hãy nán lại một ít lâu rồi cùng về một lượt.

Đạo sĩ vẫn nhất quyết:

- Bần đạo đã giảng giải tất cả những điều mà đại hãn muốn biết. Bây giờ không còn chi để nói nữa!

Thành Cát Tư Hãn vẫn cố kéo dài ngày chia tay, cốt để tìm một tặng phẩm quý giá xứng đáng ban cho đạo sĩ, nhưng Trường Xuân Tử chẳng muốn nhận một thứ nào cả, chẳng cần đặc ân, chẳng cần địa vị...

- Tất cả những thứ ấy chẳng có giá trị gì hết. Được ân huệ hay bị thất sủng đều gây cho con người nhiều nỗi lo âu. Được ân huệ thì sợ mất, mất rồi thì đâm lo buồn!

Đại hãn vẫn cố thuyết phục:

- Hẳn đạo trưởng cũng muốn thực hiện điều gì! Nếu đạo trưởng bị bỏ rơi thì làm sao truyền bá giáo lý ra được?

Trường Xuân Tử nở một nụ cười thanh thản, giọng thật trầm tĩnh:

- Bậc cao nhân gặp thời thế thuận lợi mới hành động; nếu không thì giữ áo ra đi rồi thì cùng với cỏ cây mục nát có chi mà lo!

Thành Cát Tư Hãn lặng thinh không nói gì nữa. Rồi cắt một đạo quân tiễn đưa đạo sĩ lên đường, với

nhiệm vụ phải lo chu tất mọi tiện nghi và bảo đảm an ninh cho tới đất Trung Quốc. Ông lại ban cho đạo sĩ một cái điện lộng lẫy nhất trong hoàng thành Yên Kinh, chung quanh có vườn hoa trăm thức, có hồ nước lóng lánh như gương. Trường Xuân Tử không từ chối, xin dùng nơi đó làm đạo viện luôn cho cả đời sau. Ông mất cùng năm, cùng tháng với Thành Cát Tư Hãn.

Chương XIX ĐẠI THẮNG QUÂN NGÀ

Lãnh thổ Géorgie nằm ở khoảng giữa cánh đồng lầy bên biển Caspienne và rừng núi Caucase. Từ mạn đông, Túc Bất Đài và Triết Biệt xua 30.000 quân qua thái địa Azerbeijan, càn quét xứ Kourdistan rồi tiến vào Géorgie, một xứ Thiên Chúa giáo.

Quân đội Géorgie cũng là quân kị khí thế rất kiêu hùng, lúc đó đang chuẩn bị tham dự cuộc thánh chiến của Thập tự quân, liền gác lại dự định ấy xông ra giao chiến với quân Mông Cổ. Lúc lâm trận quân Mông Cổ trưng cây đại kỳ có hình chim bạch ưng xòe cánh khiến quân Géorgie ở xa lầm tưởng là hình cây thánh giá nằm nghiêng. Cuộc giao tranh rất ác liệt nhưng ngắn ngủi; quân Mông Cổ giả vờ bại tẩu như cho quân địch đuổi theo đến ổ phục kích của Triết Biệt, rồi quay trở lại hai mặt cùng đánh thốc vào, trọn đạo quân Géorgie bị hủy diệt.

May cho dân chúng là hai tướng Mông Cổ không có ngày giờ càn quét, sau trận này họ liền dẫn quân tiến lên vùng cao nguyên vượt qua những rừng núi chọc trời. Vì vậy mà Koussoudane nữ hoàng Géorgie, cho rằng quân Mông Cổ bị hoàng gia đánh bật ra khỏi xứ.

Nữ hoàng gởi cho đức giáo hoàng một bức thư nói về cuộc xâm lăng của quân Mông Cổ, trong đó có đoạn như sau: “...Một dân tộc dã man thuộc giống Thát Đát rất tàn bạo, hung hãn, háo sát như chó sói, nhưng can đảm chẳng thua sư tử. Có điều lạ là theo Thiên Chúa Giáo, trên cờ của họ có hình thánh giá nằm nghiêng. Họ toan xâm chiếm nước tôi, nhưng quân đội Géorgie đã anh dũng chiến đấu, quét họ ra khỏi bờ cõi, giết được 25.000 tên rợ. Vì vậy mà quân lực của tôi không thể sẵn sàng tham dự cuộc thánh chiến như đã hứa với ngài...”

Cuộc trẩy quân qua rừng Caucase cũng thiên nan vạn nan không thua gì chuyến vượt núi Pamir trước đây. Quân Mông-cổ phải huỷ bỏ tất cả những đồ nặng nề kèn cang, cả những máy bắn đá, máy phóng hoả vì không thể nào kéo qua những vách đá chênh vênh cao ngất. Nguy hơn nữa là sau khi vượt qua được những đỉnh tuyết phủ, những đèo trơ vơ trong mây mờ, những sườn đá đen dốc đứng, những đường hang khúc khuỷu thác đổ âm ỉ, xuống tới thung lũng Terke, thì một đạo quân hùng hậu của địch đã dàn sẵn ra đó chờ đợi từ lúc nào, y như Mohammed đã chờ họ ở Đại-uyên.

Tất cả những dân hiếu chiến ở miền sơn cước và mạn núi Caucase như Tcherkesse, Lesghine, Alain đều góp mặt ở trận này để bảo vệ xứ sở của họ. Trong số đó kinh khủng nhất là dân Komane ở Khâm-sát, một giống dân man rợ coi việc chém giết là một trò thích thú nhất đời. Vùng đồng hoang từ biển Caspienne đến sông Danube là giang sơn của họ xưa nay chưa ai dám khuấy phá; giờ nghe nói có kẻ muốn xâm phạm, họ tức tốc kéo tới chặn địch

Binh Mông-cổ hầu hết đều kiệt lực, nếu lao mình vào cuộc ác chiến với kẻ địch đông gấp ba,

bốn lần chắc chắn sẽ thảm bại.

Ngày hôm sau một đoàn đại biểu Mông-cổ mang vàng bạc, gấm vóc, ngựa quý đến trại quân Komane cố gắng thuyết phục họ: "Chúng tôi là người đồng chủng với các bạn; các bạn nữ nào liên kết với bọn ngoại chủng kia chống lại anh em trong nhà? Họ có làm gì lợi cho các bạn đâu? Hiệp với chúng tôi các bạn sẽ có tất cả những thứ các bạn muốn..."

Quân Komane liền ly khai bọn đồng minh rút hết về đoàn trại.

Tóc-Bất-Đài liền tấn công quân sơn cước, đánh tan vỡ đám quân kị, triệt hạ pháo đài của họ rồi bắt đám tráng binh nhập vào cơ ngũ quân Mông cổ, xong lại đuổi theo quân Komane diệt hết toán này đến toán khác và lấy lại tất cả những tặng phẩm. Quân Komane chửi rủa sự phản bội trắng trợn; Tóc-Bất-Đài đáp rằng chính họ mới là kẻ phản bội trước tiên rất xứng đáng lãnh một cuộc trừng phạt như thế! Triệt-Biệt tuyên bố họ là những kẻ phản loạn vì tất cả dân ở Khâm-sát đều là dân phiên thuộc của vương tử.

Thật ra dân Komane chưa bao giờ nghe nói đến tên Truật-Xích. Máy lúc qua buôn bán với các bộ lạc ở mạn Đông biển Caspienne họ có nghe mang máng ở đâu bên phương Đông có một vương gia thường cho quân quấy nhiễu mấy bộ lạc ấy. Hai vị đại tướng liền đưa cho họ xem tờ hiệu dụ của vị "Chúa tể các dân tộc" viết bằng thứ chữ ngoằn ngoèo kỳ lạ không ai hiểu được, theo đó thì tất cả dân Komane đều là thần dân của vương tử Truật-Xích và quân đội của vương tử đến đây là để trừng phạt họ về tội phản loạn! Đã thấy lời hành binh thần tốc với những loại khí giới lợi hại lạ lùng và nghe đồn đãi quân Mông-cổ đi đến đâu cũng giết sạch dân chúng, giờ lại đến đây để trừng phạt, dân Komane hãi hùng đến tột độ. Họ cấp tốc gom góp tất cả của cải chất lên lưng ngựa rùng rùng chạy về phương Tây và phương Bắc. Đoàn người di cư chạy như gió cuốn nước tràn, sau lưng thì vó ngựa Mông-cổ dồn dập đuổi theo.

Tóc-Bất-Đài và Triệt-Biệt dẫn 30.000 kị binh lao về phía Tây, vượt qua sông Don rồi dọc theo duyên hải biển Azov. Đâu đâu cũng thấy đất phì nhiêu, cây cối sum suê, mục trường xanh non, thật là cõi đất thần tiên. Họ lại vượt qua nhiều rặng núi tiến đến tận cùng bán đảo Crimée và dừng lại trước thành Génois một trung tâm thương mại khá phồn thịnh.

Giá bọn cầm quyền ở đây cử một đoàn sứ giả đến thương nghị với Tóc-Bất-Đài thì đâu đó êm ru. Đằng này họ đóng cửa thành và chính bị binh mã tác chiến. Quân Mông cổ liền tấn công như vũ bão, chiếm thành rồi phóng hoả đốt. Những kẻ còn sống sót đều xuống thuyền trèo ra biển trốn qua các xứ Đông-âu.

Nhưng hai dũng tướng Mông-cổ vẫn chưa biết mỏi mệt. Họ tiến sâu mãi về phía tây, vượt qua sông Dnieper, tới sông Dniester. Tới đây đất vẫn còn trải rộng mênh mông bát ngát. Xa hơn nữa là xứ của giống dân da trắng: phía Bắc là thái địa của Nga, phía Tây-Bắc là thổ lãnh Ba-lan, phía Tây là xứ Hung-gia-lợi, phía Nam là đế quốc Byzantin...

Trên một vạn gia đình Komane thoát qua sông Danube đến bá kiến hoàng đế Byzance xin tị nạn. Trước đó hoàng đế đã có nghe dân Géorgie nói đến “giống dân lạ mặt mũi như quỷ sứ”, bây giờ họ lại xuất hiện ngoài vùng biên thủy Đông-Bắc! Quá kinh hoàng, nhà vua liền hạ lệnh cấp tốc tăng cường phòng thủ kinh thành, chiêu mộ thêm lính mới...

Nhưng tướng Mông-cổ không có nhiệm vụ chinh phục các xứ phương Tây. Cuộc hành binh này chỉ là để thám thính, nên tại đây bên bờ Hắc-hải, Túc-Bất-Đài án binh lại chờ qua mùa đông sẽ trở về Mông-cổ. Nhưng không quên lợi dụng lúc nghỉ ngơi gửi thám tử đi dò dẫm các xứ xung quanh.

Lúc về bá kiến đại hãn, Túc-Bất-Đài dâng một báo cáo đầy đủ và chính xác về các xứ Âu-châu. Thành-Cát-Tur-Hãn đã căn cứ vào báo cáo ấy thảo một kế hoạch chinh phục Âu-châu, thực hiện trong 8 năm. Trong giai đoạn 6 năm đầu chính Túc-Bất-Đài thống lĩnh đoàn quân viễn chinh qua Nga, Hung-gia-lợi, Bảo-gia-lợi, Silésie, Serbie dày tan lực lượng của các quốc gia này, rồi đặt nền thống trị... Trong khi ấy các ông hoàng ở Âu-châu lại chẳng hề biết một chút gì về dân Mông-cổ!

Vương tử Mistislav de Haliez trước đây cưới con gái của khả hãn Komane để nhờ bộ lạc này làm bình phong che chở cho thái địa của mình. Bây giờ tình thế bỗng đảo ngược lại, khả hãn chạy qua Nga dâng một số công phẩm lớn lao khẩn cầu vương tử xuất quân đuổi bọn xâm lăng "không biết từ xứ nào lại nói thứ tiếng không ai hiểu nổi, muốn bắt tất cả các dân tộc phải làm nô lệ cho họ".

Mistislav liền triệu tập một hội nghị các hoàng thân Nga ở Kiev.

Thật ra dân Komane là kẻ thù địch muôn đời của người Nga; dân Nga luôn luôn khôn đồn vì những cuộc quấy nhiễu cướp bóc của họ: bây giờ nếu không giúp, họ có thể liên kết với bọn giặc xa lạ kia xâm lược các thái địa. Nếu chống giặc, thượng sách là diệt chúng tại xứ Komane trước khi chúng tràn vào lãnh thổ của mình...

Thế rồi từ các thành Kiev, Kursk, Smolensk, Volhynie, Haliez, nhiều đạo quân tiến phát về địa điểm hội binh ở gần biển Hắc-hải. Trên các con sông Dnieper và Dniester, nhiều chiến thuyền Nga cũng kéo tới, lực lượng của Nga càng lúc càng tăng gia chưa kể các bộ lạc Komane bị đánh tan rã trước đây, lần lượt hội tập hợp lại sát cánh với quân Nga.

Khi liên quân Nga kéo đến vùng hạ lưu sông Dnieper, Túc-Bất-Đài liền phái một sứ đoàn 10 người tới Đại bản doanh Nga: "Tại sao người Nga lại gây chiến với chúng tôi? Người Mông-cổ không hề làm gì thương tổn đến tình giao hảo giữa đôi bên; quân Mông-cổ đến đây chỉ để trừng phạt bọn Komane là dân phiên thuộc đang phản loạn".

Túc-Bất-Đài tỏ ra rất am hiểu nội tình:

- Các ông cũng thừa biết bọn Komane thường xâm phạm lãnh thổ Nga, cướp đoạt giết chóc. Đáng lẽ người Nga phải hợp lực với binh Mông-cổ tiêu trừ bọn Komane.

Quân Nga thấy rõ lối ngoại giao này chỉ là một thủ đoạn gian trá, một đòn ly gián các xứ đồng minh. Thật ra có bao giờ dân Komane làm phiên thần Mông-cổ. Mười sứ giả liền bị lôi ra chém; quân Nga

lẳng lẳng vượt qua sông Dnieper đánh úp 1000 quân tiên đạo Mông-cổ.

Trước khi mở màn trận đánh báo thù, quân Mông-cổ muốn dạy quân Nga một bài học về “ luật quốc tế ”. Họ phái hai kị sỹ đến trước trại quân Nga nói vọng vào: "Chúng bây giết sứ giả của quân ta, đột kích quân tiên đạo, chúng bây muốn chiến tranh. Được lắm... Phải nhớ kỹ là quân ta chẳng làm điều gì thiệt hại cho chúng bây. Trên tất cả các dân tộc còn có Trời. Trời sẽ xét xử sau..."

Quân Nga rất đổi kinh ngạc trước thái độ của hai tên kị sỹ, kinh ngạc vì họ đến đây chỉ để công khai tuyên chiến, coi cái chết như trò đùa, cho nên lần này họ để cho chúng bình yên trở về.

Suốt chín ngày liền Tóc-Bát-Đài và Triết-Biệt vừa đánh vừa chạy nhưng không lúc nào rời xa quân Nga, rồi thỉnh thoảng họ dừng lại sau con sông Kalka. Tám vạn liên quân Nga - Komane dàn ra trước đạo quân Mông - cổ. Mistislav nhất quyết không để cho kẻ địch trốn thoát và, vì muốn chiến công đều về tay mình, liền đốc lực tấn công địch trong khi Mistislav de Kiev còn đang củng cố vị trí ở thượng lưu sông Kalka. Nhưng quân Mông-cổ chỉ nhắm vào nhược điểm của địch là cánh quân Komane. Họ phóng hết kị binh vào hàng ngũ Komane, chém giết tới bời rồi tẻ ra làm nhiều cánh đánh thốc vào mặt trận Nga. Bị tấn công chớp nhoáng thế như vũ bão, hàng ngũ quân Nga nhốn nháo tán loạn. Kết quả là chỉ có một phần mười quân Nga trốn thoát được cuộc thảm sát. Mistislav đào tẩu trên một chiếc thuyền sau khi đốt tất cả thuyền chiến để tránh cuộc truy đuổi của quân địch.

Quân Mông-cổ lại kéo xóc tới bao vây trại của Mistislav de Kiev. Chỉ một đợt tấn công họ chiếm được trại, 10.000 binh Nga không một người nào còn sống để đem tin thảm bại về cho hoàng đế. Tổng kết trận này có 6 hoàng thân và 70 nhà quý tộc phải đổi mạng với 10 sứ giả quân Mông-cổ. Khắp nước Nga lúc bấy giờ không còn một đạo quân nào có thể đương đầu với quân Mông-cổ nữa.

Nhưng hai tướng Mông-cổ cũng không thể chiếm nước Nga bằng ba vạn phu đó được. Trái với thói quen của họ, lần này họ chỉ đuổi bại quân một đôi đường ngắn rồi tràn tới các thị trấn lân cận cướp giết, chém giết để trả thù. Hết mỗi hạn rồi họ liền phi lên mạn Bắc, vượt qua những đồng hoang miền Nam bộ đến tận chân rừng miền Bắc bộ Nga, mới chịu quay trở về phương Đông.

Trên đường về căn cứ họ phải qua lãnh thổ Bolgar ở khoảng thượng lưu sông Belgar. Đây là một xứ nông nghiệp, sản xuất rất dồi dào các loại da, sáp và mật. Quân Bolgar dàn ra ngoài biên cảnh chờ đợi... Nhưng cũng chỉ một trận giao chiến họ bị đánh tan vỡ rồi chịu làm phiên thần Mông-cổ, sáp nhập vào hãn địa của Truật-Xích. Dọc theo sông Volga còn 40 bộ lạc Saxine sống về nghề trồng tía và đánh cá, thấy quân Bolgar đã hàng phục đành cũng qui thuận theo.

Chương XX NGÀY VỀ

Cuộc hành trình từ xứ A-phú-hãn về Mông-cổ phải mất một năm tròn. Bây giờ khói lửa đã yên, đại quân Mông-cổ thông dong tiến bước, không còn chi phải vội vàng nữa.

Dẫn đầu là một đoàn tù binh không biết cơ man nào mà kể và theo sau là đoàn lạc đà bắt tải đủ các loại của báu. Những lúc dừng lại nghỉ ngơi, quang cảnh trại binh giống như một đoàn trại dân sự vì mỗi chú lính bây giờ đều có hai ba người vợ với một bầy con; gia súc đủ loại nhiều như kiến cùng những cỗ xe chất đầy của cải. Việc cắm trại hoặc nhổ trại, chăn súc vật đều giao cho bọn nô lệ. Cuộc khai hoàn thoát nhìn tưởng như một cuộc di cư vĩ đại...

Bỗng có hai tên khoái mã đem tin cấp báo tới: tin thứ nhất là tin Mộc-Hoa-Lê chết, sau tám năm kiên trì bình định nước Kim. Viên đại tướng đã trời lại với người con trai như sau: "Ta xông pha trận mạc suốt 40 năm, giúp cho đại hãn thực hiện nhiều công nghiệp lớn lao, không hề biết sờn lòng, nhưng chỉ ân hận có một điều là không chiếm được Nam-kinh của đế quốc Kim. Vậy con hãy thay cha làm cho xong nhiệm vụ ấy..." Tin thứ hai là tin hoàng đế Kim đã băng hà, thái tử (Chou Su) lên nối ngôi. Dưới triều của tân vương, cuộc kháng chiến của quân Kim càng sôi động hơn trước.

Nghe tin sau Thành-Cát-Tur-Hãn không cho là quan trọng, vẫn để cho ba quân tiến thư thả. Ông chấp nhận cho Bu-Ru, con của Mộc-Hoa-Lê, tiếp tục công cuộc chinh phục nước Kim. Đại hãn chỉ trông đợi thái tử Truật-Xích về báii kiến, nhất là hai đại tướng Tóc-Bắt-Đài và Triết-Biệt, vì cuộc hành binh thám sát ba năm quanh vùng biển Caspiene đã hết hạn.

Trông mãi vẫn không thấy tăm dạng Truật-Xích, hai đại tướng chỉ có Tóc-Bắt-Đài trở về, còn Triết-Biệt đột nhiên lâm bệnh nặng rồi chết lúc vừa tới địa phận Tân-cương.

Quân đoàn của Tóc-Bắt-Đài hao một số lớn chiến sĩ, nhưng bù lại họ dất về vô số tù binh gồm đủ các giống dân xa lạ cùng với những cỗ xe nặng oằn chiến lợi phẩm nối tiếp nhau thành một con mãng xà vĩ đại.

Vào báii kiến đại hãn, Tóc-Bắt-Đài bị giữ luôn trong viên môn suốt mấy tuần lễ để báo cáo tỉ mỉ mọi việc xảy ra trong những năm hành trình thám thính ở phương Tây.

Ba mươi ngàn quân Mông-cổ đã làm một cuộc viễn chinh không tiền khoáng hậu trong lịch sử thế giới: từ địa điểm tiến phát ở mạn Nam biển Caspienne, đoàn kị binh Mông-cổ đã phi 6.000 c.s. qua những cõi đất bao la, giao chiến 12 trận đều thắng tất cả, đánh bại 12 dân tộc, tất cả công lao hạn mã ấy đều là để xây dựng hãn địa của Truật-Xích, mà thái tử không có mặt để nghe báo cáo...

Đại hãn phải gửi liên tiếp nhiều toán khoái mã gọi thái tử tới: "Nó phải tới đây gặp ta! Còn phải chinh phục nhiều xứ khác nữa, đâu phải chỉ có đế quốc bé nhỏ ở bên biển Aral. Ta sẽ trao trọn phương Tây cho nó..."

Nhưng lần nào cũng vậy, ở Khâm-sát người ta báo rằng Truật-Xích đang lâm bệnh nặng. Rồi một ngày nọ, một tên Mông-cổ từ Khâm-sát mang tới một nguồn tin: thái tử đang đi săn!

Nghe xong đại hãn tức giận đến nộ khí xung thiên, liền phái hai khoái mã "tên bay" hoả tốc mang lệnh tiến đến Sát-Hợp-Đài và Oa-Khoát-Đài, bảo hai vị vương tử phải huy động toàn lực tới hãn địa của Truật-Xích. Đại quân đang kéo về cũng tức khắc đình bộ, lệnh truyền từ vạn phu này đến vạn phu khác phải chuẩn bị tác chiến... trận giặc nội bộ sắp bùng nổ!

Thấy mối nguy cơ, Chu-Thai hết sức can gián Thành-Cát-Tur-Hãn, cố trình bày tất cả cái hiểm hoạ của một cuộc chiến tranh tương tàn nhưng vô hiệu quả. Thành-Cát-Tur-Hãn hét lên như sấm: "Nó là thằng bất trị! Chỉ có thằng bất trị mới dám coi thường mạng linh của ta! Một thằng bất trị không thể cai trị ai được..."

Hai vương tử đã trẩy quân lên mạn Bắc, đang sắp sửa bao vây quân Khâm-sát bỗng có một người con của thái tử bay ngựa tới cho hay Truật-Xích đã chết!

Sự thật thái tử không hề mở một chiến dịch nào cả, chỉ có đám tướng lĩnh tổ chức cho quân đội một lần để cho họ có dịp hoạt động, giải trí. Suốt thời gian đó thái tử đang quần quai trong lều vì một cơn bạo bệnh...

Nghe tin trên Thành-Cát-Tur-Hãn không ra khỏi viên môn, không tiếp xúc ai suốt hai ngày liền. Ông xin vong linh thái tử hãy tha thứ sự bất công của ông. Truật-Xích không hề nghịch ý phụ vương, không hề muốn ly khai, và dù đang bị cơn bệnh hành hạ không thể lên đường được, thái tử cũng tạ lỗi với phụ vương bằng cách sai người mang về dâng 20.000 con tuần mã.

Hết hạn cấm phòng, đại hãn liền ra lệnh truy nã tên Mông-cổ đã báo tin láo khoét. Quân đồ đi tìm khắp hang cùng ngõ hẻm trong một tầm mấy trăm dặm mà vẫn không thấy bóng dáng tên man trá đó.

Đoàn quân viễn chinh lại tiếp tục con đường hồi hương. Khi đến biên cảnh của hai nước Mông-cổ, Thổ-phồn, đại hãn gặp một vụ săn qui mô và hào hứng do các tướng lĩnh ở đây tổ chức. Mấy đứa cháu nội của ông liền tham gia. Hô-lô-Hổ, 11 tuổi, con của Đà-Lôi và Hốt-Tất-Liệt, 9 tuổi, lần thứ nhất hạ được con mồi, kiêu hãnh mang đến khoe với ông nội. Theo tục lệ cổ truyền phải tổ chức một buổi tế lễ, cho chúng nó lấy thịt và mỡ con thú chà xát lên ngón tay cái để lấy hên, sau này có đi săn chắc chắn sẽ hoạch lợi. Thành-Cát-Tur-Hãn cảm thấy một niềm vui bừng dậy trong lòng, đứng ra làm chủ tế cho mấy đứa cháu.

Hô-Lô-Hổ, vị chúa tương lai của miền Trung Á, siết mạnh tay của ông mình để thử sức. Đại hãn

cả cười: "Các người hãy xem, xem lũ cháu ta đang xâm chiếm cả hai tay ta". Nhưng Hốt-Tất-Liệt lại đưa tay ra với vẻ rất nghiêm chỉnh quyền uy. Đại hãn liền xoay qua phía các con bảo: "Khi nào chúng bây gặp việc nan giải, hãy hỏi Hốt-Tất-Liệt."

Chương XXI TÁI CHIẾM TÂY-HẠ

Sử Trung-Hoa thuật rằng một cận quan của Thành-Cát-Tur-Hãn có phận sự phải nhắc nhở ông nhớ hàng ngày vào buổi trưa và buổi chiều việc "đế quốc Tây-Hạ vẫn còn tồn tại bên cạnh đế quốc Mông-cổ". Ông quyết thực hiện cho kỳ được lời phát thệ trước khi đi đánh đế quốc Kharesm, phải đáp lại sự phản bội của chúa Tây-hạ bằng bất cứ giá nào.

Nhưng chúa Tây-hạ đã chết cùng một năm với Mộc-Hoa-Lê và hoàng đế Kim. Thái tử lên kế vị liền thu dụng tất cả người Trung-quốc chống Mông-cổ cùng tất cả bọn tàn quân Kim, Khiết-đan, lập thành một đạo binh hùng hậu tới 500.000 người.

Trong lúc Tây-hạ đang chiêu binh mãi mã, ở nước Kim những hoạt động chống Mông-cổ cũng sôi động trở lại. Cậy vào sông Hoàng-hà ở mặt Nam và những thành lũy kiên cố trong các vùng núi hiểm ở mặt Tây, vua Kim lại tập hợp lực lượng quyết một trận sống chết.

Cũng theo sử Trung-hoa, trong 15 năm chống ngoại xâm và nội chiến, 18 triệu người đã chết ở đế quốc Kim và đế quốc Tây-hạ, tính ra gần một phần ba dân số. Vậy mà đế quốc Kim còn tiềm lực phát động một cuộc kháng chiến, hoặc hơn nữa, tấn công trở lại. Quân đội của họ tiến vào các tỉnh đã mất, đánh bại nhiều cánh quân Mông-cổ đóng lẻ tẻ rồi tổ chức lại quân trú phòng ở những thành do Mộc-Hoa-Lê chiếm.

Thành-Cát-Tur-Hãn liền rời Mông-cổ mở cuộc chinh phạt ở mạn Nam và mạn Tây. Ông dẫn hết đám con đám cháu cùng với 180 ngàn quân tiến phát. Nhân dịp này ông đưa ra một nguyên tắc cho mọi hoạt động trong tương lai: "Khi bắt tay vào một việc gì, dù gặp hoàn cảnh trắc trở như thế nào đi nữa, các người phải cố gắng làm cho tới cùng. Đừng bao giờ chấm dứt cuộc chiến tranh khi kẻ thù chưa hoàn toàn bị tiêu diệt."

Hình như linh tính báo trước rằng chiến cuộc này là chiến cuộc cuối cùng của đời ông, có lẽ không còn sống để trở về đất tổ nên trước lúc khởi hành ông đã cho lập lại trật tự trong đế quốc, phân chia đoàn trại và quân đội, ban phát hãn địa cho các người con. Bát-Đô, con của Truật-Xích, lãnh hãn địa ở phía Bắc và phía Tây rặng núi Altai "tới nơi nào mà vó ngựa Mông-cổ còn tới được". Sát-Hợp-Đài lãnh xứ Thổ-phồn và những miền ở phía Nam, phía Tây của xứ ấy; Tây-liêu, Kharesm. Oa-Khoát-Đài lãnh xứ Tây - hạ, đế quốc Kim và những xứ ở Đông – á. Đà Lô lãnh phần đất tổ: xứ Mông-cổ và đại quân Mông-cổ.

Để cho đế quốc không vì thế mà chia xẻ làm nhiều mảnh, Thành-Cát-Tur-Hãn qui định trong Yassa như sau: "Con cháu của đại hãn dù đang ở nơi nào, hễ sau khi đại hãn băng hà, phải tụ họp về Mông-cổ mở Hội-đồng Quý tộc bầu cử một người có đầy đủ khả năng và uy tín lên thay thế. Tất cả đều phải ở dưới quyền lãnh đạo của đại hãn, ai lập người khác ngoài quyết định của Hội-đồng Quý tộc sẽ bị tử hình. ”

Quân Mông-cổ tràn vào đất Tây-hạ thế như nước vỡ bờ; họ chiếm hết những ngọn đồi bao quanh một cái hồ bên sông Hoàng-hà. Đại hãn sai một toán quân xạ tiễn ưu tú nhất bỏ ngựa đi trên mặt băng khiêu khích quân địch. Kị binh Tây-hạ liền cho ngựa phi như gió cuốn vào trận địa, không ngờ ngựa của họ trượt băng ngã nhào ra hết, binh sĩ kẻ té sấp, người nhào ngựa mặc tình cho quân Mông-cổ bắn tên, phóng lao và dùng mã tấu chặt như chặt thịt trên thớt. Rồi đạo binh xạ tiễn này nhảy lên ngựa cùng với một đạo kị binh khác phi vòng theo bờ hồ tấn công một đoàn pháo binh tới tiếp viện. Gươm vung loang loáng một buổi, quân Tây-hạ bị giết sạch không sót một người nào.

Sau trận này quân Mông-cổ dựng lên ba cây trụ, ở mỗi trụ họ treo một cái xác địch thông đầu xuống đất; như thế có nghĩa là họ đã giết 300.000 địch quân.

Bây giờ không còn lực lượng nào bảo vệ thành thị và nhân dân trên đất Tây-hạ nữa. Thành nào cũng bị quân Mông-cổ cướp sạch rồi đốt ra tro bụi. Một số ít dân chúng trốn vào các hang động, vào rừng sâu, trong một trăm người hoạ may sống sót được vài người. Đồng ruộng hoa màu đều bị ngựa dẫm hoặc bị đốt, nhà cửa gần như không còn cái nào nguyên vẹn. Vua Tây-hạ trốn về một cái thành kiên cố trong vùng núi hiểm mà cũng không khỏi bị hạ sát. Nhưng đệ tam vương tử vẫn kiên trì chống lại quân Mông - cổ; ông rút vào thành Ninh-hạ, đóng kín cửa chịu đựng,

Quân Mông - cổ vây hãm nhưng vô hiệu quả vì hào thành quá sâu rộng, không tài nào lấp được. Tất cả các loại máy của pháo binh đều hết hiệu nghiệm trước những bức tường sừng sững như vách núi. Thấy việc hạ thành còn lâu dài, Thành-Cát-Tur-Hãn để lại một đạo quân giữ chặt bốn cửa, giao cho Oa-Khoát-Đài một đạo quân tiến đánh nước Kim, đạo thứ ba tiến vào các nước phiên thuộc của Tây-hạ. Phần ông dẫn một đạo đi càn quét suốt đế quốc Kim đến tận chỗ ba ranh giới giao nhau (Tây-hạ, Kim và Nam-tống). Đường liên lạc giữa hai nước Trung-quốc và Tây-hạ bị cắt đứt khiến cho dân Tây-hạ tuyệt vọng, hết can đảm chiến đấu nữa. Hoàng đế Kim liền gửi sứ giả đến xin nghị hoà, dâng cho Thành-Cát-Tur-Hãn một cái bình đựng toàn là những loại ngọc vô giá của hoàng cung.

Đại hãn đã quá chán cái lối đem tặng phẩm tới xin nghị hoà hôm trước để hôm sau phản bội, liền sai quân đem ngọc vãi tung toé ở mặt trước viên môn cho quân túc vệ ai muốn nhặt tha hồ đến nhặt.

Nói theo sứ giả Kim là sứ giả của vương tử Tây-hạ đến xin dâng thành Ninh-hạ, tâu rằng:

- Nếu đại hãn xá tội, vương tử sẽ đích thân đến bái kiến.

Thành-Cát-Tur-Hãn lặng yên suy nghĩ một lúc lâu rồi mới đáp:

- Ta hứa bỏ qua chuyện cũ.

Chương XXII CỖ XE TANG VỀ ĐỈNH NÚI THIÊNG

Thành- Cát- Tư – Hãn bắt đầu thấy mệt mỏi vì những ám ảnh nặng nề của tuổi già. Ông thường hay nói: “Thần Chết đã chờ trước ngưỡng cửa để rước ta”. Một hôm ông cho gọi tất cả đám con cháu về và phán rằng: “Nhờ ơn Trời giúp sức, ta đã gây dựng cho chúng bây một đế quốc rộng lớn, từ trung tâm phi ngựa về phía đông hoặc phía tây suốt một năm cũng chưa tới biên giới. Ta chỉ tiếc đời ta quá ngắn ngủi không kịp hoàn thành cuộc chinh phục thế giới. Nhiệm vụ của chúng bây là tiếp tục công cuộc ấy. Phải đồng tâm nhất trí để thắng kẻ thù và để có thể sống lâu dài, hạnh phúc”. Ông thuật một chuyện ngụ ngôn:

“Thuở xưa có hai con rắn: một con có nhiều đầu nhưng chỉ có một cái đuôi, và một con chỉ có một đầu nhưng có nhiều đuôi. Đến mùa đông giá lạnh, chúng nó tìm được một cái hang để trú ẩn. Cửa hang quá nhỏ hẹp, khiến con rắn nhiều đầu không thể chun xuống được. Mấy cái đầu của nó cứ tranh nhau, gây gổ với nhau, sau cùng nó tìm được nhiều cửa hang rồi mỗi đầu chun xuống một cửa, nhưng cái đuôi làm sao xuống được? Rắn đành chịu chết! Còn con rắn một đầu thì chui xuống hang dễ dàng với tất cả đuôi qua được mùa đông.

Rồi với giọng nghiêm khắc đại hãn kết luận: “Chỉ một đứa trong các con sẽ lên nối ngôi đại hãn của ta.”

Nhìn một lượt qua các vương tử ông nói tiếp: “Đứa nào trong chúng bây có thể cầm đầu đế quốc của ta?”

Các vương tử liền một loạt quì xuống xin phụ vương hãy quyết định, họ nguyện triệt để tuân theo. Thành – Cát – Tư – Hãn nhìn từng người một thật lâu rồi quyết định: “Oa – Khoát – Đài hãy nối ngôi ta.”

Các vương tử thật sự không có người nào có cái thiên tài và những đức tính như ông, tài dùng người, tài thao lược, với ý chí sắt đá và lòng kiên nhẫn vô biên... Chỉ còn cách là chọn người nào có được một vài đức tính thiết yếu mà thôi. Sát – Hợp – Đài thì tính khắc nghiệt, đa sát; Đà – Lôi có tài thao lược, giàu nghị lực nhưng thiếu nhiều đức tính lãnh đạo; Oa – Khoát – Đài được giao ngôi báu chỉ vì đệ tam vương tử “biết nghe lời khuyên của kẻ khác, biết dùng người theo khả năng, biết chinh phục lòng những kẻ dưới tay, biết dàn xếp nội bộ” mặc dù đệ tam vương tử hơi kém nghị lực, chỉ có cái tật hay say sưa mà vẫn không chừa được.

Thành Cát Tư Hãn nghĩ xa trong tương lai và nhằm một mục đích rõ rệt nên không cần ý chí sắt đá và tài thao lược. Ông đặt thuật dùng người và lòng khoan dung lên trên tất cả các đức tính khác của người

lãnh đạo.

Sau khi quyết định, ông hỏi Oa – Khoát – Đài có điều gì muốn nói không. Vương tử cười rằng:

- Thừa phụ vương, phụ vương đã cho phép con mới dám nói; con đâu dám từ chối ngôi báu của phụ vương đã giao, và nguyện sẽ cố gắng cai trị đế quốc một cách khôn khéo, tài ba. Nhưng chỉ sợ sau này đám con của con không đủ sức để gìn giữ ngôi báu nữa. Đó là điều con muốn nói.
- Nếu con hoặc cháu của mày không đủ tài đức thì hãy chọn đứa nào xứng đáng trong hàng cháu của ta lên kế vị.

Thực ra trong thâm tâm Thành Cát Tư Hãn không muốn để cho Oa – Khoát – Đài lập một dòng đại hãn riêng nên đã qui định sẵn một thể thức ghi trong Yassa để hội đồng quý tộc chiếu theo đó mà thi hành. Ngoài ra lại giao cho Đà – Lôi quyền giám sát đế quốc...

Mọi sự sắp đặt đã chu đáo như vậy mà Thành Cát Tư Hãn vẫn chưa yên tâm, lòng vẫn canh cánh lo sợ mỗi chia rẽ xảy ra giữa đám con cháu. Trong cơn hấp hối, ông còn ráng giảng thêm một lần nữa bài học đoàn kết và tương trợ. Với lấy túi tên, ông rút ra đưa cho mấy người con cháu mỗi người một mũi, bảo họ thử bẻ gãy mũi tên trên tay ...

- Chúng bây có thấy chưa, nếu hành động riêng lẻ, số phận của chúng bây sẽ như những mũi tên này! Chúng bây sẽ bị kẻ thù khinh rẻ, chà đạp và cướp đoạt!

Xong rồi ông đưa nguyên bó tên bảo họ lần lượt thử bẻ gãy như hồi nãy nhưng không một ai bẻ nổi. Bây giờ ông mới nghiêm giọng nói:

- Đó là hình ảnh của sự đoàn kết chặt chẽ giữa chúng bây; đừng trông cậy vào kẻ khác, nhất là đừng nghe kẻ thù, hãy giúp đỡ nhau, bao bọc nhau trong mỗi cảnh ngộ ở đời; phải triệt để tuân hành luật Yassa và bất cứ làm việc gì hãy làm cho tới cùng! Ta nhắc lại chỉ có đoàn kết và tương trợ lẫn nhau, chúng bây mới giữ nổi đế quốc của ta ... Bây giờ chúng bây hãy trở về quân đội đi!

Đại hãn sai Oa – khoát – đài qua nước Kim, Sát – hợp – đài qua phương Tây, Bạt – Đô về Mông – Cổ ...

Nhưng cho đến phút cuối cùng, Thành Cát Tư Hãn vẫn không trút được gánh lo âu về nước Kim. Trên chiếc giường chờ đợi Tử thần, ông thảo cho Đà – Lôi một kế hoạch đập tan lực lượng của nước Kim, kẻ thù muôn thủa của dân du mục:

Tinh binh của nước Kim đều đóng ở miền tây; trên bắc có sông Hoàng hà chắn ngang, dưới Nam có

núi cao che chở, ta không thể nào thắng họ ở đó được. Nhưng nước Tống lúc nào cũng chực diệt Kim, sẽ cho quân ta mượn đường tiến đến vùng bình nguyên phía Đông. Từ đó quân ta tiến thẳng tới vây hãm Khai – phong. Tất nhiên hoàng Kim sẽ gửi tinh binh đóng ở miền Tây về tiếp ứng giữ kinh sư. Họ phải trừ quân đi ngàn dặm mới tới Khai phong, người ngựa đều mệt, bấy giờ quân ta đổ ra đánh tất sẽ diệt được!

Trước giờ chết đại hãn còn ra một lệnh cuối cùng: phải giấu kín tin ta chết và khi thái tử Tây-hạ đến bái kiến, phải giết đi luôn cả bọn tùy tùng. Tất cả hàng quý tộc và cận tướng phải về Mông-cổ, bấy giờ mới được phát tang (18 tháng 8 năm 1227).

Quân Mông-cổ triệt thoát ra khỏi Tây-hạ, lục tục kéo về nước. Trên đường hồi hương họ ca hát cười đùa như không có việc gì xảy ra, chỉ có khác là ngựa phi mau hơn lệ thường. Các binh đoàn ở xa như Khâm-sát, Nãi-man, Liêu-đông cũng kéo về, có vẻ gấp rút hơn, nhưng theo lệnh của bộ Tổng tham mưu phải trừ đi như ra chiến trường.

Lúc sau này, trước viên môn của đại hãn bao giờ cũng có một cây giáo cắm mũi xuống đất báo hiệu vị Chúa tể đang lâm bệnh nặng. Không một ai được phép vào, trừ các vương tử, cận tướng và quân sư Chu-Thai. Quân túc vệ gác ngày đêm cực kỳ nghiêm ngặt, kín như một vòng tường sắt. Chỉ có một lần cửa hé ra cho bọn thái tử Tây-hạ vào, nhưng ít phút sau họ chỉ còn là những cái xác đậy kín khiêng trở ra hấp tấp. Lần lượt tất cả lều trại trong khu vực Đại bản doanh đều được hạ xuống xếp lại, sau rốt tới viên môn của đại hãn. Ở bốn phía, quân các trại cũng thu xếp lên đường, cuối cùng mới đến quân túc vệ. Họ án khắp bốn phía chiếc xe chở quan tài của đại hãn thành một vòng nhân tường dày đặc, khiến cho những cặp mắt tò mò đến đâu cũng không thấy được. Cỗ xe tang tiến đến đâu thì những kẻ lảng vảng ở trên đường hay ở trong những xóm nhà lân cận đều bị hạ sát không sót một người; trên suốt con đường, chiếc xe tang thăm lặng để lại phía sau toàn là thân người ngổn ngang. Tất cả các giống sinh vật từ người đến thú, chim, rắn...hễ vô phúc lọt vào tầm mắt của quân túc vệ là bị đuổi theo đến kỳ cùng. Cứ như thế cỗ xe tang vượt qua núi đồi, qua sông hồ, qua rừng rậm, qua sa mạc.

Chỉ một lần cái im lặng tang tóc bị cắt đứt lúc bốn bánh xe lún xuống đất sét xanh, ngựa khỏe nhất cũng không làm sao kéo lên được. Thân vương Gia-Ganh, viên tướng chỉ huy túc vệ phải cất cao giọng hát lên: "Hỡi đại hãn, Chúa tể của dân Mông-cổ! Ngài nữ nào để cho nhân dân xôn xao và đau lẽ ngài lại muốn nằm giữa chốn hoang vu này! Thần dân của Ngài đang chờ đợi ngài ở quê nhà, nơi ngài đã chào đời. Bà Bật-tê, người vợ yêu quý của ngài, nàng Cúc-lan xinh đẹp, chiếc ngai vàng và viên môn kim tuyến đều ở quê nhà! Nơi này cát nóng như rang vùi dập quá nhiều xác quân thù, xin

ngài hãy về nằm bên cạnh thân dân của ngài... Nếu chúng tôi không còn cái vinh dự làm tường đồng che chở cho ngài nữa, chúng tôi cũng nguyện đưa di thể tựa châu ngọc của ngài về quê hương mới mong thỏa mãn được nguyện vọng của toàn dân.”

Hình như lời khẩn cầu của thân vương được chấp thuận, bánh xe tang lăn qua khỏi vũng lầy tiếp tục con đường về.

Đến biên giới Mông-cổ đoàn hộ tang gặp một rừng người ra đón rước, họ khóc kể vang dậy đất trời; trong số ấy có 5 bà hậu với đám con, 500 vương phi và cung tần, những thượng tướng, những nhà quý tộc... Họ hát những khúc ai ca não nuột, giọng ngân dài trầm trầm trong lúc tiến về Délegune Boldok trên nguồn sông Onon. Đến đây linh cữu được dời qua một cỗ xe tang khác và chỉ một số người chọn lựa được tiến đưa đoạn đường cuối cùng đến núi Bourkhane Kaldoun.

Trên đỉnh núi này xưa kia có một lần đi săn, đại hãn ngồi nghỉ dưới một gốc cây cổ thụ, trầm ngâm suốt cả ngày. Khi bọn tùy tùng đến đại hãn nói: ”Ta ưng chọn nơi này làm nơi yên nghỉ cuối cùng của ta, các ngươi hãy ghi nhớ”.

Cho nên họ mới chôn Thành Cát Tư Hãn ở bên gốc cổ thụ ấy.

Họ dựng chung quanh ngôi mộ 8 cái lều màu trắng để làm nơi thờ phụng và cắt 1000 quân túc vệ đóng trại ở chung quanh chân núi làm một hàng rào danh dự. Sau này trên đỉnh núi ấy còn thêm nhiều ngôi mộ nữa, đó là mộ của Đà-Lôi, Oa Khoát-Đài, Sát-Hợp-Đài, Mông-Kha và Hốt-Tát-Liệt. Mấy trăm năm sau một rừng cây mọc lên dày đặc trở thành một khu rừng thiêng, không ai dám bén mảng tới nữa khiến cho ngày nay không ai biết những ngôi mộ ấy ở nơi nào. Nhiều nhà khảo cổ đã phí công tìm tòi mà vẫn không gặp được mộ của Thành-Cát-Tư-Hãn. Họ biết rõ vùng núi Délegune Boldok, nhưng không biết đỉnh nào là đỉnh Bourkhane Kaldoun.

Di tích của nhà chinh phục vĩ đại nhất thế giới hiện chỉ còn một bộ đồ sô gai ở viện bảo tàng Bắc-kinh.

HẾT